BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT - DU LỊCH SÀI GÒN

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

NĂM 2026

Tp. Hồ Chí Minh, Năm 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT 1
PHẦN I 2
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT - DU LỊCH SÀI GÒN 2
1. Thông tin chung 2
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường 3
2.1. Về quá trình hình thành và phát triển 3
2.2. Thành tích nổi bật 4
2.2.1. Mở rộng quy mô và phát triển ngành nghề 4
2.2.2. Chất lượng đào tạo 7
2.2.3. Phát triển đội ngũ Giảng viên 7
2.2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học 8
2.3. Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo 9
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự 9
3.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự 9
3.3. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường 11
3.4. Đội ngũ giáo viên 11
3.4.1. Giảng viên cơ hữu 11
3.4.2. Giảng viên thỉnh giảng 11
4. Ngành nghề đào tạo và quy mô đào tạo 11
4.1. Trình độ Trung cấp 11
4.2. Trình độ Cao đẳng 12
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính 12
5.1. Về cơ sở vật chất 12
5.2. Thư viện 17
5.3. Về tài chính 17
PHẦN II 18
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA 18
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT - DU LỊCH SÀI GÒN 18
1. Đặt vấn đề 18
1.1. Sự cần thiết thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN 18
1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN 18

2. Tổng quan chung 20
2.1. Căn cứ tự đánh giá 20
2.2. Mục đích tự đánh giá 20
2.3. Yêu cầu tự đánh giá 21
2.4. Phương pháp tự đánh giá 21
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN 21
3. Tự đánh giá 22
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN 22
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn 27
3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý 27
3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo 39
3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động 58
3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình 75
3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện 94
3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế 114
3.2.7. Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học 125
3.2.8. Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng 137
PHẦN III 150
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG 150
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP 150
PHẦN IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ 152
QUYẾT ĐỊNH 154

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Tên viết đầy đủ
1	STC	Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn
2	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
3	HSSV	Học sinh - sinh viên
4	TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	QHDN	Quan hệ doanh nghiệp
7	CTĐT	Chương trình đào tạo
8	GTĐT	Giáo trình đào tạo
9	CBQL	Cán bộ quản lý
10	CĐR	Chuẩn đầu ra
11	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
12	CNCH	Cứu nạn cứu hộ
13	NCKH	Nghiên cứu khoa học
14	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT - DU LỊCH SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2026 - TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT - DU LỊCH SÀI GÒN

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT - DU LỊCH SÀI GÒN

1. Thông tin chung

Tên trường: Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn

Tên tiếng Anh: Saigon Technology Tourism College

Tên viết tắt: STC

Cơ quan chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Công lập: □ Ngoài công lập: ■

Thông tin liên hệ:

Trụ sở: Tòa nhà JVPE, Lô 20, Đường số 2, Công viên phần mềm Quang Trung, phường Trung Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 1: Số 436-438-440 Tân Phú, Phường Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh.

Cơ sở 2: Lô R4-39-40-41 Hưng Gia II, Phường Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh.

Cơ sở 3: Lô 27, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại liên hệ: (028) 3592 1119

Website: www.stc.edu.vn, www.sttc.edu.vn; Email: stc@stc.edu.vn

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường

2.1. Về quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn (STC) là Trường Trung cấp tư thục Kinh tế - Công nghệ Việt Khoa, được thành lập theo Quyết định số Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 30/8/2007 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Đến năm 2009, Trường Trung cấp tư thục Kinh tế - Công nghệ Việt Khoa đổi tên thành Trường Trung cấp Việt Khoa theo Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2023, STC được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp Việt Khoa theo Quyết định số 689/QĐ-LĐTBXH ngày 23/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Với phương châm lấy người học làm yếu tốt cốt lõi, kết hợp với tính chuyên môn hóa đào tạo trong quá trình giảng dạy của giảng viên và nhà trường, STC định hướng phát triển tạo ra môi trường giảng đường tri thức - sáng tạo - phát triển - bền vững, trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng trực tiếp nhu cầu cấp thiết của thị trường lao động và xã hội về nguồn nhân lực có tay nghề cao. Nhà trường hướng tới triển khai các chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng và thực hành, rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tế, nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng chuyên môn sâu và kỹ năng mềm cần thiết để thích ứng nhanh chóng với môi trường làm việc theo yêu cầu của xã hội.

Cơ cấu tổ chức của STC được xây dựng đúng quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm nguyên tắc tinh gọn - hiệu quả - trách nhiệm giải trình rõ ràng. Nhà trường đã ban hành và triển khai đồng bộ quy chế tổ chức và hoạt động, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác giữa các phòng, khoa, trung tâm, đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo và điều hành.

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, để phù hợp với điều kiện thực tế về quy mô, nguồn lực và đội ngũ, đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số quốc gia, Nhà trường đã từng bước kiện toàn cơ cấu lãnh đạo và hệ thống quản lý nội bộ. Đội ngũ Ban Giám hiệu được củng cố với tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ - dám làm, trong khi các phòng, khoa, trung tâm được tổ chức lại theo hướng chuyên sâu, đảm nhận rõ vai trò trong công tác đào tạo, nghiên cứu, hợp tác doanh nghiệp và hỗ trợ người học.

Nhà trường xác định mục tiêu phát triển hàng năm trên cơ sở chiến lược phát triển giai đoạn và định hướng chung của hệ thống GDNN Việt Nam. Các mục tiêu này được thảo luận dân chủ trong toàn trường, cụ thể hóa thành chỉ tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch hành động của từng đơn vị. Nhờ đó, công tác quản lý được vận hành theo hướng kế hoạch hóa, minh bạch và có thể đánh giá được kết quả đầu ra. Trong công tác đào tạo, Trường thực hiện quy trình quản lý đào tạo thống nhất từ xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đến tổ chức giảng

dạy, kiểm tra, đánh giá. Các kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ và hiệu quả, bám sát mục tiêu và chuẩn đầu ra của từng ngành, nghề. Nhà trường triển khai các phương pháp kiểm tra - đánh giá theo năng lực thực hiện, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và phù hợp với đặc thù đào tạo nghề. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Trường luôn ý thức được vai trò then chốt trong sự phát triển bền vững của nhà trường. Cán bộ quản lý thường xuyên được bồi dưỡng năng lực lãnh đạo, quản trị cơ sở GDNN theo hướng số hóa, trong khi giảng viên được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp, chuyển đổi số trong giảng dạy và phát triển kỹ năng nghề quốc gia.

Nhà trường đặc biệt chú trọng xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và mở, đảm bảo tính linh hoạt - liên thông - hội nhập. Việc phát triển chương trình được thực hiện với sự tham gia của doanh nghiệp, chuyên gia nghề, và đối tác quốc tế, bảo đảm nội dung đào tạo gắn liền với yêu cầu của thị trường lao động và năng lực thực hành nghề nghiệp số. Hàng năm, Trường rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình để phù hợp với chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, công nghệ mới và thiết bị đào tạo hiện đại, hướng tới mô hình "đào tạo tích hợp công nghệ số". Trong bối cảnh phát triển kinh tế tri thức và chuyển đổi số, Nhà trường định hướng đào tạo nguồn nhân lực số - những người học có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu và tự động hóa vào thực tiễn nghề nghiệp. Đây là bước chuyển quan trọng nhằm đáp ứng Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 của Chính Phủ.

Công tác học sinh - sinh viên (HSSV) luôn được quan tâm sâu sắc. Ngay từ đầu khóa học, HSSV được phổ biến đầy đủ về mục tiêu, chương trình đào tạo, kế hoạch học tập, nội quy - quy chế và các chính sách hỗ trợ. Nhà trường thực hiện nghiêm túc các chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ học tập, trợ cấp xã hội cho HSSV thuộc diện chính sách, đồng thời đẩy mạnh công tác tư vấn hướng nghiệp, việc làm và khởi nghiệp, giúp người học có định hướng nghề nghiệp rõ ràng và cơ hội phát triển bền vững sau tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Trường duy trì môi trường học tập thân thiện, kỷ luật và sáng tạo, coi người học là trung tâm, giảng viên là hạt nhân của đổi mới, và doanh nghiệp là đối tác chiến lược. Với phương châm hành động "Sáng tạo - Giá trị - Thực tiễn"

2.2. Thành tích nổi bật

2.2.1. Mở rộng quy mô và phát triển ngành nghề

STC mới được nâng cấp lên thành trường cao đẳng từ năm 2023, song được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cùng với sự nỗ lực, đoàn kết và đổi mới sáng tạo của toàn thể cán bộ, giảng viên và người lao động, STC đã không ngừng phát triển vững chắc cả về quy mô, chất lượng và uy tín đào tạo.

Nhà trường đã từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, phù hợp với đặc thù của từng ngành, nghề đào tạo. Các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm và mô hình mô phỏng nghề nghiệp được

đầu tư theo hướng chuẩn hóa và số hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ mới trong giảng dạy và học tập.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường ngày càng phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, nhiều giảng viên đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường chú trọng bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp, kỹ năng sư phạm và năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ giảng viên, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số quốc gia.

Ngay sau khi được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng, STC đã xây dựng và làm hồ sơ đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Từ năm 2023 đến nay, Trường đã mở rộng đào tạo ở các ngành, nghề thuộc các lĩnh vực Công nghệ, Kỹ thuật, Du lịch - Dịch vụ, Kinh tế và Ngoại ngữ. Trong đó có các ngành trọng điểm đáp ứng nhu cầu nhân lực của TP. Hồ Chí Minh và khu vực phía Nam. Cụ thể:

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
I	**Nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài**			
1	Tiếng Anh	6220209	30	Cao đẳng
		5220209	25	Trung cấp
2	Tiếng Nhật	6220212	30	Cao đẳng
3	Tiếng Trung Quốc	6220209	70	Cao đẳng
II	**Máy tính và công nghệ thông tin**			
1	Công nghệ thông tin	6480201	50	Cao đẳng
		5480201	50	Trung cấp
2	Quản trị mạng máy tính	6480209	35	Cao đẳng
	Quản trị mạng máy tính	5480209	50	Trung cấp
III	**Nhóm ngành nghề Mỹ thuật ứng dụng**			
1	Thiết kế đồ họa	6210402	110	Cao đẳng
		5210402	135	Trung cấp
IV	**Công nghệ kỹ thuật**			
1	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	6510202	160	Cao đẳng
		5510202	150	Trung cấp
V	**Nhóm ngành nghề Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**			
1	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	6810101	60	Cao đẳng

2	Du lịch Lữ hành	5810101	55	Trung cấp
3	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207	80	Cao đẳng
		5810207	50	Trung cấp
4	Quản trị Nhà hàng	6810206	50	Cao đẳng
5	Quản trị khách sạn	6810201	50	Cao đẳng
		5810201	50	Trung cấp
VI	**Nhóm ngành Quản trị - Quản lý**			
1	Quản trị Kinh doanh	6340404	35	Cao đẳng
		5340404	50	Trung cấp
VII	**Nhóm ngành Kế toán – Kiểm toán**			
1	Kế toán doanh nghiệp	6340302	35	Cao đẳng
		5340302	50	Trung cấp
VIII	**Nhóm ngành nghề kinh doanh**			
1	Logistics	6340113	30	Cao đẳng
IX	**Nhóm ngành nghề công tác xã hội**			
1	Công tác xã hội	6760101	30	Cao đẳng
X	**Nhóm ngành nghề dịch vụ thẩm mỹ**			
1	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	60	Cao đẳng
		5810404	30	Trung cấp

Là một trong những hoạt động quan trọng nhất của nhà trường, công tác tuyển sinh luôn được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ Ban Giám hiệu. Công tác tuyển sinh được thực hiện nghiêm túc, đúng qui trình và qui định với mục tiêu đạt được chất lượng và số lượng đầu vào.

Hoạt động tư vấn và tuyên truyền tuyển sinh của trường hàng năm được kết hợp với các báo như: Tuổi trẻ, Giáo dục TP.HCM và các trường Trung học phổ thông tại TP.HCM và các tỉnh phía Nam. Công tác chuẩn bị, tổ chức xét tuyển, gọi HSSV nhập học, và công tác thanh tra tuyển sinh, . . . được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, qui trình và qui định.

Từ năm 2023 đến nay, công tác tuyển sinh của Nhà trường duy trì ổn định và có xu hướng tăng trong năm 2026, phản ánh uy tín và niềm tin của xã hội đối với chất lượng đào tạo của Trường. Bước đầu, Nhà trường khẳng định vị thế là một cơ sở giáo dục nghề nghiệp ứng dụng uy tín, góp phần quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công

nghệ, kỹ thuật, du lịch,… phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hướng tới mục tiêu đào tạo công dân nghề nghiệp có năng lực số và hội nhập quốc tế.

2.2.2. Chất lượng đào tạo

Được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng từ năm 2023, nhà trường bắt đầu tuyển sinh và đào tạo trình độ Cao đẳng từ năm 2023, chất lượng đào tạo của Nhà trường luôn giữ được ổn định, phát triển một cách vững chắc cả về số lượng lẫn chất lượng.

Trong công tác xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, Nhà trường xác định đây là một trong những công tác quan trọng, là một trong hai mục tiêu trọng tâm thuộc Kế hoạch chiến lược của trường về phát triển chất lượng đào tạo, chương trình đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất. Chương trình, giáo trình của trường được thực hiện theo định hướng hình thành năng lực giải quyết vấn đề với 90% giáo trình biên soạn mới theo hoạt động thực tiễn của người học.

Chương trình đào tạo nhằm gắn đào tạo với thực tế sản xuất. Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng giúp cho HSSV của trường được tham quan, thực tập sản xuất tại doanh nghiệp sau khi hoàn tất khối lượng kiến thức cơ sở, chuyên môn, và kỹ năng nghề nghiệp theo chương trình đào tạo tại trường. Thực tập tại doanh nghiệp giúp người học củng cố kiến thức, trải nghiệm nghề nghiệp, rèn luyện tác phong công nghiệp, và là cơ hội để tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Hiện nay, trường đang đào tạo theo học chế tín chỉ. Song song đó, chương trình phần mềm quản lý đào tạo được Ban Giám hiệu quan tâm đầu tư phục vụ cho công tác quản lý, điều hành theo cơ chế hệ tín chỉ thông suốt.

Nhà trường đã từng bước đổi mới hình thức lên lớp và phương pháp học tập của HSSV trong toàn trường. Các môn học, mô đun được nhà trường lưu ý các bộ môn việc tổ chức tiết giảng theo hình thức tích cực hóa người học và nâng cao tính chất thực hành. Cách tổ chức tiết học như thế này là rất có ích trong việc hình thành năng lực chuyên môn cho người học thay vì họ chỉ có được những hiểu biết suông. Bên cạnh đó, tăng cường kiểm tra các kỳ thi học kỳ, thi tốt nghiệp, tổ chức thi đồng bộ với nhiều bộ đề thi trong từng môn học/mô đun tạo điều kiện đánh giá chính xác chất lượng giảng dạy, học tập.

2.2.3. Phát triển đội ngũ Giảng viên

Đây là mục tiêu chiến lược của nhà trường. Nhà trường liên tục phát triển đội ngũ giảng viên để từng bước đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về chất lượng. Nhìn chung, hiện nay nhà trường đã cơ bản đủ số lượng đội ngũ giảng viên, đạt chuẩn trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, có kinh nghiệm và được thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện tốt công tác giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học; Trường đang từng bước tiệm cận mục tiêu của chiến lược phát triển đội ngũ nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu phát triển, giữ vững, nâng cao chất lượng đào tạo, Trường có kế hoạch tuyển dụng giảng viên có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu và tương xứng

với quy mô đào tạo các ngành/nghề. Đồng thời chú trọng việc bồi dưỡng, xây dựng lực lượng giảng viên trẻ, ban hành chế độ, chính sách nhằm khuyến khích đội ngũ giảng viên của trường học tập nâng cao trình độ qua các khóa học bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như các kỹ năng đáp ứng yêu cầu chất lượng đội ngũ giảng viên.

2.2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Nhà trường luôn coi trọng công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ. Ngay từ năm học 2023 - 2024, Trường bắt đầu triển khai thực hiện phong trào nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm phục vụ cho hoạt động chuyên môn và tổ chức đào tạo tại trường, là cơ hội để cán bộ, nhân viên, giảng viên học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau. Trong năm học này, Nhà trường đã triển khai đến cán bộ, giảng viên, nhân viên thực hiện nghiên cứu khoa học; và có 01 đề tài cấp trường của cô Trần Thị Thanh Loan (Đề tài "Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn") và một sáng kiến kinh nghiệm của thầy Phan Hoàng Nhân – Phòng Quản lý Đào tạo (Một số biện pháp sử dụng an toàn, tiết kiệm điện tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn).

Năm học 2024 - 2025, Nhà trường tiếp tục triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, và cũng đã mang lại hiệu quả nhất định. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường: có đề tài "Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở Trường Cao đẳng Kỹ thuật -–Du lịch Sài Gòn" của Thầy Đồng Minh Phương - Khoa Công nghệ Thông tin và đề tài "Tư tưởng của John Locke về các quyền tự nhiên của con người và ứng dụng khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và kinh doanh cá nhân cho sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật – Du lịch Sài Gòn" của Cô Nguyễn Thanh Ngân Hạ - Khoa Khoa học cơ bản. Bên cạnh đó cũng có sáng kiến kinh nghiệm của thầy Dương Ngọc Lập – Khoa Du lịch với đề tài "Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo viên chủ nhiệm ở trường Cao đẳng Kỹ thuật – Du lịch Sài Gòn".

Mặc dù số lượng đề tài nghiên cứu khoa học chưa nhiều, song với tinh thần xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo, quản lý; các cán bộ nhân viên, giảng viên đã tích cực hưởng ứng, tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học. Đây là tín hiệu đáng mừng trong công tác nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Đến năm học 2025 - 2026, các công trình nghiên cứu khoa học cấp trường và sáng kiến kinh nghiệm phục vụ cho sự phát triển của Nhà trường cũng được quan tâm và phát triển cả về số lượng và chất lượng. Cụ thể:

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường:

+ Đề tài: "Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân tố con người với việc phát huy nhân tố con người cho sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay" của cô Nguyễn Thanh Ngân Hạ - Khoa Khoa học cơ bản.

+ Đề tài: "Áp dụng phương pháp ABC để phân tích khả năng sinh lời từng lớp học nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động tại trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn" của cô Phạm Thị Hồng - Khoa Kinh tế.

+ Đề tài: "Nghiên cứu xác định điều kiện tối ưu quá trình trích ly polyphenol từ vỏ và thịt quả cà phê và phát triển sản phẩm ứng dụng" của thầy Dương Ngọc Lập - Khoa Du lịch.

- Sáng kiến kinh nghiệm:

+ Đề tài: "Nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh thông qua mô hình "English Speaking Corner" tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Du lịch Sài Gòn" của cô Phạm Xuân Lan - Khoa Ngoại ngữ.

+ Đề tài: "Sổ tay hướng dẫn sử dụng mô hình chẩn đoán pan điện Ôtô trên máy tính" của thầy Bùi Thái Trường - Khoa Kỹ thuật.

Có thể nói kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường đã và đang đi đúng hướng trong việc thực hiện mục tiêu, chiến lược của Trường về phát triển, nâng cao chất lượng giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

2.3. Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo

Trang bị các phòng nghiên cứu, thực hành đáp ứng cho việc nghiên cứu và học tập của giảng viên; thực hành - thực tập của HSSV. Lãnh đạo Nhà trường luôn có kế hoạch trung hạn, dài hạn để trang bị được phòng thực hành, đặc biệt là ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô, khối ngành Công nghệ thông tin, Mỹ thuật, khối ngành Du lịch – Dịch vụ,… Các phòng học lý thuyết cũng được trang bị âm thanh, máy chiếu, ti vi, máy lạnh, bảng di động, các loại giáo trình, tài liệu tham khảo, … đảm bảo điều kiện tốt nhất cho người học.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

3.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự

Bộ máy tổ chức hiện nay gồm: (tính đến Tháng 7/2026)

- Hội đồng quản trị.

- Ban Giám hiệu

- Phòng Quản lý Đào tạo

- Phòng Hành chính - Tổng hợp.

- Phòng Công tác HSSV và Quan hệ Doanh nghiệp

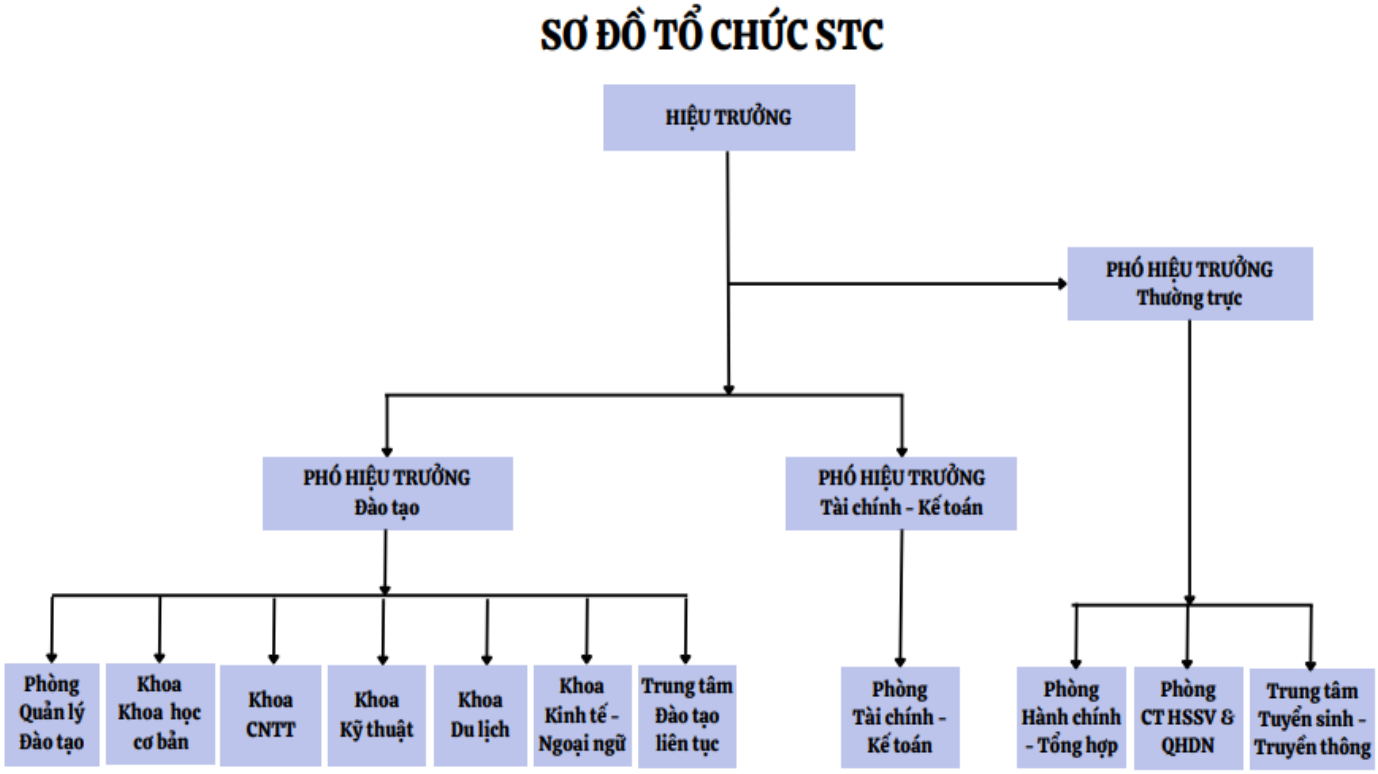
- Phòng Kế toán - Tài chính

- Trung tâm Tuyển sinh - Truyền thông

- Trung tâm Đào tạo liên tục

- Khoa Công nghệ Thông tin

- Khoa Kỹ thuật
- Khoa Du lịch
- Khoa Kinh tế - Ngoại ngữ
- Khoa Khoa học cơ bản



3.2. Tổng số cán bộ, nhân viên, giảng viên

Stt	Đơn vị	Số lượng
1	Hội đồng Trường	7
2	Ban Giám hiệu	4
3	Phòng Hành chính – Tổng hợp	8
4	Phòng Tài chính – Kế toán	5
5	Phòng Công tác HSSV và QHDN	3
6	Phòng Quản lý Đào tạo	4
7	Trung tâm Tuyển sinh – Truyền thông	12
8	Trung tâm Đào tạo liên tục	3
9	Khoa Khoa học cơ bản	4
10	Khoa Công nghệ thông tin	6
11	Khoa Du lịch	7
12	Khoa Kỹ thuật	5
13	Khoa Kinh tế - Ngoại ngữ	10
Tổng cộng		**78**

3.3. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Chức vụ
1	Lê việt Hà	1972	Nam	Thạc sĩ	Hiệu trưởng
2	Võ Công Trí	1988	Nam	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng Thường trực
3	Lương Kim Anh	1983	Nữ	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
4	Phạm Linh Trang	1994	Nữ	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng

3.4. Đội ngũ giáo viên

3.4.1. Giảng viên cơ hữu

Stt	Khoa	Số lượng			Ghi chú
		Thạc sĩ	Cử nhân/Kỹ sư Đại học	Cao đẳng	
1	Khoa Khoa học cơ bản	3	1		
2	Khoa Công nghệ Thông tin	2	3		
3	Khoa Du lịch	4			
4	Khoa Kỹ thuật	1	2		
5	Khoa Kinh tế - Ngoại ngữ	4	5		

3.4.2. Giảng viên thỉnh giảng

Stt	Khoa	Số lượng			Ghi chú
		Thạc sĩ	Cử nhân/Kỹ sư Đại học	Cao đẳng	
1	Khoa Khoa học cơ bản	2			
2	Khoa Công nghệ Thông tin	4	8		
3	Khoa Du lịch	7	3		
4	Khoa Kỹ thuật	5	10		
5	Khoa Kinh tế - Ngoại ngữ	7	2		

4. Ngành nghề đào tạo và quy mô đào tạo

4.1. Trình độ Trung cấp

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	SL HSSV tuyển sinh/năm			
				2023	2024	2025	2026
1	Tiếng Anh	5220209	25	0	12	4	12
2	Công nghệ thông tin	5480201	50	55	26	15	15

3	Quản trị mạng máy tính	5480209	50	0	11	0	2
4	Thiết kế đồ họa	5210402	135	0	55	12	16
5	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	5510202	150	0	75	20	43
6	Du lịch Lữ hành	5810101	55	0	20	8	11
7	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	50	55	23	8	15
8	Quản trị khách sạn	5810201	50	0	9	5	3
9	Quản trị Kinh doanh	5340404	50	55	23	6	7
10	Kế toán doanh nghiệp	5340302	50	55	12	0	0
11	Chăm sóc sắc đẹp	5810404	30	0	0	0	14
Tổng			**695**	**220**	**266**	**78**	**138**

4.2. Trình độ Cao đẳng

Stt	**Tên ngành**	**Mã ngành**	**Quy mô tuyển sinh/năm**	**SL HSSV tuyển sinh/năm**			
				2023	**2024**	**2025**	**2026**
1	Tiếng Anh	6220209	30	0	5	8	18
2	Tiếng Nhật	6220212	30	0	0	16	7
3	Tiếng Trung Quốc	6220209	70	0	0	0	33
4	Công nghệ thông tin	6480201	50	5	19	6	52
5	Thiết kế đồ họa	6210402	110	4	13	10	28
6	Quản trị mạng máy tính	6480209	35	0	0	0	0
7	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	6510202	160	18	55	50	98
8	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	6810101	60	12	33	30	34
9	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207	80	13	32	22	79
10	Quản trị Nhà hàng	6810206	50	0	5	6	20
11	Quản trị khách sạn	6810201	50	1	23	13	21
12	Quản trị Kinh doanh	6340404	35	0	14	7	21
13	Kế toán doanh nghiệp	6340302	35	0	0	0	7
14	Logistics	6340113	30	0	10	2	6
15	Công tác xã hội	6760101	30	0	0	0	5
16	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	60	0	0	0	18
Tổng			**915**	**53**	**209**	**170**	**447**

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Về cơ sở vật chất

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn có trụ sở chính tại Tòa nhà JVPE, Lô 20, Đường số 2, Công viên Phần mềm Quang Trung, Phường Trung Mỹ Tây, TP. HCM. Bên

cạnh đó, trường có các các ngành nghề tại địa điểm đào tại tại Lô 27 Công viên phần mềm Quang Trung, phường Trung Mỹ Tây, TP. HCM.

Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo của hai cơ sở là 6.975 m2. Vị trí 02 cơ sở của nhà trường tọa lạc tại Công viên Phần mềm Quang Trung, thuận tiện về giao thông đi lại, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển lâu dài của Nhà trường và của địa phương, là địa điểm thích hợp cho giảng dạy, học tập. Công trình, kiến trúc của các tòa nhà thuộc cả hai cơ sở phù hợp với yêu cầu và tiện ích trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giáo viên và HSSV. Trong đó có các khu vực phòng học lý thuyết, phòng thực hành, xưởng thực tập, phòng thí nghiệm, khu thể thao, khu căn tin, sân trường, khu để xe, thư viện. Phần cơ sở vật chất phục vụ công tác hành chính gồm các văn phòng Khoa, khu Hiệu bộ gồm hội trường, phòng họp, phòng hội thảo, phòng nghỉ giảng viên, phòng làm việc của phòng ban, phòng làm việc của Giám hiệu.

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo tại Trụ sở chính được bố trí như sau:

TT	Tên công trình	Số lượng	Tổng diện tích (m^2)	Ghi chú
I	**Phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ**	**13**	**188**	
II	**Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên.**	**17**	**365,5**	
1	Phòng hội trường (Đồng thời Nhà trường bố trí làm phòng học lý thuyết)	1	81,5	Tận dụng Hội trường để tổ chức sự kiện, phòng học lý thuyết
2	Phòng thư viện và lưu trữ hồ sơ	1	31,5	
3	Ký túc xá	0	0	
4	Nhà để xe	1	0	Nhà để xe của HSSV và CBGV ở sân trường
5	Phòng bảo vệ	1	25	
6	Nhà vệ sinh	6	60	
7	Phòng lưu trữ hồ sơ	2	45	
8	Nhà kho	2	50	

9	Căng tin	1	45	Bàn ăn căng tin sân trường
10	Khu vực cầu thang	2	2.5	
11	Sảnh chung, cầu thang, thang máy		25	
III	**Phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm**			Nhà trường bố trí 03 ca học/ngày
1	**Phòng học lý thuyết**	**11**	**465**	Tích hợp 04 PTH Kỹ thuật cơ sở để tổ chức học các ngành nghề
2	**Phòng học ngoại ngữ**	**1**	**35**	Kết hợp PTH khối ngành Ngoại ngữ
3	**Phòng thực hành Khoa Công nghệ Thông tin**	**5**	**326,1**	Ngoài 3 PTH khối ngành, Nhà trường tích hợp PTH máy tính với PTH phần mềm máy tính
	Phòng thực hành máy tính	1	55	Phòng máy tính kết hợp với Phòng kỹ thuật cơ sở
	Phòng thực hành phần cứng máy tính	1	64,4	PTH phần cứng máy tính tích hợp với PTH lắp ráp cài đặt máy tính của ngành Quản trị mạng máy tính
	Phòng thực hành mạng máy tính	1	64,4	PTH mạng máy tính tích hợp với PTH Quản trị mạng của ngành Quản trị mạng máy tính
	Phòng thực hành phần mềm	1	69,4	PTH phần mềm tích hợp với PTH bảo mật mạng máy tính của ngành Quản trị mạng máy tính
	Phòng thực hành bảo trì và lắp đặt mạng	1	72,9	
4	**Phòng thực hành Khoa Du lịch**	**5**	**181,84**	
	Phòng thực hành chế biến món ăn và Phòng thực hành chế biến bánh và món ăn tráng miệng	1	53,04	PTH chế biến món ăn tích hợp với PTH chế biến bánh và món ăn tráng miệng

	Phòng thực hành nghiệp vụ lễ tân	1	28	
	Phòng thực hành nghiệp vụ buồng	1	30,8	
	Phòng thực hành nghiệp vụ nhà hàng	1	35	PTH nghiệp vụ nhà hàng tích hợp với PTH nghiệp vụ bàn và PTH nghiệp vụ tiệc, pha chế sự kiện
	Phòng thực hành nghiệp vụ pha chế	1	35	
5	**Phòng thực hành Khoa Kỹ thuật (Ngành CNKT Ô tô)**	**6**	**397,2**	
	Phòng thực hành sửa chữa gầm ô tô	1	67,2	
	Phòng thực hành kỹ thuật chẩn đoán và kiểm định ô tô	1	35	
	Phòng học kỹ thuật cơ sở	1	35	
	Phòng thực hành sửa chữa điện ô tô	1	90	
	Phòng thực hành sửa chữa động cơ	1	90	
	Phòng thực hành sửa chữa hệ thống nhiên liệu	1	80	
6	**Phòng thực hành ngành Logistics**	**4**	**130**	PTH Kỹ thuật cơ sở tích hợp với phòng học lý thuyết
	Phòng thực hành Hành chính Logistics	1	25	
	Phòng thực hành Điều phối Logistics	1	30	
	Phòng thực hành Xếp dỡ	1	40	
	Phòng thực hành Quản lý kho	1	35	
TỔNG		**62**	**2088,64**	

Cơ sở vật chất tại địa điểm đào tạo (Lô 27 Công viên phần mềm Quang Trung, phường Trung Mỹ Tây, TP. HCM) như sau:

TT	Tên công trình	Số lượng	Tổng diện tích (m^2)	Ghi chú
I	**Phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ**	**3**	**90**	
II	**Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể**	**13**	**219.5**	

	thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên.			
1	Phòng hội trường (Đồng thời Nhà trường bố trí làm phòng học lý thuyết)	1	75	Tận dụng Hội trường để tổ chức sự kiện, phòng học lý thuyết và làm Phòng thực hành Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch - lữ hành
2	Nhà để xe	1	0	Nhà để xe của HSSV và CBGV ở sân trường
3	Phòng bảo vệ	1	25	
4	Nhà vệ sinh	4	40	
5	Phòng lưu trữ hồ sơ	1	30	
6	Nhà kho	1	30	
7	Khu vực cầu thang	4	4.5	
8	Sảnh chung, cầu thang, thang máy		15	
III	**Phòng học; phòng thí nghiệm; phòng, xưởng thực hành, thực tập; cơ sở sản xuất thử nghiệm**	**16**	**1330**	Nhà trường bố trí 03 ca học/ngày
1	Phòng học lý thuyết	8	395	
2	Phòng kỹ thuật cơ sở	5	195	
3	Phòng học ngoại ngữ	2	90	
4	Phòng thực hành máy tính	2	105	
5	Phòng thực hành phần cứng máy tính	1	45	
6	Phòng thực hành mạng máy tính	1	45	
7	Phòng thực hành phần mềm	1	50	
8	Phòng thực hành sửa chữa động cơ ô tô	1	50	
9	Phòng thực hành thực hành sửa chữa hệ thống nhiên liệu	1	40	
10	Phòng thực hành hực hành sửa chữa gầm ô tô	1	45	
11	Phòng thực hành sửa chữa điện ô tô	1	40	

12	Phòng kỹ thuật chẩn đoán và kiểm định ô tô	1	40	
13	Phòng thực hành chế biến món ăn	1	60	Phòng thực hành chế biến món ăn tích hợp với Phòng thực hành chế biến bánh và món ăn tráng miệng
14	Phòng thực hành chăm sóc da	1	55	
15	Phòng thực hành móng	1	40	
16	Phòng thực hành trang điểm	1	35	
TỔNG		**32**	**1639.5**	

5.2. Thư viện

Với chức năng là một bộ phận phục vụ hoạt động đào tạo của nhà trường, nguồn lực thông tin của thư viện đóng một vai trò then chốt trong hoạt động học tập và nghiên cứu của tập thể cán bộ, giảng viên, HSSV trong toàn nhà trường. Nguồn lực thông tin trong thư viện bao gồm tài liệu in truyền thống, sách điện tử, tài liệu điện tử được chia sẻ trên mạng internet. Việc xây dựng chiến lược bổ sung tài liệu thư viện đóng một vai trò then chốt trong quá trình hoạt động của Thư viện.

Thư viện phục vụ theo hình thức kho mở. Kho được phân theo loại hình tài liệu: kho báo, kho tạp chí, kho sách tổng hợp, kho thuyết minh, kho đồ án, kho tài liệu tra cứu,... Việc quản lý thông qua phần mềm của thư viện số.

Nguồn tài liệu được cập nhật, bổ sung thường xuyên trong năm học chủ yếu có nội dung các môn học, mô dun phục vụ chương trình đào tạo và các tài liệu học tập lưu hành nội bộ, Khoa học kỹ thuật ở các ngành nghề đào tạo…. đáp ứng đến 90% nhu cầu của học sinh sinh viên trong trường. hư viện phục vụ liên tục từ 8h00 đến 17h00 các ngày trong tuần. Thư viện đảm bảo phục vụ tốt với nhu cầu nghiên cứu và học tập của giảng viên và HSSV trong trường.

5.3. Về tài chính

Đơn vị tính: Đồng

Stt	**Nội dung**	**Năm**		
		2023	**2024**	**2025**
1	Tổng nguồn thu học phí	7,719,721,500	20,860,966,104	20,735,984,221
2	Quyết toán năm	12,602,670,629	20,970,403,133	20,830,879,574

PHẦN II
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT - DU LỊCH SÀI GÒN

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết thực hiện tự đánh giá chất lượng GDNN

Hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển bền vững của các cơ sở GDNN. Đây là bước đầu tiên và nền tảng của quy trình kiểm định chất lượng GDNN, giúp Nhà trường nhìn nhận, đánh giá lại toàn diện các hoạt động của mình trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN; đồng thời xác định các giải pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả hoạt động.

Đối với Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn, hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN được xem là động lực nội tại quan trọng, giúp Nhà trường chủ động rà soát, cải tiến, điều chỉnh các hoạt động quản lý, đào tạo, phục vụ người học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Quá trình này không chỉ dừng lại ở việc đánh giá theo bộ tiêu chí mà còn là cơ hội để toàn thể cán bộ, giảng viên và nhân viên thống nhất nhận thức về chất lượng, nâng cao năng lực quản trị và văn hóa chất lượng trong toàn trường.

Thực hiện theo định hướng của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Nhà trường đã ban hành kế hoạch tự đánh giá và kiểm định chất lượng GDNN định kỳ hàng năm, huy động sự tham gia của các đơn vị chức năng, khoa chuyên môn, giảng viên và người học. Thông qua đó, Trường tiến hành đối chiếu, phân tích và thu thập minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn; xác định điểm mạnh, điểm yếu, nguyên nhân và biện pháp cải tiến.

Việc thực hiện tự đánh giá không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu pháp lý, mà còn thể hiện cam kết của Nhà trường đối với chất lượng đào tạo và sự hài lòng của người học, doanh nghiệp và xã hội. Đây là bước đi thiết thực để STC hướng tới mục tiêu trở thành cơ sở GDNN chất lượng cao, tiên phong trong đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật - công nghệ phục vụ chuyển đổi số quốc gia và hội nhập quốc tế.

1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN

Hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN là khâu đầu tiên và quan trọng nhất trong quy trình bảo đảm và kiểm định chất lượng của cơ sở GDNN. Đây là quá trình cơ sở đào tạo tự xem xét, phân tích, thu thập minh chứng, đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, nhằm xác định mức độ đáp ứng yêu cầu chất lượng của nhà trường.

Tự đánh giá không chỉ là công cụ để chuẩn bị cho kiểm định ngoài, mà còn có ý nghĩa nội tại sâu sắc trong quản lý chất lượng, thể hiện tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm và liên tục cải tiến của cơ sở GDNN. Cụ thể, hoạt động tự đánh giá có những vai trò chủ yếu sau:

a, Khẳng định năng lực và mức độ đáp ứng chuẩn chất lượng của cơ sở GDNN

- Giúp nhà trường xác định chính xác điểm mạnh, điểm yếu của từng lĩnh vực hoạt động.

- Là cơ sở để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đội ngũ và cơ sở vật chất.

b, Nâng cao năng lực quản trị chất lượng của nhà trường

- Tạo lập hệ thống quản lý chất lượng nội bộ theo hướng chuẩn hóa, minh bạch và có minh chứng.

- Góp phần hình thành văn hóa chất lượng trong toàn trường, khuyến khích sự tham gia của cán bộ, giảng viên và người học.

c, Là căn cứ quan trọng cho hoạt động kiểm định chất lượng độc lập

- Kết quả tự đánh giá là cơ sở để chuẩn bị hồ sơ kiểm định, giúp đơn vị kiểm định có thông tin xác thực và toàn diện.

- Thể hiện tính chủ động và trung thực của nhà trường trong quá trình đối sánh với các tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng GDNN.

d, Tăng cường trách nhiệm giải trình và uy tín của cơ sở GDNN

- Cung cấp thông tin khách quan cho xã hội, doanh nghiệp và người học về năng lực đào tạo của trường.

- Góp phần khẳng định thương hiệu, tạo niềm tin với đối tác, nhà tuyển dụng và cơ quan quản lý nhà nước.

e, Thúc đẩy cải tiến liên tục và phát triển bền vững

- Là cơ sở để điều chỉnh chiến lược phát triển, kế hoạch đào tạo và đầu tư cơ sở vật chất theo hướng hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

- Giúp nhà trường chuyển từ tư duy quản lý hành chính sang quản lý chất lượng, hướng tới phát triển bền vững trong hệ thống GDNN.

- Thực hiện tốt và thường xuyên công tác kiểm định chất lượng sẽ tạo điều kiện cho Trường phát triển một cách vững chắc và khẳng định được vị thế của Nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Công tác tự đánh giá của STC được thực hiện trên cơ sở các văn bản sau:

- Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

- Căn cứ vào Kế hoạch tự đánh giá chất lượng của trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn năm 2026.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện tự đánh giá cấp trường nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng GDNN và giải trình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, HSSV và xã hội về chất lượng của chương trình đào tạo của nhà trường.

Thông qua hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định trường cao đẳng, đánh giá lại một cách nghiêm túc, toàn diện năng lực của Nhà trường. Xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó xây dựng nên kế hoạch hành động sát với thực lực của trường, để đầu tư nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, đầu tư xây dựng công trình, mua sắm trang thiết bị sát với nhu cầu và nhiệm vụ đào tạo của trường.

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng, các điều kiện đảm bảo chất lượng Dạy nghề của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng, qua đó huy động toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng gắn với chức năng nhiệm vụ của đơn vị để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số tự đánh giá chất lượng GDNN của trường.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn, trung, dài hạn và qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị Dạy nghề đạt chất lượng cao, thương hiệu và uy tín của Nhà trường được xã hội biết đến và thừa nhận.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Công tác tự đánh giá được thực hiện theo các yêu cầu: minh bạch, khách quan và trung thực, nhằm cải tiến chất lượng đào tạo và nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao.

Đảm bảo khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá.

Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong Trường.

Đảm bảo đầy đủ nội dung cần đánh giá, đúng thời gian theo kế hoạch.

Báo cáo tự đánh giá chất lượng lập theo đúng cấu trúc đã hướng dẫn trong tự kiểm định và có đủ minh chứng theo đúng nội dung báo cáo.

Báo cáo trình bày bám theo nội hàm từng tiêu chuẩn của mỗi tiêu chí; Mức độ kiểm định tiêu chuẩn (đạt được/chưa đạt) có đầy đủ minh chứng.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Trường thực hiện các phương pháp sau đây khi tiến hành công tác tự đánh giá:

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

- Thu thập thông tin, minh chứng và đánh giá các hoạt động của Nhà trường theo nội hàm của tiêu chí, tiêu chuẩn.

- Khảo sát thực tế, thảo luận, phỏng vấn, lấy ý kiến từ các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học, cựu HSSV và người sử dụng lao động.

- Mô tả, phân tích các nội dung chủ yếu của các minh chứng liên quan đến tiêu chuẩn để chứng minh nhà trường đạt hay không đạt tiêu chuẩn này.

- Liệt kê tất cả các minh chứng của tiêu chuẩn (nếu có).

- Làm rõ tính hợp lệ của từng minh chứng và nội hàm của tiêu chuẩn để phân tích mô tả thực trạng của trường. Từ đó làm rõ tính hợp lệ của từng minh chứng đưa ra.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN

Quy trình tự kiểm định của Trường thực hiện đúng theo Điều 15 của Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở GDNN gồm các bước sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Bước 2: Thực hiện tự đánh giá chất lượng.

- Bước 3: Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

- Bước 4: Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của Trường
	Tổng điểm	**100**	**98**
1	**Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý**	**10**	**10**
	Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai	02	02
	Tiêu chuẩn 2. Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường	02	02
	Tiêu chuẩn 3. Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng	02	02
	Tiêu chuẩn 4. Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý	02	02
	Tiêu chuẩn 5. Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng trường (Đảng ủy, Ban Giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức Đảng, Đoàn thể và các Hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường	02	02
2	**Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**	**16**	**16**
	Tiêu chuẩn 1. Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của Trường	02	02
	Tiêu chuẩn 2. Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả	02	02
	Tiêu chuẩn 3. Trường xây dựng và ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp tổ chức đào tạo đa dạng phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo	02	02

	Tiêu chuẩn 4. Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khoá học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng Mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra	02	02
	Tiêu chuẩn 5. Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt, có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức cá nhân trong việc tổ chức hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập	02	02
	Tiêu chuẩn 6. Trường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có)	02	02
	Tiêu chuẩn 7. Hàng năm trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo	02	02
	Tiêu chuẩn 8. Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp được rà soát, đánh giá, cải tiến để đảm bảo độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra	02	02
3	**Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động**	**14**	**14**
	Tiêu chuẩn 1. Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến	02	02
	Tiêu chuẩn 2. Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	02	02
	Tiêu chuẩn 3. Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường	02	02
	Tiêu chuẩn 4. Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan	02	02
	Tiêu chuẩn 5. Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy	02	02

	Tiêu chuẩn 6. Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo	02	02
	Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	02	02
4	**Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình**	**14**	**14**
	Tiêu chuẩn 1. Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan	02	02
	Tiêu chuẩn 2. Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp	02	02
	Tiêu chuẩn 3. Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai	02	02
	Tiêu chuẩn 4. Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương	02	02
	Tiêu chuẩn 5. Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan	02	02
	Tiêu chuẩn 6. Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học	02	02
	Tiêu chuẩn 7. Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo	02	02
5	**Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**	**16**	**16**
	Tiêu chuẩn 1. Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường	02	02

	Tiêu chuẩn 2. Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt	02	02
	Tiêu chuẩn 3. Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường	02	02
	Tiêu chuẩn 4. Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới	02	02
	Tiêu chuẩn 5. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường	02	02
	Tiêu chuẩn 6. Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả	02	02
	Tiêu chuẩn 7. Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng	02	02
	Tiêu chuẩn 8. Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học	02	02
6	**Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế**	**08**	**06**
	Tiêu chuẩn 1. Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng	02	02
	Tiêu chuẩn 2. Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng	02	02
	Tiêu chuẩn 3. Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương	02	02

	Tiêu chuẩn 4. Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường	02	0
7	**Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**	**10**	**10**
	Tiêu chuẩn 1. Các thông tin về ngành nghề, chương trình đào tạo và việc thực hiện quy chế đào tạo, thi, xét công nhận tốt nghiệp, nội quy, quy chế của Trường và các chế độ chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai	02	02
	Tiêu chuẩn 2. Người học được hưởng các chế độ chính sách theo quy định, đảm bảo quyền lợi cho người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách được tiếp cận học nghề, lập nghiệp, người học được đối xử bình đẳng không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân	02	02
	Tiêu chuẩn 3. Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập	02	02
	Tiêu chuẩn 4. Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hoá thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực	02	02
	Tiêu chuẩn 5. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học và các bên liên quan	02	02
8	**Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng**	**12**	**12**
	Tiêu chuẩn 1. Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến	02	02
	Tiêu chuẩn 2. Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.	02	02
	Tiêu chuẩn 3. Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo	02	02
	Tiêu chuẩn 4. Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo	02	02

	Tiêu chuẩn 5. Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có)	02	02
	Tiêu chuẩn 6. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm	02	02

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn mới được nâng cấp thành trường cao đẳng từ tháng 5/2023, song trường đã và đang khẳng định vị thế là một cơ sở GDNN tiên phong, xây dựng chiến lược phát triển toàn diện, đồng bộ và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Định hướng phát triển của Nhà trường được quán triệt trên cơ sở các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cùng với Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Đây là những định hướng chiến lược then chốt, là kim chỉ nam để STC xác định rõ tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu phát triển trong giai đoạn mới.

Trước yêu cầu cấp thiết của xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, dịch vụ và đổi mới sáng tạo, STC đã xác định mục tiêu đào tạo gắn chặt với nhu cầu doanh nghiệp và cộng đồng. Nhà trường cam kết đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo; đồng thời minh bạch, công khai chuẩn đầu ra cũng như các thông tin liên quan trên website, hội nghị và ấn phẩm truyền thông. Với sứ mạng giúp HSSV tiếp cận được kiến thức và kỹ năng nghề phù hợp xu thế việc làm, STC chú trọng áp dụng công nghệ hiện đại, linh hoạt đổi mới phương pháp giảng dạy, gia tăng thời lượng thực hành, trải nghiệm thực tế và hợp tác sâu rộng với doanh nghiệp. Những nỗ lực này góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng thích ứng của người học trong thị trường lao động ngày càng biến động và hội nhập quốc tế.

Về tổ chức và quản trị, STC duy trì cơ cấu gồm Ban Giám hiệu, các phòng chức năng, khoa chuyên môn và tổ chức đoàn thể, được phân công nhiệm vụ rõ ràng, bảo đảm hiệu quả quản lý. Công tác kiểm tra, giám sát nội bộ, xác định ngành nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh được tiến hành thường xuyên, bảo đảm chất lượng đào tạo và đáp ứng sát thực nhu cầu xã hội. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản quy chế, quy định toàn diện

về tổ chức và quản lý, được rà soát và cập nhật định kỳ nhằm bảo đảm phù hợp với thực tiễn. Cách tiếp cận này không chỉ tăng cường tính tự chủ, trách nhiệm giải trình cho từng đơn vị mà còn khuyến khích sự sáng tạo, linh hoạt trong quản lý và giảng dạy.

Song song, STC luôn quan tâm đến việc triển khai đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách dành cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và HSSV, tuân thủ nghiêm túc quy định hiện hành. Đây là nền tảng quan trọng để xây dựng môi trường làm việc và học tập công bằng, chuyên nghiệp, tạo động lực phát triển bền vững. Với định hướng đó, Trường đang khẳng định vai trò không chỉ là một cơ sở GDNN chất lượng tại TP. HCM mà còn là một trong những đơn vị đi đầu trong thực hiện các chủ trương đột phá của Đảng và Nhà nước về khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và giáo dục - đào tạo trong giai đoạn mới.

Với triết lý Giáo dục dựa trên nguyên tắc "Lấy người học làm trung tâm - Học đi đôi với hành", Nhà trường xác định rằng việc đào tạo các ngành không chỉ đơn thuần là truyền tải tri thức, mà còn là hành trình phát triển toàn diện năng lực cho sinh viên. Bởi vậy người học luôn được đặt làm trọng tâm trong mọi hoạt động đào tạo, đặc biệt luôn được khuyến khích chủ động khám phá, sáng tạo, rèn luyện tư duy phản biện và xây dựng năng lực học tập.

Điểm mạnh:

- Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được xây dựng theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, với sự phân công, phân cấp rõ ràng, vừa tăng cường quyền tự chủ vừa nâng cao trách nhiệm giải trình của các phòng, khoa, trung tâm. Đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực chuyên môn vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện sứ mạng và mục tiêu phát triển của Trường. Đây chính là một trong những nền tảng quan trọng để STC triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, sáng tạo và hội nhập.

- Hệ thống văn bản quản lý được Nhà trường xây dựng đầy đủ, ban hành đồng bộ và tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành. Các quy chế, quy định này được rà soát, bổ sung và điều chỉnh định kỳ nhằm bảo đảm tính cập nhật và phù hợp với thực tiễn quản lý. Việc duy trì cơ chế quản trị linh hoạt, minh bạch và tự chủ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và khuyến khích đổi mới trong toàn hệ thống.

Song song đó, Nhà trường đã xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng theo đúng quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH, mọi hoạt động quản lý, giảng dạy, đào tạo đều được vận hành theo hệ thống bảo đảm tuân thủ pháp lý, đồng thời là công cụ quan trọng để STC không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu kiểm định chất lượng ở tầm quốc gia và tiến tới hội nhập quốc tế.

- Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyên môn và quản lý được tổ chức định kỳ với phương pháp và công cụ cải tiến liên tục. Điều này giúp Nhà trường kịp thời phát hiện, điều chỉnh và nâng cao chất lượng các hoạt động giảng dạy, quản lý, đồng thời gắn kết mục tiêu đào tạo với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong kỷ nguyên số, phù hợp định hướng Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và

chuyển đổi số quốc gia, cũng như Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Hạn chế, tồn tại:

- Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các kế hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu của sứ mạng và mục tiêu vẫn đang còn hạn chế.

- Vẫn còn một số ít cán bộ, viên chức, người lao động, học sinh sinh viên vẫn chưa quan tâm đến mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát

- Đẩy mạnh truyền thông quảng bá website trường và sứ mạng, mục tiêu của nhà trường tới người học và cộng đồng.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí 1	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tổng	**10**

Tiêu chuẩn 1.1: *Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn (tên tiếng Anh: Saigon Technology Tourism College, viết tắt: STC) là cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập. Tiền thân của Trường là Trường Trung cấp tư thục Kinh tế - Công nghệ Việt Khoa được thành lập năm 2007, sau đó đổi tên thành Trường Trung cấp Việt Khoa và được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn năm 2023 (*1.1.01 - Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 30/8/2007 về việc thành lập trường TC tư thục Kinh tế - Công nghệ Việt Khoa, số 1633/QĐ-UBND ngày 26/5/2009 về việc đổi tên trường thành Trung cấp Việt Khoa, số 689/QĐ-LĐTBXH ngày 23/5/2023 cho phép thành lập trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn trên cơ sở nâng cấp trường Trung cấp Việt Khoa*).

Nhà trường xác định sứ mệnh: "Sinh viên được đào tạo kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng nhóm kỹ thuật số để tạo cơ hội nghề nghiệp trong môi trường làm việc chuyên nghiệp; kết nối đào tạo nghề với việc làm môi trường quốc tế". Quan điểm phát triển của Trường là kết hợp chặt chẽ đào tạo với nhu cầu của xã hội, chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị, lấy người học làm yếu tố cốt lõi. Trên cơ sở đó, Trường xác định tầm nhìn đến năm 2028 vào Top 10 cơ sở giáo dục ngoài công lập nhóm ngành Du lịch - Khách sạn, tiệm cận chuẩn chất lượng giáo dục ASEAN; đến năm 2035 vào Top 10 cơ sở giáo dục ngoài công lập nhóm ngành Kỹ thuật và Công nghệ thông tin, duy trì chất lượng giáo dục nghề nghiệp và tăng cường đào tạo nghề chất lượng cao (*1.1.02 - Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn; 1.1.06 - Website công bố sứ mệnh, tầm nhìn của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn*).

Sứ mệnh và định hướng phát triển trên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Theo Quy chế tổ chức và hoạt động, Trường thực hiện đào tạo nguồn nhân lực các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên; xây dựng chương trình, giáo trình; tổ chức tuyển sinh, đào tạo; quản lý, hỗ trợ người học; hợp tác với doanh nghiệp; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội (*1.1.02 - Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn*). Đến năm 2026, Nhà trường được cấp đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với 16 ngành, nghề trình độ cao đẳng và 11 ngành, nghề trình độ trung cấp, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật, du lịch - dịch vụ, kinh tế, ngoại ngữ và các lĩnh vực dịch vụ khác (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp*).

Mục tiêu, sứ mệnh và định hướng phát triển của Trường thể hiện vai trò đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sử dụng lao động của Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực. Nhà trường tham chiếu các định hướng phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục nghề nghiệp và nguồn nhân lực, trong đó có Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 13/02/2014 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 về phê duyệt ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025; Quyết định số 642/QĐ-TTg ngày 26/5/2022 phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực kinh tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*1.1.04 - Văn bản về chiến lược phát triển nguồn nhân lực của trung ương và địa phương*).

Bên cạnh các định hướng phát triển nguồn nhân lực, Nhà trường theo dõi nhu cầu tuyển dụng thực tế của doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, đặc biệt đối với các lĩnh vực Nhà trường đang đào tạo. Thông tin về nhu cầu tuyển dụng là một trong những căn cứ để Nhà trường xác định, phát triển ngành, nghề và quy mô đào tạo phù hợp, qua đó thực hiện sứ mệnh kết nối đào tạo nghề với việc làm và đáp ứng

nhu cầu sử dụng nhân lực của doanh nghiệp, địa phương và khu vực (*1.1.05 - Các Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp, đơn vị tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận năm 2024, 2025, 2026*).

Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị và quan điểm phát triển của Nhà trường được công bố công khai trên website chính thức để cán bộ, nhà giáo, người học và các bên liên quan tiếp cận (*1.1.06 - Website công bố sứ mệnh, tầm nhìn của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn*). Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về mục tiêu đào tạo và các hoạt động của Trường, làm cơ sở xem xét mức độ phù hợp và phục vụ công tác rà soát, cải tiến (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Như vậy, mục tiêu và sứ mệnh của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và ngành, nghề đào tạo; thể hiện định hướng gắn đào tạo với việc làm, nhu cầu của xã hội và thị trường lao động, qua đó góp phần đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của Thành phố Hồ Chí Minh, khu vực và các ngành, lĩnh vực Nhà trường đào tạo. Sứ mệnh, tầm nhìn và định hướng phát triển được Nhà trường công bố công khai đến các bên liên quan.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: *Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, trong đó quy định chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường; cơ cấu tổ chức và quản lý; trách nhiệm, quyền hạn của Ban Giám hiệu; chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc; nhiệm vụ của nhà giáo, người học và mối quan hệ phối hợp giữa các đơn vị. Quy chế là căn cứ để Nhà trường tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động phù hợp với sứ mệnh, mục tiêu và chức năng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp (*1.1.02 - Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn*).

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường được hình thành và từng bước kiện toàn gắn với quá trình phát triển của Trường. Năm 2023, sau khi được nâng cấp từ trường trung cấp lên trường cao đẳng, Nhà trường tổ chức, sắp xếp lại bộ máy quản lý và các đơn vị chuyên môn để đáp ứng yêu cầu quản trị của trường cao đẳng, đồng thời phù hợp với việc mở rộng hoạt động đào tạo từ trình độ trung cấp sang trình độ cao đẳng. Trong quá trình hoạt động, cùng với việc đăng ký bổ sung ngành, nghề, mở rộng quy mô và lĩnh vực đào tạo, Nhà trường tiếp tục điều chỉnh, kiện toàn các phòng, khoa, trung tâm theo hướng phân định rõ chức năng quản lý, đào tạo, phục vụ và hỗ trợ người học (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt*

động giáo dục nghề nghiệp; 1.2.01 - Sơ đồ tổ chức bộ máy theo cơ cấu tổ chức; 1.2.02 - Các quyết định thành lập các phòng, khoa ban, trung tâm trực thuộc trường).

Qua các đợt kiện toàn, cơ cấu tổ chức được điều chỉnh theo hướng phù hợp hơn với sự phát triển ngành, nghề và yêu cầu quản lý thực tế. Các lĩnh vực đào tạo được tổ chức thành các khoa chuyên môn tương ứng; hoạt động quản lý đào tạo, hành chính, tài chính, công tác HSSV và quan hệ doanh nghiệp được phân công cho các phòng chức năng; hoạt động tuyển sinh, truyền thông và đào tạo thường xuyên được tổ chức thành các trung tâm chuyên trách. Việc điều chỉnh này góp phần hạn chế chồng chéo chức năng, tăng tính chuyên môn hóa và bảo đảm mỗi lĩnh vực hoạt động chính của Trường có đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm (*1.2.01 - Sơ đồ tổ chức bộ máy theo cơ cấu tổ chức; 1.2.02 - Quyết định về việc thành lập các Phòng, Khoa, Trung tâm chức năng thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn*).

Đến tháng 7/2026, cơ cấu tổ chức của Trường gồm Hội đồng trường, Ban Giám hiệu; 04 phòng chức năng gồm Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Công tác HSSV và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng Kế toán - Tài chính; 02 trung tâm gồm Trung tâm Tuyển sinh - Truyền thông, Trung tâm Đào tạo liên tục; và 05 khoa chuyên môn gồm Khoa Công nghệ Thông tin, Khoa Kỹ thuật, Khoa Du lịch, Khoa Kinh tế - Ngoại ngữ và Khoa Khoa học cơ bản (*1.2.01 - Sơ đồ tổ chức bộ máy theo cơ cấu tổ chức; 1.2.02 - Quyết định về việc thành lập các Phòng, Khoa, Trung tâm chức năng thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn*).

Việc kiện toàn cơ cấu các khoa chuyên môn gắn với cơ cấu ngành, nghề đào tạo của Trường. Khoa Công nghệ Thông tin đảm nhiệm các ngành, nghề thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và thiết kế; Khoa Kỹ thuật đảm nhiệm lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; Khoa Du lịch đảm nhiệm các ngành, nghề du lịch, khách sạn, nhà hàng và dịch vụ; Khoa Kinh tế - Ngoại ngữ đảm nhiệm các ngành, nghề kinh tế, kinh doanh và ngoại ngữ; Khoa Khoa học cơ bản đảm nhiệm các môn học chung và nội dung kiến thức cơ bản. Cách tổ chức này phù hợp với phạm vi hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Trường, đến năm 2026 gồm 16 ngành, nghề trình độ cao đẳng và 11 ngành, nghề trình độ trung cấp (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 1.2.02 - Quyết định về việc thành lập các Phòng, Khoa, Trung tâm chức năng thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn*).

Các phòng và trung tâm được tổ chức tương ứng với yêu cầu quản lý và hỗ trợ khi quy mô, ngành nghề đào tạo của Trường phát triển. Phòng Quản lý Đào tạo là đầu mối quản lý hoạt động đào tạo; Phòng Công tác HSSV và Quan hệ doanh nghiệp thực hiện công tác người học, kết nối doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm; Trung tâm Tuyển sinh - Truyền thông thực hiện tuyển sinh và truyền thông; Trung tâm Đào tạo liên tục đáp ứng yêu cầu tổ chức các chương trình đào tạo thường xuyên; các đơn vị hành chính và tài chính bảo đảm điều kiện phục vụ hoạt động chung của Nhà trường (*1.1.02 - Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn; 1.2.02 - Quyết định về việc thành lập các Phòng, Khoa, Trung tâm chức năng thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn*).

Như vậy, cơ cấu tổ chức của Trường không cố định mà được từng bước kiện toàn cùng với quá trình nâng cấp lên trường cao đẳng, mở rộng ngành, nghề và quy mô đào tạo. Đến thời điểm đánh giá, Nhà trường có Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc được phân công rõ ràng; cơ cấu các phòng, khoa, trung tâm cơ bản phù hợp với sứ mệnh, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề và quy mô đào tạo của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: *Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn xác định công tác bảo đảm chất lượng là một nội dung trong hoạt động quản trị Nhà trường. Trên cơ sở cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Nhà trường phân công Phòng Quản lý Đào tạo là đơn vị thường trực, chủ trì và phối hợp với các phòng, khoa, trung tâm triển khai hoạt động bảo đảm chất lượng (*1.1.02 - Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn; 1.2.02 - Quyết định về việc thành lập các Phòng, Khoa, Trung tâm chức năng thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn*).

Sau khi được nâng cấp thành trường cao đẳng, từ năm 2024 Nhà trường triển khai xây dựng Hệ thống bảo đảm chất lượng (HTBĐCL) theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017. Nhà trường thành lập Hội đồng xây dựng HTBĐCL, xây dựng kế hoạch triển khai, xác định các nội dung, tiến độ và trách nhiệm của các đơn vị trong quá trình xây dựng hệ thống (*1.3.01 - Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng hệ thống BĐCL năm 2024; 1.3.02 - Kế hoạch xây dựng hệ thống năm 2024*).

Hệ thống tài liệu BĐCL được xây dựng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường. Trước khi ban hành, hệ thống được Hội đồng tổ chức xem xét, góp ý và nghiệm thu; các nội dung được hoàn thiện trên cơ sở ý kiến của các thành viên tham gia. Sau nghiệm thu, Hiệu trưởng ban hành HTBĐCL để áp dụng thống nhất trong toàn Trường (*1.3.03 - Biên bản nghiệm thu hệ thống BĐCL năm 2024; 1.3.04 - Quyết định ban hành hệ thống BĐCL năm 2024 gồm: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL*).

HTBĐCL của Trường được xây dựng gồm các thành phần chủ yếu theo quy định: chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, sổ tay bảo đảm chất lượng, các quy trình và công cụ bảo đảm chất lượng. Chính sách chất lượng thể hiện định hướng và cam kết của Nhà trường đối với việc duy trì, cải tiến chất lượng đào tạo; mục tiêu chất lượng được xác định theo từng năm học và cụ thể hóa thành các nội dung thực hiện; Sổ tay BĐCL quy định cấu trúc, nguyên tắc và cách thức vận hành hệ thống; các quy trình, công cụ BĐCL quy định trình tự, trách nhiệm, hồ sơ và kết quả thực hiện đối với từng hoạt động của Nhà trường (*1.3.04 - Quyết định ban hành hệ thống BĐCL năm 2024 gồm: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL*).

Đối với các hoạt động bắt buộc phải xây dựng quy trình, công cụ BĐCL theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình đối với 09 nhóm nội dung, gồm: (1) xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; (2) tuyển sinh; (3) kiểm tra, thi, xét và công nhận tốt nghiệp; (4) đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; (5) tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo và cán bộ quản lý; (6) quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; (7) quản lý xưởng; (8) khảo sát học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp; (9) khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động. Ngoài các nội dung bắt buộc, Nhà trường xây dựng thêm các quy trình đối với những hoạt động quản lý khác phù hợp với cơ cấu tổ chức và thực tế hoạt động. Các quy trình được phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, xác định các bước thực hiện, kết quả đầu ra và hồ sơ phục vụ kiểm soát quá trình (*1.3.04 - Quyết định ban hành hệ thống BĐCL năm 2024 gồm: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL; 1.3.08 - Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026*).

Cùng với hệ thống tài liệu, Nhà trường thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng phục vụ việc thu thập, lưu trữ, khai thác và sử dụng thông tin trong quản lý, điều hành. Nhà trường ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin BĐCL; quy định về HTBĐCL và thực hiện phân quyền truy cập hệ thống thông tin theo cấp độ quản lý nhằm bảo đảm các đơn vị, cá nhân được tiếp cận và sử dụng dữ liệu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, phục vụ việc theo dõi và ra quyết định quản lý (*1.3.10 - Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin BĐCL của Trường; 1.3.11 - Quyết định về ban hành quy định về Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường; 1.3.12 - Quyết định về việc phân quyền truy cập Hệ thống thông tin BĐCL theo cấp độ quản lý phục vụ việc ra QĐ quản lý, điều hành các hoạt động BĐCL*).

Sau khi được ban hành, HTBĐCL được triển khai đến các đơn vị để tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Các phòng, khoa, trung tâm thực hiện công việc theo các quy trình BĐCL, lập và lưu trữ hồ sơ, cung cấp thông tin đầu vào, đầu ra của từng quá trình để phục vụ theo dõi và đánh giá việc vận hành hệ thống. Nhà trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện HTBĐCL tại các đơn vị, qua đó xác định những nội dung thực hiện phù hợp và những vấn đề cần điều chỉnh, cải tiến (*1.3.08 - Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026; 1.3.09 - Các Biên bản, báo cáo kiểm tra việc thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2024, 2025, 2026*).

Việc đánh giá và cải tiến HTBĐCL được Nhà trường thực hiện hằng năm. Trên cơ sở kế hoạch đánh giá, cải tiến, kết quả kiểm tra việc thực hiện tại các đơn vị, kết quả vận hành các quy trình và các thông tin thu thập được, Nhà trường lập Báo cáo HTBĐCL để đánh giá tình hình xây dựng, vận hành hệ thống và xác định các nội dung cần cải tiến (*1.3.05 - Kế hoạch đánh giá, cải tiến hệ thống BĐCL năm 2025, 2026; 1.3.06 - Báo cáo hệ thống BĐCL năm 2024, 2025; 1.3.09 - Các Biên bản, báo cáo kiểm tra việc thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2024, 2025, 2026*).

Trên cơ sở kết quả đánh giá, Nhà trường thực hiện rà soát, cập nhật HTBĐCL qua từng năm. Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học, Sổ tay BĐCL và hệ thống quy trình, công cụ BĐCL được xem xét, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế, cơ cấu tổ chức, yêu cầu quản lý và các quy định có liên quan. Sau khi rà soát, Nhà trường tiếp tục ban hành HTBĐCL năm 2025 và năm 2026 để tổ chức thực hiện (*1.3.07 - Quyết định ban hành hệ thống BĐCL năm 2025, 2026: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL; 1.3.08 - Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026*).

Trong quá trình xây dựng, rà soát và cải tiến chất lượng, Nhà trường đồng thời tổ chức lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, người học, doanh nghiệp và các bên liên quan; kết quả khảo sát được tổng hợp, báo cáo để cung cấp thông tin phục vụ quản lý và cải tiến các hoạt động của Nhà trường (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Như vậy, từ năm 2024 đến nay, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã xây dựng, ban hành và đưa HTBĐCL vào vận hành; có tổ chức, nhân sự phụ trách; chính sách và mục tiêu chất lượng; Sổ tay BĐCL; hệ thống quy trình, công cụ BĐCL, trong đó bao quát các hoạt động bắt buộc theo quy định; thiết lập và phân quyền hệ thống thông tin BĐCL; thực hiện kiểm tra, đánh giá, báo cáo và rà soát, cải tiến hệ thống hằng năm. HTBĐCL từng bước được tích hợp vào hoạt động quản lý, đào tạo và hỗ trợ người học, góp phần duy trì và cải tiến chất lượng hoạt động của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: *Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý***.**

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Sau khi Hệ thống bảo đảm chất lượng (HTBĐCL) được xây dựng và đưa vào vận hành từ năm 2024, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện đánh giá và cải tiến hệ thống hằng năm. Nhà trường xây dựng kế hoạch đánh giá, cải tiến HTBĐCL, trong đó xác định nội dung đánh giá, nhiệm vụ thực hiện và các hoạt động cần triển khai nhằm xem xét mức độ phù hợp, hiệu lực của hệ thống và làm cơ sở đề xuất biện pháp cải tiến (*1.3.05 - Kế hoạch đánh giá, cải tiến hệ thống BĐCL năm 2024, 2025*).

Trong quá trình vận hành, Nhà trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện HTBĐCL tại các đơn vị; xem xét việc tuân thủ các quy trình, công cụ BĐCL, kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng và những khó khăn, bất cập phát sinh trong quá trình triển khai. Kết quả kiểm tra được ghi nhận thông qua các biên bản, báo cáo, làm căn cứ đánh giá mức độ thực hiện và xác định những nội dung cần tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện (*1.3.09 - Các Biên bản, báo cáo kiểm tra việc thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2024, 2025, 2026*).

Trên cơ sở kết quả vận hành và kiểm tra, Nhà trường thực hiện đánh giá tổng thể HTBĐCL và lập báo cáo hằng năm. Báo cáo HTBĐCL phản ánh tình hình triển khai hệ thống, kết quả thực hiện, những nội dung còn hạn chế và các vấn đề cần tiếp tục khắc phục, cải tiến trong chu kỳ tiếp theo (*1.3.06 - Báo cáo hệ thống BĐCL năm 2024, 2025*).

Các kết quả đánh giá được Nhà trường sử dụng để rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện HTBĐCL. Nội dung cải tiến tập trung vào việc xem xét lại chính sách và mục tiêu chất lượng; rà soát, cập nhật các quy trình, công cụ BĐCL; điều chỉnh nội dung Sổ tay BĐCL và cách thức tổ chức thực hiện phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tiễn hoạt động của Nhà trường. Kết quả của quá trình rà soát, cải tiến được thể hiện qua việc HTBĐCL tiếp tục được cập nhật và ban hành cho các năm tiếp theo (*1.3.04 - Quyết định ban hành hệ thống BĐCL năm 2024 gồm: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL; 1.3.07 - Quyết định ban hành hệ thống BĐCL năm 2025, 2026: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL*).

Việc thực hiện liên tục chu trình **vận hành - kiểm tra - đánh giá - cải tiến - cập nhật hệ thống** giúp Nhà trường từng bước hoàn thiện các quy định, quy trình và công cụ quản lý; tăng tính thống nhất trong tổ chức thực hiện giữa các đơn vị và bảo đảm HTBĐCL được điều chỉnh phù hợp với sự thay đổi của cơ cấu tổ chức, hoạt động đào tạo và yêu cầu quản lý của Nhà trường (*1.3.05 - Kế hoạch đánh giá, cải tiến hệ thống BĐCL năm 2024, 2025; 1.3.06 - Báo cáo hệ thống BĐCL năm 2024, 2025; 1.3.09 - Các Biên bản, báo cáo kiểm tra việc thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2024, 2025, 2026*).

Như vậy, HTBĐCL của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn được kiểm tra, đánh giá hằng năm; kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ xác định và thực hiện các biện pháp rà soát, điều chỉnh, cập nhật hệ thống. Việc cải tiến được duy trì qua các năm, góp phần nâng cao tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý, bảo đảm chất lượng trong Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 1.5: *Hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường (đảng ủy, ban giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức đảng, đoàn thể và các hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn là cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, có Hội đồng quản trị (HĐQT) được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định. Năm 2023, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành Quyết định số 176/QĐ-TCGDNN ngày 20/6/2023 công nhận HĐQT Trường gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ 2023-2028; năm 2024, HĐQT được kiện toàn, thay thế thành viên theo Quyết định số 225/QĐ-TCGDNN ngày

10/10/2024 (*1.5.01 - Quyết định số 176/QĐ-TCGDNN ngày 20/6/2023, 225/QĐ-TCGDNN ngày 10/10/2024 về việc công nhận Hội đồng quản trị Cao đẳng Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn*).

Tổ chức và hoạt động của HĐQT được thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức, hoạt động của Nhà trường, trong đó xác định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ công tác trong quản trị, điều hành Nhà trường (*1.1.02 - Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn*).

HĐQT thực hiện vai trò quản trị, định hướng phát triển Nhà trường thông qua các cuộc họp và nghị quyết. Hằng năm, HĐQT tổ chức họp để xem xét tình hình hoạt động, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, định hướng phát triển và các giải pháp tổ chức thực hiện; các nội dung được thảo luận, thống nhất và cụ thể hóa bằng nghị quyết để làm cơ sở cho Ban Giám hiệu và các đơn vị triển khai (*1.5.02 - Biên bản họp HĐQT/HĐT năm 2024, 2025, 2026; 1.5.03 - Nghị quyết của HĐQT/HĐT năm 2024, 2025, 2026*).

Các định hướng của HĐQT tập trung vào phát triển hoạt động đào tạo, ngành nghề và quy mô tuyển sinh; tổ chức bộ máy, đội ngũ; cơ sở vật chất, trang thiết bị; hợp tác doanh nghiệp và nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với sứ mệnh của Trường về đào tạo kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng số, kết nối đào tạo nghề với việc làm trong môi trường quốc tế và định hướng phát triển các nhóm ngành Du lịch - Khách sạn, Kỹ thuật và Công nghệ thông tin. Việc triển khai các định hướng này được thể hiện trong hoạt động của Nhà trường và được đánh giá qua báo cáo tổng kết hằng năm (*1.5.02 - Biên bản họp HĐQT/HĐT năm 2024, 2025, 2026; 1.5.03 - Nghị quyết của HĐQT/HĐT năm 2024, 2025, 2026; 1.5.17 - Báo cáo tổng kết của trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Để hỗ trợ công tác quản lý, điều hành và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, Nhà trường thành lập các hội đồng tư vấn, giúp việc theo từng lĩnh vực như Hội đồng nghiên cứu khoa học, Hội đồng thi đua - khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng xây dựng và phát triển chương trình, giáo trình đào tạo, Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và các hội đồng cần thiết khác. Thành phần và nhiệm vụ của từng hội đồng được xác định phù hợp với lĩnh vực chuyên môn và yêu cầu thực tế của Nhà trường (*1.5.04 - Các quyết định thành lập hội đồng giúp việc, tư vấn của nhà trường năm 2024, 2025, 2026*).

Các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường được thành lập, kiện toàn và duy trì hoạt động. Công đoàn cơ sở được thành lập từ năm 2008; sau khi Trường được nâng cấp thành trường cao đẳng, Công đoàn được đổi tên thành Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn năm 2024 và tiếp tục được kiện toàn Ban Chấp hành qua các giai đoạn (*1.5.05 - Quyết định số 996/QĐ-CĐGD ngày 05/2/2008 về việc thành lập Công đoàn trường; Quyết định số 79/QĐ-CĐGD ngày 14/5/2024 về việc đổi tên Công đoàn cơ sở; 1.5.06 - Quyết định số 80/QĐ-CĐGD ngày 14/5/2024, Quyết định 3691/QĐ-LĐLĐ ngày 14/11/2025 trường CĐ KT-DL Sài Gòn về chỉ định BCH Công đoàn trường và QĐ thành lập ban nữ công*).

Công đoàn hoạt động theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành; hằng năm xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, phát động phong trào thi đua và tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động. Qua đó, Công đoàn góp phần xây dựng đội ngũ, môi trường làm việc và thực hiện các nhiệm vụ phát triển Nhà trường (*1.5.07 - Quyết định số 01/24/QĐ-CĐSTC ngày 20/5/2024 về ban hành Quy chế làm việc của BCH Công đoàn cơ sở trường CĐ Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn; 1.5.08 - Kế hoạch hoạt động của Công đoàn trường năm học 2024-2025, 2025-2026, 2026-2027; 1.5.09 - Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của CĐCS và Ban nữ công trường các năm học 2024-2025, 2025-2026; 1.5.10 - Các quyết định công nhận thành tích thi đua và khen thưởng của Công đoàn trường năm học 2024-2025, 2025-2026*).

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của Trường được thành lập, kiện toàn tổ chức và Ban Chấp hành theo từng nhiệm kỳ; có quy chế hoạt động, kế hoạch và báo cáo công tác hằng năm. Hoạt động Đoàn tập trung vào giáo dục, rèn luyện, phát triển kỹ năng, các phong trào thi đua, tình nguyện và hỗ trợ HSSV, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện và xây dựng môi trường học tập của Nhà trường (*1.5.11 - Quyết định số 94-QĐ/ĐTN-BTC.KT ngày 10/11/2023, 1262-QĐ/TĐTN-BTC.KT ngày 27/6/2025 về việc thành lập Đoàn Thanh niên trường Cao đẳng Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn; 1.5.12 - Quyết định chuẩn y BCH Đoàn các nhiệm kỳ 2024-2027, 2025-2027; 1.5.13 - Quy chế hoạt động của Đoàn Thanh niên các nhiệm kỳ 2024-2027, 2025-2027; 1.5.14 - Kế hoạch công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học của Đoàn thanh niên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 1.5.15 - Báo cáo công tác Đoàn và phong trào Đoàn thanh niên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 1.5.16 - Các quyết định công nhận thành tích thi đua, cờ thi đua và khen thưởng của Đoàn Thanh niên trường trong các năm 2024, 2025, 2026*).

Hiện tại, Nhà trường chưa thành lập tổ chức Đảng tại Trường. Nhà trường tiếp tục thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo nguồn phát triển đảng viên và phối hợp với tổ chức Đảng có thẩm quyền để từng bước kiện toàn tổ chức Đảng khi đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Hằng năm, trên cơ sở định hướng của HĐQT và nhiệm vụ năm học, Ban Giám hiệu chỉ đạo các phòng, khoa, trung tâm tổ chức thực hiện và tổng kết, đánh giá kết quả. Kết quả thực hiện là căn cứ để Nhà trường xác định nhiệm vụ, giải pháp và định hướng hoạt động cho năm học tiếp theo, tạo sự liên kết giữa hoạt động quản trị, điều hành với sứ mệnh và mục tiêu phát triển của Trường (*1.5.02 - Biên bản họp HĐQT/HĐT năm 2024, 2025, 2026; 1.5.03 - Nghị quyết của HĐQT/HĐT năm 2024, 2025, 2026; 1.5.17 - Báo cáo tổng kết của trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn có HĐQT được thành lập, kiện toàn và hoạt động theo quy định; các hội đồng tư vấn, giúp việc và tổ chức đoàn thể được thành lập, tổ chức hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ. HĐQT thực hiện vai trò quản trị, xác

định các định hướng và nhiệm vụ trọng tâm làm cơ sở tổ chức hoạt động của Nhà trường, phù hợp với sứ mệnh, mục tiêu và định hướng phát triển của Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 2 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn tổ chức hoạt động đào tạo theo các quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trước đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện nay; bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Nhà trường.

Ngay từ khi được nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng đến nay, Nhà trường triển khai đào tạo 16 chương trình trình độ cao đẳng và 11 chương trình trình độ trung cấp thuộc lĩnh vực Công nghệ, Kỹ thuật, Du lịch – Dịch vụ, Kinh tế, Ngoại ngữ. Các chương trình đào tạo được xây dựng, rà soát và cập nhật theo quy định; phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Nhà trường đã ban hành đầy đủ quy chế đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng theo niên chế và theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành. Đồng thời, Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên cũng được ban hành đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức đào tạo đa trình độ. Bên cạnh đó quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và các quy định liên quan, làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo.

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được triển khai đồng bộ từ công tác tuyển sinh, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, tổ chức giảng dạy, kiểm tra – đánh giá đến xét công nhận tốt nghiệp.

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo chi tiết theo khóa học, lớp học, học kỳ và năm học; kế hoạch thể hiện đầy đủ mô-đun/môn học, thời lượng lý thuyết, thực hành, thực tập và được triển khai thống nhất trong toàn trường.

Công tác giảng dạy được tổ chức theo đúng chương trình đào tạo đã được phê duyệt. Nhà trường chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực người học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, học liệu số và phương pháp giảng dạy tích hợp.

Công tác kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập và xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo đúng quy định; bảo đảm công khai, minh bạch và bám sát chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Hồ sơ đào tạo, điểm số và văn bằng, chứng chỉ được quản lý, lưu trữ đầy đủ theo quy định.

Nhà trường tăng cường gắn kết với doanh nghiệp trong tổ chức thực hành, thực tập,

góp phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và năng lực thực hành cho người học.

Nhìn chung, hoạt động đào tạo của Nhà trường được triển khai đồng bộ, đúng quy định, đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng GDNN và nhu cầu nguồn nhân lực của trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.

Những điểm mạnh:

100% ngành, nghề đào tạo của Nhà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và công bố chuẩn đầu ra theo quy định.

Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo chi tiết cho từng lớp, từng khóa học và từng ngành, nghề theo từng học kỳ, năm học. Các hoạt động đào tạo được triển khai đúng theo nội dung và chương trình đã được phê duyệt. Đặc biệt, trường luôn chú trọng tới phát triển quan hệ đối tác với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để các đơn vị sử dụng lao động tham gia vào quá trình đào tạo thông qua việc tổ chức, hướng dẫn thực tập và phối hợp đánh giá kết quả học tập của HSSV.

Công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng chứng chỉ được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Trường đã ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện, cũng như việc cấp văn bằng, chứng chỉ. Quá trình kiểm tra, đánh giá được thực hiện một cách hệ thống, kết hợp đánh giá thường xuyên và định kỳ, chú trọng đến tinh thần, thái độ học tập, khả năng tiếp thu kiến thức và năng lực thực hành của HSSV. Hình thức kiểm tra, đánh giá được tổ chức độc lập, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và công bằng. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được lựa chọn phù hợp với từng môn học, ngành, nghề và mục tiêu đào tạo. Kết quả học tập của HSSV được công bố kịp thời, công khai và được lưu trữ một cách đầy đủ, chính xác

Nhà trường thực hiện đa dạng hóa hình thức đào tạo, tăng cường gắn kết doanh nghiệp và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm. Nhà trường không ngừng đổi mới hoạt động dạy - học và quản lý đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực, gắn kết chặt chẽ với thực tế nghề nghiệp, đồng thời tích cực ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý và giảng dạy. Trường thường xuyên tổ chức các hội thảo chuyên đề về chuyên môn để nâng cao chất lượng giảng dạy, tập trung vào các phương pháp dạy học tích hợp, đào tạo theo mô-đun, tín chỉ, các giải pháp duy trì sĩ số HSSV và kỹ năng thiết yếu, cũng như cách thức lồng ghép giảng dạy kỹ năng này. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra, đánh giá được đổi mới theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin và đánh giá năng lực thực hành nghề nghiệp. Các kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học thường xuyên, kịp thời đưa ra các biện pháp khắc phục và nâng cao chất lượng.

Hồ sơ đào tạo và kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ đầy đủ, an toàn.

Kế hoạch đào tạo được điều chỉnh linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế nhưng vẫn bảo đảm chất lượng đào tạo.

Những tồn tại:

Công tác tuyển sinh một số ngành nghề đã bão hòa nên gặp khó khăn. Một số ngành số lượng tuyển sinh ít nhưng Nhà trường vẫn phải mở lớp và duy trì kế hoạch đào tạo.

Công tác lấy ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp và người học đã triển khai nhưng chưa thật sự sâu và toàn diện.

***Kế hoạch nâng cao chất lượng*:**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển sinh và truyền thông tuyển sinh.

Cải tiến nội dung và phương pháp lấy ý kiến các bên liên quan để công tác lấy ý kiến đánh giá từ doanh nghiệp, người học và các bên liên quan thật sự đạt hiệu quả.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí 2	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02
Tổng	**16**

Tiêu chuẩn 2.1: *Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn tổ chức tuyển sinh trên cơ sở phạm vi hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Ngành, nghề và trình độ tuyển sinh được xác định phù hợp với các ngành, nghề Nhà trường được đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, làm cơ sở để xây dựng quy chế, xác định chỉ tiêu và tổ chức tuyển sinh hằng năm (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp*).

Nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng

phù hợp với quy định về tuyển sinh trong giáo dục nghề nghiệp. Quy chế quy định cụ thể đối tượng, điều kiện, phương thức tuyển sinh; hồ sơ, thủ tục đăng ký dự tuyển; chính sách ưu tiên; nguyên tắc xác định chỉ tiêu; tổ chức Hội đồng tuyển sinh và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân tham gia công tác tuyển sinh. Qua đó, công tác tuyển sinh được tổ chức thống nhất, bảo đảm tuyển đúng đối tượng, trình độ và ngành, nghề đào tạo (*2.1.01 - Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng thuộc khối giáo dục nghề nghiệp của Trường*).

Đối với trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên, Nhà trường ban hành quy chế đào tạo làm căn cứ tổ chức tuyển sinh, đào tạo phù hợp với đối tượng, nội dung chương trình và nhu cầu học tập của người học (*2.1.02 - Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên*).

Hằng năm, Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo từng trình độ, ngành, nghề trên cơ sở phạm vi đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo đã ban hành và các điều kiện bảo đảm chất lượng như đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và khả năng tổ chức đào tạo. Chỉ tiêu tuyển sinh các năm 2024, 2025, 2026 được xác định và ban hành làm căn cứ xây dựng, triển khai kế hoạch tuyển sinh (*2.1.03 - Văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026*).

Trên cơ sở chỉ tiêu được xác định, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh hằng năm, trong đó xác định ngành, nghề, trình độ, chỉ tiêu, đối tượng, phương thức tuyển sinh, thời gian thực hiện và phân công trách nhiệm cho các đơn vị. Hoạt động tuyển sinh được triển khai thông qua tư vấn trực tiếp tại các trường phổ thông, cơ sở GDNN - GDTX và truyền thông qua website, mạng xã hội, các ấn phẩm tuyển sinh và các hình thức phù hợp khác (*2.1.04 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026*).

Kết quả triển khai cho thấy cơ cấu ngành, nghề và quy mô tuyển sinh của Nhà trường có sự thay đổi qua các năm, đặc biệt ở trình độ cao đẳng sau khi Trường được nâng cấp từ trường trung cấp lên trường cao đẳng năm 2023. Tình hình tuyển mới giai đoạn 2023-2026 được tổng hợp như sau:

Bảng. Tình hình tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng giai đoạn 2023-2026

Nội dung	2023	2024	2025	2026
Số ngành, nghề trung cấp có tuyển mới	9	10	8	10
Số HSSV trung cấp tuyển mới	220	266	78	138
Số ngành, nghề cao đẳng có tuyển mới	6	10	11	15
Số HSSV cao đẳng tuyển mới	53	209	169	447
Tổng số HSSV tuyển mới	**273**	**475**	**247**	**585**

Ở trình độ trung cấp, các ngành, nghề tuyển sinh tập trung vào Tiếng Anh, Công nghệ thông tin, Quản trị mạng máy tính, Thiết kế đồ họa, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Du lịch lữ hành, Kỹ thuật chế biến món ăn, Quản trị khách sạn, Quản trị kinh doanh, Kế toán doanh nghiệp và một số ngành, nghề khác tùy từng năm. Ở trình độ cao đẳng, cơ cấu ngành, nghề thực tế có tuyển sinh tăng từ 06 ngành, nghề năm 2023 lên 15 ngành, nghề năm 2026, mở rộng ở các nhóm ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ thuật, du lịch - dịch vụ, kinh tế và dịch vụ xã hội. Kết quả này cho thấy sau khi được nâng cấp thành trường cao đẳng, hoạt động tuyển sinh của Trường từng bước chuyển dịch và mở rộng ở trình độ cao đẳng, phù hợp với quá trình phát triển ngành, nghề và phạm vi đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.03 - Văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026; 2.1.04 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026*).

Quy chế, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển sinh được xây dựng gắn với chương trình đào tạo của từng ngành, nghề. Nhà trường ban hành chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và bộ chương trình đào tạo, trong đó xác định mục tiêu, đối tượng tuyển sinh, khối lượng kiến thức, kỹ năng và năng lực người học cần đạt sau khi hoàn thành chương trình. Đây là cơ sở để Nhà trường xác định đối tượng, trình độ và tổ chức tuyển sinh phù hợp với yêu cầu của từng chương trình đào tạo (*2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Việc triển khai tuyển sinh đồng thời được gắn với định hướng nghề nghiệp và cung cấp thông tin cho người học. Các thông tin về ngành, nghề, trình độ, đối tượng, phương thức tuyển sinh và chương trình đào tạo được sử dụng trong hoạt động tư vấn, truyền thông tuyển sinh, giúp người học lựa chọn ngành, nghề phù hợp trước khi đăng ký học (*2.1.04 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026; 2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh, xác định chỉ tiêu và xây dựng kế hoạch tuyển sinh hằng năm. Công tác tuyển sinh được triển khai theo từng trình độ, ngành, nghề, gắn với chương trình đào tạo, phạm vi đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và điều kiện tổ chức đào tạo của Nhà trường. Cơ cấu ngành, nghề tuyển sinh được điều chỉnh, mở rộng qua các năm, trong đó tuyển sinh trình độ cao đẳng có xu hướng tăng cả về số ngành, nghề và quy mô, phù hợp với quá trình phát triển của Nhà trường sau khi được nâng cấp thành trường cao đẳng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: *Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn tổ chức tuyển sinh theo quy chế và kế hoạch đã ban hành, trên cơ sở ngành, nghề được phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp và chỉ tiêu tuyển sinh được xác định phù hợp với điều kiện bảo đảm chất lượng của Nhà trường. Quy chế tuyển sinh quy định cụ thể đối tượng, điều kiện, phương thức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, hồ sơ, thủ tục và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị tham gia công tác tuyển sinh, làm cơ sở bảo đảm việc xét tuyển được thực hiện thống nhất, công bằng và khách quan đối với người đăng ký dự tuyển (*2.1.01 - Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng thuộc khối giáo dục nghề nghiệp của Trường; 1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp*).

Nhà trường xây dựng và thực hiện quy trình tuyển sinh thống nhất từ tiếp nhận thông tin, tư vấn tuyển sinh, tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ, lập danh sách đăng ký xét tuyển, tổ chức xét tuyển, công nhận kết quả trúng tuyển đến tiếp nhận người học nhập học. Trên cơ sở kế hoạch tuyển sinh từng năm, các đơn vị được phân công nhiệm vụ cụ thể, bảo đảm các khâu tuyển sinh được thực hiện đúng trình tự và có hồ sơ theo dõi (*2.2.01 - Quy trình tuyển sinh; 2.1.04 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026*).

Các thông tin tuyển sinh về ngành, nghề, trình độ, đối tượng, chỉ tiêu, phương thức và thời gian tuyển sinh được Nhà trường công bố thông qua thông báo, tờ rơi và các hoạt động truyền thông tuyển sinh. Các ngành, nghề thông báo tuyển sinh thuộc phạm vi hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền cho phép, qua đó bảo đảm người học được cung cấp thông tin để lựa chọn ngành, nghề phù hợp trước khi đăng ký (*2.2.02 - Thông báo tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026; 1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp*).

Để tổ chức xét tuyển khách quan và đúng quy định, hằng năm Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký và Ban phúc tra tuyển sinh, trong đó quy định trách nhiệm của từng bộ phận trong tiếp nhận, tổng hợp, kiểm tra hồ sơ và xét tuyển. Hồ sơ của người đăng ký được tiếp nhận, kiểm tra; danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển được tổng hợp trước khi Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp xét. Kết quả xét tuyển được lập biên bản và ban hành quyết định công nhận trúng tuyển kèm danh sách người học theo từng đợt (*2.2.03 - QĐ thành lập HĐTS, Ban thư ký, Ban Phúc tra HĐTS các năm 2024, 2025, 2026; 2.2.04 - Hồ sơ đăng ký học của HS các năm 2024, 2025, 2026; 2.2.05 - Danh sách học sinh đăng ký xét tuyển năm 2024, 2025, 2026; 2.2.06 - Biên bản họp xét tuyển của Ban thư ký và Hội đồng tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026; 2.2.07 - Quyết định trúng tuyển các đợt tuyển sinh (kèm danh sách) năm 2024, 2025, 2026*).

Công tác tuyển sinh được triển khai theo hướng vừa bảo đảm đúng điều kiện đầu vào của từng trình độ, chương trình đào tạo, vừa tăng cường hoạt động tư vấn, hướng nghiệp để người học lựa chọn ngành, nghề phù hợp với năng lực, sở thích và định hướng nghề nghiệp.

Nhà trường tổ chức tư vấn tại các trường THCS, THPT, cơ sở GDNN - GDTX, cung cấp thông tin về ngành nghề, chương trình đào tạo và cơ hội nghề nghiệp; qua đó góp phần nâng cao sự phù hợp giữa người học được tuyển với ngành, nghề lựa chọn và hạn chế việc lựa chọn ngành nghề không phù hợp (*2.1.04 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026; 2.2.02 - Thông báo tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026*).

Sau khi hoàn thành xét tuyển và tiếp nhận người học, Nhà trường ban hành các quyết định thành lập lớp, phân công giáo viên chủ nhiệm và tổ chức đào tạo theo kế hoạch. Việc quản lý kết quả tuyển sinh từ hồ sơ đăng ký, danh sách xét tuyển, quyết định trúng tuyển đến tổ chức lớp học giúp Nhà trường kiểm soát số người học thực tế nhập học và bảo đảm sự thống nhất giữa tuyển sinh và tổ chức đào tạo (*2.2.07 - Quyết định trúng tuyển các đợt tuyển sinh (kèm danh sách) năm 2024, 2025, 2026; 2.2.08 - Các quyết định thành lập lớp năm 2024, 2025, 2026; 2.2.09 - Quyết định phân công GVCN năm 2024, 2025, 2026*).

Kết quả tuyển sinh trình độ trung cấp và cao đẳng của Trường trong giai đoạn 2023-2026 được tổng hợp như sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	SL HSSV tuyển sinh/năm			
				2023	2024	2025	2026
I	**Trình độ Cao dẳng**		**915**	**53**	**209**	**169**	**447**
1	Tiếng Anh	6220209	30	0	5	8	18
2	Tiếng Nhật	6220212	30	0	0	16	7
3	Tiếng Trung Quốc	6220209	70	0	0	0	33
4	Công nghệ thông tin	6480201	50	5	19	5	52
5	Thiết kế đồ họa	6210402	110	4	13	10	28
6	Quản trị mạng máy tính	6480209	35	0	0	0	
7	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	6510202	160	18	55	50	98
8	Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành	6810101	60	12	33	30	34
9	Kỹ thuật chế biến món ăn	6810207	80	13	32	22	79
10	Quản trị Nhà hàng	6810206	50	0	5	6	20
11	Quản trị khách sạn	6810201	50	1	23	13	21
12	Quản trị Kinh doanh	6340404	35	0	14	7	21
13	Kế toán doanh nghiệp	6340302	35	0	0	0	7
14	Logistics	6340113	30	0	10	2	6
15	Công tác xã hội	6760101	30	0	0	0	5
16	Chăm sóc sắc đẹp	6810404	60	0	0	0	18
II	**Trình độ Trung cấp**		**695**	**220**	**266**	**78**	**138**
1	Tiếng Anh	5220209	25	8	12	4	12
2	Công nghệ thông tin	5480201	50	51	26	15	15
3	Quản trị mạng máy tính	5480209	50	0	11	0	2

4	Thiết kế đồ họa	5210402	135	23	55	12	16
5	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	5510202	150	51	75	20	43
6	Du lịch Lữ hành	5810101	55	9	20	8	11
7	Kỹ thuật chế biến món ăn	5810207	50	35	23	8	15
8	Quản trị khách sạn	5810201	50	20	9	5	3
9	Quản trị Kinh doanh	5340404	50	16	23	6	7
10	Kế toán doanh nghiệp	5340302	50	7	12	0	0
11	Chăm sóc sắc đẹp	5810404	30	0	0	0	14
Tổng cộng			**1610**	**273**	**475**	**247**	**585**

** Số liệu năm 2026 được tổng hợp tại thời điểm tự đánh giá, công tác tuyển sinh năm 2026 vẫn đang tiếp tục triển khai.*

Kết quả cho thấy quy mô tuyển sinh có biến động giữa các năm. Tuyển sinh trình độ cao đẳng tăng từ 53 người năm 2023 lên 209 người năm 2024, 169 người năm 2025 và 447 người tại thời điểm thống kê năm 2026; trong khi tuyển sinh trình độ trung cấp có xu hướng giảm so với giai đoạn 2023-2024. Sự thay đổi này phản ánh quá trình chuyển dịch cơ cấu tuyển sinh sau khi Nhà trường được nâng cấp thành trường cao đẳng và mở rộng các ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng. Đồng thời, kết quả thực tế cho thấy một số ngành, nghề chưa tuyển đủ so với quy mô được phép, là cơ sở để Nhà trường tiếp tục đánh giá và điều chỉnh giải pháp tuyển sinh trong các năm tiếp theo (*2.1.04 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026; 2.2.10 - Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2024, 2025*).

Công tác tuyển sinh được Nhà trường kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện. Bên cạnh việc giám sát trực tiếp thông qua Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký và Ban phúc tra, Nhà trường xây dựng kế hoạch và thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh, lập biên bản và báo cáo kết quả kiểm tra. Hoạt động này nhằm kiểm tra việc tuân thủ quy chế, kế hoạch, quy trình và hồ sơ tuyển sinh, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những nội dung chưa phù hợp (*2.2.03 - QĐ thành lập HĐTS, Ban thư ký, Ban Phúc tra HĐTS các năm 2024, 2025, 2026; 2.2.11 - KH, Biên bản thanh tra, kiểm tra và báo cáo công tác tuyển sinh năm 2024, 2025*).

Sau mỗi năm tuyển sinh, Nhà trường thực hiện tổng hợp, đánh giá kết quả tuyển sinh, đối chiếu kết quả thực hiện với chỉ tiêu và tình hình thực tế của từng ngành, nghề; xác định những khó khăn, hạn chế và đề xuất giải pháp cho năm tiếp theo. Kết quả tuyển sinh đồng thời được tổng hợp, báo cáo cơ quan quản lý theo quy định (*2.2.10 - Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2024, 2025; 2.2.12 - Báo cáo định kỳ hàng năm gửi cơ quan chức năng năm 2024, 2025*).

Trên cơ sở kết quả đánh giá, Nhà trường điều chỉnh hoạt động tuyển sinh theo hướng đa dạng hóa phương thức truyền thông, tăng cường tư vấn hướng nghiệp tại các trường THCS, THPT và cơ sở GDNN - GDTX; đẩy mạnh cung cấp thông tin về ngành nghề, cơ hội việc

làm; đồng thời điều chỉnh trọng tâm tuyển sinh theo nhu cầu người học và khả năng tuyển sinh thực tế của từng ngành, nghề. Các giải pháp này được tiếp tục cụ thể hóa trong kế hoạch tuyển sinh của năm tiếp theo nhằm nâng cao tính phù hợp và hiệu quả của công tác tuyển sinh (*2.1.04 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026; 2.2.10 - Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2024, 2025*).

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn tổ chức tuyển sinh theo quy chế, kế hoạch và quy trình đã ban hành; hồ sơ được kiểm tra, xét tuyển thông qua Hội đồng tuyển sinh, kết quả được công nhận theo từng đợt, bảo đảm nguyên tắc công bằng và khách quan. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát, tổng kết và đánh giá hằng năm; kết quả đánh giá được sử dụng để điều chỉnh các giải pháp tuyển sinh, từng bước nâng cao sự phù hợp của người học với ngành nghề lựa chọn và hiệu quả công tác tuyển sinh của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: *Trường xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phươ**ng** pháp đào tạo đa dạng, phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn xây dựng và ban hành hệ thống quy định về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp đối với các trình độ đào tạo của Trường trên cơ sở các quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp.

Đối với trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng, Nhà trường căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ. Thông tư quy định về tổ chức, quản lý đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp, là căn cứ để Nhà trường xây dựng quy định đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng và tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn Trường (*2.3.01 - Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Trường*).

Đối với trình độ sơ cấp, Nhà trường căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp và các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018. Các văn bản này quy định về chương trình, giáo trình, tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp trình độ sơ cấp.

Đối với đào tạo thường xuyên, Nhà trường căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên và các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018. Trên cơ sở đó, Nhà trường ban hành quy chế đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên, quy định cụ thể việc tổ chức, quản lý đào tạo phù hợp với từng loại chương

trình và đối tượng người học (*2.1.02 - Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên*).

Như vậy, quy định đào tạo của Nhà trường được xây dựng tương ứng với từng trình độ và loại hình đào tạo: trung cấp, cao đẳng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH; đào tạo sơ cấp thực hiện theo Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH và các quy định sửa đổi, bổ sung; đào tạo thường xuyên thực hiện theo Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH và các quy định sửa đổi, bổ sung. Qua đó, Nhà trường có đầy đủ căn cứ để tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá và công nhận kết quả học tập đối với các chương trình đang triển khai (*2.3.01 - Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Trường; 2.1.02 - Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên*).

Nhà trường đồng thời ban hành các quy định về tổ chức đào tạo chính quy, trực tuyến, từ xa và vừa làm vừa học nhằm tạo cơ sở cho việc lựa chọn hình thức tổ chức đào tạo phù hợp với chương trình, đối tượng người học và điều kiện bảo đảm chất lượng của Trường (*2.3.02 - Các Quy định đào tạo chính quy, trực tuyến từ xa, vừa làm vừa học ban hành năm 2024; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Đối với các chương trình trung cấp, cao đẳng đang triển khai, Nhà trường tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun, tín chỉ. Khi nhập học, người học được thông tin, hướng dẫn về phương thức tổ chức đào tạo và đăng ký học tập theo quy định. Kết quả tổng hợp cho thấy người học các khóa hiện đang tổ chức đào tạo lựa chọn phương thức tích lũy mô-đun, tín chỉ; Nhà trường theo dõi phương thức tổ chức đào tạo theo từng ngành, nghề, trình độ và khóa học (*2.3.04 - Phiếu đăng ký xét tuyển trung cấp, cao đẳng lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp các lớp năm 2023, 2024, 2025 (Phiếu chọn hình thức đào tạo); 2.3.05 - Phiếu đăng ký môn học các học kỳ; 2.3.17 - Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo của trường: ngành/nghề, trình độ, số lượng tuyển sinh năm học năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Trên cơ sở chương trình đào tạo đã được ban hành, Nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo cho từng khóa, lớp; bố trí thời khóa biểu, kế hoạch giảng dạy và tổ chức thực hiện theo nội dung, thời lượng của từng môn học, mô-đun. Hồ sơ quản lý đào tạo được quy định thống nhất và được lập, lưu trữ trong quá trình tổ chức đào tạo (*2.3.03 - Quyết định về việc ban hành hồ sơ, sổ sách đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp, trình độ Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên; 2.3.06 - Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.07 - Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.08 - Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.09 - TKB các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Phương pháp đào tạo được tổ chức phù hợp với mục tiêu, nội dung và đặc điểm của từng môn học, mô-đun. Đối với nội dung lý thuyết, nhà giáo sử dụng kết hợp các phương pháp thuyết trình, trao đổi, thảo luận, giải quyết vấn đề và hướng dẫn tự học; đối với các môn học, mô-đun chuyên môn, Nhà trường chú trọng thực hành, luyện tập kỹ năng, xử lý tình

huống nghề nghiệp và gắn nội dung giảng dạy với thực tiễn. Việc tổ chức giảng dạy được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy, giáo án, sổ lên lớp và hồ sơ của nhà giáo (*2.3.08 - Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.10 - Sổ lên lớp các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.11 - Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Công tác kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo quy định đào tạo và yêu cầu của từng chương trình. Kết quả từng môn học, mô-đun được tổng hợp, quản lý và sử dụng làm căn cứ xác định mức độ tích lũy chương trình và điều kiện xét công nhận tốt nghiệp của người học (*2.3.01 - Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Trường; 2.3.12 - Danh sách điểm kết thúc học phần của các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Việc xét công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo các điều kiện quy định đối với từng trình độ đào tạo. Sau khi người học được công nhận tốt nghiệp, Nhà trường thực hiện quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ, quản lý phôi văn bằng theo quy trình và hồ sơ đã ban hành (*2.3.13 - Quy trình quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ; 2.3.14 - Văn bản của trường về việc phê duyệt, sử dụng mẫu phôi văn bằng chứng chỉ, CĐ, Trung cấp, Sơ cấp; 2.3.15 - Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ TC, CĐ năm 2026; 2.3.16 - Sổ theo dõi phôi văn bằng CĐ, TC năm 2026*).

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã xây dựng, ban hành quy định đào tạo, kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp đối với các trình độ đào tạo trên cơ sở các quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp. Hoạt động đào tạo được tổ chức theo chương trình đã ban hành, có kế hoạch, tiến độ và hồ sơ quản lý; hình thức, phương thức và phương pháp đào tạo được lựa chọn phù hợp với mục tiêu, nội dung và đặc điểm của từng chương trình, ngành, nghề đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: *Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khóa học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến mô-đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo trên cơ sở chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của từng ngành, nghề. Chương trình đào tạo quy định cụ thể mục tiêu, khối lượng kiến thức, kỹ năng, danh mục môn học, mô-đun, thời lượng lý thuyết, thực hành, thực tập và yêu cầu người học cần đạt sau khi hoàn thành chương trình, làm căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng khóa, lớp và năm học (*2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Để thống nhất công tác quản lý và tổ chức đào tạo, Nhà trường ban hành hệ thống hồ sơ, sổ sách áp dụng đối với các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên.

Hệ thống hồ sơ được xây dựng phù hợp với quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo, tạo cơ sở để theo dõi đầy đủ quá trình thực hiện kế hoạch đào tạo từ khâu lập kế hoạch, tổ chức giảng dạy đến kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học (*2.3.03 - Quyết định về việc ban hành hồ sơ, sổ sách đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp, trình độ Sơ cấp, Đào tạo thường xuyên*).

Đối với trình độ trung cấp và cao đẳng, Nhà trường tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun, tín chỉ. Người học được hướng dẫn lựa chọn phương thức đào tạo và đăng ký môn học theo từng học kỳ; kết quả tổng hợp cho thấy người học các khóa đang tổ chức đào tạo lựa chọn phương thức tích lũy mô-đun, tín chỉ. Trên cơ sở đăng ký học tập của người học và kế hoạch toàn khóa, Nhà trường bố trí kế hoạch đào tạo phù hợp với phương thức tổ chức đào tạo thực tế (*2.3.04 - Phiếu đăng ký xét tuyển trung cấp, cao đẳng lĩnh vực GDNN các lớp năm 2023, 2024, 2025 (Phiếu chọn hình thức đào tạo); 2.3.05 - Phiếu đăng ký môn học các học kỳ*).

Hằng năm, căn cứ chương trình và kế hoạch đào tạo toàn khóa, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo năm học và tiến độ đào tạo cho từng khóa, lớp. Kế hoạch và tiến độ đào tạo xác định cụ thể các môn học, mô-đun được tổ chức trong từng học kỳ, thời gian thực hiện, số giờ đào tạo và trình tự bố trí các nội dung học tập, bảo đảm phù hợp với cấu trúc chương trình và tiến độ tích lũy của người học (*2.3.06 - Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.07 - Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Trên cơ sở kế hoạch và tiến độ đào tạo, các khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch giảng dạy, bố trí nhà giáo và lập thời khóa biểu cho từng lớp. Nội dung giảng dạy được triển khai theo từng môn học, mô-đun, bảo đảm số giờ lý thuyết, thực hành và các nội dung thực tập theo chương trình đã được phê duyệt. Việc tổ chức thực hiện được thể hiện qua kế hoạch giảng dạy của nhà giáo, thời khóa biểu, sổ lên lớp và giáo án, giúp Nhà trường theo dõi mức độ thực hiện chương trình và tiến độ đào tạo của từng lớp (*2.3.08 - Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.09 - Thời khóa biểu các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.10 - Sổ lên lớp các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.11 - Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Kế hoạch đào tạo được bố trí theo đặc điểm của từng ngành, nghề và nội dung chương trình. Đối với các môn học, mô-đun chuyên môn, thời lượng lý thuyết và thực hành được phân bổ theo chương trình; các nội dung thực hành, thực tập được bố trí nhằm hình thành và củng cố kỹ năng nghề nghiệp cho người học. Việc sắp xếp trình tự môn học, mô-đun và thời điểm tổ chức thực hành, thực tập được thực hiện theo tiến độ đào tạo, bảo đảm người học được trang bị kiến thức nền tảng trước khi học các nội dung chuyên môn và kỹ năng nghề ở mức độ cao hơn (*2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.3.07 - Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Trong quá trình thực hiện kế hoạch đào tạo, Nhà trường theo dõi việc hoàn thành nội

dung và thời lượng đào tạo thông qua sổ lên lớp, giáo án và hồ sơ quản lý đào tạo; kết quả học tập của người học được tổng hợp theo từng môn học, mô-đun để đánh giá mức độ tích lũy chương trình và làm cơ sở tiếp tục tổ chức các học kỳ tiếp theo. Qua đó, việc thực hiện kế hoạch đào tạo được gắn với yêu cầu đạt chuẩn đầu ra của chương trình (*2.3.10 - Sổ lên lớp các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.11 - Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.12 - Danh sách điểm kết thúc học phần của các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng khóa, lớp, học kỳ và năm học; kế hoạch được cụ thể hóa đến từng môn học, mô-đun, thời lượng lý thuyết, thực hành và thực tập, phù hợp với chương trình và phương thức tổ chức đào tạo. Việc triển khai kế hoạch được theo dõi bằng hệ thống hồ sơ đào tạo và kết quả học tập của người học, qua đó góp phần bảo đảm người học tích lũy đầy đủ nội dung chương trình và đáp ứng chuẩn đầu ra.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: *Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn tổ chức các hoạt động đào tạo trên cơ sở chương trình đào tạo đã được phê duyệt và phạm vi ngành, nghề được cấp đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Chương trình đào tạo của từng ngành, nghề xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, khối lượng kiến thức, kỹ năng, các môn học, mô-đun và thời lượng lý thuyết, thực hành, thực tập làm căn cứ để Nhà trường tổ chức đào tạo (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Hằng năm, căn cứ chương trình đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo cho từng khóa, lớp; bố trí các môn học, mô-đun, thời lượng lý thuyết, thực hành, thực tập và các hoạt động kiểm tra, đánh giá theo nội dung chương trình đã được ban hành. Các khoa chuyên môn và nhà giáo tổ chức thực hiện theo kế hoạch, tiến độ đào tạo, qua đó bảo đảm hoạt động giảng dạy bám sát mục tiêu và nội dung của từng chương trình đào tạo (*2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.3.06 - Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.07 - Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Để gắn đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp, Nhà trường tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong tổ chức thực hành, thực tập cho người học. Nhà trường đã ký kết các hợp đồng, biên bản ghi nhớ hợp tác với doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin, kỹ thuật ô tô, du lịch - dịch vụ,

nhà hàng - khách sạn, kinh tế, ngoại ngữ và các lĩnh vực phù hợp với ngành, nghề đào tạo của Trường. Nội dung hợp tác tạo cơ sở để bố trí địa điểm, điều kiện và nhân sự phối hợp hướng dẫn người học trong quá trình thực hành, thực tập (*2.5.01 - Hợp đồng/biên bản ghi nhớ, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hành, thực tập với doanh nghiệp, cá nhân ký kết năm 2024, 2025, 2026*).

Trên cơ sở chương trình và tiến độ đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch thực tập cho từng lớp, trong đó xác định thời gian, địa điểm, đối tượng, nội dung thực tập và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân tham gia. Phòng Công tác HSSV và Quan hệ doanh nghiệp phối hợp với các khoa chuyên môn và doanh nghiệp để tổ chức, theo dõi hoạt động thực tập của người học (*2.5.02 - Kế hoạch thực tập các lớp năm 2024, 2025, 2026*).

Đối với từng đợt thực tập, Nhà trường ban hành quyết định cử, phân công nhà giáo phụ trách, hướng dẫn và theo dõi người học. Nhà giáo phối hợp với cán bộ của doanh nghiệp hướng dẫn người học thực hiện nội dung thực tập, theo dõi quá trình rèn luyện kỹ năng nghề, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong làm việc tại đơn vị thực tập (*2.5.03 - Các quyết định về việc cử giáo viên phụ trách đoàn học sinh tham gia thực tập tốt nghiệp tại cơ sở năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Nhà trường ban hành quy định thực hiện học phần thực tập tốt nghiệp, trong đó xác định mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức tổ chức, trách nhiệm của người học, nhà giáo hướng dẫn và các đơn vị phối hợp; đồng thời quy định hồ sơ, nhật ký, báo cáo và cách thức đánh giá kết quả thực tập. Đây là căn cứ thống nhất để tổ chức thực tập và đánh giá kết quả của người học (*2.5.04 - Quyết định về việc quy định thực hiện học phần Thực tập tốt nghiệp*).

Nội dung thực hành, thực tập được cụ thể hóa trong chương trình, đề cương của từng lớp, ngành, nghề. Người học thực hiện các nhiệm vụ theo chương trình thực tập dưới sự hướng dẫn của nhà giáo và cán bộ tại đơn vị tiếp nhận, qua đó vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và làm quen với môi trường lao động (*2.5.05 - Chương trình/Đề cương thực hành, thực tập các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Trong quá trình thực tập, kết quả thực hiện của người học được theo dõi thông qua hồ sơ thực hành, thực tập, nhật ký, báo cáo và nhận xét, đánh giá của các bên liên quan. Kết thúc đợt thực tập, người học hoàn thiện hồ sơ và báo cáo theo quy định; kết quả được đánh giá, ghi nhận như một học phần trong chương trình đào tạo và là một trong các căn cứ xác định mức độ hoàn thành chương trình trước khi xét công nhận tốt nghiệp (*2.5.06 - Hồ sơ thực hành, thực tập các lớp năm 2024, 2025, 2026; 2.5.08 - Quyết định công nhận tốt nghiệp các lớp năm học 2025-2026*).

Thông qua việc phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức và hướng dẫn thực hành, thực tập, người học có điều kiện tiếp cận môi trường làm việc thực tế, vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học, rèn luyện tác phong nghề nghiệp và khả năng thích ứng với yêu cầu công việc. Hoạt động này đồng thời góp phần tăng cường mối liên hệ giữa chương trình đào tạo của Nhà trường với yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động (*2.5.01 - Hợp đồng/biên bản ghi nhớ, nghiệm*

thu và thanh lý hợp đồng thực hành, thực tập với doanh nghiệp, cá nhân ký kết năm 2024, 2025, 2026; 2.5.05 - Chương trình/Đề cương thực hành, thực tập các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.5.06 - Hồ sơ thực hành, thực tập các lớp năm 2024, 2025, 2026).

Như vậy, các hoạt động đào tạo của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn được tổ chức trên cơ sở mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt. Nhà trường có sự phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong xây dựng kế hoạch, bố trí địa điểm, phân công hướng dẫn, tổ chức và đánh giá hoạt động thực hành, thực tập; qua đó góp phần hình thành kỹ năng nghề nghiệp và hỗ trợ người học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: *Trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có).*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn xác định ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số là giải pháp hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức đào tạo. Nhà trường từng bước đầu tư hạ tầng, phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống hỗ trợ dạy học trực tuyến, trang thiết bị CNTT và học liệu số phục vụ hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập.

Ứng dụng CNTT trong quản lý đào tạo

Nhà trường triển khai phần mềm quản lý đào tạo ONEUNI để quản lý tập trung các thông tin, dữ liệu liên quan đến quá trình đào tạo. Hệ thống hỗ trợ các nghiệp vụ từ quản lý người học, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, kết quả học tập, điểm danh, rèn luyện đến các thông tin liên quan đến tốt nghiệp và học phí. Phần mềm được triển khai trên nền tảng web dành cho giảng viên, sinh viên và ứng dụng trên thiết bị di động, tạo điều kiện cho cán bộ, nhà giáo và người học truy cập, cập nhật và khai thác thông tin theo phạm vi được phân quyền (*2.6.01 - Hợp đồng mua phần mềm quản lý đào tạo kèm Biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý; 2.6.02 - Phần mềm quản lý đào tạo phiên bản web dành cho giảng viên, sinh viên và phần mềm trên điện thoại App ONEUNI*).

Để quản lý và khai thác hệ thống thống nhất, Nhà trường giao Phòng Quản lý Đào tạo phụ trách quản lý phần mềm và cổng thông tin đào tạo; đồng thời thực hiện phân quyền cho các đơn vị, cán bộ, nhà giáo và người học theo chức năng, nhiệm vụ. Tài khoản sử dụng phần mềm được cấp và quản lý theo từng nhóm đối tượng, qua đó hỗ trợ các đơn vị khai thác dữ liệu phục vụ quản lý và tổ chức đào tạo (*2.6.03 - Quyết định giao quản lý phần mềm đào tạo, cổng thông tin đào tạo; 2.6.05 - Danh sách cấp tài khoản truy cập phần mềm của cán bộ, HSSV năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Bên cạnh hệ thống quản lý đào tạo, Nhà trường duy trì website để cung cấp, cập nhật và công khai các thông tin về hoạt động của Trường, tuyển sinh, chương trình đào tạo và các thông tin phục vụ người học và các bên liên quan. Website cùng với hệ thống phần mềm quản

lý đào tạo góp phần tăng khả năng tiếp cận thông tin và hỗ trợ công tác quản lý, điều hành của Nhà trường (*2.6.06 - Hợp đồng thiết kế website trường*).

Ứng dụng CNTT trong tổ chức dạy và học

Trong hoạt động đào tạo, Nhà trường triển khai hệ thống LMS/E-learning để hỗ trợ nhà giáo xây dựng, quản lý bài giảng và học liệu điện tử; hỗ trợ người học tiếp cận tài liệu và các hoạt động học tập trên môi trường số. Nhà trường tổ chức hướng dẫn, tập huấn xây dựng bài giảng trên hệ thống LMS và ban hành tài liệu hướng dẫn sử dụng E-learning dành cho nhà giáo và HSSV, qua đó hỗ trợ việc triển khai ứng dụng CNTT trong quá trình dạy và học (*2.6.04 - Kế hoạch tập huấn xây dựng bài giảng trên hệ thống LMS, hướng dẫn sử dụng hệ thống E-learning dành cho giảng viên, hướng dẫn sử dụng hệ thống E-learning dành cho HSSV*).

Nhà giáo ứng dụng CNTT trong chuẩn bị và tổ chức bài giảng thông qua bài giảng điện tử, video, học liệu số và các phần mềm hỗ trợ giảng dạy. Đối với các môn học, mô-đun có yêu cầu phù hợp, phần mềm chuyên môn và phần mềm mô phỏng được sử dụng để hỗ trợ minh họa nội dung, thực hành và rèn luyện kỹ năng cho người học. Việc ứng dụng được thể hiện qua danh mục bài giảng, video điện tử và các phần mềm mô phỏng được nhà giáo sử dụng trong các năm học (*2.6.09 - Danh mục các bài giảng - video điện tử của giáo viên có sử dụng phần mềm thiết kế bài giảng năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.6.10 - Danh mục các phần mềm mô phỏng của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Để bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho việc ứng dụng CNTT, Nhà trường duy trì hệ thống kết nối internet phục vụ hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập; đồng thời thực hiện mua sắm, sửa chữa, bảo trì các trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động đào tạo. Hạ tầng mạng và thiết bị là điều kiện để khai thác phần mềm quản lý đào tạo, hệ thống LMS/E-learning, bài giảng điện tử và các phần mềm chuyên môn trong quá trình dạy học (*2.6.07 - Hợp đồng cung cấp internet; 2.6.08 - Hợp đồng mua bán, sửa chữa, bảo trì trang thiết bị công nghệ thông tin cho hoạt động dạy và học năm 2024, 2025, 2026*).

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã ứng dụng CNTT trong cả quản lý và tổ chức đào tạo. Hoạt động quản lý đào tạo được hỗ trợ bởi hệ thống phần mềm quản lý tập trung và phân quyền sử dụng cho các đối tượng liên quan; hoạt động dạy và học được hỗ trợ bởi LMS/E-learning, bài giảng điện tử, video, học liệu số và các phần mềm chuyên môn, mô phỏng. Nhà trường đồng thời duy trì hạ tầng internet và trang thiết bị CNTT phục vụ việc vận hành các hệ thống, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hỗ trợ đổi mới hoạt động đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: *Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học theo đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt*

động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn xác định kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học là một nội dung thường xuyên trong quản lý đào tạo, nhằm theo dõi việc thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo, nền nếp chuyên môn và kịp thời phát hiện những nội dung cần điều chỉnh. Hằng năm, Phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với các khoa, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên môn, trình Ban Giám hiệu phê duyệt và tổ chức thực hiện trong toàn Trường (*2.7.01 - Kế hoạch về việc Kiểm tra chuyên môn năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào việc thực hiện kế hoạch và tiến độ đào tạo; thời khóa biểu; hồ sơ, sổ sách chuyên môn; việc lên lớp, thực hiện nội dung chương trình; hoạt động kiểm tra, đánh giá; công tác quản lý chuyên môn của các khoa và các điều kiện phục vụ dạy, học. Việc kiểm tra được thực hiện thông qua dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, kiểm tra việc thực hiện quy định đào tạo và các hình thức giám sát phù hợp. Kết quả được ghi nhận bằng biên bản và hồ sơ kiểm tra theo từng năm học (*2.7.02 - Hồ sơ thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm 2024, 2025, 2026 gồm các biên bản dự giờ, biên bản kiểm tra hồ sơ sổ sách*).

Sau các đợt kiểm tra, Phòng Quản lý Đào tạo tổng hợp kết quả, lập báo cáo kiểm tra chuyên môn, trong đó đánh giá tình hình thực hiện, ghi nhận những nội dung đã thực hiện tốt, xác định tồn tại, hạn chế và đề xuất biện pháp khắc phục, điều chỉnh. Báo cáo kiểm tra là căn cứ để Ban Giám hiệu và các đơn vị chuyên môn xem xét, chỉ đạo việc chấn chỉnh và cải tiến hoạt động dạy, học (*2.7.03 - Báo cáo về việc Kiểm tra chuyên môn năm học 2024, 2025, 2026*).

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học. Các nội dung cải tiến tập trung vào những vấn đề phát hiện trong quá trình kiểm tra như hoàn thiện hồ sơ chuyên môn, điều chỉnh việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng CNTT, nâng cao công tác quản lý chuyên môn và ý thức học tập của người học (*2.7.04 - Kế hoạch đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học năm 2024, 2025, 2026*).

Các khoa, đơn vị và nhà giáo có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung điều chỉnh theo chỉ đạo và đề xuất sau kiểm tra. Hồ sơ khắc phục, điều chỉnh được lưu giữ để theo dõi việc thực hiện, qua đó hình thành chu trình kiểm tra - phát hiện - điều chỉnh - theo dõi kết quả trong quản lý hoạt động dạy và học (*2.7.05 - Hồ sơ điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát năm 2024, 2025, 2026*).

Bên cạnh hoạt động kiểm tra chuyên môn, Nhà trường tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường nhằm tạo điều kiện cho nhà giáo trao đổi kinh nghiệm, đánh giá năng lực sư phạm và khuyến khích đổi mới phương pháp giảng dạy. Kết quả các hội thi là nguồn thông

tin bổ sung để Nhà trường xem xét công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng giảng dạy (*2.7.06 - Hồ sơ tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp trường năm học 2023-2024, 2024-2025*).

Nhà trường đồng thời sử dụng các phương tiện hỗ trợ giám sát như hệ thống camera tại các khu vực phục vụ quản lý, theo dõi hoạt động học tập và nền nếp trong Trường. Việc đầu tư hệ thống giám sát hỗ trợ thêm cho công tác quản lý, nhưng không thay thế hoạt động kiểm tra chuyên môn trực tiếp của các đơn vị chức năng (*2.7.07 - Hồ sơ mua và lắp đặt hệ thống camera giám sát của nhà trường*).

Kết quả kiểm tra, giám sát và việc thực hiện các biện pháp cải tiến được tổng hợp trong báo cáo hoạt động hằng năm của Nhà trường, làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và xây dựng phương hướng cho năm tiếp theo (*1.5.17 - Báo cáo tổng kết năm 2024, 2025 và triển khai nhiệm vụ năm 2025, 2026*).

Ngoài ra, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo và các bên liên quan về hoạt động kiểm tra, giám sát, chất lượng dạy và học. Kết quả khảo sát được sử dụng như nguồn thông tin bổ sung để xem xét mức độ phù hợp của các hoạt động quản lý và đề xuất các biện pháp cải tiến (*1.1.07 - Bộ hồ sơ khảo sát năm 2024, 2025, 2026 bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát*).

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy, học hằng năm; kết quả kiểm tra được tổng hợp, báo cáo và làm căn cứ đề xuất các biện pháp khắc phục, điều chỉnh. Các nội dung cải tiến được triển khai và theo dõi bằng hồ sơ cụ thể, góp phần duy trì nền nếp chuyên môn và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.8: *Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp; được rà soát, đánh giá, cải tiến để bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn xây dựng và ban hành các quy định, quy trình về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học, làm căn cứ tổ chức đánh giá thống nhất trong toàn Trường. Các quy định xác định nguyên tắc, nội dung, trình tự thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân tham gia đánh giá, bảo đảm phù hợp với chương trình đào tạo và yêu cầu quản lý người học (*2.8.05 - Quyết định ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên của Trường; 2.8.06 - Các Quy trình đánh giá điểm rèn luyện, quy trình kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp*).

Việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện gắn với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo được tổ chức kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của từng nội dung đào tạo; kết quả đánh giá là căn cứ xác

định mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng của người học và điều kiện tiếp tục học tập, xét công nhận hoàn thành chương trình. Qua đó, hoạt động đánh giá góp phần định hướng người học từng bước đạt chuẩn đầu ra của ngành, nghề đào tạo (*2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.8.06 - Các Quy trình đánh giá điểm rèn luyện, quy trình kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp*).

Đối với đánh giá kết quả học tập, mỗi học kỳ Nhà trường xây dựng kế hoạch và lịch thi kết thúc môn học, mô-đun phù hợp với kế hoạch và tiến độ đào tạo. Việc tổ chức thi được thực hiện theo quy trình, có danh sách người học dự thi, biên bản phòng thi, hồ sơ giao nhận bài thi và hồ sơ xử lý các tình huống phát sinh nếu có. Việc tổ chức, quản lý hồ sơ thi theo quy định góp phần bảo đảm tính thống nhất, chính xác, công bằng và khách quan trong đánh giá kết quả học tập (*2.8.07 - Các kế hoạch tổ chức thi hết môn kèm lịch thi các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.8.08 - Hồ sơ tổ chức thi kết thúc học phần năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 gồm danh sách thi, biên bản phòng thi, biên bản xử lý vi phạm nếu có, sổ giao nhận bài thi năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.8.09 - Danh sách HSSV dự thi kết thúc học phần năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Bên cạnh kết quả học tập, Nhà trường thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện của người học nhằm xem xét ý thức học tập, chấp hành nội quy, quy định, tinh thần tham gia hoạt động tập thể, trách nhiệm và các nội dung rèn luyện khác theo quy định. Hằng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện; việc đánh giá được thực hiện theo tiêu chí, có phiếu tự đánh giá, tổ chức xem xét, lập biên bản, tổng hợp kết quả và ban hành quyết định công nhận. Quy trình này tạo điều kiện để kết quả rèn luyện được xem xét công khai, có sự tham gia của các bên liên quan và được quản lý thống nhất (*2.8.10 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.8.11 - Biên bản xét kết quả rèn luyện của học sinh năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.8.12 - Phiếu đánh giá điểm rèn luyện của học sinh năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.8.13 - Bảng tổng hợp kết quả điểm rèn luyện của học sinh năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.8.14 - Quyết định công nhận kết quả điểm rèn luyện các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Để bảo đảm các quy định và công cụ đánh giá luôn phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tiễn đào tạo, hằng năm Nhà trường tổ chức rà soát hệ thống văn bản, quy chế, quy định hiện hành. Quá trình rà soát được thực hiện theo kế hoạch, có biên bản, báo cáo kết quả và xác định các văn bản cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Trong đó, các quy định liên quan đến kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và xét công nhận tốt nghiệp được xem xét để kịp thời điều chỉnh khi có thay đổi về quy định pháp luật hoặc yêu cầu thực tế của Nhà trường (*2.8.01 - Kế hoạch tổ chức rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường các năm 2024, 2025, 2026; 2.8.02 - Biên bản rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường các năm 2024, 2025, 2026; 2.8.03 - Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy định, quy chế của nhà trường các năm 2024, 2025, 2026; 2.8.04 - Danh sách các quy định, quy chế thay đổi năm 2024, 2025, 2026*).

Bên cạnh hoạt động rà soát văn bản, Nhà trường lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo và các bên liên quan về các quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện. Kết quả khảo sát được sử dụng như nguồn thông tin bổ sung để Nhà trường xem xét mức độ phù hợp của các hình thức, phương pháp và công cụ đánh giá, từ đó thực hiện điều chỉnh, cải tiến khi cần thiết (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Thông qua việc tổ chức đánh giá kết quả học tập và rèn luyện theo quy định, cùng với hoạt động rà soát, cập nhật các quy trình và công cụ đánh giá hằng năm, Nhà trường từng bước bảo đảm tính chính xác, công bằng, khách quan trong đánh giá người học. Kết quả đánh giá được sử dụng để xác định mức độ tích lũy chương trình, theo dõi quá trình rèn luyện và làm căn cứ xét điều kiện hoàn thành chương trình, qua đó định hướng người học đáp ứng chuẩn đầu ra của từng ngành, nghề.

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định, quy trình, hình thức và công cụ đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học; hoạt động đánh giá được thực hiện theo kế hoạch, có hồ sơ theo dõi và công nhận kết quả. Các quy định, quy trình đánh giá được rà soát, xem xét và điều chỉnh qua các năm, góp phần bảo đảm độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 2: 02 điểm

3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn cam kết thực hiện đầy đủ các quy trình về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch và đánh giá, phân loại đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động theo các quy định hiện hành. Nhà trường đảm bảo mọi hoạt động đều minh bạch, công khai và khách quan, nhằm tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả. Đội ngũ nhà giáo của Nhà trường không chỉ đạt tiêu chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ, mà còn có tinh thần trách nhiệm và nhiệt huyết trong công việc. Điều này được thể hiện qua việc thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định mà không vi phạm các quy chế và nội quy của Nhà trường.

Nhà giáo, cán bộ quản lý (CBQL) và người lao động đóng vai trò nòng cốt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tại Trường. Được hình thành từ năm 2007 là trường Trung cấp và nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng từ năm 2023, mặc dù là một trường non trẻ đào tạo trình độ Cao đẳng, song nhà trường đã xây dựng một đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm thực tiễn, có năng lực sư phạm tốt và luôn đổi mới phương pháp giảng dạy.

Nhà trường thực hiện quy trình tuyển dụng nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động một cách chặt chẽ, đảm bảo chọn lựa những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm thực tiễn và có tinh thần trách nhiệm cao. Quy trình tuyển dụng được công khai minh bạch và tuân thủ các quy định hiện hành.

Ngoài ra, trường còn xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng định kỳ nhằm nâng cao năng lực giảng dạy, kỹ năng sư phạm và kiến thức chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và người lao động. Việc quy hoạch, bổ nhiệm và đề bạt cán bộ quản lý được thực hiện có kế hoạch, hướng đến sự kế thừa và phát triển dài hạn.

Những điểm mạnh:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với giáo viên, CBQL và nhân viên theo quy định của pháp luật. Đồng thời Nhà trường có các chính sách đãi ngộ hợp lý nhằm thu hút và giữ chân nhân tài, tạo động lực cho đội ngũ giáo viên, CBQL và nhân viên cống hiến lâu dài.

Bên cạnh đó, giáo viên được khuyến khích tham gia thực tập thực tế tại doanh nghiệp để cập nhật kiến thức mới, đảm bảo giảng dạy gắn liền với thực tiễn sản xuất và nhu cầu của thị trường lao động.

Nhà trường duy trì hệ thống kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy và hiệu quả công tác quản lý. Công tác này được thực hiện một cách công khai, minh bạch, giúp nâng cao tính trách nhiệm và sự chuyên nghiệp của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.

Những tồn tại: **Không có.**

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Trong giai đoạn tới, Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao kỹ năng cho đội ngũ CBQL và giáo viên, bao gồm Tiếng Anh, Tin học trình độ cao, năng lực ứng dụng công nghệ số trong giáo dục nhằm đáp ứng các yêu cầu của GDNN. Nhà trường sẽ kiện toàn cơ cấu tổ chức, theo hướng tinh gọn nhưng hiệu quả nhằm nâng cao khả năng quản lý và điều hành.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các chính sách, chế độ khuyến khích nhà giáo, đội ngũ viên chức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời có các chính sách, chế độ thu hút nhân tài, các nghệ nhân, người có tay nghề cao tham gia vào công tác giảng dạy tại trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí 3	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	02

Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tổng	**14**

Tiêu chuẩn 3.1: *Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn xác định đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý là nguồn lực quan trọng quyết định chất lượng đào tạo. Trong Hệ thống bảo đảm chất lượng, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy trình liên quan đến tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ; quy định rõ trình tự thực hiện, trách nhiệm của các đơn vị, biểu mẫu và hồ sơ quản lý, làm căn cứ áp dụng thống nhất trong toàn Trường (*1.3.04 - Quyết định ban hành hệ thống BĐCL năm 2024 gồm: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL; 1.3.08 - Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026*).

Đối với công tác tuyển dụng, Nhà trường ban hành quy định về tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó xác định yêu cầu đối với vị trí tuyển dụng, trình tự tuyển chọn, đánh giá và tiếp nhận nhân sự. Việc tuyển dụng được thực hiện trên cơ sở nhu cầu nhân sự, cơ cấu đội ngũ và yêu cầu của từng vị trí việc làm (*3.1.01 - Quyết định ban hành Quy định về tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn*).

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng trên cơ sở nhu cầu nhân sự của các đơn vị, sau đó công khai thông báo tuyển dụng và tổ chức tiếp nhận, xem xét hồ sơ, phỏng vấn, dự giờ hoặc giảng thử đối với vị trí phù hợp, đánh giá thời gian thử việc và ký hợp đồng đối với nhân sự đáp ứng yêu cầu. Hồ sơ tuyển dụng được lưu giữ theo từng năm học, cho thấy quy trình đã được đưa vào áp dụng trong thực tế (*3.1.02 - Kế hoạch tuyển dụng nhân sự năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.1.03 - Thông báo tuyển dụng lao động năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.1.04 - Hồ sơ tuyển dụng năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026: Phiếu dự giờ, Phiếu phỏng vấn, thư mời nhận việc, nhận xét nhân sự thử việc của bộ phận sử dụng nhân sự, hợp đồng lao động thử việc, hợp đồng lao động chính thức, Quyết định tuyển dụng nhân sự*).

Đối với công tác kiện toàn và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, sau khi Trường được nâng cấp thành trường cao đẳng, chức danh Hiệu trưởng được cơ quan có thẩm quyền công

nhận; các chức danh Phó Hiệu trưởng và cán bộ quản lý các phòng, khoa, trung tâm tiếp tục được bổ nhiệm theo cơ cấu tổ chức của Trường (*3.1.05 - Quyết định số 828/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2023 về việc công nhận chức danh Hiệu trưởng nhà trường; 3.1.06 - Các Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng nhà trường; 3.1.07 - Các Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý nhà trường*).

Việc xem xét, bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện thông qua hồ sơ nhân sự, các cuộc họp xem xét, lấy ý kiến tín nhiệm và các tài liệu liên quan, làm cơ sở lựa chọn, bố trí cán bộ phù hợp với yêu cầu quản lý của từng đơn vị. Qua đó, Nhà trường từng bước kiện toàn đội ngũ quản lý gắn với cơ cấu tổ chức và yêu cầu phát triển của Trường (*3.1.08 - Hồ sơ bổ nhiệm nhân sự: Phiếu tín nhiệm, Biên bản họp tín nhiệm tập thể lãnh đạo trường*).

Đối với đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, hằng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhà giáo trên cơ sở yêu cầu chuẩn hóa, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề và năng lực quản lý. Căn cứ kế hoạch và nhu cầu thực tế, Nhà trường ban hành quyết định cử cán bộ, nhà giáo tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo chuyên môn phù hợp (*3.1.09 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2024, 2025, 2026; 3.1.10 - Quyết định cử cán bộ, nhà giáo đi đào tạo bồi dưỡng, tham gia học tập năm 2024, 2025, 2026*).

Hoạt động bồi dưỡng được triển khai thông qua cả hình thức cử cán bộ, nhà giáo tham gia các chương trình do cơ quan, đơn vị bên ngoài tổ chức và các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên môn do Nhà trường tổ chức. Hồ sơ gồm thư mời, danh sách được cử tham gia, kế hoạch tổ chức, danh sách người tham dự và văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận sau bồi dưỡng, qua đó thể hiện việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong thực tế (*3.1.11 - Công văn, thư mời tham gia hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng năm 2024, 2025, 2026; 3.1.12 - Danh sách cử cán bộ, nhân viên tham gia hội thảo, tập huấn theo thư mời năm 2024, 2025, 2026; 3.1.13 - Kế hoạch tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên môn của nhà trường năm 2024, 2025, 2026; 3.1.14 - Danh sách cán bộ, nhà giáo tham gia các chương trình tập huấn, hội thảo năm 2024, 2025, 2026; 3.1.15 - Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng của cán bộ, nhà giáo năm 2024, 2025, 2026*).

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường tổng hợp, đánh giá hằng năm để xem xét mức độ thực hiện kế hoạch, nhu cầu tiếp tục chuẩn hóa và nâng cao năng lực đội ngũ, làm căn cứ xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo (*3.1.16 - Báo cáo tổng kết hoạt động đào tạo, bồi dưỡng các năm 2024, 2025*).

Các quy trình về quản lý đội ngũ là một bộ phận của HTBĐCL và được Nhà trường rà soát trong quá trình đánh giá việc vận hành hệ thống. Qua các năm 2024, 2025, 2026, hệ thống quy trình BĐCL được xem xét, cập nhật và tiếp tục ban hành; kết quả thực hiện được kiểm tra, báo cáo để xác định các nội dung cần điều chỉnh, hoàn thiện phù hợp với cơ cấu tổ chức và yêu cầu quản lý thực tế (*1.3.08 - Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024,*

2025, 2026; 1.3.09 - Các Biên bản, báo cáo kiểm tra việc thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2024, 2025, 2026).

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã ban hành và đưa vào áp dụng các quy định, quy trình về tuyển dụng, bố trí, phát triển cán bộ quản lý và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý. Việc thực hiện được thể hiện qua kế hoạch, hồ sơ tuyển dụng, hồ sơ bổ nhiệm, kế hoạch và kết quả đào tạo, bồi dưỡng hằng năm; các quy trình được rà soát trong quá trình đánh giá HTBĐCL và được cập nhật, hoàn thiện qua các năm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đội ngũ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: *Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện các chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Nhà trường. Nhà trường ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy định chế độ làm việc của nhà giáo làm căn cứ thực hiện các chế độ về tiền lương, khối lượng giảng dạy, thanh toán giờ dạy vượt định mức và các chế độ có liên quan (*3.2.01 - Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường; 3.2.02 - Quyết định ban hành chế độ làm việc của nhà giáo*).

Hằng tháng, Nhà trường thực hiện tổng hợp, chi trả tiền lương và các khoản thu nhập đối với cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động. Hồ sơ tiền lương được lập và lưu trữ theo từng tháng, phản ánh các khoản thu nhập và nghĩa vụ liên quan của người lao động (*3.2.03 - Bảng tổng hợp, thống kê thu nhập, bảng lương hàng tháng của cán bộ, nhà giáo năm 2024, 2025, 2026*).

Đối với nhà giáo, Nhà trường thực hiện chế độ làm việc trên cơ sở khối lượng giảng dạy được phân công và quy định hiện hành về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Hằng năm, số giờ giảng của nhà giáo được tổng hợp, đối chiếu với định mức; trường hợp có giờ giảng vượt định mức được xác định và thực hiện chi trả theo quy định của Nhà trường (*3.2.02 - Quyết định ban hành chế độ làm việc của nhà giáo; 3.2.04 - Bảng tổng hợp giờ giảng nhà giáo các năm 2024, 2025, 2026; 3.2.05 - Bảng tổng hợp chi trả tiền giảng dạy vượt giờ của nhà giáo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Ngoài tiền lương và chế độ giảng dạy, Nhà trường thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và giải quyết các chế độ liên quan đến thai sản, hưu trí theo quy định; đồng thời thực hiện các khoản hỗ trợ, thưởng lễ, Tết và chế độ phúc lợi theo quy định nội bộ. Việc thực hiện được thể hiện qua chứng từ chi trả và hồ sơ giải quyết chế độ cho người lao động (*3.2.06 - Chứng từ chi trả, hỗ trợ các chế độ, thưởng lễ, tết năm 2024,*

2025, 2026; 3.2.07 - Danh sách người lao động được xử lý chế độ thai sản, hưu trí các năm 2024, 2025, 2026).

Song song với việc bảo đảm chế độ, chính sách, Nhà trường xác định đào tạo, bồi dưỡng là giải pháp quan trọng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ. Hằng năm, Nhà trường rà soát nhu cầu của các đơn vị và năng lực của đội ngũ để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, trình lãnh đạo Nhà trường phê duyệt và tổ chức thực hiện. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản lý và các nội dung cần thiết khác phù hợp với vị trí công việc và yêu cầu phát triển của Nhà trường (*3.1.09 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2024, 2025, 2026*).

Căn cứ kế hoạch đã được phê duyệt và các chương trình của cơ quan, đơn vị bên ngoài, Nhà trường ban hành quyết định hoặc danh sách cử cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo chuyên môn. Đồng thời, Nhà trường chủ động tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng tại Trường nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực của đội ngũ (*3.1.10 - Quyết định cử cán bộ, nhà giáo đi đào tạo bồi dưỡng, tham gia học tập năm 2024, 2025, 2026; 3.1.11 - Công văn, thư mời tham gia hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng năm 2024, 2025, 2026; 3.1.12 - Danh sách cử cán bộ, nhân viên tham gia hội thảo, tập huấn theo thư mời năm 2024, 2025, 2026; 3.1.13 - Kế hoạch tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên môn của nhà trường năm 2024, 2025, 2026; 3.1.14 - Danh sách cán bộ, nhà giáo tham gia các chương trình tập huấn, hội thảo năm 2024, 2025, 2026*).

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng được theo dõi thông qua báo cáo kết quả, văn bằng, chứng chỉ và chứng nhận của người tham gia. Số lượt cán bộ quản lý, nhân viên, nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng trong giai đoạn 2024-2026 được tổng hợp như sau:

CBQL, nhân viên, giáo viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2024-2026

Năm	Số lượt nhân sự tham gia
2024	20
2025	53
2026	6

Số lượng đội ngũ CBQL, nhà giáo và người lao động được tham gia các lớp bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ trong 3 năm qua như sau:

Stt	Nội dung chuyên đề	Đơn vị tổ chức	Số lượng
I	**Năm 2024**		**20**
1	Lớp bồi dưỡng tập huấn lý luận chính trị hè	Sở GD&ĐT	1
2	Lớp bồi dưỡng môn học GDQP và AN	Sở GD&ĐT	2

3	Nâng cao năng lực hoạt động tham vấn tâm lý tại các cơ sở GDNN	Sở GD&ĐT	2
4	Tập huấn cho GV sử dụng ứng dụng CNTT vào thiết kế bài giảng	Sở GD&ĐT	10
5	Tập huấn kỹ năng sư phạm cho GV-NV	STC	5
II	**Năm 2025**		**53**
1	Lớp Đào tạo nhận thức 5S	STC	20
2	Lớp bồi dưỡng chuyển đổi số trong giáo dục dành cho CB Quản lý	Sở LĐ TB&XH	5
3	Tập huấn công tác kiểm tra nội bộ năm học 2025-2026	Sở GD và ĐT	3
4	Tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chính sách Thuế và BHXH đối với các cơ sở GD ngoài công lập trên địa bàn TP	Sở GD và ĐT	3
5	Tập huấn cho GV sử dụng Công nghệ AI vào trong bài giảng	STC	10
6	Tập huấn kỹ năng sư phạm cho giáo viên, nhân viên	STC	5
7	Tập huấn về việc sử dụng phần mềm ASC	STC	7
III	**Năm 2026**		**6**
1	Tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác PCCC và CNCH đối với các doanh nghiệp tham gia lĩnh vực GDĐT trên địa bàn TP	Sở GD và ĐT	1
2	Bồi dưỡng, tập huấn lý luận chính trị hè 2026 cho đội ngũ CBQL, giáo viên ngành giáo dục đào tạo và sinh hoạt chính trị đầu khóa cho HSSV năm học 2026-2027 trên địa bàn TP. HCM	Sở GD và ĐT	5

** Số liệu năm 2026 tính đến thời điểm tự đánh giá; các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng năm 2026 vẫn đang tiếp tục triển khai.*

(*3.1.15 - Báo cáo kết quả các chương trình tập huấn, hội thảo của nhà trường năm 2024, 2025, 2026; 3.1.16 - Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng của cán bộ, nhà giáo năm 2024, 2025, 2026*).

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã thực hiện các chế độ, chính sách về tiền lương, chế độ làm việc, giờ giảng vượt định mức, bảo hiểm và phúc lợi đối với nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động; đồng thời hằng năm xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và phát triển Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: *Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện quản lý, bố trí và rà soát đội ngũ nhà giáo theo các quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Từ ngày 25/6/2024, việc xác định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ được thực hiện theo Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH ngày 10/5/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Đối với chế độ làm việc, khối lượng và định mức giảng dạy, Nhà trường thực hiện theo quy định áp dụng trong từng thời kỳ và Thông tư số 05/2026/TT-BGDĐT ngày 12/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chế độ làm việc đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Nhà trường bố trí đội ngũ nhà giáo theo các khoa chuyên môn tương ứng với cơ cấu ngành, nghề đào tạo; đồng thời sử dụng nhà giáo thỉnh giảng đối với những môn học, mô-đun và lĩnh vực chuyên môn phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo. Danh sách nhà giáo được theo dõi theo từng năm học, trong đó thể hiện trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo, nghiệp vụ sư phạm và các điều kiện chuyên môn khác để làm căn cứ phân công giảng dạy (*3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 1.2.02 - Quyết định về việc thành lập các Phòng, Khoa, Trung tâm chức năng thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn*).

Kết quả tổng hợp trình độ của đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy trong giai đoạn đánh giá như sau:

Trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm và kỹ năng nghề của nhà giáo từ năm 2024 - 2026

Năm học	Tổng số	Thạc sĩ	Đại học	Tin học	Ngoại ngữ	Năng lực sư phạm	Kỹ năng nghề
2023 - 2024	9	6	3	9	9	9	4
2024 - 2025	29	15	14	29	29	29	8
2025 - 2026	29	18	11	29	29	29	5

Số liệu cho thấy 100% nhà giáo trong danh sách tham gia giảng dạy có trình độ từ đại học trở lên; số nhà giáo có trình độ thạc sĩ lần lượt là 06/09, 15/29 và 18/29 người. Đội ngũ được bố trí giảng dạy trên cơ sở chuyên ngành được đào tạo, năng lực chuyên môn và yêu cầu của môn học, mô-đun. Hồ sơ nhà giáo gồm văn bằng, chứng chỉ, hợp đồng, hồ sơ chuyên môn và các tài liệu có liên quan được Nhà trường lưu giữ để kiểm tra, đối chiếu mức độ đáp

ứng chuẩn theo từng vị trí giảng dạy (*3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.3.02 - Hồ sơ nhà giáo, CBQL, cán bộ, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng*).

Về nghiệp vụ sư phạm, hồ sơ tổng hợp cho thấy nhà giáo tham gia giảng dạy được rà soát về văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm phù hợp theo quy định. Đối với năng lực ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin, Nhà trường xem xét sự đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và nhiệm vụ giảng dạy theo chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ hiện hành (*3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.3.02 - Hồ sơ nhà giáo, CBQL, cán bộ, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng*).

Đối với nhà giáo giảng dạy thực hành, tích hợp, Nhà trường rà soát điều kiện về kỹ năng nghề theo ngành, nghề và trình độ được phân công giảng dạy. Việc xác định đáp ứng kỹ năng nghề không chỉ căn cứ vào chứng chỉ kỹ năng nghề riêng mà còn đối chiếu các loại văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận được pháp luật công nhận tương đương đối với từng ngành, nghề và trình độ đào tạo. Vì vậy, Nhà trường thực hiện đối chiếu hồ sơ của từng nhà giáo với môn học, mô-đun được phân công để xác định mức độ đáp ứng chuẩn trước khi bố trí giảng dạy (*3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.3.02 - Hồ sơ nhà giáo, CBQL, cán bộ, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng*).

Việc phân công giảng dạy được thực hiện căn cứ chương trình đào tạo, kế hoạch và tiến độ đào tạo của từng ngành, nghề, khóa và lớp. Các khoa chuyên môn bố trí nhà giáo phù hợp với chuyên môn được đào tạo và nội dung môn học, mô-đun; kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu, sổ lên lớp và giáo án là căn cứ theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ của từng nhà giáo (*2.1.06 - Quyết định ban hành các CTĐT năm 2024, 2025; 2.3.06 - Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.07 - Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.08 - Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.09 - TKB các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.10 - Sổ lên lớp các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.11 - Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Đối với môn Giáo dục quốc phòng và an ninh, Nhà trường phối hợp với Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh - Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức đào tạo cho HSSV. Việc phối hợp giúp Nhà trường bảo đảm điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất và tổ chức giảng dạy môn học theo quy định (*3.3.03 - Hợp đồng và hồ sơ liên kết đào tạo giáo dục quốc phòng an ninh với TT GDQP&AN trường Quân sự Bộ Tư lệnh Tp. Hồ Chí Minh*).

Về **số lượng và cơ cấu đội ngũ**, Nhà trường căn cứ số lượng người học, cơ cấu ngành, nghề, chương trình và khối lượng đào tạo để bố trí nhà giáo cơ hữu và nhà giáo thỉnh giảng. Khối lượng giảng dạy của từng nhà giáo được tổng hợp theo năm học để theo dõi mức độ

thực hiện nhiệm vụ, cân đối phân công và xác định giờ giảng vượt định mức khi có phát sinh (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 3.2.04 - Bảng tổng hợp giờ giảng nhà giáo các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.2.05 - Bảng tổng hợp chi trả tiền giảng dạy vượt giờ của nhà giáo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Đồng thời, Nhà trường thực hiện thống kê tỷ lệ người học/nhà giáo quy đổi theo từng năm học để theo dõi mức độ đáp ứng về số lượng đội ngũ so với quy mô đào tạo. Kết quả thống kê là căn cứ để Nhà trường cân đối đội ngũ, tuyển dụng hoặc bố trí nhà giáo thỉnh giảng khi cần thiết, bảo đảm nguồn lực giảng dạy phù hợp với sự thay đổi về quy mô người học và ngành, nghề đào tạo (*3.3.04 - Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.17 - Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo của trường: ngành/nghề, trình độ, số lượng tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã tổ chức rà soát, quản lý và bố trí đội ngũ nhà giáo theo yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và các tiêu chuẩn có liên quan; đội ngũ được phân công theo chuyên môn và ngành, nghề đào tạo. Nhà trường đồng thời theo dõi số lượng, khối lượng giảng dạy và tỷ lệ người học/nhà giáo để cân đối đội ngũ phù hợp với quy mô và cơ cấu ngành, nghề đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: *Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn tổ chức hoạt động giảng dạy trên cơ sở các chương trình đào tạo đã được phê duyệt. Chương trình đào tạo của từng ngành, nghề xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, nội dung và thời lượng của từng môn học, mô-đun, làm căn cứ để Nhà trường tổ chức đào tạo và phân công nhà giáo giảng dạy (*2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Hằng năm, căn cứ chương trình đào tạo, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo cho từng khóa, lớp, học kỳ và năm học. Trên cơ sở đó, các khoa chuyên môn bố trí nhà giáo giảng dạy phù hợp với chuyên môn, năng lực và nội dung môn học, mô-đun; xây dựng kế hoạch giảng dạy và tổ chức thực hiện theo thời khóa biểu đã được phê duyệt (*2.3.06 - Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.07 - Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.08 - Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.09 - TKB các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Trong quá trình giảng dạy, nhà giáo thực hiện nội dung môn học, mô-đun theo chương trình và kế hoạch đã được phê duyệt; bảo đảm mục tiêu, nội dung, thời lượng và yêu cầu về

kiến thức, kỹ năng của từng môn học, mô-đun. Nhà giáo chuẩn bị và sử dụng giáo án, sổ tay giáo viên, thực hiện ghi sổ lên lớp và các hồ sơ chuyên môn theo quy định; qua đó thể hiện việc triển khai nội dung giảng dạy và tiến độ thực hiện chương trình trên thực tế (*2.3.08 - Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.10 - Sổ lên lớp các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.11 - Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Việc tổ chức giảng dạy đồng thời tuân thủ các quy định về nền nếp chuyên môn, thời gian lên lớp, thực hiện thời khóa biểu, quản lý lớp học, hồ sơ giảng dạy và các quy định có liên quan đến tổ chức đào tạo. Kế hoạch, tiến độ, thời khóa biểu, sổ lên lớp và giáo án được sử dụng để theo dõi, đối chiếu giữa nội dung chương trình đã phê duyệt với hoạt động giảng dạy thực tế của nhà giáo (*2.3.06 - Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.07 - Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.09 - TKB các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.10 - Sổ lên lớp các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Hằng năm, Nhà trường thực hiện kiểm tra chuyên môn nhằm giám sát việc chấp hành các quy định về tổ chức đào tạo và thực hiện chương trình của nhà giáo. Nội dung kiểm tra gồm dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, giáo án, sổ lên lớp và việc thực hiện kế hoạch, tiến độ giảng dạy. Kết quả kiểm tra được lập biên bản, làm căn cứ đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và kịp thời chấn chỉnh những nội dung chưa phù hợp (*2.7.01 - Kế hoạch của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng STC về việc Kiểm tra chuyên môn năm học 2024-2025, 2025-2026; 2.7.02 - Hồ sơ thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm 2024, 2025 gồm các biên bản dự giờ, biên bản kiểm tra hồ sơ sổ sách*).

Bên cạnh hoạt động kiểm tra chuyên môn trực tiếp, Nhà trường đầu tư hệ thống camera tại khu vực giảng dạy và các khu vực cần thiết để hỗ trợ công tác quản lý, theo dõi nền nếp dạy và học. Hệ thống camera là công cụ hỗ trợ giám sát, góp phần tăng cường khả năng theo dõi việc tổ chức các hoạt động đào tạo nhưng không thay thế hoạt động kiểm tra chuyên môn của các đơn vị chức năng (*2.7.07 - Hồ sơ mua và lắp đặt hệ thống camera giám sát của nhà trường*).

Như vậy, nhà giáo của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn được phân công và tổ chức giảng dạy trên cơ sở chương trình, kế hoạch và tiến độ đào tạo đã được phê duyệt; thực hiện nội dung, mục tiêu và yêu cầu của từng môn học, mô-đun; đồng thời thực hiện hồ sơ chuyên môn và các quy định liên quan đến tổ chức đào tạo. Việc thực hiện được Nhà trường theo dõi, kiểm tra và giám sát định kỳ, góp phần bảo đảm hoạt động giảng dạy được triển khai đúng chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: *Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn xác định đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhà giáo là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhằm chuẩn hóa đội ngũ, nâng cao chất lượng giảng dạy và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường đã xây dựng và thực hiện các chính sách, biện pháp tạo điều kiện, khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế độ làm việc của nhà giáo và các quy định có liên quan (*3.2.01 - Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường; 3.2.02 - Quyết định ban hành chế độ làm việc của nhà giáo*).

Nhà trường ban hành quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo làm căn cứ để rà soát năng lực đội ngũ, xác định những nội dung cần đào tạo, bồi dưỡng và định hướng nhà giáo chủ động học tập, tự bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu của vị trí giảng dạy. Trên cơ sở kết quả rà soát đội ngũ và nhu cầu của các đơn vị, Nhà trường xác định nhu cầu bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các năng lực cần thiết phục vụ hoạt động giảng dạy (*3.5.01 - Quyết định ban hành quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo*).

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ. Các khoa, đơn vị đề xuất nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng căn cứ vào yêu cầu chuyên môn, nhiệm vụ được giao và định hướng phát triển đội ngũ; Phòng Hành chính - Tổng hợp tổng hợp, tham mưu kế hoạch trình Hiệu trưởng phê duyệt. Trên cơ sở kế hoạch, Nhà trường cử nhà giáo tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hội thảo chuyên môn do các cơ quan, đơn vị bên ngoài tổ chức; đồng thời chủ động tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo tại Trường (*3.1.09 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2024, 2025, 2026; 3.1.10 - Quyết định cử cán bộ, nhà giáo đi đào tạo, bồi dưỡng, tham gia học tập năm 2024, 2025, 2026; 3.1.11 - Công văn, thư mời tham gia hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng năm 2024, 2025, 2026; 3.1.12 - Danh sách cử cán bộ, nhân viên tham gia hội thảo, tập huấn theo thư mời năm 2024, 2025, 2026*).

Bên cạnh việc cử nhà giáo tham gia các chương trình bên ngoài, Nhà trường triển khai nhiều hoạt động bồi dưỡng tại chỗ nhằm tạo điều kiện để nhà giáo thường xuyên cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Nội dung tập huấn, hội thảo được lựa chọn gắn với yêu cầu thực tiễn của hoạt động đào tạo, trong đó chú trọng nghiệp vụ sư phạm, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng phần mềm quản lý và hỗ trợ đào tạo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế và tổ chức bài giảng. Nhà giáo được khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, ứng dụng kiến thức sau bồi dưỡng vào hoạt động giảng dạy và chủ động đổi mới phương pháp theo hướng tăng cường sự tham gia của người học (*3.1.13 - Kế hoạch tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên môn của Nhà trường năm 2024, 2025, 2026; 3.1.14 - Danh sách cán bộ, nhà giáo tham gia các chương trình tập huấn, hội thảo năm 2024, 2025, 2026; 3.1.15 - Báo cáo kết quả các chương trình tập huấn, hội thảo của Nhà trường năm 2024, 2025, 2026*).

Kết quả thực hiện cho thấy nhà giáo đã tham gia nhiều hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trong giai đoạn 2024-2026. Năm 2024, Nhà trường có các hoạt động bồi dưỡng về lý luận chính trị, giáo dục quốc phòng và an ninh, tham vấn tâm lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế bài giảng và kỹ năng sư phạm; năm 2025 tiếp tục triển khai các nội dung về 5S, chuyển đổi số trong giáo dục, kiểm tra nội bộ, ứng dụng AI trong bài giảng, kỹ năng sư phạm và sử dụng phần mềm ASC. Năm 2026, tại thời điểm tự đánh giá, Nhà trường tiếp tục cử cán bộ, nhà giáo tham gia các chương trình tập huấn theo kế hoạch và theo yêu cầu của cơ quan quản lý. Kết quả tham gia được theo dõi thông qua báo cáo, văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận và các hồ sơ liên quan (*3.1.15 - Báo cáo kết quả các chương trình tập huấn, hội thảo của Nhà trường năm 2024, 2025, 2026; 3.1.16 - Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng của cán bộ, nhà giáo năm 2024, 2025, 2026; 3.1.17 - Báo cáo tổng kết hoạt động đào tạo, bồi dưỡng các năm 2024, 2025*).

Thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, Nhà trường từng bước tạo môi trường khuyến khích nhà giáo chủ động cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và đổi mới phương pháp giảng dạy. Việc bồi dưỡng về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, AI và kỹ năng sư phạm đã hỗ trợ nhà giáo tăng cường sử dụng bài giảng điện tử, công cụ số và các phương pháp giảng dạy phù hợp trong quá trình tổ chức dạy học.

Nhà trường đồng thời thực hiện khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo về các chính sách, biện pháp khuyến khích học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đổi mới phương pháp giảng dạy. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích để đánh giá mức độ phù hợp của các chính sách, biện pháp đang thực hiện và làm cơ sở xem xét điều chỉnh, cải tiến hoạt động phát triển đội ngũ (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Nhìn chung, Nhà trường đã có và tổ chức thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đổi mới phương pháp giảng dạy. Các hoạt động được triển khai thông qua kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm, việc cử nhà giáo tham gia các chương trình bên ngoài và tổ chức tập huấn, hội thảo chuyên môn tại Trường. Kết quả thực hiện góp phần nâng cao năng lực đội ngũ, tăng cường ứng dụng công nghệ và đổi mới phương pháp giảng dạy, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: *Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn xác định việc học tập, bồi dưỡng và thực tập thực tế là hoạt động cần thiết nhằm giúp nhà giáo thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, công nghệ, quy trình nghề nghiệp và nâng cao kỹ năng thực hành theo yêu cầu của từng ngành, nghề đào tạo. Trên cơ sở danh sách và hồ sơ đội ngũ được cập nhật hằng năm, Nhà trường rà soát chuyên môn, vị trí giảng dạy và nhu cầu bồi dưỡng để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ phù hợp (*3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Hằng năm, các khoa chuyên môn căn cứ chương trình đào tạo, môn học/mô-đun được phân công và yêu cầu cập nhật kỹ năng nghề để đề xuất nhà giáo tham gia bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp. Nhà trường xây dựng kế hoạch, xác định thời gian, đơn vị tiếp nhận, nội dung thực tập và ban hành quyết định cử nhà giáo tham gia. Thời gian thực tập được bố trí phù hợp với kế hoạch đào tạo, chủ yếu vào thời gian không ảnh hưởng đến nhiệm vụ giảng dạy của nhà giáo (*3.6.01 - Kế hoạch thực tập, bồi dưỡng tại DN của nhà giáo năm 2024, 2025, 2026; 3.6.02 - Quyết định cử cán bộ, nhà giáo đi bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp năm 2024, 2025, 2026*).

Nội dung thực tập, bồi dưỡng được lựa chọn phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhà giáo và đặc thù ngành, nghề đào tạo, tập trung vào cập nhật quy trình thực tế, công nghệ, thiết bị, phương pháp tổ chức công việc và kỹ năng nghề nghiệp tại doanh nghiệp. Trong quá trình thực tập, nhà giáo thực hiện các nội dung theo kế hoạch và yêu cầu của đơn vị tiếp nhận; kết thúc đợt thực tập có báo cáo kết quả và xác nhận của doanh nghiệp, làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện (*3.6.03 - Báo cáo kết quả thực tập, bồi dưỡng của nhà giáo có xác nhận của doanh nghiệp năm 2024, 2025, 2026*).

Kết quả thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp của nhà giáo chuyên môn trong giai đoạn đánh giá được tổng hợp như sau:

Năm học	**Số nhà giáo đi thực tập**	**Đơn vị thực tập**
2023-2024	4 nhà giáo (trong đó đảm bảo 4 nhà giáo giảng dạy đúng chuyên ngành).	- Công ty CP đầu tư địa ốc Sài Gòn KING LAND - Công ty CP Quản lý Dịch vụ ADORA - Công ty TNHH XNK Ô tô NAM BỘ
2024-2025	22 nhà giáo (trong đó đảm bảo 22 nhà giáo giảng dạy đúng chuyên ngành).	- Công ty CP GREEN SPEED - Công ty CP đầu tư địa ốc Sài Gòn KING LAND - Công ty CP Quản lý Dịch vụ ADORA - Trung tâm Hội nghị tiệc cưới METROPOLE - Công ty TNHH T&C AUTO CENTER - Công ty TNHH XNK Ô tô NAM BỘ

2025-2026	20 nhà giáo (trong đó đảm bảo 20 nhà giáo giảng dạy đúng chuyên ngành).	- Công ty CP GREEN SPEED - Công ty CP Quản lý Dịch vụ ADORA - Trung tâm Hội nghị tiệc cưới METROPOLE - Công ty TNHH T&C AUTO CENTER - Công ty TNHH XNK Ô tô NAM BỘ - Công ty CP đầu tư địa ốc Sài Gòn KING LAND

Số nhà giáo được cử đi thực tập đều được bố trí tại các đơn vị có hoạt động phù hợp với chuyên ngành giảng dạy. Theo thống kê của Nhà trường, số lượng 04 nhà giáo năm học 2023-2024, 22 nhà giáo năm học 2024-2025 và 20 nhà giáo năm học 2025-2026 tương ứng với đội ngũ nhà giáo giảng dạy các môn học, mô-đun chuyên môn thuộc diện Nhà trường bố trí thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp trong từng năm học. Qua đó, hoạt động thực tập được thực hiện gắn với chuyên môn giảng dạy và yêu cầu cập nhật thực tiễn nghề nghiệp (*3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.6.01 - Kế hoạch thực tập, bồi dưỡng tại DN của nhà giáo năm 2024, 2025, 2026; 3.6.02 - Quyết định cử cán bộ, nhà giáo đi bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp năm 2024, 2025, 2026; 3.6.03 - Báo cáo kết quả thực tập, bồi dưỡng của nhà giáo có xác nhận của doanh nghiệp năm 2024, 2025, 2026*).

Bên cạnh hoạt động thực tập tại doanh nghiệp, nhà giáo còn được tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng chuyên môn nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ và phương pháp giảng dạy, trong đó có các nội dung về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng AI, nghiệp vụ sư phạm và các chuyên đề phù hợp với yêu cầu thực tế của ngành, nghề. Các hình thức bồi dưỡng và thực tập được kết hợp nhằm giúp nhà giáo vừa cập nhật kiến thức, phương pháp, vừa tăng cường trải nghiệm thực tiễn nghề nghiệp.

Nhà trường đồng thời thực hiện lấy ý kiến nhà giáo về hoạt động học tập, bồi dưỡng và thực tập để xem xét mức độ phù hợp, hiệu quả và nhu cầu phát triển chuyên môn. Kết quả khảo sát được tổng hợp làm nguồn thông tin phục vụ việc điều chỉnh kế hoạch và nội dung bồi dưỡng, thực tập cho các năm tiếp theo (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch học tập, bồi dưỡng, thực tập đối với nhà giáo theo từng năm; nhà giáo chuyên môn được bố trí thực tập tại các doanh nghiệp phù hợp với lĩnh vực giảng dạy, có quyết định cử đi và báo cáo kết quả được đơn vị tiếp nhận xác nhận. Hoạt động này góp phần giúp nhà giáo cập nhật kiến thức, công nghệ, quy trình thực tế và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn bố trí đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), người lao động phù hợp với cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và yêu cầu hoạt động của Nhà trường. Hồ sơ đội ngũ được cập nhật hằng năm, trong đó thể hiện vị trí công tác, trình độ chuyên môn, văn bằng, chứng chỉ và các thông tin liên quan làm căn cứ bố trí, sử dụng và đánh giá nhân sự (*3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.3.02 - Hồ sơ nhà giáo, CBQL, cán bộ, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng*).

Tính đến thời điểm đánh giá, Ban Giám hiệu Nhà trường có **04 CBQL**, gồm 01 Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng; 100% có trình độ thạc sĩ. Hiệu trưởng được cơ quan có thẩm quyền công nhận; các Phó Hiệu trưởng được bổ nhiệm theo quy định và được phân công phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường (*3.1.05 - Quyết định số 828/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2023 về việc công nhận chức danh Hiệu trưởng nhà trường; 3.1.06 - Các Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng nhà trường; 3.7.01 - Phân công nhiệm vụ Ban Giám hiệu*).

Cơ cấu quản lý hiện nay gồm 04 phòng chức năng, 02 trung tâm và 05 khoa chuyên môn. Cụ thể: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế toán - Tài chính, Phòng Công tác HSSV và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng Quản lý Đào tạo; Trung tâm Tuyển sinh - Truyền thông, Trung tâm Đào tạo liên tục; Khoa Công nghệ Thông tin, Khoa Kỹ thuật, Khoa Du lịch, Khoa Kinh tế - Ngoại ngữ và Khoa Khoa học cơ bản. Tại các đơn vị, Nhà trường bố trí trưởng, phó hoặc cán bộ phụ trách phù hợp với yêu cầu quản lý, chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc của từng đơn vị (*3.1.07 - Các Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý nhà trường; 3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Đội ngũ CBQL được bố trí trên cơ sở trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và yêu cầu của vị trí quản lý. Quyền hạn, trách nhiệm của Ban Giám hiệu và CBQL các đơn vị được xác định thông qua quyết định bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, trung tâm. Qua đó, từng CBQL có phạm vi trách nhiệm và lĩnh vực phụ trách rõ ràng, làm cơ sở để tổ chức thực hiện và kiểm tra kết quả công việc (*3.1.07 - Các Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý nhà trường; 3.7.01 - Phân công nhiệm vụ Ban Giám hiệu*).

Đối với đội ngũ người lao động, Nhà trường bố trí nhân sự tại các đơn vị theo vị trí công việc và yêu cầu thực tế. Nhân sự được xem xét về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với nhiệm vụ được giao; hồ sơ được quản lý, cập nhật hằng năm để phục vụ công tác bố trí, sử dụng, đánh giá và xác định nhu cầu bổ sung nhân sự. Cơ cấu nhân sự hiện có tại các phòng, khoa, trung tâm cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành các hoạt động

quản lý, đào tạo, phục vụ và hỗ trợ người học của Nhà trường (*3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 3.3.02 - Hồ sơ nhà giáo, CBQL, cán bộ, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng*).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của CBQL, nhà giáo và người lao động. Nội dung đánh giá gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả công việc; kết quả đánh giá được công nhận và sử dụng làm căn cứ xem xét thi đua, khen thưởng và tiếp tục bố trí, sử dụng nhân sự (*3.7.02 - Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động năm 2024, 2025; 3.7.03 - Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân năm 2024, 2025*).

Kết quả đánh giá cho thấy đội ngũ CBQL và người lao động cơ bản thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công; kết quả hoạt động của các đơn vị được tổng hợp trong báo cáo cuối năm học và làm cơ sở xác định nhiệm vụ, giải pháp quản lý nhân sự cho năm tiếp theo (*3.7.02 - Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động năm 2024, 2025; 1.5.17 - Báo cáo tổng kết của trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Bên cạnh việc bố trí, sử dụng và đánh giá đội ngũ, Nhà trường thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBQL và người lao động định kỳ. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở nhu cầu của từng đơn vị và yêu cầu của vị trí công việc; cử CBQL, người lao động tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, bồi dưỡng nhằm cập nhật kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và các quy định mới có liên quan (*3.1.09 - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2024, 2025, 2026; 3.1.10 - Quyết định cử cán bộ, nhà giáo đi đào tạo bồi dưỡng, tham gia học tập năm 2024, 2025, 2026; 3.1.11 - Công văn, thư mời tham gia hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng năm 2024, 2025, 2026; 3.1.12 - Danh sách cử cán bộ, nhân viên tham gia hội thảo, tập huấn theo thư mời năm 2024, 2025, 2026*).

Ngoài các chương trình do cơ quan, đơn vị bên ngoài tổ chức, Nhà trường chủ động triển khai các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên môn tại Trường với nội dung như chuyển đổi số, công nghệ thông tin, kiểm tra nội bộ, chính sách thuế và bảo hiểm xã hội, 5S, sử dụng phần mềm quản lý và các chuyên đề nghiệp vụ khác. Kết quả tham gia được theo dõi thông qua danh sách, báo cáo, văn bằng, chứng chỉ hoặc chứng nhận của người tham gia (*3.1.13 - Kế hoạch tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên môn của nhà trường năm 2024, 2025, 2026; 3.1.14 - Danh sách cán bộ, nhà giáo tham gia các chương trình tập huấn, hội thảo năm 2024, 2025, 2026; 3.1.15 - Báo cáo kết quả các chương trình tập huấn, hội thảo của nhà trường năm 2024, 2025, 2026; 3.1.16 - Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng của cán bộ, nhà giáo năm 2024, 2025, 2026*).

Nhà trường đồng thời thực hiện lấy ý kiến CBQL và các bên liên quan về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng để xem xét mức độ phù hợp, nhu cầu cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ và làm căn cứ điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo*

sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026).

Như vậy, đội ngũ CBQL của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn được bố trí theo cơ cấu tổ chức, có quyết định bổ nhiệm và phân công nhiệm vụ rõ ràng; Ban Giám hiệu hiện có 04 người, 100% có trình độ thạc sĩ. CBQL và người lao động được bố trí phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, được đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hằng năm và định kỳ tham gia đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ. Qua đó, đội ngũ cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành và phát triển các hoạt động của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3: 02 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã xây dựng, ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng trong việc xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa và bổ sung CTĐT cũng như giáo trình, với sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia và các bên liên quan nhằm đảm bảo tính thực tiễn và phù hợp với yêu cầu của ngành nghề. Các CTĐT cùng chuẩn đầu ra được ban hành đầy đủ, đúng quy định, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp với mục tiêu GDNN, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai để người học, xã hội và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Song song với đó, các CTĐT và giáo trình được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương và yêu cầu hội nhập quốc tế. Các giáo trình cụ thể hóa nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học, bảo đảm tính khoa học, hiện đại và phù hợp với phương pháp giảng dạy, đồng thời được rà soát, chỉnh sửa hằng năm để bắt kịp sự đổi mới của CTĐT. Nhờ đó, hoạt động đào tạo của trường luôn duy trì được sự chuẩn mực, tính minh bạch, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn mới.

Những điểm mạnh:

Các CTĐT của Trường được xây dựng với mục tiêu xác định rõ ràng, có quy định cụ thể về chuẩn đầu ra đối với kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, đồng thời xác định phương pháp và hình thức đào tạo phù hợp cho từng trình độ, mô-đun, môn học của từng ngành nghề. Tất cả đều được thiết kế trên cơ sở Khung trình độ quốc gia Việt Nam, bảo đảm sự thống nhất với sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Trường. Các CTĐT được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và cập nhật kiến thức mới dưới sự góp ý của các giáo viên, chuyên gia và các doanh nghiệp. Trường có đủ các bộ giáo trình và tài liệu tham khảo cho tất cả các môn học chung, các môn cơ sở và các mô đun có trong CTĐT của các nghề.

CTĐT, giáo trình đào tạo (GTĐT) có tính thực tiễn cao với sự tham gia của doanh nghiệp và các bên liên quan trong quá trình thẩm định đã giúp CTĐT của Trường bám sát yêu cầu thực tế của thị trường lao động, đặc biệt là về kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc mà doanh nghiệp yêu cầu.

Những tồn tại:

Việc chuyển đổi từ giáo trình bản in sang giáo trình điện tử (e-book) có tính tương tác và tích hợp trên nền tảng học tập trực tuyến vẫn còn chậm, chưa theo kịp xu hướng phát triển của giáo dục thông minh và chuyển đổi số trong đào tạo.

Hoạt động thu thập ý kiến phản hồi từ cựu HSSV phục vụ công tác rà soát, cập nhật CTĐT mới chỉ được triển khai từ năm 2026 (Vì năm 2026 mới có HSSV tốt nghiệp).

Việc tích hợp các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) chuyên sâu và các phần mềm quản lý du lịch thế hệ mới vào một số môn học tự chọn vẫn còn hạn chế, mới dừng ở giai đoạn triển khai ban đầu và chưa được áp dụng đồng bộ trong CTĐT.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

GTĐT sẽ được cập nhật và biên soạn định kỳ theo sự điều chỉnh của CTĐT để phản ánh những kiến thức mới nhất trong ngành và đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội. Triển khai đề án chuyển đổi hệ thống giáo trình sang định dạng điện tử đa phương tiện số hóa để hỗ trợ HSSV tự học mọi lúc, mọi nơi.

Xây dựng cổng thông tin khảo sát trực tuyến dành riêng cho cựu HSSV và nhà tuyển dụng để tạo kho dữ liệu lớn phục vụ cho công tác rà soát, cải tiến CTĐT hàng năm.

Thường xuyên rà soát, biên soạn, cập nhật, chỉnh sửa, cải tiến CTĐT, được định kỳ đánh giá và cập nhật để đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường lao động. Nhà trường sẽ tăng cường liên kết với doanh nghiệp để đảm bảo tính thực tiễn và cập nhật chương trình theo xu hướng mới. Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp học tập tích cực, giúp sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức mà còn phát triển kỹ năng thực hành.

Tăng cường tích hợp các quy chuẩn quốc tế, thành tựu nghiên cứu khoa học – công nghệ và xu hướng du lịch xanh vào nội dung giáo trình thực hành của ngành dịch vụ nhà hàng và khách sạn, nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp và khả năng hội nhập cho người học.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí 4	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02

Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tổng	**14**

Tiêu chuẩn 4.1*: Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn ban hành và áp dụng quy trình, quy định về xây dựng, lựa chọn, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo (CTĐT), làm căn cứ thống nhất để tổ chức phát triển CTĐT các ngành, nghề của Nhà trường. Quy trình quy định các bước thực hiện, trách nhiệm của các đơn vị, thành phần tham gia, hồ sơ và kết quả đầu ra của từng công đoạn, bảo đảm CTĐT được xây dựng và cập nhật phù hợp với quy định hiện hành và phạm vi ngành, nghề được phép đào tạo (*4.1.01 - Quy trình/quy định về xây dựng CTĐT; 1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp*).

Việc xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng được Nhà trường thực hiện trên cơ sở các quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong từng thời kỳ, trong đó từ năm 2024 thực hiện theo Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Các yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc, khối lượng kiến thức, kỹ năng và nội dung chương trình được cụ thể hóa trong quy trình nội bộ của Nhà trường (*4.1.01 - Quy trình/quy định về xây dựng CTĐT; 2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển, rà soát và cập nhật CTĐT trên cơ sở tình hình tổ chức đào tạo, yêu cầu của ngành, nghề, sự thay đổi của khoa học - công nghệ và nhu cầu của thị trường lao động. Kế hoạch xác định nội dung cần xây dựng hoặc rà soát, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị có liên quan (*4.1.02 - Kế hoạch xây dựng, rà soát CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Để tổ chức thực hiện, Nhà trường thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT, Ban rà soát, chỉnh sửa hoặc Tổ đánh giá, cải tiến, cập nhật CTĐT theo từng năm và từng ngành, nghề. Các ban, tổ chuyên môn thực hiện nghiên cứu chương trình hiện hành, chuẩn đầu ra, nội dung môn học/mô-đun, cơ cấu thời lượng và các yêu cầu chuyên môn để đề xuất xây dựng mới

hoặc điều chỉnh, bổ sung CTĐT. Quá trình làm việc, thảo luận và đề xuất điều chỉnh được thể hiện trong các biên bản của Ban chủ nhiệm hoặc Ban rà soát (*4.1.03 - QĐ về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng; Ban rà soát chỉnh sửa CTĐT; Tổ đánh giá, cải tiến, cập nhật bổ sung CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 4.1.04 - Các biên bản họp Ban chủ nhiệm xây dựng/Ban rà soát, chỉnh sửa CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Trong quá trình xây dựng và chỉnh sửa CTĐT, Nhà trường tổ chức hội thảo, lấy ý kiến chuyên gia, nhà giáo, cán bộ quản lý và đơn vị sử dụng lao động. Các ý kiến tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra, cơ cấu chương trình, nội dung môn học/mô-đun, thời lượng thực hành, thực tập, yêu cầu kỹ năng nghề và mức độ phù hợp với yêu cầu thực tế của doanh nghiệp. Ý kiến của các bên liên quan được tổng hợp để Ban chủ nhiệm, Ban rà soát nghiên cứu, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo CTĐT trước khi trình thẩm định (*4.1.05 - Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia về xây dựng, chỉnh sửa CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Sau khi dự thảo CTĐT được hoàn thiện, Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT. Thành phần Hội đồng được lựa chọn phù hợp với lĩnh vực chuyên môn và yêu cầu của chương trình, trong đó có sự tham gia của các thành viên có kinh nghiệm thực tiễn, chuyên gia và đại diện có liên quan đến ngành, nghề đào tạo. Hội đồng thực hiện xem xét, đánh giá dự thảo CTĐT thông qua phiếu thẩm định, họp thẩm định và lập biên bản kết luận, làm căn cứ để tiếp tục hoàn thiện chương trình (*4.1.06 - QĐ về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT các năm 2023, 2024, 2025, 2026; 4.1.07 - Phiếu thẩm định, Biên bản họp thẩm định và nghiệm thu CTĐT các năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Trên cơ sở kết luận của Hội đồng thẩm định, Ban chủ nhiệm hoặc Ban rà soát tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa, hoàn thiện CTĐT. Sau khi hoàn thiện, CTĐT được trình Hiệu trưởng xem xét, ban hành và tổ chức áp dụng. Các chương trình sau khi ban hành được lưu giữ thành bộ hoàn chỉnh, làm căn cứ tổ chức đào tạo và tiếp tục rà soát, cập nhật trong các chu kỳ tiếp theo (*2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Quá trình xây dựng và cập nhật CTĐT của Nhà trường được thực hiện theo chu trình lập kế hoạch - thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ rà soát - xây dựng hoặc chỉnh sửa dự thảo - lấy ý kiến các bên liên quan và đơn vị sử dụng lao động - thẩm định - tiếp thu, hoàn thiện - ban hành. Việc tổ chức theo quy trình giúp bảo đảm CTĐT không chỉ phù hợp với quy định chuyên môn mà còn có sự tham gia của doanh nghiệp và các bên liên quan, qua đó tăng tính thực tiễn và khả năng đáp ứng yêu cầu sử dụng lao động.

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT; việc xây dựng, rà soát và thẩm định CTĐT được thực hiện có kế hoạch, có tổ chức chuyên môn và Hội đồng thẩm định, có sự tham gia góp ý của chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan.

Kết quả thẩm định được tiếp thu, hoàn thiện trước khi Hiệu trưởng ban hành CTĐT để tổ chức đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: *Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt độngng giáo dục nghề nghiệp.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo (CTĐT), chuẩn đầu ra (CĐR) đối với các ngành, nghề thuộc phạm vi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Việc xây dựng và ban hành CTĐT, CĐR được thực hiện gắn với quá trình phát triển ngành, nghề, trình độ đào tạo của Nhà trường, bảo đảm mỗi ngành, nghề tổ chức đào tạo có CTĐT và CĐR tương ứng làm căn cứ tổ chức tuyển sinh, đào tạo, kiểm tra, đánh giá và công nhận tốt nghiệp (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

CĐR của từng CTĐT được Nhà trường xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo, trình độ đào tạo và đặc thù của từng ngành, nghề; thể hiện những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình. CĐR là căn cứ quan trọng để xây dựng nội dung, cấu trúc CTĐT, xác định các môn học, mô-đun, thời lượng đào tạo, phương pháp tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học. Khi CTĐT được xây dựng mới hoặc rà soát, điều chỉnh, Nhà trường đồng thời xem xét sự phù hợp của CĐR để bảo đảm tính thống nhất giữa mục tiêu đào tạo, CĐR và nội dung chương trình (*2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Sau khi được nâng cấp thành trường cao đẳng, Nhà trường từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống CTĐT phù hợp với ngành, nghề và trình độ đào tạo được đăng ký hoạt động GDNN. Giai đoạn 2023-2026, hoạt động xây dựng mới và rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT được thực hiện liên tục. Kết quả cụ thể như sau:

Năm	Xây dựng mới TC	Xây dựng mới CĐ	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung TC	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐ	Tổng lượt xây dựng/rà soát
2023	4	13	0	0	17
2024	6	0	10	13	31
2025	0	2	11	13	26

2026	1	1	11	14	27

Năm 2023, Nhà trường tập trung xây dựng hệ thống CTĐT sau khi được nâng cấp thành trường cao đẳng. Trong năm, Nhà trường xây dựng mới 17 CTĐT, gồm 04 CTĐT trình độ trung cấp và 13 CTĐT trình độ cao đẳng; 04 CTĐT trình độ trung cấp gồm: Công nghệ thông tin, Kỹ thuật chế biến món ăn, Quản trị kinh doanh và Kế toán doanh nghiệp; 13 CTĐT trình độ cao đẳng gồm: Tiếng Anh, Tiếng Nhật, Công nghệ thông tin, Thiết kế đồ họa, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kỹ thuật chế biến món ăn, Quản trị nhà hàng, Quản trị khách sạn, Quản trị kinh doanh, Kế toán doanh nghiệp, Logistics và Công tác xã hội. Sau quá trình xây dựng, thẩm định, các CTĐT và CĐR tương ứng được ban hành làm căn cứ tổ chức đào tạo (*2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Năm 2024, Nhà trường tiếp tục xây dựng mới 06 CTĐT trình độ trung cấp, gồm: Tiếng Anh, Quản trị mạng máy tính, Thiết kế đồ họa, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Du lịch lữ hành, và Quản trị khách sạn. Như vậy, cùng với 04 CTĐT trung cấp đã được xây dựng trước đó, hệ thống CTĐT trình độ trung cấp của Nhà trường được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện theo phạm vi ngành, nghề đào tạo.

Đặc biệt, sau khi quy định mới về xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT được ban hành năm 2024, Nhà trường tổ chức rà soát, chỉnh sửa, bổ sung 24 CTĐT, gồm 11 CTĐT trình độ trung cấp và 13 CTĐT trình độ cao đẳng. Hoạt động rà soát tập trung xem xét mục tiêu, CĐR, cấu trúc chương trình, nội dung và thời lượng các môn học/mô-đun, tỷ lệ lý thuyết, thực hành, thực tập và sự phù hợp của chương trình với yêu cầu thực tế. CTĐT sau rà soát được hoàn thiện, thẩm định và ban hành theo quy định để tiếp tục áp dụng trong tổ chức đào tạo (*2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025*).

Năm 2025, căn cứ phạm vi ngành, nghề được phép đào tạo và nhu cầu phát triển của Nhà trường, Trường tiếp tục xây dựng mới 02 CTĐT trình độ cao đẳng, gồm Quản trị mạng máy tính và Tiếng Trung Quốc. Đồng thời, Nhà trường tiếp tục thực hiện rà soát, chỉnh sửa, bổ sung 24 CTĐT, gồm 11 CTĐT trình độ trung cấp và 13 CTĐT trình độ cao đẳng. Qua đó, hệ thống CTĐT được duy trì cập nhật, bảo đảm sự phù hợp giữa CĐR, nội dung đào tạo, yêu cầu chuyên môn, kỹ năng nghề và thực tiễn sử dụng lao động (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025*).

Năm 2026, Nhà trường tiếp tục mở rộng hệ thống CTĐT với việc xây dựng mới 02 CTĐT ngành Chăm sóc sắc đẹp, gồm 01 CTĐT trình độ trung cấp và 01 CTĐT trình độ cao đẳng. Đồng thời, Nhà trường tổ chức rà soát, chỉnh sửa, bổ sung 25 CTĐT, trong đó có 11

CTĐT trình độ trung cấp và 14 CTĐT trình độ cao đẳng. So với năm 2025, số CTĐT trình độ cao đẳng thuộc diện rà soát tăng từ 13 lên 14 chương trình do bổ sung CTĐT Quản trị mạng máy tính vào hệ thống CTĐT được rà soát. Việc xây dựng mới CTĐT Chăm sóc sắc đẹp ở cả hai trình độ tiếp tục hoàn thiện hệ thống chương trình tương ứng với phạm vi ngành, nghề đào tạo của Nhà trường (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025*).

Qua quá trình xây dựng, bổ sung và rà soát CTĐT giai đoạn 2023-2025 cho thấy hệ thống CTĐT của Nhà trường được phát triển theo lộ trình gắn với sự mở rộng ngành, nghề đào tạo. Từ 17 CTĐT được xây dựng mới trong năm 2023, Nhà trường tiếp tục bổ sung 07 CTĐT trung cấp năm 2024, 02 CTĐT cao đẳng năm 2025 và 02 CTĐT Chăm sóc sắc đẹp ở hai trình độ năm 2026. Song song với việc xây dựng mới, từ năm 2024 Nhà trường duy trì việc rà soát hệ thống CTĐT với 24 CTĐT năm 2024, 24 CTĐT năm 2025 và 25 CTĐT năm 2026. Việc rà soát, cập nhật thường xuyên giúp CTĐT và CĐR được điều chỉnh phù hợp với quy định hiện hành, yêu cầu tổ chức đào tạo và sự phát triển của ngành, nghề.

Các CTĐT sau khi xây dựng hoặc rà soát, chỉnh sửa được Nhà trường thẩm định, hoàn thiện và ban hành để làm căn cứ tổ chức đào tạo. Bộ CTĐT được quản lý, lưu trữ theo từng năm, từng trình độ và ngành, nghề; trong đó thể hiện các nội dung cơ bản như tên ngành, nghề, mã ngành/nghề, trình độ đào tạo, đối tượng tuyển sinh, mục tiêu đào tạo, CĐR, thời gian và khối lượng đào tạo, danh mục và thời lượng các môn học/mô-đun, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình và các nội dung có liên quan (*2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025*).

Nhà trường đồng thời ban hành CĐR tương ứng với các CTĐT làm cơ sở định hướng hoạt động dạy, học và đánh giá kết quả người học. CĐR được xác định theo từng ngành, nghề và trình độ đào tạo, bảo đảm sự thống nhất với mục tiêu và nội dung CTĐT; là căn cứ để người học nhận biết những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cần đạt sau khi hoàn thành chương trình (*2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025*).

Như vậy, đối chiếu giữa phạm vi ngành, nghề được đăng ký hoạt động GDNN với các quyết định ban hành CĐR, quyết định ban hành CTĐT và bộ CTĐT của Nhà trường cho thấy Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã thực hiện xây dựng, ban hành và từng bước hoàn thiện hệ thống CTĐT, CĐR tương ứng với các ngành, nghề thuộc phạm vi hoạt động GDNN của Trường. Hệ thống CTĐT được rà soát, cập nhật qua các năm, góp phần bảo đảm cơ sở pháp lý và chuyên môn cho việc tổ chức đào tạo, đồng thời đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các*

CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: *Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra (CĐR) cho các chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trên cơ sở mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và đặc điểm của từng ngành, nghề đào tạo. CĐR được xác định là căn cứ để xây dựng nội dung chương trình, tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và xác định mức độ đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp (*2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025*).

Theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ trung cấp tương ứng Bậc 4, trình độ cao đẳng tương ứng Bậc 5. Trên cơ sở đó, CĐR của các CTĐT được Nhà trường xây dựng theo hướng xác định rõ yêu cầu người học cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm phù hợp với từng trình độ. Đồng thời, việc xây dựng CĐR được thực hiện trên cơ sở các quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

Đối với trình độ trung cấp, CĐR được thiết kế phù hợp với yêu cầu của Bậc 4 Khung trình độ quốc gia Việt Nam, trong đó người học phải có kiến thức thực tế và lý thuyết cần thiết trong phạm vi ngành, nghề; có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên và một số nhiệm vụ phức tạp; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc của bản thân trong phạm vi được giao (*2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025*).

Đối với trình độ cao đẳng, CĐR được xây dựng phù hợp với yêu cầu Bậc 5 Khung trình độ quốc gia Việt Nam, theo hướng yêu cầu người học có kiến thức thực tế và lý thuyết rộng trong phạm vi ngành, nghề; có kỹ năng nhận thức và thực hành nghề nghiệp cần thiết để giải quyết các công việc có tính phức tạp; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, hướng dẫn và giám sát người khác trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định và chịu trách nhiệm về kết quả công việc trong phạm vi được giao (*2.1.05 - Quyết định về việc ban hành*

chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026).

CĐR đồng thời được xây dựng phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, chú trọng hình thành năng lực thực hành nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong làm việc, khả năng thích ứng với môi trường lao động và tạo điều kiện để người học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. Những yêu cầu này được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo và CĐR của từng CTĐT, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu giáo dục nghề nghiệp, mục tiêu chương trình và năng lực người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp (*2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Đối với từng ngành, nghề, CĐR được cụ thể hóa theo đặc điểm chuyên môn và yêu cầu về vị trí việc làm. Các yêu cầu về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề, khả năng sử dụng công nghệ, tổ chức thực hiện công việc, giao tiếp nghề nghiệp, mức độ tự chủ và trách nhiệm được xác định phù hợp với đặc thù của từng chương trình đào tạo. CĐR được tích hợp trong CTĐT, là cơ sở để Nhà trường xác định danh mục môn học/mô-đun, nội dung đào tạo, thời lượng lý thuyết, thực hành, thực tập và phương pháp đánh giá người học (*2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT giai đoạn 2023-2026, Nhà trường đồng thời rà soát sự phù hợp giữa mục tiêu đào tạo, CĐR và nội dung chương trình. Đối với CTĐT xây dựng mới hoặc được chỉnh sửa, bổ sung, CĐR được xem xét để bảo đảm tiếp tục đáp ứng yêu cầu của trình độ đào tạo và yêu cầu thực tiễn của ngành, nghề trước khi CTĐT được thẩm định, hoàn thiện và ban hành (*2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Các ngành, nghề và CTĐT của Nhà trường được triển khai trong phạm vi Giấy chứng nhận đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Việc ban hành CĐR tương ứng với CTĐT và ngành, nghề được phép đào tạo góp phần bảo đảm tính thống nhất giữa phạm vi hoạt động GDNN, chương trình đào tạo và yêu cầu năng lực người học sau tốt nghiệp (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Sau khi được ban hành, CĐR của các CTĐT được Nhà trường công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường để người học, nhà giáo, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan có thể tiếp cận. Việc công khai CĐR giúp người học nhận biết yêu cầu về kiến

thức, kỹ năng và năng lực cần đạt sau quá trình đào tạo; đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp và các bên liên quan tham khảo, giám sát và phản hồi về mức độ phù hợp của kết quả đào tạo với yêu cầu thực tế (*4.3.01 - Link CĐR đăng công khai trên Website của Trường*).

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã xây dựng và ban hành CĐR của các CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng theo hướng đáp ứng yêu cầu tương ứng với Bậc 4 và Bậc 5 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam; phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và đặc thù của từng ngành, nghề đào tạo. CĐR được tích hợp trong các CTĐT, được rà soát cùng quá trình cập nhật chương trình và được công bố công khai để người học và các bên liên quan biết, theo dõi và sử dụng (*2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: *Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện định kỳ việc rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo (CTĐT) nhằm bảo đảm chương trình phù hợp với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp, sự phát triển của khoa học - công nghệ, nhu cầu sử dụng lao động và định hướng phát triển ngành, nghề của địa phương. Hoạt động rà soát, cập nhật CTĐT được thực hiện theo quy trình bảo đảm chất lượng đã ban hành và được cụ thể hóa bằng kế hoạch hằng năm (*4.1.02 - Kế hoạch xây dựng, rà soát CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Hằng năm, Nhà trường thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng, Ban rà soát chỉnh sửa hoặc Tổ đánh giá, cải tiến, cập nhật, bổ sung CTĐT theo từng nhóm ngành, nghề. Các ban, tổ chuyên môn thực hiện rà soát mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, nội dung môn học/mô-đun, thời lượng lý thuyết, thực hành, thực tập và các điều kiện tổ chức đào tạo; kết quả thảo luận, đánh giá và đề xuất điều chỉnh được thể hiện trong biên bản làm việc (*4.1.03 - QĐ V/v thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng; Ban rà soát chỉnh sửa CTĐT; Tổ đánh giá, cải tiến, cập nhật bổ sung CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 4.1.04 - Các biên bản họp Ban chủ nhiệm xây dựng/Ban rà soát, chỉnh sửa CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Trong quá trình rà soát, Nhà trường thu thập ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan thông qua hội thảo, phiếu góp ý và khảo sát. Các ý kiến được sử dụng để xem xét mức độ phù hợp của chuẩn đầu ra, nội dung chuyên môn, kỹ năng nghề, yêu cầu thực hành, thực tập và khả năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Kết quả rà soát được tổng hợp thành báo cáo, làm căn cứ xác

định nội dung cần cập nhật, điều chỉnh hoặc bổ sung trong CTĐT (*4.1.05 - Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia về xây dựng, chỉnh sửa CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 4.4.01 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá CTĐT năm 2024, 2025, 2026; 1.1.07 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm 2024, 2025, 2026*).

Kết quả thực hiện cho thấy hoạt động rà soát, cập nhật CTĐT được duy trì liên tục trong giai đoạn 2024-2026. Cụ thể:

Năm	CTĐT trình độ trung cấp được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung	CTĐT trình độ cao đẳng được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung	Tổng số CTĐT được rà soát
2024	11	13	24
2025	11	13	24
2026	11	14	25

Năm 2024, sau khi có quy định mới về xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, Nhà trường thực hiện rà soát, chỉnh sửa, bổ sung 24 CTĐT, gồm 11 CTĐT trình độ trung cấp và 13 CTĐT trình độ cao đẳng. Năm 2025, Nhà trường tiếp tục rà soát 24 CTĐT ở hai trình độ. Đến năm 2026, số CTĐT được rà soát tăng lên 25 chương trình, gồm 11 CTĐT trình độ trung cấp và 14 CTĐT trình độ cao đẳng, phù hợp với việc mở rộng hệ thống ngành, nghề đào tạo của Nhà trường (*4.1.02 - Kế hoạch xây dựng, rà soát CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 4.4.01 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá CTĐT năm 2024, 2025, 2026*).

Nội dung rà soát không chỉ tập trung vào hình thức, cấu trúc chương trình mà còn xem xét sự phù hợp của CTĐT với những thay đổi về khoa học - công nghệ, phương thức sản xuất, tổ chức công việc và yêu cầu kỹ năng nghề. Nhà trường thu thập, tổng hợp thông tin về các thành tựu khoa học, công nghệ mới có liên quan đến ngành, nghề để xem xét cập nhật vào nội dung môn học, mô-đun, hoạt động thực hành, thực tập hoặc phương pháp tổ chức đào tạo khi phù hợp (*4.4.02 - Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Việc cập nhật CTĐT đồng thời được xem xét trong mối quan hệ với điều kiện tổ chức đào tạo. Trên cơ sở nội dung chương trình và yêu cầu thực hành, Nhà trường rà soát, ban hành danh mục trang thiết bị và vật tư tiêu hao kèm theo CTĐT, làm căn cứ chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ việc triển khai chương trình sau khi được cập nhật (*4.4.03 - Quyết định ban hành Danh mục trang thiết bị và vật tư tiêu hao kèm theo CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Sau quá trình rà soát, dự thảo CTĐT được Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá. Hội đồng sử dụng phiếu thẩm định, tổ chức họp và đưa ra kết luận về mức độ đáp ứng yêu cầu, các nội dung cần tiếp tục điều chỉnh trước khi nghiệm thu. Ban chủ nhiệm/Ban rà soát tiếp

thu ý kiến, hoàn thiện CTĐT và trình Hiệu trưởng ban hành để áp dụng cho các khóa đào tạo tương ứng (*4.1.06 - QĐ v/v thành lập hội đồng thẩm định CTĐT các năm 2023, 2024, 2025, 2026; 4.1.07 - Phiếu thẩm định, Biên bản họp thẩm định và nghiệm thu CTĐT các năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Qua quá trình rà soát và cập nhật, các CTĐT được điều chỉnh theo hướng bảo đảm sự phù hợp giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung môn học/mô-đun với yêu cầu thực tiễn của ngành, nghề. Các nội dung không còn phù hợp được xem xét điều chỉnh; nội dung mới liên quan đến công nghệ, kỹ năng nghề, phương pháp tổ chức công việc và yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động được nghiên cứu bổ sung khi cần thiết. Việc rà soát cũng là cơ sở để điều chỉnh thời lượng, cơ cấu lý thuyết - thực hành - thực tập, góp phần tăng tính thực tiễn và khả năng thích ứng của người học sau tốt nghiệp (*4.1.04 - Các biên bản họp Ban chủ nhiệm xây dựng/Ban rà soát, chỉnh sửa CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 4.1.05 - Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia về xây dựng, chỉnh sửa CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 4.4.01 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá CTĐT năm 2024, 2025, 2026; 4.4.02 - Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Kết quả rà soát, cập nhật CTĐT qua các năm cho thấy Nhà trường duy trì được chu trình rà soát - lấy ý kiến các bên liên quan - xác định nội dung cần cải tiến - cập nhật CTĐT - thẩm định - ban hành và tổ chức thực hiện. Số lượng CTĐT được rà soát duy trì ở mức 24 chương trình trong năm 2024 và 2025, tăng lên 25 chương trình năm 2026, thể hiện việc rà soát được thực hiện song hành với sự mở rộng ngành, nghề đào tạo của Nhà trường.

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã thực hiện định kỳ việc rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến CTĐT; hoạt động được triển khai theo kế hoạch, có sự tham gia của nhà giáo, chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan. Kết quả rà soát được sử dụng để cập nhật mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, cơ cấu chương trình và điều kiện tổ chức đào tạo, góp phần bảo đảm CTĐT phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của khoa học - công nghệ, ngành, nghề và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: *Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã ban hành và áp dụng quy trình, quy định về biên soạn, lựa chọn, thẩm định, phê duyệt và sử dụng giáo trình đào tạo làm căn cứ

thống nhất triển khai trong toàn trường. Quy trình quy định các bước thực hiện từ xác định nhu cầu, lập kế hoạch; thành lập Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung; lấy ý kiến chuyên gia và các bên liên quan; thẩm định; hoàn thiện, phê duyệt và đưa giáo trình vào sử dụng. Đồng thời, quy trình xác định trách nhiệm của Phòng Quản lý Đào tạo, các khoa chuyên môn, Ban biên soạn/lựa chọn, Hội đồng thẩm định và các cá nhân có liên quan. Việc xây dựng, lựa chọn và cập nhật giáo trình được thực hiện trên cơ sở chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và yêu cầu của từng môn học, mô-đun, bảo đảm sự thống nhất giữa chương trình và tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập (*4.5.01 - Quy trình/quy định về biên soạn, cập nhật giáo trình đào tạo*).

Trên cơ sở các chương trình đào tạo đã được ban hành và nhu cầu giáo trình phục vụ đào tạo, hằng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch biên soạn, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình. Trong các năm 2024, 2025 và 2026, kế hoạch xác định các giáo trình cần biên soạn mới, lựa chọn hoặc cập nhật phù hợp với chương trình đào tạo đang áp dụng. Căn cứ kế hoạch được phê duyệt, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập các Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình và phân công nhiệm vụ cho các thành viên phù hợp với chuyên môn của từng ngành, nghề (*4.5.02 - Kế hoạch xây dựng, biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.5.03 - Quyết định thành lập Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026*).

Các Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch và quy trình đã được Nhà trường ban hành. Nội dung giáo trình được xây dựng hoặc lựa chọn trên cơ sở mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung chương trình đào tạo, yêu cầu kiến thức, kỹ năng của từng môn học, mô-đun và yêu cầu thực tiễn của ngành, nghề. Trong quá trình thực hiện, các thành viên tổ chức họp, trao đổi, đánh giá cấu trúc, nội dung, mức độ phù hợp giữa lý thuyết và thực hành, tính cập nhật của kiến thức, kỹ năng, công nghệ và khả năng sử dụng giáo trình trong hoạt động dạy và học. Kết quả làm việc và các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung được ghi nhận trong biên bản của Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình (*4.5.04 - Biên bản làm việc của Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026*).

Để tăng tính thực tiễn và bảo đảm giáo trình phù hợp với yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến chuyên gia và các bên liên quan thông qua hội thảo chuyên môn, phiếu lấy ý kiến và các hình thức trao đổi phù hợp. Thành phần tham gia có cán bộ quản lý, nhà giáo, chuyên gia có kinh nghiệm chuyên môn và đại diện đơn vị sử dụng lao động. Các ý kiến tập trung đánh giá mức độ phù hợp của giáo trình với chương trình đào tạo, nội dung kiến thức và kỹ năng nghề, tính cập nhật về khoa học, công nghệ, quy trình nghề nghiệp và yêu cầu thực tế của doanh nghiệp. Các ý kiến góp ý được Ban biên soạn nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo giáo trình trước khi trình Hội đồng thẩm định (*4.5.05 - Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia về giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.5.06 - Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, đơn vị sử dụng lao động tham gia biên soạn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026*).

Sau khi hoàn thiện dự thảo giáo trình, Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình để tổ chức đánh giá trước khi phê duyệt và đưa vào sử dụng. Hội đồng thẩm định được thành lập bảo đảm thành phần theo quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH. Hội đồng có số lượng thành viên là số lẻ, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên; thành phần có giáo viên, giảng viên, chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp với ngành, nghề của giáo trình được thẩm định. Việc bố trí thành phần Hội đồng bảo đảm có sự tham gia của những người có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn để đánh giá khách quan, toàn diện chất lượng giáo trình (*4.5.07 - Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2024, 2025*).

Hội đồng thẩm định thực hiện đánh giá giáo trình trên các nội dung chủ yếu như: mức độ phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra và nội dung chương trình đào tạo; mức độ đáp ứng yêu cầu kiến thức, kỹ năng của môn học, mô-đun; tính chính xác, khoa học, hệ thống và cập nhật của nội dung; sự phù hợp giữa lý thuyết với thực hành; khả năng ứng dụng vào hoạt động dạy và học; mức độ cập nhật công nghệ và thực tiễn nghề nghiệp. Ý kiến của các thành viên và kết luận của Hội đồng được ghi nhận trong hồ sơ thẩm định, nghiệm thu. Trường hợp giáo trình cần chỉnh sửa, Ban biên soạn thực hiện tiếp thu ý kiến của Hội đồng, hoàn thiện giáo trình trước khi trình Hiệu trưởng phê duyệt (*4.5.08 - Các biên bản thẩm định và nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2024, 2025*).

Căn cứ kết quả thẩm định và giáo trình đã được hoàn thiện sau thẩm định, Hiệu trưởng ban hành quyết định phê duyệt giáo trình để đưa vào sử dụng chính thức. Các giáo trình sau khi được phê duyệt được Nhà trường tổ chức in ấn, lưu trữ và sử dụng phục vụ trực tiếp hoạt động giảng dạy, học tập của nhà giáo và HSSV. Việc thực hiện đầy đủ các bước từ biên soạn, lấy ý kiến, thẩm định đến phê duyệt và sử dụng góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa chương trình đào tạo, nội dung giảng dạy và tài liệu học tập (*4.5.09 - Quyết định ban hành giáo trình đào tạo năm 2024, 2025; 4.5.11 - Bản in giáo trình đào tạo ban hành năm 2024, 2025*).

Đối với các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng, Nhà trường thực hiện lựa chọn giáo trình để tổ chức giảng dạy theo quy định. Trên cơ sở chương trình môn học và các tài liệu, giáo trình phù hợp, Nhà trường đã ban hành quyết định lựa chọn giáo trình đối với 06 môn học chung để áp dụng thống nhất trong tổ chức đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng (*4.5.10 - Quyết định lựa chọn 06 môn học chung các trình độ Cao đẳng, Trung cấp*).

Năm 2026, trên cơ sở các chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch rà soát và xây dựng giáo trình tương ứng. Đối với các môn học, mô-đun mới hoặc có nội dung điều chỉnh theo chương trình đào tạo năm 2026, Nhà trường đã triển khai thành lập Ban biên soạn/lựa chọn và tổ chức các hoạt động biên soạn, rà soát, lấy ý kiến theo kế hoạch. Tại thời điểm tự đánh giá, một số giáo trình năm 2026 vẫn đang trong quá trình biên soạn và hoàn thiện nên chưa tổ chức thẩm định, nghiệm thu và chưa ban hành chính thức. Sau khi hoàn thiện, Nhà trường tiếp tục thực hiện các bước thẩm định,

chỉnh sửa, phê duyệt và đưa vào sử dụng theo quy trình đã ban hành (*4.5.02 - Kế hoạch xây dựng, biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.5.03 - Quyết định thành lập Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.5.04 - Biên bản làm việc của Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.5.05 - Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia về giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026*).

Qua hồ sơ và kết quả triển khai cho thấy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Hoạt động xây dựng giáo trình được triển khai theo kế hoạch, có sự tham gia của cán bộ quản lý, nhà giáo, chuyên gia và đơn vị sử dụng lao động; Hội đồng thẩm định được thành lập với thành phần phù hợp theo quy định. Giáo trình sau thẩm định được tiếp thu, hoàn thiện, phê duyệt và đưa vào sử dụng phục vụ đào tạo. Đối với năm 2026, Nhà trường đang tiếp tục hoàn thiện các giáo trình tương ứng với những nội dung chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung, bảo đảm duy trì quá trình cập nhật và cải tiến giáo trình phù hợp với yêu cầu đào tạo và thực tiễn ngành, nghề.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: *Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện xây dựng, lựa chọn, thẩm định và ban hành giáo trình phục vụ giảng dạy trên cơ sở các chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Hệ thống giáo trình được xây dựng hoặc lựa chọn tương ứng với các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo đang tổ chức thực hiện, làm tài liệu chính thức phục vụ hoạt động giảng dạy của nhà giáo và học tập của HSSV. Đối với các môn học, mô-đun chuyên môn, Nhà trường ban hành giáo trình sau khi thực hiện biên soạn, thẩm định và nghiệm thu; đối với 06 môn học chung, Nhà trường thực hiện lựa chọn giáo trình để áp dụng thống nhất đối với trình độ trung cấp và cao đẳng. Các giáo trình sau khi được phê duyệt được in, lưu trữ và đưa vào sử dụng trong hoạt động đào tạo (*4.5.09 - Quyết định ban hành giáo trình đào tạo năm 2024, 2025; 4.5.10 - Quyết định lựa chọn 06 môn học chung các trình độ Cao đẳng, Trung cấp; 4.5.11 - Bản in giáo trình đào tạo ban hành năm 2024, 2025*).

Việc xây dựng và ban hành giáo trình được thực hiện gắn với từng chương trình đào tạo và nội dung của từng môn học, mô-đun. Trên cơ sở chương trình đào tạo, Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đối chiếu mục tiêu môn học, mô-đun, vị trí, tính chất, thời lượng, nội dung kiến thức, yêu cầu kỹ năng và các điều kiện thực hiện để xây dựng nội dung giáo trình tương ứng. Qua đó, giáo trình cụ thể hóa các yêu cầu của môn học, mô-đun thành các chương, bài và nội dung học tập cụ thể, bảo đảm cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn và hình thành kỹ năng theo yêu cầu của chương trình đào tạo (*4.5.03 - Quyết định thành lập Ban*

biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.5.04 - Biên bản làm việc của Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.5.11 - Bản in giáo trình đào tạo ban hành năm 2024, 2025).

Đối với các môn học lý thuyết, nội dung giáo trình được bố trí theo các chương, bài và nội dung kiến thức tương ứng với yêu cầu của môn học, tạo điều kiện cho nhà giáo tổ chức các hoạt động thuyết trình, trao đổi, thảo luận, giải quyết tình huống và hướng dẫn người học tự nghiên cứu. Đối với các môn học, mô-đun có nội dung thực hành, giáo trình chú trọng cụ thể hóa các kiến thức chuyên môn thành nội dung thực hành, quy trình, thao tác và yêu cầu kỹ năng nghề để người học có thể vận dụng kiến thức vào thực hành. Cách thức tổ chức nội dung này tạo điều kiện để nhà giáo kết hợp giữa hướng dẫn lý thuyết, trình diễn kỹ năng, thực hành, luyện tập và xử lý các tình huống nghề nghiệp, phù hợp với đặc điểm đào tạo theo định hướng phát triển năng lực thực hiện.

Trong quá trình biên soạn và hoàn thiện giáo trình, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, chuyên gia và đơn vị sử dụng lao động nhằm đánh giá mức độ phù hợp của nội dung giáo trình với chương trình đào tạo và thực tiễn nghề nghiệp. Các ý kiến tập trung vào nội dung kiến thức, kỹ năng cần trang bị cho người học; tính cập nhật của kiến thức, công nghệ; mức độ phù hợp giữa lý thuyết và thực hành; khả năng áp dụng giáo trình trong tổ chức giảng dạy và yêu cầu thực tế tại doanh nghiệp. Ý kiến của các bên liên quan được Ban biên soạn nghiên cứu, tiếp thu để hoàn thiện giáo trình trước khi thẩm định (*4.5.05 - Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia về giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.5.06 - Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, đơn vị sử dụng lao động tham gia biên soạn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026*).

Trước khi ban hành, giáo trình được Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá về mức độ phù hợp với chương trình đào tạo; mục tiêu, yêu cầu kiến thức và kỹ năng của môn học, mô-đun; tính chính xác, khoa học, hệ thống và cập nhật của nội dung; cấu trúc giáo trình và khả năng sử dụng trong hoạt động dạy và học. Kết quả đánh giá và những nội dung yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung được thể hiện trong biên bản thẩm định, nghiệm thu. Chỉ những giáo trình đáp ứng yêu cầu và được hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định mới được trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành để sử dụng trong Nhà trường (*4.5.07 - Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2024, 2025; 4.5.08 - Các biên bản thẩm định và nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2024, 2025; 4.5.09 - Quyết định ban hành giáo trình đào tạo năm 2024, 2025*).

Hằng năm, trên cơ sở chương trình đào tạo đang áp dụng và kết quả rà soát chương trình, Nhà trường tiếp tục rà soát nhu cầu xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa và bổ sung giáo trình. Kế hoạch xây dựng giáo trình được lập tương ứng với những thay đổi của chương trình đào tạo nhằm bảo đảm tài liệu giảng dạy được cập nhật kịp thời. Việc rà soát không chỉ xem xét sự đầy đủ của giáo trình mà còn chú trọng mức độ phù hợp giữa nội dung giáo trình với yêu cầu kiến thức, kỹ năng của từng môn học, mô-đun và khả năng sử dụng trong thực tế giảng

dạy (*4.5.02 - Kế hoạch xây dựng, biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.5.04 - Biên bản làm việc của Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026*).

Năm 2026, do một số chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai biên soạn, cập nhật giáo trình đối với các môn học, mô-đun có nội dung thay đổi hoặc bổ sung mới. Tại thời điểm tự đánh giá, một số giáo trình tương ứng với nội dung mới hoặc điều chỉnh của chương trình đào tạo năm 2026 đang trong quá trình biên soạn, hoàn thiện và chưa thực hiện thẩm định, ban hành. Đối với các môn học, mô-đun đang tổ chức giảng dạy theo chương trình hiện hành, Nhà trường tiếp tục sử dụng các giáo trình đã được phê duyệt, bảo đảm có tài liệu phục vụ hoạt động dạy và học; đồng thời tiếp tục hoàn thiện các giáo trình mới để đồng bộ với chương trình đào tạo sau điều chỉnh (*4.5.02 - Kế hoạch xây dựng, biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.5.03 - Quyết định thành lập Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.5.04 - Biên bản làm việc của Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026*).

Qua hồ sơ kiểm tra cho thấy, Nhà trường đã xây dựng, lựa chọn và ban hành hệ thống giáo trình phục vụ các chương trình đào tạo đang triển khai. Nội dung giáo trình được xây dựng trên cơ sở yêu cầu của từng môn học, mô-đun, cụ thể hóa các nội dung kiến thức và kỹ năng cần đạt, đồng thời có cấu trúc và nội dung phù hợp với việc tổ chức các phương pháp dạy học lý thuyết, thực hành và tích hợp. Công tác xây dựng, thẩm định và ban hành giáo trình được thực hiện theo quy trình; giáo trình được in, lưu trữ và đưa vào sử dụng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập. Đối với các nội dung chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung trong năm 2026, Nhà trường đang tiếp tục cập nhật giáo trình tương ứng để bảo đảm tính đồng bộ giữa chương trình đào tạo và tài liệu giảng dạy.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: *Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện rà soát, đánh giá và cập nhật giáo trình đào tạo gắn với quá trình rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa chương trình đào tạo và tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập. Khi chương trình đào tạo có sự điều chỉnh về mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình, thời lượng, nội dung kiến thức, kỹ năng hoặc nội dung của các môn học, mô-đun, Nhà trường thực hiện rà soát các giáo trình có liên quan để xác định những nội dung cần giữ nguyên, chỉnh sửa, bổ sung hoặc biên soạn lại. Qua đó, giáo trình được cập nhật phù hợp với chương trình đào tạo đang áp dụng và yêu cầu thực tế của từng ngành, nghề (*2.1.06 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ chương trình đào tạo năm 2023, 2024,*

2025, 2026; 4.4.01 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026).

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo, Nhà trường xác định các môn học, mô-đun có sự thay đổi và đối chiếu với hệ thống giáo trình đang sử dụng để xây dựng kế hoạch rà soát, chỉnh sửa giáo trình tương ứng. Trong các năm 2025 và 2026, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch rà soát, chỉnh sửa giáo trình đối với các trình độ trung cấp và cao đẳng, trong đó xác định nội dung, tiến độ và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện. Việc rà soát giáo trình gắn với sự thay đổi của chương trình đào tạo giúp hạn chế tình trạng chương trình đã được cập nhật nhưng nội dung tài liệu giảng dạy chưa được điều chỉnh tương ứng (*4.7.01 - Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa giáo trình đào tạo các cấp trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2025, 2026*).

Quá trình rà soát được thực hiện trên cơ sở đối chiếu từng giáo trình với nội dung môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo tương ứng. Nội dung rà soát tập trung vào mức độ phù hợp của giáo trình với mục tiêu và yêu cầu của môn học, mô-đun; nội dung kiến thức và kỹ năng cần đạt; thời lượng lý thuyết, thực hành; tính chính xác, khoa học và cập nhật của nội dung; mức độ phù hợp với công nghệ, quy trình nghề nghiệp và thực tiễn của ngành, nghề đào tạo. Kết quả rà soát được ghi nhận bằng biên bản, trong đó xác định những giáo trình tiếp tục sử dụng và những giáo trình hoặc nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật để phù hợp với chương trình đào tạo (*4.7.02 - Biên bản rà soát, chỉnh sửa giáo trình đào tạo các cấp trình độ năm 2025, 2026*).

Kết quả rà soát giáo trình được Nhà trường tổng hợp, đánh giá và lập báo cáo theo từng năm. Báo cáo là căn cứ xác định tình trạng của hệ thống giáo trình sau rà soát, các nội dung cần cập nhật và phương án xử lý đối với từng trường hợp. Đối với giáo trình vẫn đáp ứng đầy đủ nội dung của chương trình đào tạo, Nhà trường tiếp tục sử dụng; đối với giáo trình có nội dung không còn phù hợp hoặc chưa đáp ứng những nội dung mới được bổ sung vào chương trình đào tạo, Nhà trường tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoặc biên soạn, lựa chọn lại theo quy định. Qua đó bảo đảm hoạt động cập nhật giáo trình được thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá cụ thể, thay vì chỉ rà soát về mặt hình thức (*4.7.03 - Báo cáo kết quả rà soát, chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm 2025, 2026*).

Đối với những giáo trình cần chỉnh sửa, cập nhật, Nhà trường giao Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình tổ chức thực hiện theo phân công. Ban biên soạn căn cứ kết quả rà soát, chương trình đào tạo đã được cập nhật và yêu cầu của từng môn học, mô-đun để chỉnh sửa, bổ sung nội dung giáo trình. Quá trình thực hiện được ghi nhận thông qua các biên bản làm việc, trong đó thể hiện nội dung trao đổi, đánh giá và những vấn đề cần điều chỉnh để bảo đảm giáo trình sau cập nhật phù hợp với chương trình đào tạo (*4.5.03 - Quyết định thành lập Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.5.04 - Biên bản làm việc của Ban biên soạn/lựa chọn giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026*).

Trong quá trình rà soát và cập nhật giáo trình, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến chuyên gia và các bên liên quan nhằm bổ sung căn cứ thực tiễn cho việc điều chỉnh nội dung. Các ý kiến tập trung vào mức độ phù hợp của kiến thức, kỹ năng trong giáo trình với chương trình đào tạo; những thay đổi về công nghệ, thiết bị, quy trình nghề nghiệp; yêu cầu thực tế của doanh nghiệp và khả năng vận dụng giáo trình trong hoạt động dạy và học. Các ý kiến phù hợp được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình chỉnh sửa, hoàn thiện giáo trình (*4.5.05 - Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia về giáo trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026*).

Đối với các giáo trình được chỉnh sửa, cập nhật và thuộc trường hợp phải thực hiện thẩm định trước khi ban hành, Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định để đánh giá chất lượng giáo trình. Hội đồng xem xét mức độ phù hợp của giáo trình sau chỉnh sửa với chương trình đào tạo, mục tiêu và yêu cầu kiến thức, kỹ năng của môn học, mô-đun; tính khoa học, chính xác, cập nhật và khả năng sử dụng trong hoạt động giảng dạy. Kết quả thẩm định và các yêu cầu tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện được thể hiện trong biên bản thẩm định, nghiệm thu làm căn cứ hoàn thiện giáo trình trước khi đưa vào sử dụng (*4.5.07 - Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2024, 2025; 4.5.08 - Các biên bản thẩm định và nghiệm thu giáo trình đào tạo năm 2024, 2025*).

Sau quá trình rà soát, chỉnh sửa và cập nhật, Nhà trường tổng hợp danh sách giáo trình theo từng trình độ đào tạo, trong đó cập nhật các giáo trình được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế. Danh sách giáo trình sau thay đổi là căn cứ để Phòng Quản lý Đào tạo, các khoa chuyên môn và nhà giáo xác định tài liệu chính thức sử dụng trong hoạt động đào tạo, đồng thời phục vụ công tác quản lý, lưu trữ và tiếp tục rà soát ở các kỳ tiếp theo (*4.7.04 - Danh sách các giáo trình trình độ Cao đẳng, Trung cấp sau khi thay đổi*).

Đối với năm 2026, Nhà trường thực hiện rà soát giáo trình trên cơ sở các chương trình đào tạo năm 2026 đã được rà soát, điều chỉnh, bổ sung. Qua đối chiếu giữa nội dung chương trình đào tạo và hệ thống giáo trình hiện có, Nhà trường xác định các giáo trình cần tiếp tục cập nhật tương ứng với các môn học, mô-đun có nội dung thay đổi. Tại thời điểm tự đánh giá, hoạt động rà soát đã được triển khai và một số giáo trình đang trong quá trình chỉnh sửa, biên soạn, hoàn thiện; do đó chưa thực hiện đầy đủ việc thẩm định và ban hành đối với toàn bộ giáo trình thuộc diện phải cập nhật. Nhà trường tiếp tục triển khai các bước còn lại theo kế hoạch nhằm bảo đảm hệ thống giáo trình đồng bộ với chương trình đào tạo năm 2026 (*2.1.06 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.07 - Bộ chương trình đào tạo năm 2023, 2024, 2025, 2026; 4.4.01 - Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo năm 2024, 2025, 2026; 4.7.01 - Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa giáo trình đào tạo các cấp trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2025, 2026; 4.7.02 - Biên bản rà soát, chỉnh sửa giáo trình đào tạo các cấp trình độ năm 2025, 2026; 4.7.03 - Báo cáo kết quả rà soát, chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm 2025, 2026*).

Qua kết quả thực hiện cho thấy, Nhà trường đã thiết lập và triển khai hoạt động rà soát, đánh giá giáo trình gắn với quá trình rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo. Kết quả rà soát được lập biên bản, tổng hợp báo cáo và làm căn cứ xác định các giáo trình cần tiếp tục sử dụng, chỉnh sửa, bổ sung hoặc cập nhật. Các giáo trình có thay đổi được tổ chức chỉnh sửa và thực hiện các bước lấy ý kiến, thẩm định theo quy định trước khi đưa vào sử dụng. Việc cập nhật danh sách giáo trình sau thay đổi góp phần bảo đảm tính đồng bộ giữa chương trình đào tạo và hệ thống tài liệu giảng dạy. Đối với năm 2026, Nhà trường đang tiếp tục hoàn thiện các giáo trình tương ứng với những nội dung chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp Việt Khoa theo Quyết định số 689/QĐ-BLĐTBXH ngày 23/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường có 04 cơ sở đào tạo như sau:

- Trụ sở chính: Tòa nhà JVPE, Lô 20, Đường số 2, Công viên phần mềm Quang Trung, phường Trung Mỹ Tây, TP. HCM.

- Cơ sở 1: Số 436-438-440 Tân Phú, Phường Tân Mỹ, TP. HCM.

- Cơ sở 2: Lô R4-39-40-41 Hưng Gia II, Phường Tân Hưng, TP. HCM.

- Cơ sở 3: Lô 27, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Trung Mỹ Tây, TP. HCM.

Hiện tại, Trường tổ chức đào tạo tại trụ sở chính và cơ sở 3 (Lô 27, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 6.975 m2. Vị trí 02 cơ sở của nhà trường tọa lạc tại Công viên Phần mềm Quang Trung, thuận tiện về giao thông đi lại, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển lâu dài của Nhà trường và của địa phương, là địa điểm thích hợp cho giảng dạy, học tập.

Những điểm mạnh:

Vị trí 02 cơ sở của nhà trường tọa lạc tại Công viên phần mềm Quang Trung, rất thuận tiện về giao thông đi lại, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển lâu dài của Nhà trường và của địa phương, là địa điểm thích hợp cho giảng dạy, học tập. Công trình, kiến trúc của các tòa nhà thuộc cả hai cơ sở phù hợp với yêu cầu và tiện ích trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giáo viên và HSSV, đồng thời góp phần tạo nên điểm nhấn trong không gian kiến trúc tổng thể, phù hợp với quy hoạch chung của khu vực, của địa phương và mạng lưới dạy nghề.

Khuôn viên nhà trường đã được quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết từng khu chức năng thuận tiện cho các hoạt động dạy và học, đáp ứng đủ với quy mô đào tạo của nhà trường.

Trường có hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo theo quy chuẩn thiết kế đáp ứng cho hoạt động dạy nghề. Tất cả đều được xây dựng khoa học, hợp lý và phù hợp với hoạt động đào tạo, mang đến một không gian học tập và sinh hoạt tiện nghi. Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện đều có quy định cụ thể về trách nhiệm cá nhân, đơn vị quản lý. Tất cả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đều có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng.

Trường có Quy chế Quản lý, quy định bảo trì bảo dưỡng thiết bị; sửa chữa máy móc thiết bị; quy trình quản lý phòng học nhà xưởng; quy định kiểm kê tài sản hàng năm; quy trình cấp phát vật tư, nguyên, nhiên vật liệu để quản lý thiết bị, phòng học, xưởng thực hành và các phòng học, hội trường đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu, các dịch vụ của người học và các hoạt động chung, các hoạt động khác của nhà trường. Có định mức tiêu hao vật tư trong đào tạo.

Công tác quản lý cơ sở vật chất - thiết bị đào tạo được thực hiện theo quy chế rõ ràng về trách nhiệm cá nhân, tập thể, đồng thời có hệ thống định mức tiêu hao, quy trình cấp phát và sử dụng cụ thể. Nhà trường xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, nhờ đó thiết bị luôn duy trì trong tình trạng hoạt động tốt, đáp ứng kịp thời tiến độ và chất lượng đào tạo. Đặc biệt, Nhà trường thường xuyên đầu tư mới, nâng cấp đồng bộ thiết bị dạy học, theo kịp xu thế đổi mới công nghệ và phương pháp giảng dạy hiện đại. Việc này thể hiện sự chỉn chu và quyết tâm của Trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo người học được tiếp cận với công nghệ tiên tiến, phù hợp yêu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Thư viện của Nhà trường đã được tin học hóa, trang bị hệ thống máy tính kết nối mạng LAN và Internet, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên, CBQL và HSSV truy cập thông tin cũng như tra cứu tài liệu một cách dễ dàng và nhanh chóng. Đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao tri thức, cập nhật thông tin cho sinh viên.

Những tồn tại: Không có.

***Kế hoạch nâng cao chất lượng*:**

Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị bổ sung các nghề, nhất là các nghề trọng điểm, các nghề mới được cấp phép đào tạo, chương trình mục tiêu hàng năm.

Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh cập nhật và bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng trang thiết bị, nguyên nhiên vật liệu sát với thực tế của nhà trường và theo đúng các quy định mới do Nhà nước ban hành.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí 5	Điểm tự đánh giá

Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tổng	**16**

Tiêu chuẩn 5.1: *Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã ban hành và áp dụng các quy trình, quy định quản lý thiết bị, phòng học lý thuyết, phòng thực hành, phòng máy tính và các không gian phục vụ hoạt động đào tạo. Trong Hệ thống bảo đảm chất lượng của Nhà trường có quy trình quản lý xưởng/phòng thực hành, phòng học lý thuyết, quy định rõ trình tự thực hiện, trách nhiệm của các đơn vị và hồ sơ theo dõi trong quá trình quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo (*1.3.08 - Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026, trong đó có Quy trình quản lý xưởng/phòng thực hành, phòng học lý thuyết*).

Để cụ thể hóa việc quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, Nhà trường ban hành quy định quản lý, sử dụng phòng học lý thuyết, phòng thực hành và phòng máy tính. Quy định xác định trách nhiệm của các phòng, khoa, trung tâm và cá nhân được giao quản lý; nguyên tắc sử dụng phòng học, thiết bị; việc bàn giao, theo dõi tình trạng sử dụng; bảo quản, bảo trì và xử lý khi có hư hỏng, sự cố. Các khoa chuyên môn được giao trực tiếp quản lý các phòng thực hành thuộc lĩnh vực phụ trách, tổ chức sắp xếp lịch sử dụng, theo dõi thiết bị và phối hợp thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa khi cần thiết. Nhà giáo có trách nhiệm hướng dẫn người học sử dụng phòng, thiết bị đúng mục đích, đúng quy định và bảo đảm an toàn trong quá trình học tập, thực hành (*5.1.01 - Quyết định ban hành Quy định quản lý, sử dụng phòng học lý thuyết, thực hành và phòng máy tính của trường*).

Nhà trường quản lý hệ thống cơ sở vật chất trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật và hiện trạng công trình. Hồ sơ hoàn công, sơ đồ hệ thống điện, cấp thoát nước, đường ống kỹ thuật và mặt bằng các khối công trình được lưu giữ làm căn cứ phục vụ quản lý, vận hành, sửa chữa và bảo đảm an toàn đối với các khu vực sử dụng. Đồng thời, Nhà trường thực hiện thống kê diện tích đất, diện tích các khối công trình và không gian chức năng để theo dõi, bố trí sử dụng phù hợp với quy mô và nhu cầu hoạt động (*5.1.02 - Hồ sơ hoàn công; Sơ đồ đường ống kỹ*

thuật; sơ đồ mặt bằng điện, cấp thoát nước các khối công trình các cơ sở của trường; 5.1.03 - Bảng thống kê số liệu diện tích khu đất; các khối công trình toàn trường).

Đối với thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành, Nhà trường tổ chức quản lý thông qua sổ theo dõi danh mục trang thiết bị. Sổ theo dõi thể hiện tên thiết bị, số lượng, vị trí bố trí, tình trạng sử dụng và các thông tin cần thiết phục vụ công tác quản lý. Trên cơ sở đó, các đơn vị chuyên môn theo dõi hiện trạng thiết bị, phục vụ việc phân bổ, khai thác, kiểm kê, bảo trì, sửa chữa và đề xuất bổ sung khi cần thiết (*5.1.04 - Sổ theo dõi danh mục trang thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành*).

Việc quản lý phòng thực hành được thực hiện gắn với hoạt động sử dụng thực tế. Căn cứ thời khóa biểu và kế hoạch đào tạo, các khoa chuyên môn bố trí lịch sử dụng phòng, đồng thời thực hiện ghi nhật ký sử dụng để theo dõi thời gian, lớp học, nhà giáo phụ trách, nội dung thực hành và tình trạng phòng, thiết bị trước, trong và sau quá trình sử dụng. Nhật ký là công cụ giúp Nhà trường và khoa chuyên môn kiểm soát tần suất sử dụng, kịp thời phát hiện các vấn đề phát sinh và tăng cường trách nhiệm của các cá nhân sử dụng phòng, thiết bị (*5.1.06 - Sổ nhật ký sử dụng phòng thực hành năm 2024, 2025, 2026*).

Bên cạnh việc theo dõi sử dụng, Nhà trường thực hiện quản lý công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị. Các hư hỏng, sự cố và nội dung bảo trì được ghi nhận, theo dõi để kịp thời xử lý, hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy, thực hành. Việc duy trì tình trạng hoạt động của thiết bị góp phần bảo đảm các phòng thực hành có đủ điều kiện phục vụ kế hoạch đào tạo (*5.1.07 - Nhật ký theo dõi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, dụng cụ năm 2024, 2025, 2026*).

Hằng năm, Nhà trường thực hiện đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học lý thuyết và xưởng/phòng thực hành đối với yêu cầu tổ chức đào tạo. Việc đánh giá căn cứ vào hiện trạng phòng học, phòng thực hành, số lượng và tình trạng thiết bị, yêu cầu của chương trình đào tạo và quy mô người học để xác định mức độ đáp ứng, những nội dung còn hạn chế và nhu cầu tiếp tục đầu tư, sửa chữa hoặc bổ sung. Kết quả được tổng hợp thành báo cáo theo từng năm học, làm cơ sở cho công tác quản lý và cải thiện điều kiện đào tạo (*5.1.05 - Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng phòng lý thuyết, xưởng thực hành năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Ngoài việc theo dõi bằng hồ sơ quản lý, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo và các bên liên quan về điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị và mức độ đáp ứng đối với hoạt động đào tạo. Kết quả khảo sát được tổng hợp, sử dụng như nguồn thông tin bổ sung để xem xét mức độ phù hợp của cơ sở vật chất và xác định những nội dung cần điều chỉnh, cải thiện trong công tác quản lý, khai thác và sử dụng (*1.1.07 - Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Qua hồ sơ và kết quả thực hiện cho thấy, Nhà trường đã hình thành hệ thống công cụ quản lý gồm quy trình, quy định quản lý; hồ sơ kỹ thuật công trình; bảng thống kê diện tích;

sổ theo dõi thiết bị; nhật ký sử dụng phòng thực hành; nhật ký bảo trì, bảo dưỡng và báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng. Các công cụ này được áp dụng trong thực tế để quản lý phòng học, phòng thực hành, phòng máy tính và thiết bị đào tạo, giúp Nhà trường theo dõi tình trạng sử dụng, kịp thời sửa chữa, bảo dưỡng và bố trí khai thác phù hợp với yêu cầu hoạt động.

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, phòng học lý thuyết, phòng thực hành, phòng máy tính và các không gian phục vụ hoạt động của Nhà trường. Công tác quản lý được thực hiện có phân công trách nhiệm, có hồ sơ theo dõi sử dụng và bảo trì, đồng thời được đánh giá định kỳ về mức độ đáp ứng, góp phần bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo và các hoạt động có liên quan của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.2: *Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn hiện tổ chức hoạt động tại 02 cơ sở thuộc Công viên Phần mềm Quang Trung, phường Trung Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm Lô 20 Đường số 1 và Lô 27. Các cơ sở được bố trí trong khu vực có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, thuận lợi cho việc tổ chức đào tạo và các hoạt động của Nhà trường. Mặt bằng sử dụng được phân chia theo công năng, gồm khu làm việc hành chính, phòng học lý thuyết, phòng thực hành, phòng máy tính, thư viện, khu vực phục vụ người học, khu sinh hoạt và các không gian chức năng khác phù hợp với yêu cầu quản lý và đào tạo (*5.1.02 - Hồ sơ hoàn công; Sơ đồ đường ống kỹ thuật; sơ đồ mặt bằng điện, cấp thoát nước các khối công trình của trường; 5.1.03 - Bảng thống kê số liệu diện tích khu đất; các khối công trình toàn trường*).

Hệ thống các khối công trình được bố trí trên cơ sở công năng sử dụng, tạo sự liên kết giữa khu hành chính, khu học tập, thực hành và các khu vực hỗ trợ. Việc bố trí mặt bằng, không gian sử dụng và hệ thống giao thông nội bộ tạo điều kiện cho cán bộ, nhà giáo và HSSV di chuyển, khai thác phòng học, phòng thực hành và các không gian phục vụ đào tạo tương đối thuận lợi. Hồ sơ hoàn công, sơ đồ kỹ thuật điện, cấp thoát nước và mặt bằng các khối công trình được Nhà trường lưu giữ, làm căn cứ phục vụ công tác quản lý, vận hành, sửa chữa và cải tạo cơ sở vật chất khi cần thiết (*5.1.02 - Hồ sơ hoàn công; Sơ đồ đường ống kỹ thuật; sơ đồ mặt bằng điện, cấp thoát nước các khối công trình của trường; 5.1.03 - Bảng thống kê số liệu diện tích khu đất; các khối công trình toàn trường*).

Nhà trường sử dụng mặt bằng tại Tòa nhà JVPE trên cơ sở hợp đồng với đơn vị quản lý, khai thác tòa nhà; đồng thời phối hợp với đơn vị cho thuê trong việc quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện an toàn tại cơ sở. Trong đó, công tác

phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được Nhà trường xác định là một nội dung quan trọng trong quản lý cơ sở vật chất. Nhà trường thành lập lực lượng PCCC và CNCH tại cơ sở, ban hành phương án, kế hoạch thực hiện và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, huấn luyện, thực hành, diễn tập theo kế hoạch (*5.2.01 - Hồ sơ quản lý công tác PCCC, phương án cứu nạn, cứu hộ năm 2024, 2025, 2026 gồm Quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của trường, Quyết định thành lập đội PCCC, cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở của Trường, Phương án PCCC và các hồ sơ có liên quan; 5.2.02 - Kế hoạch công tác PCCC và CNCH của trường năm 2024, 2025, 2026; 5.2.03 - Hồ sơ diễn tập và tự tổ chức thực tập phương án PCCC và CNCH*).

Hằng năm, Nhà trường thực hiện tự kiểm tra công tác PCCC và CNCH, trong đó chú trọng tình trạng hoạt động của hệ thống báo cháy, chữa cháy, phương tiện chữa cháy tại chỗ, lối thoát nạn, hệ thống điện và các khu vực có nguy cơ mất an toàn. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản, báo cáo để theo dõi và phối hợp khắc phục những vấn đề phát sinh. Bên cạnh hoạt động tự kiểm tra, cơ sở được cơ quan chức năng kiểm tra về PCCC và CNCH theo quy định (*5.2.04 - Hồ sơ tự kiểm tra công tác PCCC năm 2024, 2025, 2026 gồm biên bản tự kiểm tra, báo cáo thực trạng trang thiết bị và báo cáo kết quả tự kiểm tra PCCC; 5.2.05 - Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Công an Thành phố năm 2025*).

Nhà trường đồng thời thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn đối với cơ sở và tài sản thông qua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và kiểm tra hệ thống tiếp địa. Việc kiểm tra điện trở tiếp đất giúp theo dõi điều kiện an toàn của hệ thống điện, đặc biệt tại các khu vực sử dụng nhiều thiết bị phục vụ đào tạo và thực hành (*5.2.06 - Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc; 5.2.07 - Kết quả kiểm tra điện trở tiếp đất*).

Hệ thống điện và cấp, thoát nước của các cơ sở được đấu nối với hệ thống hạ tầng chung của khu vực và được duy trì phục vụ các hoạt động của Nhà trường. Nguồn điện được sử dụng cho phòng học, phòng máy tính, thiết bị thực hành, các khu vực làm việc và hoạt động phục vụ khác; hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên của cán bộ, nhà giáo và HSSV. Việc cung cấp điện, nước được thực hiện thông qua các đơn vị cung cấp dịch vụ và có hồ sơ, chứng từ theo dõi (*5.2.08 - Hợp đồng và hoá đơn cung cấp điện; 5.2.09 - Hợp đồng và hóa đơn cung cấp nước*).

Bên cạnh yêu cầu về công năng và hạ tầng kỹ thuật, Nhà trường chú trọng duy trì môi trường học tập sạch sẽ, an toàn. Công tác vệ sinh môi trường, thu gom rác thải sinh hoạt được thực hiện thường xuyên; đối với chất thải thuộc nhóm cần quản lý riêng, Nhà trường thực hiện thu gom, chuyển giao xử lý theo hình thức phù hợp. Qua đó góp phần hạn chế ô nhiễm, bảo đảm vệ sinh tại khu vực học tập, làm việc và thực hành (*5.2.10 - Hồ sơ thực hiện dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom rác thải sinh hoạt năm 2024, 2025, 2026; 5.2.11 - Hợp đồng thu gom, xử lý chất thải nguy hại*).

Để góp phần duy trì môi trường học tập và sinh hoạt an toàn, Nhà trường thực hiện phối hợp với công an địa phương trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại các cơ sở. Nội dung phối hợp tập trung vào trao đổi thông tin, tuyên truyền pháp luật, phòng ngừa các hành vi vi phạm và xử lý các tình huống phát sinh có liên quan đến an ninh, trật tự trong khu vực trường học (*5.2.12 - Quy chế phối hợp công tác đảm bảo an ninh, trật tự với công an địa phương tại các cơ sở*).

Định kỳ, Nhà trường thực hiện khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, HSSV và các bên liên quan về cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện phục vụ đào tạo. Kết quả khảo sát được tổng hợp làm nguồn thông tin bổ sung để Nhà trường xem xét mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất và xác định các nội dung cần duy trì, sửa chữa hoặc cải thiện trong quá trình quản lý, vận hành (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Qua hồ sơ và hiện trạng sử dụng cho thấy, các cơ sở của Trường được bố trí theo công năng phục vụ quản lý, đào tạo và các hoạt động hỗ trợ; hệ thống điện, cấp thoát nước, PCCC và CNCH, vệ sinh môi trường, xử lý chất thải và an ninh trật tự được tổ chức quản lý, theo dõi định kỳ. Việc duy trì các điều kiện hạ tầng kỹ thuật và an toàn góp phần bảo đảm môi trường học tập, làm việc và sinh hoạt phù hợp với nhu cầu hoạt động của Nhà trường.

Như vậy, quy hoạch và bố trí mặt bằng các cơ sở của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn cơ bản phù hợp với công năng sử dụng; hệ thống hạ tầng kỹ thuật được quản lý, vận hành và kiểm tra định kỳ, đáp ứng nhu cầu tổ chức đào tạo, hoạt động hỗ trợ, dịch vụ và sinh hoạt của cán bộ, nhà giáo và người học; đồng thời chú trọng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh và bảo vệ môi trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: *Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn tổ chức đào tạo các ngành, nghề theo phạm vi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và trên cơ sở các chương trình đào tạo đã được ban hành. Căn cứ cơ cấu ngành, nghề, trình độ và quy mô đào tạo, Nhà trường bố trí các khu chức năng phục vụ quản lý, giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cán bộ, nhà giáo và HSSV (*1.1.03 - Giấy chứng nhận Đăng ký và đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.06 - Quyết định ban hành về chương trình đào tạo năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Hệ thống cơ sở vật chất của Nhà trường được bố trí tại các cơ sở đào tạo, gồm khu làm việc của Ban Giám hiệu và các phòng, khoa, trung tâm; phòng học lý thuyết; phòng máy tính; các phòng, xưởng thực hành; thư viện; hội trường; phòng đa năng; phòng y tế; khu vực nghỉ, sinh hoạt cho nhà giáo; khu rèn luyện thể chất; khu phục vụ và các không gian phụ trợ khác. Việc bố trí các khu chức năng được thực hiện theo công năng sử dụng, phục vụ hoạt động quản lý, đào tạo, thực hành, hỗ trợ người học và các hoạt động chung của Nhà trường (*5.1.02 - Hồ sơ hoàn công; Sơ đồ đường ống kỹ thuật; sơ đồ mặt bằng điện, cấp thoát nước các khối công trình các cơ sở của trường; 5.1.03 - Bảng thống kê số liệu diện tích khu đất; các khối công trình toàn trường*).

Các phòng học lý thuyết, phòng thực hành và các phòng công năng được bố trí trên cơ sở đặc điểm sử dụng và yêu cầu tổ chức đào tạo. Hệ thống điện, cấp thoát nước, chiếu sáng, thông gió và các hạng mục kỹ thuật được bố trí phục vụ việc vận hành công trình và thiết bị. Đối với các phòng thực hành có yêu cầu đặc thù, mặt bằng được bố trí phù hợp với việc lắp đặt, vận hành máy móc, thiết bị và tổ chức hoạt động thực hành của người học; đồng thời có các khu vực phục vụ lưu giữ dụng cụ, vật tư và hỗ trợ quá trình thực hành (*5.1.02 - Hồ sơ hoàn công; Sơ đồ đường ống kỹ thuật; sơ đồ mặt bằng điện, cấp thoát nước các khối công trình các cơ sở của trường; 5.1.03 - Bảng thống kê số liệu diện tích khu đất; các khối công trình toàn trường*).

Đối với thiết bị đào tạo, Nhà trường thực hiện rà soát, xác định danh mục thiết bị cần thiết theo từng ngành, nghề và trình độ đào tạo, làm căn cứ đầu tư, bố trí và khai thác thiết bị tại các phòng học, phòng thực hành. Thiết bị được bố trí phù hợp với yêu cầu của môn học, mô-đun và nội dung thực hành trong chương trình đào tạo; qua đó hỗ trợ người học hình thành kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của từng ngành, nghề (*5.3.01 - Quyết định ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu các nghề đào tạo của trường*).

Nhà trường đồng thời thực hiện đối chiếu giữa danh mục thiết bị hiện có tại các phòng học, phòng thực hành với danh mục thiết bị cần thiết cho từng ngành, nghề. Kết quả đối chiếu được sử dụng để đánh giá mức độ đáp ứng về chủng loại, số lượng, tình trạng và khả năng khai thác thiết bị; đồng thời làm căn cứ xác định nhu cầu mua sắm, bổ sung, sửa chữa hoặc điều chuyển thiết bị khi cần thiết (*5.3.02 - Bảng so sánh Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thực hành, so sánh đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu ngành nghề*).

Việc bố trí cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo được thực hiện gắn với kế hoạch, tiến độ và thời khóa biểu của từng ngành, nghề, khóa học và lớp học. Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, Nhà trường sắp xếp phòng học lý thuyết, phòng thực hành và thiết bị phù hợp với nội dung giảng dạy, số lượng người học và yêu cầu của từng môn học, mô-đun; qua đó bảo đảm khả năng khai thác cơ sở vật chất tương đối đồng bộ với tiến độ tổ chức đào tạo (*2.3.06 - Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.07 - Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.09 - Thời khóa biểu các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Quy mô sử dụng phòng học và thiết bị được Nhà trường xem xét trên cơ sở số lượng HSSV, số lớp, số nhà giáo và nhu cầu tổ chức đào tạo của từng ngành, nghề. Số liệu về người học và đội ngũ được sử dụng như một nguồn thông tin bổ trợ để phân chia nhóm học thực hành, sắp xếp ca học, bố trí không gian và thiết bị hợp lý, hạn chế tình trạng quá tải hoặc sử dụng không hiệu quả cơ sở vật chất (*5.3.03 - Bảng thống kê số liệu HSSV, nhà giáo các lớp; 3.3.05 - Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Đối với yêu cầu công nghệ, Nhà trường bố trí các thiết bị, máy móc, phần mềm và công cụ thực hành phù hợp với đặc điểm của các nhóm ngành, nghề đang đào tạo như công nghệ thông tin, thiết kế đồ họa, công nghệ kỹ thuật ô tô, du lịch - nhà hàng - khách sạn, kỹ thuật chế biến món ăn, kinh tế, ngoại ngữ và các ngành, nghề khác. Việc rà soát thiết bị được thực hiện trên cơ sở yêu cầu của chương trình đào tạo và danh mục thiết bị, nhằm bảo đảm người học có điều kiện tiếp cận, thực hành trên các phương tiện, thiết bị phù hợp với nội dung đào tạo (*5.3.01 - Quyết định ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu các nghề đào tạo của trường; 5.3.02 - Bảng so sánh Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thực hành, so sánh đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu ngành nghề*).

Bên cạnh yêu cầu về công năng và công nghệ, Nhà trường chú trọng duy trì điều kiện vệ sinh, an toàn và môi trường tại các khu học tập, thực hành và phục vụ sinh hoạt. Việc bố trí, khai thác phòng học và thiết bị được thực hiện gắn với yêu cầu sử dụng an toàn, vệ sinh khu vực thực hành và bảo quản thiết bị; các nội dung về điện, cấp thoát nước, thông gió và các điều kiện kỹ thuật được theo dõi trong quá trình vận hành cơ sở vật chất (*5.1.02 - Hồ sơ hoàn công; Sơ đồ đường ống kỹ thuật; sơ đồ mặt bằng điện, cấp thoát nước các khối công trình các cơ sở của trường; 5.1.03 - Bảng thống kê số liệu diện tích khu đất; các khối công trình toàn trường*).

Hằng năm, Nhà trường lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và HSSV về điều kiện cơ sở vật chất, phòng học, phòng thực hành và thiết bị đào tạo. Kết quả khảo sát được tổng hợp làm nguồn thông tin bổ sung để đánh giá mức độ đáp ứng của các khu chức năng, cơ sở vật chất và thiết bị đối với hoạt động giảng dạy, học tập, thực hành và sinh hoạt; đồng thời làm căn cứ xem xét sửa chữa, bổ sung hoặc cải thiện khi cần thiết (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Qua rà soát cho thấy, Nhà trường đã bố trí các khu chức năng phục vụ quản lý, học lý thuyết, thực hành, rèn luyện thể chất, hỗ trợ và sinh hoạt của người học, nhà giáo; cơ sở vật chất và thiết bị được tổ chức khai thác gắn với ngành, nghề, trình độ, kế hoạch và quy mô đào tạo. Hệ thống thiết bị được theo dõi, đối chiếu với yêu cầu đào tạo của từng ngành, nghề, đồng thời được bố trí tại các phòng thực hành phù hợp với nội dung chuyên môn và yêu cầu công nghệ.

Như vậy, nhà trường có các khu chức năng, cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ hoạt động quản lý, đào tạo, thực hành và sinh hoạt; việc bố trí, sử dụng cơ sở vật chất cơ bản phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo. Thiết bị được rà soát, đối chiếu với yêu cầu của chương trình và danh mục thiết bị đào tạo, góp phần đáp ứng yêu cầu công nghệ, an toàn và điều kiện tổ chức đào tạo của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: *Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trường xác định bảo đảm môi trường, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp là yêu cầu quan trọng trong tổ chức các hoạt động đào tạo, làm việc và phục vụ người học. Nhà trường đã ban hành chính sách về bảo đảm môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp làm căn cứ để triển khai các biện pháp phòng ngừa rủi ro, bảo vệ sức khỏe cán bộ, nhà giáo, người lao động và HSSV; đồng thời chú trọng xây dựng môi trường giáo dục an toàn, bình đẳng, không phân biệt đối xử (*5.4.01 - Quyết định ban hành chính sách bảo đảm về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp*).

Để cụ thể hóa chính sách về an toàn, Nhà trường ban hành các quy định, nội quy về phòng cháy, chữa cháy, an toàn trong trường học và nội quy PCCC tại các khu vực có liên quan. Các quy định được phổ biến và áp dụng trong hoạt động học tập, làm việc, thực hành, sử dụng thiết bị và các hoạt động khác của Nhà trường (*5.4.02 - Các quy định về PCCC; nội quy an toàn trong trường học; Quyết định ban hành nội quy PCCC của Trường*).

Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được tổ chức thường xuyên. Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo, đội PCCC và CNCH cơ sở; xây dựng phương án, kế hoạch PCCC và tổ chức diễn tập, thực hành theo từng năm. Hệ thống phương tiện PCCC được bố trí tại các khu vực học tập, thực hành và lối đi; đồng thời Nhà trường phối hợp với đơn vị quản lý tòa nhà trong việc duy trì, kiểm tra hệ thống PCCC. Theo hồ sơ hiện có, Nhà trường và đơn vị quản lý cơ sở đã bố trí các bình chữa cháy tại khu vực phòng học, xưởng/phòng thực hành và các vị trí cần thiết; đồng thời trang bị một số phương tiện phục vụ cứu nạn, cứu hộ (*5.2.01 - Hồ sơ quản lý công tác PCCC, phương án cứu nạn, cứu hộ năm 2024, 2025, 2026 gồm Quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác PCCC và CNCH của trường, Quyết định thành lập đội PCCC, CNCH cơ sở, Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở của Trường, Phương án PCCC và các hồ sơ có liên quan; 5.2.02 - Kế hoạch công tác PCCC và CNCH của trường năm 2024, 2025, 2026; 5.2.03 - Hồ sơ diễn tập và tự tổ chức thực tập phương án PCCC và CNCH năm 2024, 2025, 2026; 5.4.03 - Hồ sơ mua sắm thiết bị, dụng cụ chữa cháy và CNCH năm 2024, 2025, 2026*).

Hằng năm, Nhà trường thực hiện tự kiểm tra công tác PCCC, chú trọng tình trạng hoạt động của hệ thống báo cháy, bình chữa cháy, lối thoát nạn, hệ thống điện và các khu vực có nguy cơ mất an toàn. Kết quả kiểm tra được lập biên bản, báo cáo để theo dõi và khắc phục kịp thời các vấn đề phát sinh. Bên cạnh hoạt động tự kiểm tra, cơ sở còn được cơ quan Công an kiểm tra về PCCC và CNCH; Nhà trường thực hiện bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và kiểm tra điện trở tiếp đất để tăng cường điều kiện an toàn trong quá trình vận hành cơ sở (*5.2.04 - Hồ sơ tự kiểm tra công tác PCCC năm 2024, 2025, 2026 gồm biên bản tự kiểm tra, báo cáo thực trạng trang thiết bị và báo cáo kết quả tự kiểm tra PCCC; 5.2.05 - Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Công an TP năm 2025; 5.2.06 - Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc; 5.2.07 - Kết quả kiểm tra điện trở tiếp đất*).

Các điều kiện hạ tầng thiết yếu phục vụ môi trường làm việc, học tập an toàn được duy trì thông qua hệ thống cấp điện, cấp nước và các dịch vụ kỹ thuật tại cơ sở. Nhà trường theo dõi việc cung cấp điện, nước phục vụ hoạt động học tập, thực hành, làm việc và sinh hoạt, góp phần duy trì điều kiện vận hành ổn định của các khu chức năng (*5.2.08 - Hợp đồng và hóa đơn cung cấp điện; 5.2.09 - Hợp đồng và hóa đơn cung cấp nước*).

Về bảo vệ môi trường, Nhà trường duy trì công tác vệ sinh, thu gom rác thải sinh hoạt định kỳ nhằm giữ gìn môi trường học tập sạch sẽ, hạn chế nguy cơ phát sinh ô nhiễm và ảnh hưởng đến sức khỏe người học, nhà giáo và người lao động. Đồng thời, công tác an ninh, trật tự tại cơ sở được thực hiện thông qua cơ chế phối hợp với công an địa phương, góp phần bảo đảm môi trường học tập và sinh hoạt an toàn (*5.2.10 - Hồ sơ thực hiện dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom rác thải sinh hoạt năm 2024, 2025, 2026; 5.2.12 - Quy chế phối hợp công tác đảm bảo an ninh, trật tự với công an địa phương tại các cơ sở*).

Đối với công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, Nhà trường bố trí phòng y tế và nhân sự phụ trách công tác y tế trường học. Phòng y tế được trang bị các thiết bị, dụng cụ và cơ số thuốc thiết yếu phục vụ sơ cấp cứu, hỗ trợ xử lý các tình huống sức khỏe thông thường phát sinh trong quá trình học tập, làm việc. Việc cấp phát thuốc được theo dõi bằng sổ nhằm quản lý việc sử dụng và phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại trường (*5.4.03 - Hình ảnh chụp phòng y tế; hồ sơ nhân viên y tế; 5.4.04 - Danh mục thiết bị y tế và cơ số thuốc tại trạm y tế trường học; 5.4.05 - Sổ cấp phát thuốc từ năm 2024, 2025, 2026*).

Nhà trường đồng thời tổ chức khám sức khỏe cho HSSV và khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, nhà giáo, người lao động. Hoạt động được triển khai thông qua kế hoạch, phối hợp với đơn vị y tế và lưu giữ kết quả, qua đó giúp theo dõi tình trạng sức khỏe, phát hiện sớm các vấn đề cần lưu ý và thực hiện các biện pháp chăm sóc phù hợp (*5.4.06 - Hồ sơ về việc khám sức khỏe cho HSSV năm 2024, 2025, 2026 gồm kế hoạch, hợp đồng, báo cáo kết quả; 5.4.07 - Hồ sơ về việc khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ giáo viên trường năm 2024, 2025, 2026 gồm kế hoạch, hợp đồng và báo cáo kết quả*).

Nhà trường có khu vực căng tin phục vụ nhu cầu ăn uống của cán bộ, nhà giáo và HSSV. Việc khai thác, sử dụng căng tin được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận với đơn vị cung

cấp dịch vụ; đồng thời yêu cầu bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm trong quá trình hoạt động. Căng tin được bố trí tại khu vực phù hợp, phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của người học và đội ngũ trong thời gian học tập, làm việc tại Trường (*5.4.08 - Hình ảnh chụp căng tin tập thể của trường; 5.4.09 - Biên bản ghi nhớ về khai thác, sử dụng căng tin; 5.4.10 - Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm*).

Đối với hoạt động học tập và thực hành, Nhà trường ban hành nội quy phòng học lý thuyết, xưởng/phòng thực hành và hướng dẫn sử dụng trang thiết bị đào tạo. Các quy định xác định trách nhiệm của nhà giáo và HSSV trong việc sử dụng phòng học, thiết bị đúng mục đích, đúng quy trình, giữ gìn tài sản và tuân thủ yêu cầu an toàn trong quá trình thực hành. Hướng dẫn sử dụng thiết bị giúp hạn chế nguy cơ thao tác sai, hư hỏng thiết bị và các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình đào tạo (*5.4.11 - Nội quy phòng học lý thuyết, xưởng thực hành; 5.4.12 - Hướng dẫn sử dụng trang thiết bị đào tạo*).

Bên cạnh các điều kiện về môi trường và an toàn, Nhà trường xác định nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử về giới, đồng thời chú trọng phòng, chống bạo lực học đường trong môi trường giáo dục. Các nội dung này được cụ thể hóa bằng quy định của Nhà trường nhằm bảo đảm cán bộ, nhà giáo, người lao động và HSSV được tôn trọng, đối xử công bằng trong học tập, làm việc và tham gia các hoạt động của Trường (*5.4.13 - Quy định về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực học đường trong nhà trường*).

Đối với người khuyết tật, tại thời điểm tự đánh giá Nhà trường chưa có HSSV khuyết tật đang theo học. Tuy nhiên, Nhà trường đã rà soát và lập bảng kê các điều kiện thiết yếu phục vụ người khuyết tật tại cơ sở, làm căn cứ xem xét bố trí, bổ sung các điều kiện phù hợp khi có người học thuộc đối tượng này. Việc chủ động xác định các nhu cầu về tiếp cận cơ sở vật chất, học tập và sinh hoạt thể hiện sự chuẩn bị của Nhà trường nhằm bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng cho người khuyết tật khi phát sinh nhu cầu (*5.4.14 - Bảng kê các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật của nhà trường năm 2024, 2025, 2026*).

Hằng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, điều kiện phục vụ người học và việc bảo đảm bình đẳng trong các hoạt động của Trường. Kết quả khảo sát được tổng hợp để đánh giá mức độ phù hợp của các chính sách, điều kiện đang thực hiện và làm nguồn thông tin phục vụ việc tiếp tục cải thiện môi trường học tập, làm việc (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Qua hồ sơ và kết quả triển khai cho thấy, Nhà trường đã xác định và tổ chức thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, PCCC và CNCH, an toàn trong sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, chăm sóc sức khỏe, an toàn thực phẩm và an ninh trật tự. Đồng thời, Nhà trường có quy định về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực học đường và thực hiện rà soát các điều kiện thiết yếu dành cho người khuyết tật.

Như vậy, nhà trường đã ban hành và triển khai các chính sách, quy định và biện pháp về môi trường, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; có điều kiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện khám sức khỏe định kỳ, bảo đảm an toàn trong học tập, thực hành và sinh hoạt. Nhà trường đồng thời chú trọng nguyên tắc không phân biệt đối xử về giới và chủ động xác định các điều kiện thiết yếu phục vụ người khuyết tật, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, bình đẳng và phù hợp với nhu cầu của người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Nhà trường thực hiện đầu tư, bố trí và sử dụng thiết bị, dụng cụ đào tạo trên cơ sở yêu cầu của các chương trình đào tạo đang triển khai. Đối với từng ngành, nghề, Nhà trường xác định danh mục thiết bị, dụng cụ và vật tư tiêu hao cần thiết phù hợp với nội dung môn học, mô-đun, yêu cầu thực hành, quy mô và trình độ đào tạo. Đây là căn cứ để Nhà trường rà soát mức độ đáp ứng, tổ chức mua sắm, bố trí và khai thác thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy, thực hành (*4.4.03 - Quyết định ban hành Danh mục trang thiết bị và vật tư tiêu hao kèm theo CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.06 - Quyết định ban hành về CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Công tác quản lý thiết bị, dụng cụ đào tạo được thực hiện theo các quy trình và quy định thuộc Hệ thống bảo đảm chất lượng của Nhà trường. Nội dung quản lý bao gồm việc tiếp nhận, bàn giao, theo dõi sử dụng, bảo quản, bảo trì, sửa chữa và xử lý thiết bị khi có phát sinh. Đồng thời, Nhà trường ban hành nội quy phòng học lý thuyết, xưởng/phòng thực hành và quy định quản lý, sử dụng phòng học, phòng thực hành, phòng máy tính nhằm xác định rõ trách nhiệm của đơn vị quản lý, nhà giáo và người học trong quá trình khai thác, sử dụng thiết bị (*1.3.08 - Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026, trong đó có Quy trình quản lý xưởng/phòng thực hành, phòng học lý thuyết; 5.4.11 - Nội quy phòng học lý thuyết, xưởng thực hành; 5.1.01 - Quyết định ban hành Quy định quản lý, sử dụng phòng học lý thuyết, thực hành và phòng máy tính của trường*).

Thiết bị, dụng cụ và vật tư đào tạo được bố trí tại các phòng, xưởng thực hành theo từng lĩnh vực chuyên môn. Việc sắp xếp được thực hiện theo công năng và yêu cầu của từng loại thiết bị, bảo đảm thuận lợi cho nhà giáo tổ chức hướng dẫn, thao tác mẫu và cho người học thực hành; đồng thời chú trọng khoảng cách, lối đi, khu vực thao tác, vị trí nguồn điện, cấp thoát nước và các điều kiện kỹ thuật có liên quan. Cách bố trí thiết bị góp phần bảo đảm yêu cầu sư phạm, thuận tiện cho tổ chức lớp học và hạn chế nguy cơ mất an toàn trong quá trình thực hành (*5.5.01 - Hình ảnh bố trí thiết bị, dụng cụ đào tạo, vật tư tại các phòng, xưởng thực hành*).

Đối với các máy móc, thiết bị có yêu cầu theo dõi riêng, Nhà trường thực hiện lập lý lịch thiết bị để quản lý các thông tin cơ bản như thông số kỹ thuật, thời điểm đưa vào sử dụng, tình trạng vận hành, lịch sử sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và các nội dung liên quan. Hồ sơ này giúp đơn vị quản lý theo dõi tình trạng thiết bị trong suốt quá trình khai thác, chủ động phát hiện nguy cơ hư hỏng và xác định thời điểm cần bảo trì hoặc thay thế (*5.5.02 - Lý lịch máy móc thiết bị*).

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo. Việc bảo trì được thực hiện căn cứ tình trạng thực tế của thiết bị, tần suất sử dụng và yêu cầu kỹ thuật của từng loại máy móc, dụng cụ; các thiết bị hư hỏng được xem xét sửa chữa hoặc thay thế nhằm hạn chế ảnh hưởng đến tiến độ dạy và học. Đối với thiết bị có hướng dẫn kỹ thuật của nhà sản xuất, việc vận hành và bảo dưỡng được thực hiện theo tài liệu, thông số kỹ thuật tương ứng (*5.5.03 - Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Tại các khoa chuyên môn, cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công quản lý trực tiếp thiết bị, dụng cụ và tình trạng sử dụng phòng. Thiết bị được theo dõi thông qua sổ danh mục; quá trình sử dụng phòng thực hành được ghi nhận bằng nhật ký; các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa được cập nhật để phục vụ công tác quản lý. Trên cơ sở các hồ sơ này, các khoa tổng hợp, đánh giá tình trạng sử dụng và công tác bảo trì thiết bị theo từng năm học (*5.1.04 - Sổ theo dõi danh mục trang thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành; 5.1.05 - Báo cáo thực trạng sử dụng phòng, xưởng thực hành năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 5.1.06 - Sổ nhật ký sử dụng phòng thực hành năm 2024, 2025; 5.1.07 - Nhật ký theo dõi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, dụng cụ năm 2024, 2025; 5.5.04 - Quyết định phân công cán bộ phụ trách phòng thực hành; 5.5.05 - Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo của các khoa năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Việc bảo đảm an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường trong sử dụng thiết bị được thực hiện gắn với nội quy phòng học, phòng/xưởng thực hành và hướng dẫn vận hành thiết bị. Nhà giáo có trách nhiệm hướng dẫn người học sử dụng thiết bị đúng mục đích, đúng quy trình kỹ thuật, giữ gìn vệ sinh khu vực thực hành và thực hiện các yêu cầu về an toàn điện, an toàn vận hành, phòng cháy chữa cháy và các yêu cầu an toàn đặc thù của từng ngành, nghề. Các thiết bị, dụng cụ sau sử dụng được sắp xếp, bảo quản tại vị trí phù hợp để duy trì tình trạng kỹ thuật và bảo đảm môi trường học tập an toàn (*5.4.11 - Nội quy phòng học lý thuyết, xưởng thực hành; 5.1.01 - Quyết định ban hành Quy định quản lý, sử dụng phòng học lý thuyết, thực hành và phòng máy tính của trường; 5.5.01 - Hình ảnh bố trí thiết bị, dụng cụ đào tạo, vật tư tại các phòng, xưởng thực hành*).

Bên cạnh hệ thống thiết bị tại Trường, Nhà trường tăng cường phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức thực hành, thực tập nhằm tạo điều kiện cho HSSV được tiếp cận thêm với máy móc, thiết bị, quy trình sản xuất và công nghệ đang được sử dụng trong thực tế. Việc khai thác điều kiện cơ sở vật chất và thiết bị của doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở các

hợp đồng, biên bản ghi nhớ hoặc hồ sơ hợp tác có nội dung liên quan đến thực hành, thực tập, góp phần bổ sung môi trường thực hành thực tế cho người học (*2.5.01 - Hợp đồng/biên bản ghi nhớ, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hành, thực tập với doanh nghiệp, cá nhân ký kết năm 2024, 2025, 2026, trong đó có phụ lục cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ thực hành*).

Định kỳ, Nhà trường lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo và HSSV về mức độ đáp ứng của thiết bị, dụng cụ đào tạo, việc bố trí, quản lý và bảo trì thiết bị. Kết quả khảo sát được sử dụng như nguồn thông tin bổ sung để xem xét mức độ phù hợp của điều kiện thực hành và xác định các nội dung cần tiếp tục đầu tư, sửa chữa hoặc cải thiện (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Qua hồ sơ quản lý và tình hình sử dụng cho thấy, thiết bị, dụng cụ đào tạo của Nhà trường được bố trí theo ngành, nghề và nội dung đào tạo; có hồ sơ theo dõi, có cán bộ phụ trách và được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ. Việc bố trí và khai thác thiết bị được thực hiện gắn với yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường; đồng thời Nhà trường sử dụng kết quả theo dõi thực tế để xác định nhu cầu sửa chữa, bổ sung hoặc thay thế thiết bị.

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã tổ chức quản lý, bố trí, khai thác, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ đào tạo theo quy trình; thiết bị được sử dụng phục vụ các chương trình đào tạo, được theo dõi tình trạng và bảo trì định kỳ, góp phần đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học, thực hành, bảo đảm yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: *Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Nhà trường đã ban hành và áp dụng quy định về quản lý, sử dụng và cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ hoạt động đào tạo. Quy định xác định trách nhiệm của các phòng, khoa, trung tâm và cá nhân có liên quan trong việc đề xuất nhu cầu, mua sắm, tiếp nhận, bảo quản, cấp phát, sử dụng, thu hồi và theo dõi nguyên, nhiên, vật liệu. Việc quản lý vật tư được thực hiện thống nhất trong toàn trường, gắn với yêu cầu của chương trình đào tạo và các hoạt động thực hành, thực tập (*5.6.01 - Quy định về quản lý, sử dụng, cấp phát nguyên, nhiên liệu*).

Công tác quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu đồng thời được triển khai trong hệ thống các quy trình bảo đảm chất lượng của Nhà trường, trong đó có các quy trình liên quan đến quản lý phòng/xưởng thực hành, phòng học và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Đây là cơ sở để các khoa chuyên môn tổ chức quản lý vật tư gắn với quá trình sử dụng phòng thực hành,

thiết bị và dụng cụ đào tạo (*1.3.08 - Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026, trong đó có Quy trình quản lý xưởng/phòng thực hành, phòng học lý thuyết*).

Trên cơ sở yêu cầu của từng ngành, nghề và nội dung thực hành trong chương trình đào tạo, Nhà trường xây dựng định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật làm căn cứ xác định nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu. Quá trình xây dựng định mức được thực hiện thông qua kế hoạch, hội đồng xây dựng và nghiệm thu, biên bản nghiệm thu và quyết định ban hành định mức. Định mức được xác định theo từng nghề, môn học/mô-đun hoặc hoạt động thực hành, làm căn cứ tính toán số lượng vật tư cần sử dụng cho người học và từng đợt đào tạo (*5.6.02 - Hồ sơ xây dựng định mức tiêu hao vật tư/hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật cho các nghề đào tạo năm 2023, 2025, bao gồm Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng và nghiệm thu, kế hoạch xây dựng, biên bản nghiệm thu và Quyết định ban hành định mức kèm định mức các ngành, nghề*).

Hằng năm, căn cứ kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, số lượng lớp và số lượng HSSV, các khoa chuyên môn xác định nhu cầu vật tư cho từng môn học, mô-đun thực hành và lập đề xuất mua sắm. Việc xác định nhu cầu được thực hiện theo thời điểm tổ chức các nội dung thực hành để bảo đảm vật tư được chuẩn bị kịp thời, hạn chế tình trạng thiếu vật tư làm ảnh hưởng đến tiến độ đào tạo hoặc mua sắm vượt nhu cầu thực tế (*2.3.06 - Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.07 - Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.3.09 - Thời khóa biểu các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Trên cơ sở nhu cầu đã được phê duyệt, Nhà trường tổ chức mua sắm nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ đào tạo. Hồ sơ mua sắm được thực hiện và lưu trữ theo từng năm, gồm đề nghị mua sắm, đề nghị tạm ứng hoặc thanh toán, hợp đồng mua bán, hóa đơn, biên bản nghiệm thu, thanh lý và giao nhận. Việc mua sắm được thực hiện theo nhu cầu thực tế của các khoa và kế hoạch tổ chức đào tạo, qua đó bảo đảm vật tư được cung cấp tương đối kịp thời cho các hoạt động thực hành (*5.6.03 - Hồ sơ mua sắm vật tư đào tạo năm 2024, 2025, 2026 gồm Giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị tạm ứng, giấy đề nghị mua sắm vật tư, hợp đồng mua bán, hóa đơn, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, biên bản giao nhận và các hồ sơ có liên quan*).

Sau khi tiếp nhận, nguyên, nhiên, vật liệu được thực hiện giao nhận và cấp phát cho các đơn vị sử dụng theo nhu cầu đã được phê duyệt. Việc cấp phát được theo dõi bằng biên bản bàn giao, sổ cấp phát và các hồ sơ liên quan nhằm bảo đảm có căn cứ kiểm soát số lượng vật tư đã nhập, đã cấp và đơn vị nhận sử dụng. Các khoa, bộ môn có trách nhiệm quản lý vật tư được cấp và sử dụng đúng mục đích, đúng nội dung đào tạo (*5.6.04 - Văn bản thể hiện giao nhận, cấp phát vật tư đào tạo năm 2024, 2025, 2026 gồm biên bản bàn giao, sổ cấp phát vật tư đào tạo và các hồ sơ có liên quan*).

Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí tại kho chung hoặc tại các khu vực lưu giữ của khoa, bộ môn phù hợp với đặc điểm sử dụng. Việc sắp xếp được thực hiện theo hướng dễ nhận biết, dễ kiểm tra, thuận tiện khi cấp phát và bảo đảm điều kiện bảo quản. Đối với vật tư

sử dụng tại phòng/xưởng thực hành, các khoa bố trí phù hợp với thiết bị, dụng cụ và không gian thực hành, hạn chế ảnh hưởng đến an toàn và hoạt động dạy học. Những vật tư chưa sử dụng hoặc còn khả năng tiếp tục sử dụng được lưu giữ để dùng cho các buổi thực hành tiếp theo (*5.5.01 - Hình ảnh bố trí thiết bị, dụng cụ đào tạo, vật tư tại các phòng, xưởng thực hành; 5.6.04 - Văn bản thể hiện giao nhận, cấp phát vật tư đào tạo năm 2024, 2025, 2026 gồm biên bản bàn giao, sổ cấp phát vật tư đào tạo và các hồ sơ có liên quan*).

Việc sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu được các khoa theo dõi trong quá trình tổ chức thực hành. Sau từng kỳ hoặc năm học, Nhà trường tổng hợp tình hình sử dụng vật tư, trong đó theo dõi lượng vật tư đã tiếp nhận, đã cấp phát, đã tiêu hao, số lượng còn tồn và những vật tư có khả năng thu hồi, tái sử dụng. Kết quả này là căn cứ để đánh giá mức độ sử dụng so với định mức, phát hiện tình trạng sử dụng chưa hợp lý và điều chỉnh nhu cầu mua sắm cho kỳ tiếp theo (*5.6.05 - Báo cáo tình hình sử dụng vật tư nguyên liệu năm/năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Đối với những vật tư còn bảo đảm yêu cầu kỹ thuật sau khi sử dụng, Nhà trường thực hiện thu hồi, phân loại và bố trí tái sử dụng cho các buổi thực hành phù hợp. Việc tái sử dụng được thực hiện trên nguyên tắc không ảnh hưởng đến mục tiêu thực hành, yêu cầu kỹ thuật, an toàn và vệ sinh. Các vật tư không còn khả năng sử dụng hoặc không bảo đảm yêu cầu được xử lý theo quy định. Qua đó góp phần tiết kiệm chi phí, hạn chế lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đào tạo (*5.6.05 - Báo cáo tình hình sử dụng vật tư nguyên liệu năm/năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Định kỳ, Nhà trường thực hiện khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo và người học về mức độ đáp ứng của nguyên, nhiên, vật liệu đối với hoạt động đào tạo. Kết quả khảo sát được sử dụng như nguồn thông tin bổ sung để đánh giá việc cung ứng, cấp phát và sử dụng vật tư, đồng thời làm căn cứ xem xét điều chỉnh kế hoạch và định mức khi cần thiết (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Qua hồ sơ và kết quả triển khai cho thấy, Nhà trường đã ban hành và áp dụng quy định về quản lý, sử dụng, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu; việc xác định nhu cầu được thực hiện trên cơ sở chương trình, định mức, kế hoạch và tiến độ đào tạo. Vật tư được mua sắm, giao nhận, cấp phát, bố trí và theo dõi sử dụng bằng hồ sơ cụ thể; tình hình tiêu hao, tồn kho và khả năng tái sử dụng được tổng hợp, đánh giá định kỳ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: *Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường bố trí thư viện phục vụ nhu cầu học tập, tự học, nghiên cứu và khai thác tài liệu của cán bộ quản lý, nhà giáo và HSSV. Không gian thư viện được tổ chức theo hướng mở, gồm khu vực đọc và tra cứu tài liệu, khu vực phục vụ cán bộ, nhà giáo, khu vực phục vụ người học, kho/lưu trữ sách và khu vực khai thác tài liệu điện tử. Việc bố trí không gian thư viện được thực hiện phù hợp với chức năng sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho người dùng tiếp cận, tra cứu và sử dụng tài liệu (*5.7.01 - Hình ảnh chụp thư viện; 5.7.02 - Thống kê diện tích và trang thiết bị phòng đọc, phòng lưu trữ, kho sách*).

Diện tích các khu vực thư viện được Nhà trường thống kê, theo dõi theo từng chức năng sử dụng, trong đó có diện tích khu đọc, khu lưu trữ/kho sách và các khu vực phục vụ khai thác học liệu. Trang thiết bị tại thư viện gồm bàn, ghế, tủ/kệ sách, máy tính và các phương tiện phục vụ tra cứu, đọc và khai thác tài liệu. Việc bố trí diện tích và trang thiết bị được thực hiện trên cơ sở quy mô người học và nhu cầu sử dụng thực tế, nhằm bảo đảm điều kiện phục vụ hoạt động học tập, nghiên cứu và tự học của người học, nhà giáo (*5.7.02 - Thống kê diện tích và trang thiết bị phòng đọc, phòng lưu trữ, kho sách*).

Bên cạnh nguồn tài liệu in, Nhà trường đã triển khai **thư viện điện tử** tại địa chỉ https://thuvienso.stc.edu.vn, tạo điều kiện để cán bộ, nhà giáo và HSSV tra cứu, khai thác tài liệu trên môi trường số. Nhà trường đầu tư thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm thư viện điện tử và cấp tài khoản cho người sử dụng. Việc triển khai thư viện điện tử góp phần mở rộng khả năng tiếp cận học liệu, hỗ trợ người học tra cứu tài liệu ngoài thời gian sử dụng trực tiếp tại thư viện và phù hợp với định hướng chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo (*5.7.03 - Hợp đồng Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm thư viện điện tử https://thuvienso.stc.edu.vn; 5.7.04 - Hợp đồng mua phần mềm thư viện điện tử; 5.7.05 - Danh sách tài khoản đăng nhập thư viện điện tử*).

Nhà trường bố trí nhân sự phụ trách thư viện để thực hiện các nhiệm vụ quản lý tài liệu, sắp xếp kho sách, phục vụ bạn đọc, hỗ trợ tra cứu tài liệu và quản lý hoạt động khai thác thư viện điện tử. Nhân sự được phân công nhiệm vụ cụ thể và có hồ sơ về trình độ chuyên môn, làm căn cứ tổ chức, duy trì hoạt động thư viện thường xuyên (*5.7.06 - Quyết định tuyển dụng viên chức thư viện/Quyết định phân công nhiệm vụ; 5.7.07 - Hồ sơ bằng cấp của cán bộ phụ trách thư viện*).

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động thư viện gắn với kế hoạch đào tạo và nhu cầu khai thác học liệu của các ngành, nghề. Nội dung kế hoạch tập trung vào việc quản lý, bổ sung, cập nhật giáo trình, tài liệu chuyên ngành; tổ chức phục vụ bạn đọc; khai thác thư viện điện tử; duy trì trang thiết bị; hướng dẫn người học sử dụng thư viện và từng bước phát triển văn hóa đọc. Cuối năm học, cán bộ phụ trách thư viện tổng hợp, đánh giá kết quả hoạt động, mức độ phục vụ người dùng và những nội dung cần tiếp tục cải thiện trong năm học tiếp theo (*5.7.08 - Kế hoạch hoạt động thư viện trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 5.7.09 - Báo cáo hoạt động thư viện trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Việc quản lý, khai thác thư viện được thực hiện gắn với nhu cầu sử dụng của cán bộ, nhà giáo và HSSV. Khu vực đọc và tra cứu được bố trí để người học có thể tự học, khai thác giáo trình, tài liệu tham khảo và học liệu số; cán bộ, nhà giáo có điều kiện tiếp cận tài liệu phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và phát triển chuyên môn. Hệ thống kho sách và tài liệu điện tử hỗ trợ việc lưu giữ, quản lý và cung cấp học liệu theo các ngành, nghề đào tạo của Nhà trường (*5.7.01 - Hình ảnh chụp thư viện; 5.7.02 - Thống kê diện tích và trang thiết bị phòng đọc, phòng lưu trữ, kho sách; 5.7.03 - Hợp đồng Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm thư viện điện tử https://thuvienso.stc.edu.vn*).

Định kỳ, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV và các bên liên quan về điều kiện thư viện, mức độ đáp ứng của tài liệu, không gian đọc và khả năng khai thác thư viện điện tử. Kết quả khảo sát được tổng hợp làm căn cứ đánh giá mức độ đáp ứng và xác định các nội dung cần cải thiện trong công tác quản lý, bổ sung tài liệu, trang thiết bị và tổ chức phục vụ người sử dụng (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Qua hồ sơ và tình hình tổ chức hoạt động cho thấy, Nhà trường đã bố trí thư viện gồm khu đọc, khu lưu trữ/kho sách, khu vực phục vụ cán bộ, nhà giáo và người học, đồng thời triển khai hệ thống thư viện điện tử phục vụ tra cứu và khai thác học liệu số. Thư viện có nhân sự phụ trách, có kế hoạch và báo cáo hoạt động hằng năm, được trang bị cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã bố trí và tổ chức vận hành thư viện phục vụ cán bộ, nhà giáo và người học; có khu vực đọc, kho sách và hệ thống thư viện điện tử; diện tích, trang thiết bị và hoạt động thư viện được quản lý, theo dõi và khai thác phục vụ hoạt động đào tạo, tự học và nghiên cứu của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 5.8: *Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng và duy trì hệ thống thư viện, nguồn học liệu phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nguồn học liệu gồm giáo trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên ngành, tài liệu điện tử và các học liệu số phù hợp với các ngành, nghề đang tổ chức đào tạo. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo được thống kê, cập nhật hằng năm, làm căn cứ theo dõi mức độ đáp ứng đối với chương trình đào tạo và nhu cầu sử dụng của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và HSSV (*5.8.01 - Danh sách thống kê giáo*

trình tại thư viện năm 2024, 2025, 2026; 5.8.02 - Danh sách thống kê tài liệu tham khảo tại thư viện năm 2024, 2025, 2026).

Bên cạnh nguồn tài liệu in, Nhà trường phát triển nguồn học liệu điện tử nhằm mở rộng khả năng tiếp cận tài liệu và hỗ trợ hoạt động tự học, nghiên cứu. Các tài liệu điện tử được tập hợp, quản lý và cập nhật trên hệ thống thư viện điện tử; danh mục học liệu số được thống kê theo từng năm để phục vụ tra cứu, quản lý và bổ sung nguồn tài liệu phù hợp với yêu cầu đào tạo (*5.8.03 - Hình ảnh phần mềm thư viện điện tử; 5.8.04 - Danh sách thống kê tài liệu điện tử trên thư viện điện tử năm 2024, 2025, 2026*).

Nhà trường ban hành Quy chế hoạt động thư viện để thống nhất công tác quản lý, khai thác và phục vụ bạn đọc. Quy chế quy định trách nhiệm của bộ phận phụ trách thư viện, nguyên tắc sử dụng, thời gian phục vụ, mượn - trả tài liệu và các nội dung liên quan. Đồng thời, Nhà trường xây dựng hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử để hỗ trợ người dùng đăng nhập, tra cứu và khai thác nguồn học liệu số một cách thuận tiện (*5.8.05 - Quyết định ban hành Quy chế hoạt động thư viện của Trường; 5.8.06 - Hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử*).

Hoạt động khai thác tài liệu được theo dõi thông qua thẻ mượn đọc và sổ theo dõi mượn sách. Các công cụ này giúp bộ phận thư viện quản lý tình hình sử dụng tài liệu, số lượt mượn, trả và nhu cầu thực tế của bạn đọc; đồng thời cung cấp dữ liệu để xem xét bổ sung tài liệu phù hợp với nhu cầu của các ngành, nghề đào tạo (*5.8.07 - Thẻ mượn đọc tại thư viện; 5.8.08 - Sổ theo dõi mượn sách tại thư viện*).

Nhà trường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và sử dụng thư viện. Thư viện được trang bị thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm thư viện điện tử phục vụ quản lý dữ liệu, tra cứu và khai thác học liệu trên môi trường số. Hệ thống tài khoản được cấp cho người sử dụng để truy cập thư viện điện tử, giúp nhà giáo và HSSV có thể khai thác tài liệu thuận lợi hơn, không phụ thuộc hoàn toàn vào hình thức đọc trực tiếp tại thư viện. Cơ sở vật chất, máy tính và trang thiết bị tại thư viện được bố trí phục vụ hoạt động tra cứu, đọc và khai thác tài nguyên thông tin (*5.7.03 - Hợp đồng mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm thư viện điện tử; 5.7.04 - Hợp đồng mua phần mềm thư viện điện tử; 5.7.05 - Danh sách tài khoản đăng nhập thư viện điện tử; 5.7.02 - Thống kê diện tích và trang thiết bị phòng đọc, phòng lưu trữ, kho sách*).

Nguồn học liệu được Nhà trường thực hiện cập nhật, bổ sung theo nhu cầu sử dụng và yêu cầu của chương trình đào tạo. Thư viện phối hợp với các khoa, bộ môn để xác định tài liệu cần bổ sung, trong đó chú trọng giáo trình, tài liệu tham khảo và tài liệu chuyên ngành phục vụ trực tiếp các môn học, mô-đun. Sau khi bổ sung tài liệu mới, Nhà trường thực hiện thông báo giới thiệu sách mới tới cán bộ, nhà giáo và HSSV, giúp người sử dụng biết và khai thác kịp thời các tài liệu mới được cập nhật (*5.8.01 - Danh sách thống kê giáo trình tại thư viện năm 2024, 2025, 2026; 5.8.02 - Danh sách thống kê tài liệu tham khảo tại thư viện năm 2024, 2025, 2026; 5.8.09 - Thông báo giới thiệu sách mới năm 2024, 2025 qua email, kèm danh mục sách mới bổ sung*).

Việc tổ chức đồng thời nguồn tài liệu in và tài liệu điện tử giúp thư viện hỗ trợ nhiều hình thức khai thác học liệu khác nhau. Nhà giáo có thể sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo và nguồn học liệu số phục vụ chuẩn bị bài giảng, cập nhật kiến thức chuyên môn và nghiên cứu; HSSV có điều kiện tự học, tra cứu, bổ sung kiến thức và chuẩn bị cho các môn học, mô-đun. Cán bộ quản lý, viên chức và người lao động cũng có thể khai thác các nguồn tài liệu phù hợp phục vụ công việc và nâng cao chuyên môn (*5.8.01 - Danh sách thống kê giáo trình tại thư viện năm 2024, 2025, 2026; 5.8.02 - Danh sách thống kê tài liệu tham khảo tại thư viện năm 2024, 2025, 2026; 5.8.04 - Danh sách thống kê tài liệu điện tử trên thư viện điện tử năm 2024, 2025, 2026*).

Hằng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, HSSV và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của thư viện, nguồn học liệu và phương thức phục vụ. Kết quả khảo sát cho thấy đa số ý kiến đánh giá tích cực về khả năng đáp ứng nhu cầu tra cứu, học tập và khai thác tài liệu. Kết quả khảo sát được sử dụng làm nguồn thông tin bổ sung để Nhà trường tiếp tục rà soát, cập nhật học liệu và cải thiện chất lượng phục vụ thư viện (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Qua hồ sơ và tình hình triển khai cho thấy, thư viện của Nhà trường có nguồn giáo trình, tài liệu tham khảo và học liệu điện tử được quản lý, thống kê và cập nhật theo từng năm. Nhà trường đã áp dụng phần mềm thư viện điện tử, hệ thống tài khoản truy cập và các công cụ theo dõi việc mượn, trả tài liệu; đồng thời duy trì việc bổ sung, giới thiệu tài liệu mới để đáp ứng nhu cầu khai thác học liệu của người sử dụng.

Như vậy, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã xây dựng và duy trì nguồn học liệu tương đối đa dạng, gồm tài liệu in và tài liệu điện tử; nguồn học liệu được rà soát, cập nhật và quản lý bằng các công cụ phù hợp. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và khai thác thư viện góp phần nâng cao khả năng tiếp cận tài liệu, hỗ trợ hoạt động dạy, học, tự học và nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và HSSV.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: 02 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn nhận thức rõ rằng hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế (HTQT) là những hoạt động quan trọng, đóng vai trò hỗ trợ trực tiếp cho công tác đào tạo, phục vụ cộng đồng và phát triển thương hiệu Nhà trường. Trong bối cảnh đào tạo nghề, các hoạt động này không chỉ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, giúp giảng viên và sinh viên tiếp cận tri thức và công nghệ mới, mà còn góp phần gắn kết chặt chẽ giữa nội dung đào tạo và nhu cầu thực tế của thị trường lao động.

Trong giai đoạn vừa qua, công tác NCKH của nhà trường đã được tổ chức bài bản, đi vào chiều sâu và gắn kết chặt chẽ với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Hệ thống các văn bản nội bộ, quy trình quản lý đề tài và chính sách khen thưởng, hỗ trợ kinh phí được ban hành đồng bộ, tạo hành lang pháp lý và động lực cho toàn thể cán bộ, nhà giáo và người học tham gia đổi mới sáng tạo.

Nhờ định hướng đúng đắn của nhà trường, số lượng và chất lượng các đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến và bài báo khoa học tăng trưởng qua các năm, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ nhà giáo giao lưu học thuật, tiếp nhận chuyển giao công nghệ và cập nhật các phương pháp giảng dạy tiên tiến.

Hoạt động HTQT của Trường tuy còn mới mẻ nhưng đã có những bước khởi đầu tích cực. Nhà trường đã chủ động thiết lập các mối quan hệ hợp tác với một số trường cao đẳng, tổ chức giáo dục và doanh nghiệp quốc tế trong khu vực. Nội dung hợp tác tập trung chủ yếu vào trao đổi kinh nghiệm xây dựng CTĐT, chia sẻ phương pháp giảng dạy tiên tiến, hợp tác đào tạo ngoại ngữ và tổ chức giao lưu văn hóa cho HSSV. Tiến tới thực hiện ký kết biên bản ghi nhớ (MOU), tạo nền tảng quan trọng để mở rộng và nâng cao hơn nữa quy mô hợp tác trong thời gian tới.

Những điểm mạnh:

Hoạt động nghiên cứu không mang tính hàn lâm đơn thuần mà bám sát yêu cầu chuyển đổi số và tình hình thực tế trong công tác tổ chức, hoạt động nhà trường. Nhà trường đã bố trí một phần nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất để hỗ trợ giảng viên. Các phòng thực hành, thư viện điện tử, hệ thống máy tính kết nối internet đã được đầu tư, phục vụ trực tiếp cho cả công tác giảng dạy và nghiên cứu. Nhờ đó, giảng viên có điều kiện thuận lợi hơn trong việc triển khai các sáng kiến, đề tài ứng dụng vào thực tiễn

Nhiều đề tài, sáng kiến của giảng viên đã được ứng dụng hiệu quả vào cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý lớp học. Một số đề tài có tiềm năng nhân rộng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác. Việc quy đổi giờ NCKH hợp lý, kèm theo cơ chế tài chính hỗ trợ kịp thời đã khơi dậy phong trào thi đua nghiên cứu, viết báo và sáng kiến cải tiến rộng khắp trong toàn trường.

Trong lĩnh vực HTQT, dù mới ở giai đoạn đầu nhưng Trường đã thể hiện sự chủ động trong việc tìm kiếm cơ hội hợp tác, tìm kiếm các đối tác quốc tế. Đây là những nền tảng quan trọng, tạo điều kiện cho giảng viên, HSSV tiếp cận các chương trình tiên tiến, nâng cao năng lực ngoại ngữ và hội nhập quốc tế. HTQT cũng được quan tâm đi vào chiều sâu thông qua các khóa tập huấn, trao đổi chuyên môn trực tiếp, góp phần đắc lực vào việc bồi dưỡng năng lực quốc tế cho lực lượng CBQL và nhà giáo nòng cốt.

Những tồn tại:

Hoạt động HTQT mới chỉ dừng lại ở việc tìm kiếm đối tác và trao đổi bước đầu, chưa có nhiều chương trình hợp tác sâu rộng, lâu dài, hoặc các dự án quốc tế có tính chiến lược.

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

Về HTQT, Nhà trường đặt mục tiêu mỗi năm sẽ xây dựng thêm ít nhất hai mối quan hệ hợp tác quốc tế chiến lược với các trường nghề, viện nghiên cứu hoặc tổ chức giáo dục nước ngoài có uy tín. Để đạt mục tiêu này, Nhà trường sẽ hoàn thiện hồ sơ năng lực song ngữ để giới thiệu đến đối tác quốc tế, đồng thời cử cán bộ và giảng viên tham gia các diễn đàn, hội thảo quốc tế nhằm học hỏi kinh nghiệm và mở rộng hợp tác. Các hoạt động hợp tác sẽ tập trung vào trao đổi giảng viên, HSSV, đồng tổ chức hội thảo khoa học, mời chuyên gia quốc tế thỉnh giảng và phát triển các chương trình đào tạo tiên tiến. Tổ chức các hội thảo, diễn đàn kết nối Nhà trường - Doanh nghiệp để giới thiệu các kết quả NCKH, tìm kiếm cơ hội hợp tác và chuyển giao.

Bên cạnh đó để nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động NCKH, Nhà trường xác định cần tăng cường đầu tư, đa dạng hóa nguồn kinh phí và xây dựng chính sách hỗ trợ thiết thực hơn. Cụ thể, Nhà trường sẽ từng bước tăng tỷ lệ chi ngân sách cho NCKH, đồng thời chủ động tìm kiếm và huy động các nguồn tài trợ từ quỹ khoa học công nghệ, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế. Song song đó, Nhà trường sẽ tổ chức định kỳ các khóa tập huấn về phương pháp nghiên cứu, kỹ năng viết đề cương, kỹ năng viết và công bố bài báo khoa học để nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên và HSSV. Các nhóm nghiên cứu theo chuyên ngành sẽ được hình thành, khuyến khích hợp tác liên ngành cũng như hợp tác với chuyên gia bên ngoài. Kết quả NCKH, bao gồm đề tài, bài báo, sáng kiến, sẽ được đưa vào tiêu chí xét thi đua, bổ nhiệm, nhằm tạo động lực nghiên cứu cho đội ngũ giảng viên.

Trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ, Nhà trường sẽ tập trung phát triển quan hệ hợp tác chặt chẽ hơn với các doanh nghiệp. Các đề tài nghiên cứu ứng dụng sẽ được định hướng giải quyết trực tiếp những vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp và xã hội, qua đó nâng cao giá trị ứng dụng và khả năng thương mại hóa. Các hội thảo và diễn đàn kết nối nhà trường - doanh nghiệp sẽ được tổ chức thường xuyên, nhằm giới thiệu các kết quả nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội chuyển giao và thúc đẩy các dự án, công trình nghiên cứu chung.

Về chính sách: Nhà trường sẽ xây dựng cơ chế khen thưởng đột xuất với định mức cao để thúc đẩy công bố quốc tế. Triển khai đàm phán, ký kết các đề án trao đổi HSSV với các đối tác chiến lược nhằm tạo môi trường thực tập đa quốc gia cho người học. Ban hành quỹ hỗ trợ khởi nghiệp và NCKH dành riêng cho đối tượng HSSV.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí 6	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	0

Tổng	**6**

Tiêu chuẩn 6.1: *Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH), sáng kiến cải tiến và đổi mới sáng tạo được Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn triển khai gắn với nhiệm vụ chuyên môn, giảng dạy và học tập của đội ngũ, người học. Để tổ chức các hoạt động này thống nhất trong toàn trường, Nhà trường đã ban hành Quy định công tác nghiên cứu khoa học, trong đó quy định về tổ chức, quản lý, đăng ký, thực hiện, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ NCKH và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân tham gia. Chính sách khuyến khích hoạt động NCKH còn được cụ thể hóa trong Quy chế chi tiêu nội bộ và chế độ làm việc của nhà giáo, tạo cơ sở để bố trí thời gian, xác định nhiệm vụ và thực hiện các chế độ có liên quan đối với nhà giáo tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến (*6.1.01 - Quyết định ban hành Quy định công tác nghiên cứu khoa học; 3.2.01 - Quyết định về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường; 3.2.02 - Quyết định ban hành chế độ làm việc của nhà giáo*).

Bên cạnh các quy định về tổ chức thực hiện, Nhà trường gắn kết quả NCKH, sáng kiến và những đóng góp chuyên môn với công tác đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm. Các tập thể, cá nhân có kết quả nghiên cứu, sáng kiến được xem xét ghi nhận trong quá trình đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua, khen thưởng. Đồng thời, Nhà trường bố trí kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ NCKH theo từng năm học. Việc hỗ trợ được thực hiện trên cơ sở nhiệm vụ được phê duyệt và có hồ sơ, chứng từ thanh toán theo quy định. Qua đó, chính sách khuyến khích NCKH được cụ thể hóa bằng các hình thức hỗ trợ và ghi nhận kết quả thực hiện, tạo điều kiện để cán bộ, nhà giáo tham gia các hoạt động nghiên cứu gắn với chuyên môn và thực tiễn của Nhà trường (*6.1.02 - Quyết định ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng; 6.1.03 - Quyết định về việc hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.1.04 - Bộ chứng từ thanh toán kinh phí liên quan tới hoạt động KH&CN các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Trong ba năm học gần đây, hoạt động NCKH và sáng kiến cải tiến của đội ngũ được duy trì và có xu hướng tăng về số lượng. Năm học 2023-2024 có 01 đề tài NCKH cấp trường và 01 sáng kiến; năm học 2024-2025 có 02 đề tài NCKH cấp trường và 01 sáng kiến; năm học 2025-2026 có 03 đề tài NCKH cấp trường và 02 sáng kiến. Cụ thể:

Năm học	Đề tài NCKH cấp trường	Sáng kiến	Tổng số

2023-2024	1	1	2
2024-2025	2	1	3
2025-2026	3	2	5

Năm học 2023-2024, Nhà trường có 01 đề tài NCKH cấp trường là *"Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn"* của cô Trần Thị Thanh Loan và 01 sáng kiến *"Một số biện pháp sử dụng an toàn, tiết kiệm điện tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn"* của thầy Phan Hoàng Nhân - Phòng Quản lý Đào tạo. Các nội dung tập trung vào nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng cho sinh viên và cải tiến việc sử dụng nguồn lực trong Nhà trường.

Năm học 2024-2025, có 02 đề tài NCKH cấp trường gồm: *"Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn"* của thầy Đồng Minh Phương - Khoa Công nghệ Thông tin và *"Tư tưởng của John Locke về các quyền tự nhiên của con người và ứng dụng khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và kinh doanh cá nhân cho sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn"* của cô Nguyễn Thanh Ngân Hạ - Khoa Khoa học cơ bản. Cùng năm học, thầy Dương Ngọc Lập - Khoa Du lịch thực hiện sáng kiến *"Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo viên chủ nhiệm ở Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn"*.

Năm học 2025-2026, Nhà trường có 03 đề tài NCKH cấp trường, gồm: *"Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân tố con người với việc phát huy nhân tố con người cho sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay"* của cô Nguyễn Thanh Ngân Hạ - Khoa Khoa học cơ bản; *"Áp dụng phương pháp ABC để phân tích khả năng sinh lời từng lớp học nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn"* của cô Phạm Thị Hồng - Khoa Kinh tế; và *"Nghiên cứu xác định điều kiện tối ưu quá trình trích ly polyphenol từ vỏ và thịt quả cà phê và phát triển sản phẩm ứng dụng"* của thầy Dương Ngọc Lập - Khoa Du lịch.

Cùng với các đề tài NCKH, năm học 2025-2026 có 02 sáng kiến gồm: *"Nâng cao kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh thông qua mô hình 'English Speaking Corner' tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn"* của cô Phạm Xuân Lan - Khoa Ngoại ngữ và *"Sổ tay hướng dẫn sử dụng mô hình chẩn đoán pan điện ô tô trên máy tính"* của thầy Bùi Thái Trường - Khoa Kỹ thuật (*6.1.05 - Danh sách đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến cấp trường trở lên các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Qua nội dung các đề tài, sáng kiến cho thấy hoạt động NCKH của Nhà trường được triển khai trên nhiều lĩnh vực và có sự gắn kết với hoạt động đào tạo, quản lý và chuyên môn nghề. Một số đề tài tập trung giải quyết trực tiếp các vấn đề trong hoạt động của Nhà trường như quản lý giáo dục kỹ năng mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, nâng cao hiệu quả công tác giáo viên chủ nhiệm, phân tích hiệu quả hoạt động của các lớp học; một số nghiên cứu, sáng kiến hướng tới ứng dụng chuyên môn như phát triển sản phẩm từ cà phê,

xây dựng sổ tay hướng dẫn sử dụng mô hình chẩn đoán pan điện ô tô hoặc phát triển mô hình hỗ trợ sinh viên nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh. Kết quả này cho thấy NCKH và sáng kiến từng bước gắn với yêu cầu cải tiến hoạt động quản lý, đổi mới giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo (*6.1.05 - Danh sách đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến cấp trường trở lên các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Đối với người học, Nhà trường tạo môi trường tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo thông qua việc tổ chức Hội thi ý tưởng khởi nghiệp cho HSSV cấp trường hằng năm. Hoạt động được tổ chức có kế hoạch, thể lệ, Ban tổ chức, Hội đồng giám khảo và các hồ sơ đánh giá, tổng kết theo từng năm học. Thông qua Hội thi, HSSV có cơ hội vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn để hình thành và phát triển các ý tưởng gắn với thực tiễn; đồng thời rèn luyện tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và xây dựng phương án kinh doanh. Đây cũng là một trong những hình thức Nhà trường khuyến khích người học tham gia hoạt động sáng tạo, ứng dụng kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tế (*6.1.06 - Hồ sơ tổ chức hội thi ý tưởng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên cấp trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Cùng với việc tổ chức các hoạt động NCKH, sáng kiến và đổi mới sáng tạo, hằng năm Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến các bên liên quan, trong đó có CBQL, nhà giáo, viên chức, người lao động về các hoạt động và chính sách của Nhà trường. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích làm cơ sở xem xét mức độ phù hợp của các chính sách đang thực hiện và tiếp tục điều chỉnh các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích đội ngũ tham gia NCKH, sáng kiến cải tiến và các hoạt động chuyên môn (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Kết quả triển khai trong ba năm học cho thấy các chính sách về NCKH đã từng bước đi vào thực tế. Số đề tài NCKH và sáng kiến tăng từ 02 đề tài/sáng kiến năm học 2023-2024 lên 03 năm học 2024-2025 và 05 năm học 2025-2026; nội dung nghiên cứu ngày càng đa dạng và gắn hơn với hoạt động quản lý, giảng dạy, chuyên môn nghề và hỗ trợ người học. Hoạt động khởi nghiệp dành cho HSSV cũng được duy trì hằng năm, tạo thêm cơ hội để người học tham gia đổi mới sáng tạo và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Nhà trường tiếp tục khuyến khích các đề tài, sáng kiến có khả năng ứng dụng vào hoạt động đào tạo, quản lý, phát triển sản phẩm và từng bước tăng cường khả năng ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu phục vụ doanh nghiệp và cộng đồng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: *Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Tiêu chuẩn 6.2: *Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Tiêu chuẩn 6.2: *Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trong các năm học 2023-2024, 2024-2025 và 2025-2026, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn duy trì việc tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) và sáng kiến cải tiến cấp trường. Hoạt động được triển khai theo kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm, trong đó xác định nội dung, tiến độ, trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân tham gia. Các đề tài, sáng kiến tập trung vào những vấn đề gắn với hoạt động quản lý, giảng dạy, hỗ trợ người học, ứng dụng công nghệ và chuyên môn nghề, qua đó tạo cơ sở để kết quả nghiên cứu được đưa vào thực tiễn đào tạo của Nhà trường (*6.2.01 - Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.1.05 - Danh sách đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến cấp trường trở lên các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo đăng ký nhiệm vụ khoa học đến các đơn vị và cá nhân. Trên cơ sở phiếu đăng ký, Nhà trường tổng hợp danh sách các nhiệm vụ đề xuất để xem xét, lựa chọn những nội dung phù hợp với định hướng chuyên môn và nhu cầu thực tế. Các cá nhân, tập thể đăng ký đề tài xây dựng bản thuyết minh, trong đó xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu, phương pháp thực hiện, sản phẩm dự kiến, tiến độ và khả năng ứng dụng kết quả (*6.2.02 - Thông báo đăng ký nhiệm vụ khoa học năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.2.03 - Phiếu đăng ký nhiệm vụ khoa học của các tập thể, cá nhân năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.2.04 - Danh sách tổng hợp phiếu đăng ký nhiệm vụ khoa học năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.2.08 - Bản thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Các đề tài đăng ký được Nhà trường tổ chức xét duyệt trước khi triển khai. Hội đồng thẩm định thuyết minh được thành lập theo từng năm học để xem xét sự cần thiết, mục tiêu, nội dung, phương pháp, tính khả thi và khả năng ứng dụng của đề tài. Kết quả xét duyệt được thể hiện qua phiếu đánh giá và biên bản họp Hội đồng; trên cơ sở đó, Hiệu trưởng ban hành quyết định cho phép triển khai các đề tài đáp ứng yêu cầu. Việc tổ chức xét duyệt ngay từ đầu góp phần bảo đảm các nhiệm vụ NCKH được lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường (*6.2.05 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.2.06 - Phiếu đánh giá xét duyệt đề tài khoa học và sáng kiến cải tiến năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.2.07 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định, thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026;*

6.2.09 - Quyết định triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026).

Sau khi được phê duyệt, các chủ nhiệm đề tài tổ chức nghiên cứu theo nội dung và tiến độ đã đăng ký. Kết thúc thời gian thực hiện, Nhà trường thành lập Hội đồng nghiệm thu để đánh giá kết quả nghiên cứu. Hội đồng xem xét mức độ hoàn thành mục tiêu, nội dung, sản phẩm nghiên cứu, tính khoa học, khả năng ứng dụng và đề xuất hướng sử dụng kết quả. Ý kiến đánh giá của các thành viên, kết luận của Hội đồng và kết quả hoàn thiện đề tài được thể hiện trong bản nhận xét, biên bản nghiệm thu, báo cáo kết quả nghiên cứu và quyết định công nhận kết quả (*6.2.10 - Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.2.11 - Bản nhận xét đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.2.12 - Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.2.13 - Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.2.14 - Quyết định công nhận kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Kết quả triển khai trong ba năm học cho thấy số lượng đề tài NCKH và sáng kiến cấp trường được duy trì và tăng dần. Năm học 2023-2024 có 01 đề tài NCKH và 01 sáng kiến; năm học 2024-2025 có 02 đề tài NCKH và 01 sáng kiến; năm học 2025-2026 có 03 đề tài NCKH và 02 sáng kiến. Nội dung cụ thể như sau:

Năm học	Đề tài NCKH cấp trường	Sáng kiến	Tổng số
2023-2024	1	1	2
2024-2025	2	1	3
2025-2026	3	2	5

Năm học 2023-2024, Nhà trường triển khai đề tài *"Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn"* và sáng kiến *"Một số biện pháp sử dụng an toàn, tiết kiệm điện tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn"*. Kết quả nghiên cứu, sáng kiến hướng trực tiếp đến cải thiện hoạt động giáo dục kỹ năng cho người học và nâng cao hiệu quả sử dụng điện trong Nhà trường.

Năm học 2024-2025, các đề tài tập trung vào *"Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn"* và *"Tư tưởng của John Locke về các quyền tự nhiên của con người và ứng dụng khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và kinh doanh cá nhân cho sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn"*; đồng thời có sáng kiến *"Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo viên chủ nhiệm ở Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn"*. Nội dung các nhiệm vụ cho thấy việc nghiên cứu được gắn với ứng dụng CNTT trong dạy học, giáo dục tinh thần khởi nghiệp và cải tiến công tác quản lý người học.

Năm học 2025-2026, hoạt động NCKH tiếp tục mở rộng với các đề tài về phát triển nhân tố con người cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập, ứng dụng phương pháp ABC để phân tích hiệu quả hoạt động của từng lớp học và nghiên cứu trích ly polyphenol từ vỏ, thịt quả cà phê để phát triển sản phẩm ứng dụng. Cùng với đó là các sáng kiến về mô hình *English Speaking Corner* nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên và xây dựng *Sổ tay hướng dẫn sử dụng mô hình chẩn đoán pan điện ô tô trên máy tính*. Các kết quả này có khả năng sử dụng trực tiếp trong giảng dạy, quản lý, tổ chức hoạt động học tập và thực hành chuyên môn (*6.1.05 - Danh sách đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến cấp trường trở lên các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Sau nghiệm thu, Nhà trường thực hiện theo dõi và tổng hợp việc ứng dụng kết quả các đề tài, sáng kiến. Tùy theo nội dung nghiên cứu, kết quả được sử dụng làm tài liệu tham khảo, giải pháp cải tiến trong quản lý, hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức các hoạt động phát triển kỹ năng cho HSSV hoặc hỗ trợ hoạt động thực hành nghề. Báo cáo triển khai công tác NCKH và ứng dụng kết quả đề tài là căn cứ để đánh giá mức độ áp dụng thực tế, nhận diện các kết quả có giá trị và xác định hướng tiếp tục khai thác trong những năm tiếp theo (*6.2.15 - Báo cáo về việc triển khai công tác NCKH và triển khai ứng dụng kết quả các đề tài đã nghiệm thu các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Một số kết quả nghiên cứu có phạm vi ứng dụng không chỉ trong hoạt động nội bộ mà còn hướng đến các vấn đề có ý nghĩa thực tiễn như sử dụng năng lượng an toàn, tiết kiệm; phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ, tinh thần khởi nghiệp cho người học; ứng dụng công nghệ trong giáo dục; nghiên cứu phát triển sản phẩm từ nguyên liệu cà phê. Đây là những hướng nghiên cứu có khả năng tiếp tục được phát triển, chia sẻ hoặc ứng dụng rộng hơn trong hoạt động giáo dục, sản xuất và đời sống. Tuy nhiên, mức độ phục vụ cộng đồng của từng đề tài hiện chủ yếu được thể hiện thông qua nội dung và khả năng ứng dụng; Nhà trường đang tiếp tục định hướng tăng cường các đề tài có phạm vi ứng dụng, chia sẻ và phục vụ cộng đồng rõ nét hơn (*6.2.13 - Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.2.15 - Báo cáo về việc triển khai công tác NCKH và triển khai ứng dụng kết quả các đề tài đã nghiệm thu các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Nhìn chung, hoạt động NCKH và sáng kiến của Nhà trường được tổ chức tương đối đầy đủ từ khâu lập kế hoạch, đăng ký, xét duyệt, triển khai đến nghiệm thu và công nhận kết quả. Số lượng nhiệm vụ tăng qua các năm và nội dung ngày càng gắn với hoạt động quản lý, giảng dạy, phát triển kỹ năng người học và chuyên môn nghề. Kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu đã bước đầu được đưa vào sử dụng trong hoạt động đào tạo và quản lý; một số đề tài có khả năng mở rộng phạm vi ứng dụng. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục chú trọng các nhiệm vụ có sản phẩm ứng dụng cụ thể, có khả năng chia sẻ, chuyển giao hoặc phục vụ trực tiếp hơn cho doanh nghiệp và cộng đồng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: *Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trong các năm học 2023-2024, 2024-2025 và 2025-2026, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn duy trì hoạt động nghiên cứu, viết bài và công bố kết quả nghiên cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động trên các tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo khoa học và các ấn phẩm có nội dung chuyên môn phù hợp. Kết quả công bố được Nhà trường tổng hợp, thống kê theo từng năm học để theo dõi hoạt động nghiên cứu và công bố khoa học của đội ngũ (*6.3.01 - Danh sách bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Các bài viết được công bố tập trung vào những lĩnh vực gắn với chuyên môn, hoạt động đào tạo và nghiên cứu của đội ngũ như giáo dục, quản lý giáo dục, công nghệ thông tin, kinh tế, du lịch, kỹ thuật, khoa học xã hội và các lĩnh vực có liên quan đến ngành, nghề đào tạo của Nhà trường. Việc duy trì công bố bài viết chuyên môn tạo điều kiện để cán bộ, nhà giáo cập nhật kiến thức, trao đổi kết quả nghiên cứu và chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn với cộng đồng học thuật.

Đối với từng bài báo, Nhà trường lưu giữ bài viết hoặc đường dẫn truy cập đến bài đã được công bố để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu thông tin về tác giả, tên bài viết, tên tạp chí hoặc ấn phẩm, thời điểm công bố và nội dung chuyên môn. Hồ sơ này đồng thời là căn cứ xác nhận kết quả công bố khoa học của cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động trong từng năm học (*6.3.02 - Bài báo hoặc đường link bài báo*).

Các công trình đã công bố còn là nguồn tài liệu chuyên môn để nhà giáo tham khảo trong quá trình chuẩn bị bài giảng, cập nhật kiến thức và tiếp tục phát triển các hướng nghiên cứu có liên quan. Việc có bài viết được công bố hằng năm cho thấy hoạt động nghiên cứu và trao đổi học thuật của đội ngũ được duy trì song song với nhiệm vụ giảng dạy và quản lý chuyên môn (*6.3.01 - Danh sách bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 6.3.02 - Bài báo hoặc đường link bài báo*).

Kết quả thống kê trong ba năm học cho thấy Nhà trường đều có cán bộ, nhà giáo, viên chức hoặc người lao động có bài viết được công bố trên tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương. Hoạt động này góp phần duy trì môi trường nghiên cứu, trao đổi chuyên môn và hỗ trợ việc cập nhật kiến thức phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: *Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Trong định hướng phát triển, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn từng bước mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ sở giáo dục, tổ chức và đối tác nước ngoài nhằm tạo thêm cơ hội học tập, giao lưu chuyên môn và tiếp cận môi trường giáo dục quốc tế cho nhà giáo và người học.

Từ khi được nâng cấp thành trường cao đẳng và tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng từ năm 2023, hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường mới được triển khai ở giai đoạn đầu. Trong các năm học 2023-2024, 2024-2025 và 2025-2026, Nhà trường đã chủ động tìm kiếm, kết nối và làm việc với một số cơ sở giáo dục, tổ chức và doanh nghiệp giáo dục có yếu tố nước ngoài tại Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Australia, Hàn Quốc và một số quốc gia khác. Nội dung trao đổi tập trung vào khả năng hợp tác đào tạo, đào tạo ngắn hạn, liên thông, giao lưu và trao đổi HSSV, trao đổi nhà giáo, thực hành - thực tập ở nước ngoài, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hợp tác chuyên môn khác (*6.4.01 - Các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản ghi nhớ, hình ảnh, tài liệu... thể hiện việc liên kết đào tạo, triển khai hợp tác năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Thông qua các buổi làm việc, trao đổi và tiếp xúc với đối tác nước ngoài, Nhà trường có thêm thông tin về mô hình đào tạo, yêu cầu kỹ năng nghề, môi trường học tập và nhu cầu nhân lực tại một số thị trường quốc tế. Các nội dung trao đổi bước đầu được sử dụng làm nguồn tham khảo cho công tác định hướng phát triển ngành, nghề, tăng cường ngoại ngữ, kỹ năng nghề và khả năng thích ứng của người học với môi trường làm việc có yếu tố quốc tế (*6.4.01 - Các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản ghi nhớ, hình ảnh, tài liệu... thể hiện việc liên kết đào tạo, triển khai hợp tác năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Tuy nhiên, do Nhà trường mới tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng từ năm 2023 nên hoạt động hợp tác quốc tế trong giai đoạn này chưa phát triển sâu. Một số nội dung hiện mới dừng ở hoạt động kết nối, trao đổi và xúc tiến hợp tác; chưa hình thành đầy đủ các chương trình hợp tác dài hạn, trao đổi HSSV, trao đổi nhà giáo hoặc các dự án đào tạo, nghiên cứu chung được triển khai thường xuyên. Nhà trường đang tiếp tục làm việc với các đối tác để từng bước hoàn thiện nội dung hợp tác, tiến tới ký kết và triển khai các chương trình cụ thể trong thời gian tới (*6.4.01 - Các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản ghi nhớ, hình ảnh, tài liệu... thể hiện việc liên kết đào tạo, triển khai hợp tác năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Trong giai đoạn tiếp theo, Nhà trường định hướng tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục và tổ chức nước ngoài có ngành, nghề tương đồng; ưu tiên các hoạt động có khả năng hỗ trợ trực tiếp cho đào tạo như trao đổi chuyên gia, nhà giáo, HSSV; phối hợp tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn; tiếp nhận kinh nghiệm xây dựng chương trình và phương pháp đào tạo; tổ chức thực hành, thực tập và giao lưu nghề nghiệp quốc tế. Qua đó, hoạt động hợp tác quốc tế được kỳ vọng từng bước hỗ trợ nâng cao năng lực đội ngũ, cập nhật nội dung đào tạo và mở rộng cơ hội học tập, việc làm cho người học.

Nhìn chung, Nhà trường đã bước đầu hình thành các mối quan hệ và triển khai hoạt động xúc tiến hợp tác với một số cơ sở giáo dục, tổ chức và đối tác nước ngoài. Các hoạt động

này tạo nền tảng để Nhà trường tiếp cận thêm thông tin, kinh nghiệm và cơ hội hợp tác quốc tế phục vụ phát triển đào tạo. Tuy nhiên, mức độ hợp tác hiện còn ở giai đoạn ban đầu; Nhà trường cần tiếp tục cụ thể hóa các nội dung đã trao đổi thành chương trình, thỏa thuận và hoạt động hợp tác thực tế, qua đó thể hiện rõ hơn tác động đối với chất lượng đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 0 điểm

3.2.7. Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu:

Nhà trường xác định việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phù hợp, có chất lượng cho người học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đảm bảo thực hiện nguyên tắc "lấy người học làm trung tâm" trong quá trình đào tạo. Trên cơ sở đó, nhà trường đã tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại, đồng bộ nhằm phục vụ hiệu quả hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động ngoại khóa của HSSV.

Bên cạnh đó, các hoạt động hỗ trợ người học như tư vấn học tập, hướng nghiệp, tìm nhà trọ, giới thiệu việc làm sau tốt nghiệp được nhà trường đặc biệt quan tâm và triển khai thường xuyên. Công tác kết nối với doanh nghiệp được chú trọng, góp phần nâng cao cơ hội việc làm đúng chuyên môn cho người học sau khi ra trường, qua đó khẳng định định hướng đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường lao động.

Ngoài ra, nhà trường luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định của pháp luật; đồng thời quan tâm chăm lo đời sống tinh thần, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực. Công tác thi đua, khen thưởng được triển khai định kỳ, góp phần động viên, khuyến khích người học nâng cao ý thức học tập và rèn luyện.

Những điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin minh bạch, rõ ràng cho người học ngay từ đầu khóa và xuyên suốt quá trình đào tạo. Việc nắm vững các quy chế, quyền lợi và nghĩa vụ giúp người học chủ động trong học tập và ứng xử văn minh trong môi trường giáo dục.

Việc thực hiện kịp thời và đầy đủ các chế độ chính sách không chỉ thể hiện trách nhiệm của nhà trường mà còn là biểu hiện của tính nhân văn trong giáo dục, đặc biệt với các đối tượng HSSV thuộc diện chính sách, hoàn cảnh khó khăn, mồ côi. Điều này góp phần nuôi dưỡng niềm tin, sự gắn bó của người học với trường.

Phòng Công tác HSSV và QHDN đã tích lũy nhiều kinh nghiệm trong việc khai thác, cập nhật thông tin thị trường lao động. Các thông tin về nhu cầu tuyển dụng, xu hướng nghề nghiệp được cung cấp thường xuyên, kịp thời, hỗ trợ hiệu quả cho công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường chủ trương xây dựng mô hình "giáo dục đồng hành", luôn có đội ngũ sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ, lắng nghe và đồng hành cùng HSSV không chỉ trong học tập mà cả đời sống, tâm lý và định hướng tương lai. Đây là điểm nhấn tích cực, mang tính khác biệt và tạo nên bản sắc giáo dục của nhà trường. Các hoạt động ngoại khóa, xã hội, văn nghệ – thể thao được tổ chức thường xuyên và có chiều sâu, qua đó giúp HSSV rèn luyện kỹ năng, mở rộng mối quan hệ xã hội, nâng cao tinh thần cộng đồng và cảm xúc tích cực, từ đó học tập tốt hơn và phát triển toàn diện hơn.

Những tồn tại: Không có.

***Kế hoạch nâng cao chất lượng*:**

Tạo dựng môi trường giáo dục "xanh – thân thiện – an toàn – truyền cảm hứng", giúp người học cảm thấy gắn bó và tự hào khi học tập tại trường. Đây là yếu tố nền tảng trong việc phát triển con người toàn diện.

Phát huy vai trò nòng cốt của các tổ chức Đoàn – Hội, xây dựng các mô hình hoạt động ngoại khóa bền vững, đa dạng về hình thức, thiết thực về nội dung. Các câu lạc bộ học thuật - thể thao - kỹ năng sống - tình nguyện sẽ là nơi phát triển năng lực cá nhân, thúc đẩy phong trào thi đua học tốt - sống đẹp.

Tăng cường kết nối doanh nghiệp không chỉ để tạo cơ hội việc làm mà còn để cập nhật CTĐT sát thực tiễn, mời chuyên gia về giảng dạy, tổ chức ngày hội tuyển dụng - định hướng nghề nghiệp.

Huy động các nguồn lực xã hội, doanh nghiệp, cựu HSSV để hình thành Quỹ hỗ trợ người học, nhằm khuyến khích người học có thành tích tốt và giúp đỡ kịp thời người yếu thế, đúng tinh thần "không để ai bị bỏ lại phía sau".

Lồng ghép giáo dục kỷ luật lao động, văn hóa nghề nghiệp và kỹ năng mềm trong từng môn học, từng hoạt động. Điều này giúp HSSV vừa giỏi nghề, vừa vững đạo đức nghề nghiệp – điều mà doanh nghiệp hiện nay rất coi trọng.

Đầu tư nâng cấp hạ tầng học tập: thư viện, phòng học đa phương tiện, không gian học nhóm, khu sinh hoạt cộng đồng - tất cả nhằm phục vụ tốt hơn cho việc học tập, rèn luyện và sinh hoạt tinh thần của HSSV.

Xây dựng cơ chế tư vấn và hỗ trợ HSSV toàn diện: tư vấn học tập, hướng nghiệp, pháp lý, tâm lý học đường,… nhằm hỗ trợ kịp thời giúp các em hòa đồng, đoàn kết, sống đúng với tinh thần tuổi trẻ, cống hiến hết sức của bản thân.

Mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động ngoại khóa, thể dục thể thao; đầu tư bổ sung cơ sở vật chất còn thiếu; phát triển các câu lạc bộ học thuật, nghề nghiệp nhằm tạo môi trường rèn luyện toàn diện cho người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

<u>Điểm đánh giá tiêu chí 7</u>

Tiêu chí 7	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tổng	**10**

Tiêu chuẩn 7.1: *Các thông tin về ngành, nghề, chương trình đào tạo và việc tổ chức thực hiện quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện cung cấp và công khai các thông tin cần thiết để người học nắm được ngành, nghề, chương trình đào tạo, các quy định trong quá trình học tập cũng như quyền lợi, nghĩa vụ và các chế độ, chính sách được hưởng. Thông tin được phổ biến bằng nhiều hình thức như tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, các văn bản và tài liệu hướng dẫn, sinh hoạt lớp, Sổ tay HSSV và trang thông tin điện tử của Nhà trường.

Đối với HSSV mới nhập học, hằng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. Nội dung sinh hoạt tập trung giới thiệu về Nhà trường; ngành, nghề và chương trình đào tạo; mục tiêu, kế hoạch và phương thức tổ chức đào tạo; các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; quyền và nghĩa vụ của người học; công tác HSSV; nội quy, quy chế và các chế độ, chính sách có liên quan. Nội dung được chuẩn bị thành bài giảng, tài liệu và tổ chức phổ biến thống nhất cho HSSV. Nhà trường lưu giữ hình ảnh tổ chức, bài viết truyền thông và bài thu hoạch của HSSV để theo dõi kết quả thực hiện (*7.1.01 - Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân cho HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.1.02 - Bài giảng giảng dạy tuần sinh hoạt công dân năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.1.03 - Hình ảnh, bài viết về tuần sinh hoạt công dân năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.1.04 - Bài thu hoạch của HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Sau mỗi đợt sinh hoạt công dân, Nhà trường tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai. Qua đó theo dõi mức độ thực hiện các nội dung đã đề ra, đồng thời làm cơ sở tiếp tục tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến quy định và hỗ trợ HSSV trong quá trình học tập tại Trường (*7.1.05*

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác sinh hoạt chính trị công dân của HSSV các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026).

Đối với hoạt động đào tạo, Nhà trường đã ban hành các quy định tương ứng với các trình độ và hình thức đào tạo đang tổ chức. Đối với trình độ trung cấp, cao đẳng, Nhà trường có quy định về tổ chức đào tạo; đối với trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên có quy chế riêng phù hợp. Các nội dung về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, đánh giá kết quả rèn luyện và xét công nhận tốt nghiệp cũng được quy định và cụ thể hóa thành các quy trình để các đơn vị, nhà giáo và người học thống nhất thực hiện. Qua đó, HSSV có căn cứ để nắm được yêu cầu học tập, phương thức đánh giá và các điều kiện cần đáp ứng trong quá trình học tập và xét tốt nghiệp (*2.3.01 - Quyết định về việc ban hành Quy định đào tạo các ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Trường; 2.1.02 - Quyết định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên; 2.8.05 - Quyết định ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên của Trường; 2.8.06 - Các quy trình đánh giá điểm rèn luyện, quy trình kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp*).

Thông tin về CTĐT và chuẩn đầu ra của các ngành, nghề cũng được Nhà trường cung cấp để người học biết được mục tiêu và lộ trình đào tạo. Các CTĐT xác định cụ thể mục tiêu, thời gian và khối lượng học tập, cơ cấu môn học/mô-đun, nội dung và thời lượng đào tạo; chuẩn đầu ra xác định những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình. Hệ thống CTĐT và chuẩn đầu ra được Nhà trường ban hành, cập nhật theo từng giai đoạn và công khai để HSSV và các bên liên quan có thể tiếp cận, tra cứu (*2.1.05 - Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp năm 2023, 2024, 2025, 2026; 2.1.06 - Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026*).

Cùng với thông tin về đào tạo, các nội quy, quy chế liên quan trực tiếp đến HSSV được Nhà trường ban hành và phổ biến ngay từ đầu khóa, đồng thời tiếp tục được nhắc lại trong quá trình học tập thông qua Phòng Công tác HSSV và Quan hệ doanh nghiệp, giáo viên chủ nhiệm và các đơn vị liên quan. Nội dung phổ biến bao gồm quyền và nghĩa vụ của HSSV; quy định về học tập, rèn luyện; kiểm tra, thi; văn hóa ứng xử; khen thưởng, kỷ luật và các quy định khác liên quan đến sinh hoạt, học tập tại Trường. Việc phổ biến thường xuyên giúp HSSV có điều kiện tiếp cận và thực hiện đúng các quy định trong toàn khóa học (*7.1.07 - Nội quy, quy chế của Trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 2.8.05 - Quyết định ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên của Trường*).

Đối với các chế độ, chính sách dành cho người học, Nhà trường tổ chức phổ biến và hướng dẫn HSSV về đối tượng, điều kiện, hồ sơ và thủ tục để được hưởng các chính sách theo quy định. Nội dung hướng dẫn được cập nhật theo từng năm học, trong đó có các chính sách về học phí, miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các chế độ khác áp dụng đối với từng nhóm người học. Phòng Công tác HSSV và Quan hệ doanh nghiệp phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn HSSV chuẩn bị hồ sơ và thực hiện các thủ tục cần thiết nhằm bảo

đảm người học thuộc đối tượng được tiếp cận và thụ hưởng chính sách theo quy định (*7.1.06 - Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Ngoài việc phổ biến trực tiếp, Nhà trường sử dụng trang thông tin điện tử và các kênh thông tin của Trường để công khai, cung cấp thông tin cho HSSV và các bên liên quan. Các nội dung liên quan đến ngành, nghề đào tạo, CTĐT, chuẩn đầu ra, hoạt động đào tạo, nội quy, quy chế và các thông tin cần thiết đối với người học được đăng tải để hỗ trợ việc tra cứu. Các thông tin chủ yếu đối với HSSV còn được tập hợp trong Sổ tay HSSV, giúp người học thuận tiện sử dụng trong quá trình học tập tại Trường (*7.1.08 - Trang thông tin điện tử của Trường: sttc.edu.vn*).

Việc cung cấp thông tin không chỉ thực hiện ở thời điểm nhập học mà còn được duy trì trong quá trình đào tạo. Giáo viên chủ nhiệm phổ biến, nhắc lại hoặc thông báo những nội dung mới trong các buổi sinh hoạt lớp; các phòng, khoa chức năng hướng dẫn trực tiếp khi HSSV thực hiện các thủ tục liên quan đến đào tạo và chế độ, chính sách. Hằng năm, Nhà trường đồng thời lấy ý kiến các bên liên quan, trong đó có HSSV, để đánh giá việc cung cấp thông tin, thực hiện chế độ, chính sách và các hoạt động hỗ trợ người học, làm cơ sở rà soát và cải tiến (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Qua việc ban hành văn bản, tổ chức tuần sinh hoạt công dân, hướng dẫn trực tiếp, sinh hoạt lớp và công khai trên trang thông tin điện tử, các thông tin về ngành, nghề, CTĐT; quy định về đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế và chế độ, chính sách đối với người học được Nhà trường cung cấp bằng nhiều hình thức. HSSV có điều kiện tiếp cận các thông tin cần thiết để chủ động thực hiện kế hoạch học tập, tuân thủ các quy định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ trong quá trình học tập tại Trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách có cơ hội tiếp cận học nghề, lập nghiệp. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác thực hiện chế độ, chính sách đối với người học được Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn triển khai gắn với quá trình tiếp nhận, quản lý và hỗ trợ HSSV trong suốt khóa học. Ngay từ đầu khóa, Phòng Công tác HSSV và Quan hệ doanh nghiệp phối hợp với giáo viên chủ nhiệm phổ biến, hướng dẫn các chế độ, chính sách mà người học được hưởng; đồng thời thông tin về đối tượng, điều kiện, hồ sơ và thủ tục thực hiện để HSSV chủ động tiếp cận quyền lợi theo quy định (*7.1.06 - Hướng dẫn về thực hiện chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Đối với các chính sách về học phí và hỗ trợ người học, Nhà trường thực hiện theo các quy định hiện hành tương ứng với từng thời kỳ. Trong các năm học 2023-2024 và 2024-2025, việc thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được triển khai trên cơ sở Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan; từ ngày 03/9/2025, các chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập được thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Nhà trường hướng dẫn HSSV hoàn thiện hồ sơ, rà soát đối tượng, lập danh sách và theo dõi việc giải quyết chế độ để hạn chế bỏ sót hoặc thực hiện không đúng đối tượng (*7.2.01 - Danh sách HSSV hưởng chế độ chính sách theo quy định về học phí, miễn, giảm và hỗ trợ học phí năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.2.02 - Danh sách sinh viên hưởng chế độ miễn, giảm học phí đối với các ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.2.03 - Sổ theo dõi giải quyết thủ tục, giấy tờ, xác nhận của HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Việc hướng dẫn và thực hiện các chính sách hỗ trợ góp phần giảm bớt khó khăn về tài chính cho HSSV thuộc đối tượng được hưởng chính sách, qua đó tạo điều kiện để người học tiếp tục theo học, hoàn thành chương trình và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tham gia thị trường lao động sau tốt nghiệp. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường công khai thông tin, hồ sơ và thủ tục cần thiết, đồng thời bố trí bộ phận tiếp nhận, hỗ trợ người học khi có yêu cầu (*7.1.06 - Hướng dẫn về thực hiện chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.2.03 - Sổ theo dõi giải quyết thủ tục, giấy tờ, xác nhận của HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Bên cạnh các chính sách theo quy định của Nhà nước, Nhà trường có các hình thức động viên, khuyến khích người học trong học tập và rèn luyện. HSSV có thành tích được xem xét khen thưởng theo từng năm học; người học tốt nghiệp loại xuất sắc được ghi nhận, khen thưởng. Nhà trường đồng thời ban hành quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập và tổ chức Hội đồng xét học bổng để thực hiện theo quy trình, tiêu chí đã quy định (*7.2.04 - Quyết định khen thưởng đối với HSSV kèm danh sách năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.2.05 - Quyết định khen thưởng đối với HSSV xếp loại tốt nghiệp xuất sắc kèm danh sách năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.2.06 - Quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV; 7.2.07 - Quyết định thành lập Hội đồng khen thưởng, kỷ luật HSSV; 7.2.08 - Biên bản họp xét của Hội đồng xét học bổng HSSV kèm danh sách năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Thông tin tuyển sinh của Nhà trường được công khai thông qua thông báo, tờ rơi và các kênh truyền thông nhằm tạo điều kiện để người học tiếp cận thông tin về ngành, nghề và cơ hội học tập. Trong quá trình tuyển sinh và nhập học, người học được tư vấn lựa chọn ngành, nghề phù hợp với khả năng, sở thích và nhu cầu nghề nghiệp; không đặt ra sự phân biệt về giới tính, tôn giáo hoặc nguồn gốc xuất thân trong tiếp nhận và tổ chức đào tạo (*2.2.02 - Thông báo tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026*).

Trong quá trình học tập, quyền và nghĩa vụ của HSSV, các quy định về học tập, rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật và các hoạt động hỗ trợ được thực hiện theo Quy chế công tác HSSV. HSSV được tham gia các hoạt động học tập, thực hành, rèn luyện và các hoạt động của Nhà trường theo quy định; đồng thời được hướng dẫn thực hiện các thủ tục, phản ánh nhu cầu và đề nghị hỗ trợ khi phát sinh khó khăn (*2.8.05 - Quyết định ban hành Quy chế công tác HSSV của Trường*).

Để xây dựng môi trường giáo dục tôn trọng và bình đẳng, Nhà trường ban hành Bộ quy tắc ứng xử áp dụng đối với cán bộ, nhà giáo và HSSV. Các nguyên tắc ứng xử hướng tới sự tôn trọng, văn minh, hợp tác và không phân biệt đối xử trong quá trình học tập, làm việc và tham gia các hoạt động của Trường. Công tác quản lý, giáo dục HSSV được kết hợp với việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, phối hợp giữa Nhà trường, gia đình và các đơn vị liên quan để kịp thời hỗ trợ người học (*7.2.09 - Bộ quy tắc ứng xử cho cán bộ, HSSV*).

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật và kỹ năng sống được duy trì thông qua các hoạt động sinh hoạt công dân, sinh hoạt lớp, tuyên truyền pháp luật và các hoạt động của Đoàn Thanh niên. Nội dung tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm của người học, đồng thời hỗ trợ xây dựng môi trường học tập an toàn, kỷ cương và tôn trọng lẫn nhau (*1.5.17 - Báo cáo tổng kết của trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Hằng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến HSSV và các bên liên quan về việc thực hiện chế độ, chính sách, mức độ bảo đảm quyền lợi và môi trường học tập. Nội dung khảo sát có xem xét việc người học được hỗ trợ tiếp cận các chính sách và được đối xử bình đẳng trong các hoạt động của Nhà trường. Kết quả khảo sát được tổng hợp để tiếp tục rà soát, điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ khi cần thiết (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Qua việc hướng dẫn, rà soát và giải quyết chế độ chính sách, Nhà trường đã tạo điều kiện để HSSV thuộc các đối tượng được hưởng chính sách tiếp cận các quyền lợi theo quy định; đồng thời duy trì các hình thức học bổng, khen thưởng nhằm khuyến khích học tập và rèn luyện. Các quy định về công tác HSSV và ứng xử trong Nhà trường góp phần bảo đảm môi trường học tập tôn trọng, công bằng và không phân biệt đối xử về giới tính, tôn giáo hoặc nguồn gốc xuất thân. Việc khảo sát và tiếp nhận phản hồi của người học được duy trì để Nhà trường tiếp tục hoàn thiện công tác hỗ trợ HSSV trong quá trình học tập và chuẩn bị lập nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: *Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện; hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện các chính sách khen thưởng, khuyến khích học tập và hỗ trợ HSSV trong suốt quá trình đào tạo. Các nội dung về khen thưởng, động viên người học được quy định trong Quy chế công tác HSSV và được cụ thể hóa thông qua các quyết định khen thưởng hằng năm đối với HSSV có thành tích cao trong học tập, rèn luyện và HSSV tốt nghiệp loại xuất sắc (*2.8.05 - Quyết định ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên của Trường; 7.2.04 - Quyết định khen thưởng HSSV có thành tích cao, kèm danh sách HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.2.05 - Quyết định khen thưởng đối với HSSV xếp loại tốt nghiệp xuất sắc, kèm danh sách HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Việc khen thưởng được thực hiện định kỳ nhằm ghi nhận kết quả học tập, rèn luyện và tạo động lực cho HSSV tiếp tục phấn đấu. Bên cạnh hình thức khen thưởng bằng quyết định, Nhà trường còn thực hiện các chính sách học bổng khuyến khích học tập theo quy định, góp phần hỗ trợ và động viên những HSSV có kết quả học tập, rèn luyện tốt.

Song song với chính sách khen thưởng, Nhà trường tổ chức hệ thống hỗ trợ người học thông qua giáo viên chủ nhiệm và các đơn vị chức năng. Sau khi thành lập lớp, Nhà trường phân công GVCN phụ trách từng lớp để theo dõi tình hình học tập, rèn luyện, sĩ số và các vấn đề phát sinh của HSSV. GVCN tổ chức sinh hoạt lớp định kỳ, trao đổi trực tiếp với HSSV, nắm bắt khó khăn trong học tập và phối hợp với các đơn vị liên quan để hỗ trợ, giải quyết kịp thời (*2.2.08 - Các quyết định thành lập lớp năm 2024, 2025, 2026; 2.2.09 - Quyết định phân công GVCN năm 2024, 2025, 2026; 7.3.01 - Sổ sinh hoạt giáo viên GVCN hàng tháng năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Thông qua sổ sinh hoạt GVCN, tình hình học tập, rèn luyện, chuyên cần và các nội dung cần hỗ trợ của HSSV được theo dõi thường xuyên. Những trường hợp gặp khó khăn về học tập, thủ tục đào tạo, hồ sơ hoặc các vấn đề cá nhân có ảnh hưởng đến quá trình học tập được GVCN trao đổi, hướng dẫn hoặc chuyển tới các phòng chức năng để hỗ trợ xử lý. Việc duy trì kênh hỗ trợ trực tiếp này giúp Nhà trường kịp thời nắm bắt tình hình người học và hạn chế những khó khăn kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ học tập (*7.3.01 - Sổ sinh hoạt giáo viên GVCN hàng tháng năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Ngoài kênh hỗ trợ qua GVCN, hằng năm Nhà trường tổ chức đối thoại với HSSV để tiếp nhận ý kiến, kiến nghị và giải đáp các vấn đề liên quan đến đào tạo, cơ sở vật chất, chế độ chính sách và công tác hỗ trợ người học. Các buổi đối thoại được tổ chức theo kế hoạch, có biên bản ghi nhận ý kiến và nội dung phản hồi của các đơn vị chức năng. Qua đó, những vấn đề thuộc thẩm quyền được giải đáp hoặc xử lý, đồng thời các nội dung cần điều chỉnh được chuyển đến đơn vị phụ trách để xem xét thực hiện (*7.3.02 - Kế hoạch tổ chức Đối thoại giữa nhà trường với HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.3.03 - Biên bản họp đối thoại giữa nhà trường với HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.3.04 - Hình ảnh, bài viết liên quan đến buổi sinh hoạt đối thoại của HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Để người học thuận lợi trong việc liên hệ khi cần hỗ trợ, Nhà trường công khai thông tin của cán bộ phụ trách công tác đào tạo và công tác HSSV. Các thông tin liên hệ được cung cấp để HSSV có thể trực tiếp trao đổi về đăng ký học tập, kết quả học tập, thủ tục hành chính, chế độ chính sách và những vấn đề phát sinh trong quá trình học tại Trường (*7.3.05 - Thông tin cán bộ Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên được công khai với HSSV*).

Bên cạnh các hình thức hỗ trợ trực tiếp, Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của CBQL, nhà giáo và HSSV về chính sách khen thưởng, khuyến khích và mức độ hỗ trợ người học trong quá trình học tập. Kết quả khảo sát các năm cho thấy trên 90% ý kiến đánh giá hài lòng đối với các nội dung này. Kết quả phản hồi được sử dụng làm căn cứ để Nhà trường tiếp tục duy trì và điều chỉnh các hình thức hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của người học (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Qua thực tế triển khai, các hình thức khen thưởng đối với HSSV có thành tích cao được duy trì hằng năm; đồng thời cơ chế hỗ trợ thông qua GVCN, các phòng chức năng và hoạt động đối thoại giúp Nhà trường kịp thời nắm bắt và giải quyết những khó khăn của người học. Các hoạt động này góp phần tạo động lực học tập, rèn luyện và hỗ trợ HSSV hoàn thành nhiệm vụ học tập theo kế hoạch đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: *Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn quan tâm tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp và hoạt động xã hội nhằm tạo môi trường để HSSV rèn luyện kỹ năng, phát triển năng khiếu, tăng cường giao lưu và nâng cao đời sống tinh thần. Nhà trường bố trí các khu vực, không gian và trang thiết bị phục vụ hoạt động tập thể; đồng thời sử dụng thêm các địa điểm phù hợp bên ngoài khi cần thiết để đáp ứng quy mô và tính chất của từng hoạt động (*5.1.02 - Hồ sơ hoàn công; Sơ đồ đường ống kỹ thuật; sơ đồ mặt bằng điện, cấp thoát nước các khối công trình các cơ sở của trường; 5.1.03 - Bảng thống kê số liệu diện tích khu đất; các khối công trình toàn trường; 7.4.05 - Hợp đồng thuê Khu thể thao tổ chức các hoạt động*).

Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, nghiên cứu khoa học và hoạt động xã hội cho HSSV. Nội dung được triển khai đa dạng, phù hợp với đặc điểm người học và điều kiện thực tế của Nhà trường; HSSV được khuyến khích tham gia trên cơ sở năng lực, sở thích và nguyện vọng. Các hoạt động được tổ chức trong từng năm học và được ghi nhận thông qua hình ảnh, bài viết và hồ sơ liên quan (*7.4.01 - Các kế hoạch về tổ chức hoạt động văn nghệ, thể thao, NCKH, các hoạt động xã hội của nhà*

trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.4.02 - Các bài viết, hình ảnh về sự kiện văn nghệ, thể thao, NCKH, các hoạt động xã hội của HSSV nhà trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026).

Thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao, HSSV có điều kiện rèn luyện sức khỏe, phát huy năng khiếu, kỹ năng giao tiếp, phối hợp và làm việc tập thể. Đối với các hội thi và hoạt động có thành tích, Nhà trường thực hiện biểu dương, khen thưởng cá nhân và tập thể đạt kết quả tốt, qua đó động viên HSSV tích cực tham gia các phong trào của Nhà trường (*7.4.03 - Quyết định khen thưởng đối với các hội thi văn nghệ, thể thao, NCKH, ý tưởng khởi nghiệp của HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Bên cạnh hoạt động phong trào, Nhà trường tạo điều kiện để HSSV tham gia nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Quy định về NCKH, khởi nghiệp sáng tạo trong HSSV xác định các nội dung tổ chức, quyền và trách nhiệm của người tham gia, đồng thời tạo cơ sở để triển khai các hoạt động nghiên cứu, sáng kiến và ý tưởng khởi nghiệp trong người học (*7.4.06 - Quy chế NCKH, khởi nghiệp sáng tạo trong HSSV*).

Trong các năm học 2023-2024, 2024-2025 và 2025-2026, Nhà trường duy trì tổ chức Hội thi ý tưởng khởi nghiệp cấp trường. HSSV được tham gia xây dựng ý tưởng, hoàn thiện sản phẩm hoặc phương án kinh doanh, trình bày và bảo vệ ý tưởng trước Hội đồng giám khảo. Quá trình tham gia giúp người học vận dụng kiến thức chuyên môn, rèn luyện tư duy sáng tạo, khả năng làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và giải quyết vấn đề thực tiễn (*6.1.06 - Hồ sơ tổ chức hội thi ý tưởng khởi nghiệp cho HSSV cấp trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Các hoạt động xã hội, phong trào và hoạt động vì cộng đồng được tổ chức lồng ghép trong chương trình công tác HSSV và hoạt động của các tổ chức đoàn thể. Qua đó, HSSV có thêm cơ hội rèn luyện tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng, kỹ năng giao tiếp và khả năng thích ứng trong môi trường tập thể. Kết quả tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, NCKH, khởi nghiệp và các phong trào HSSV được Nhà trường tổng hợp, đánh giá theo từng năm học, làm cơ sở duy trì và điều chỉnh nội dung hoạt động phù hợp hơn với nhu cầu của người học (*7.4.04 - Báo cáo tổng kết hoạt động phong trào, văn nghệ, thể thao, NCKH… của nhà trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Qua các hoạt động được tổ chức trong ba năm học, HSSV có điều kiện tham gia tương đối đa dạng các hoạt động ngoài giờ học chính khóa, từ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đến nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp và hoạt động xã hội. Việc duy trì các sân chơi và hoạt động trải nghiệm góp phần hỗ trợ người học rèn luyện sức khỏe, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy sáng tạo, ý thức trách nhiệm và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, qua đó hỗ trợ sự phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: *Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát, quản lý người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của người học và các bên liên quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và quản lý người học tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn được triển khai trên nhiều lĩnh vực, từ hỗ trợ chỗ ở, ăn uống, chăm sóc sức khỏe, tư vấn việc làm đến theo dõi, quản lý HSSV trong quá trình học tập. Hằng năm, Nhà trường thực hiện rà soát các quy định, quy chế và hoạt động có liên quan để kịp thời điều chỉnh phù hợp với yêu cầu quản lý, nhu cầu thực tế của người học và các quy định hiện hành (*2.8.01 - Kế hoạch tổ chức rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường các năm 2024, 2025, 2026; 2.8.02 - Biên bản rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường các năm 2024, 2025, 2026; 2.8.03 - Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy định, quy chế của nhà trường các năm 2024, 2025, 2026*).

Nhà trường hiện chưa có ký túc xá riêng. Để hỗ trợ HSSV có nhu cầu về chỗ ở, Nhà trường phối hợp tìm kiếm, giới thiệu các địa điểm nhà trọ phù hợp ở khu vực lân cận trường; đồng thời theo dõi thông tin chỗ ở của HSSV để hỗ trợ khi cần thiết. Kết quả hỗ trợ được tổng hợp, đánh giá qua từng năm nhằm xem xét mức độ đáp ứng và những vấn đề cần tiếp tục cải thiện (*7.5.01 - Hợp đồng hợp tác thuê chỗ ở cho HSSV; 7.5.02 - Sổ theo dõi chỗ ở của HSSV; 7.5.03 - Báo cáo hoạt động hỗ trợ chỗ ở cho HSSV*).

Đối với dịch vụ ăn uống, Nhà trường tổ chức khu vực căng tin phục vụ HSSV và thực hiện các biện pháp quản lý liên quan đến nhân sự, trang thiết bị, vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng phục vụ. Hoạt động căng tin được kiểm tra định kỳ; kết quả kiểm tra và tình hình phục vụ được tổng hợp trong báo cáo hằng năm để kịp thời điều chỉnh các nội dung chưa phù hợp (*7.5.04 - Quyết định triển khai căng tin trường học; 7.5.05 - Hợp đồng cán bộ nấu ăn, có chứng chỉ nấu ăn; 7.5.06 - Bản cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.5.07 - Bảng kiểm kê danh mục trang thiết bị căng tin năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.5.08 - Hình ảnh tủ lưu mẫu thức ăn; 7.5.09 - Biên bản kiểm tra căng tin định kỳ năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.5.10 - Báo cáo công tác căng tin cho HSSV các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Công tác chăm sóc sức khỏe người học được thực hiện thông qua phòng y tế và nhân sự được phân công phụ trách. Nhà trường trang bị các thiết bị, dụng cụ cần thiết và tổ chức khám sức khỏe cho HSSV theo kế hoạch. Kết quả khám sức khỏe và hoạt động y tế được theo dõi, tổng hợp để phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ người học khi phát sinh các vấn đề về sức khỏe (*7.5.11 - Quyết định phân công cán bộ phụ trách y tế; 5.4.03 - Hồ sơ của cán bộ phụ trách y tế Nhà trường; 5.4.04 - Danh mục các trang thiết bị của phòng y tế năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 5.4.06 - Hồ sơ về việc khám sức khỏe cho HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026 gồm kế hoạch, hợp đồng, phiếu khám và báo cáo kết quả*).

Hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm được Nhà trường duy trì nhằm giúp HSSV tiếp cận thông tin tuyển dụng và chuẩn bị cho quá trình chuyển tiếp từ học tập sang việc làm. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch tư vấn việc làm, phối hợp với doanh nghiệp cung cấp thông tin tuyển dụng, tổ chức các hoạt động giới thiệu việc làm và tổng hợp kết quả thực hiện. Các báo cáo hằng năm là căn cứ để tiếp tục mở rộng mạng lưới doanh nghiệp và điều chỉnh hình thức tư vấn phù hợp hơn với nhu cầu người học (*7.5.12 - Kế hoạch tư vấn việc làm, tổ chức ngày hội việc làm HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.5.13 - Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.5.14 - Bài viết, hình ảnh về hoạt động giới thiệu việc làm cho HSSV các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.5.15 - Báo cáo thực hiện công tác tư vấn việc làm cho HSSV các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Hệ thống quản lý, giám sát người học được thực hiện thông qua Phòng Công tác HSSV và Quan hệ doanh nghiệp, giáo viên chủ nhiệm và các đơn vị liên quan. Các nội dung về tình hình học tập, rèn luyện, sinh hoạt, chấp hành nội quy, chế độ chính sách và nhu cầu hỗ trợ của HSSV được theo dõi trong quá trình đào tạo và tổng hợp trong các báo cáo của Nhà trường. Kết quả quản lý HSSV đồng thời được xem xét trong báo cáo tổng kết năm học để nhận diện những vấn đề cần điều chỉnh trong năm tiếp theo (*1.5.17 - Báo cáo tổng kết của trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Trên cơ sở kết quả theo dõi, báo cáo của các đơn vị và ý kiến phản hồi của người học, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến công tác hỗ trợ người học theo từng năm học. Nội dung cải tiến tập trung vào các vấn đề phát sinh từ thực tế như chất lượng dịch vụ hỗ trợ, thủ tục hành chính, điều kiện sinh hoạt, công tác tư vấn, hỗ trợ việc làm và các kênh tiếp nhận, giải quyết nhu cầu của HSSV. Kế hoạch xác định nội dung cần cải tiến, đơn vị thực hiện và thời gian triển khai; sau đó Nhà trường đánh giá kết quả thực hiện để xác định mức độ hoàn thành và những nội dung cần tiếp tục điều chỉnh (*7.5.16 - Kế hoạch thực hiện cải tiến các công tác hỗ trợ người học năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 7.5.17 - Báo cáo đánh giá kết quả cải tiến các hoạt động hỗ trợ người học năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Bên cạnh việc rà soát từ các báo cáo nội bộ, hằng năm Nhà trường lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và HSSV về các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và quản lý người học. Kết quả khảo sát được tổng hợp để xác định mức độ hài lòng, nhu cầu và các vấn đề người học quan tâm; đây là một trong những nguồn thông tin được sử dụng khi xây dựng kế hoạch cải tiến cho năm học tiếp theo (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Qua việc rà soát định kỳ, Nhà trường đã từng bước điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ theo nhu cầu thực tế của HSSV, từ hỗ trợ chỗ ở, dịch vụ ăn uống, chăm sóc sức khỏe đến tư vấn việc làm và quản lý người học. Việc duy trì kế hoạch cải tiến và đánh giá kết quả cải tiến

hằng năm giúp các hoạt động hỗ trợ không chỉ được tổ chức thường xuyên mà còn được xem xét, điều chỉnh trên cơ sở phản hồi và kết quả thực hiện, qua đó nâng cao mức độ đáp ứng đối với người học và các bên liên quan.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 2 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Mở đầu:

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn luôn xác định mục tiêu trọng tâm là xây dựng nhà trường trở thành cơ sở GDNN chất lượng cao, có các nghề đào tạo đạt chuẩn quốc gia. Để thực hiện mục tiêu đó, nhà trường đặc biệt chú trọng công tác giám sát, đánh giá và bảo đảm chất lượng trong mọi hoạt động đào tạo, quản lý và phục vụ người học.

Nhà trường đã triển khai xây dựng và vận hành HTBĐCL theo đúng quy định hiện hành đối với cơ sở GDNN. Công tác đánh giá và tự đánh giá chất lượng được thực hiện thường xuyên, có kế hoạch và bảo đảm đúng quy trình. HTBĐCL của nhà trường đã phát huy hiệu quả trong công tác quản lý, kiểm soát và cải tiến chất lượng đào tạo. Đồng thời, hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo được triển khai đồng bộ, góp phần hỗ trợ nhà trường nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng đào tạo.

Bên cạnh đó, nhà trường duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong khu vực Nam Bộ nhằm phối hợp trong công tác đào tạo, thực hành nghề, thực tập và hỗ trợ việc làm cho HSSV. Nhờ đó, tỷ lệ HSSV sau tốt nghiệp có việc làm cao, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và xã hội.

Những điểm mạnh:

Công tác đánh giá và tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN được nhà trường quan tâm triển khai và thực hiện đúng quy định. Trường thực hiện đúng theo quy định về công tác tự đánh giá chất lượng GDNN và có biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá chất lượng hàng năm.

HTBĐCL của nhà trường được xây dựng và vận hành hiệu quả, góp phần nâng cao công tác quản lý, giám sát và cải tiến chất lượng đào tạo.

Nhà trường có mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với nhiều doanh nghiệp tại TP. HCM và khu vực lân cận nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo và giải quyết việc làm cho HSSV sau tốt nghiệp.

Tỷ lệ HSSV có việc làm sau khi tốt nghiệp cao.

Những tồn tại: không có

***Kế hoạch nâng cao chất lượng*:**

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, chú trọng nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ nhằm tăng khả năng hội nhập và đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp đối với HSSV.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài khu vực nhằm hỗ trợ nhà trường trong công tác đào tạo, thực hành nghề và nâng cao chất lượng đầu ra.

Duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng của nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, đánh giá và bảo đảm chất lượng GDNN.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí 8	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tổng	**12**

Tiêu chuẩn 8.1: *Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học được Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn xác định là những chỉ số quan trọng để theo dõi kết quả đào tạo và mức độ duy trì người học. Các chỉ số này được đưa vào hệ thống bảo đảm chất lượng và mục tiêu chất lượng hằng năm, làm căn cứ để các đơn vị theo dõi, thống kê, đánh giá và đề xuất biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo (*1.3.04 - Quyết định ban hành HTBĐCL năm 2024 gồm: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL; 1.3.07 - Quyết định ban hành HTBĐCL năm 2025, 2026: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL*).

Hằng năm, Nhà trường xác lập chỉ tiêu về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học trong mục tiêu chất lượng. Việc xác lập chỉ tiêu được thực hiện trên cơ sở kết quả đào tạo của các năm trước, tình hình tuyển sinh, đặc điểm người học, yêu cầu duy trì quy mô đào tạo và định hướng nâng cao chất lượng của Nhà trường. Các chỉ tiêu được sử dụng làm mốc để theo dõi mức độ hoàn thành và đánh giá biến động kết quả đào tạo giữa các năm học (*8.1.01 - Mục tiêu chất lượng năm 2024, 2025, 2026*).

Trong quá trình đào tạo, Nhà trường theo dõi tình trạng học tập của người học theo từng lớp, ngành, nghề và khóa học. Số liệu được tổng hợp từ danh sách lớp, các quyết định cho thôi học hoặc xóa tên và quyết định công nhận tốt nghiệp. Trên cơ sở đó, Nhà trường lập bảng theo dõi tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và tỷ lệ bỏ học theo từng lớp, từng ngành, nghề và từng năm học để phục vụ công tác quản lý, giám sát (*2.2.08 - Các quyết định thành lập lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 8.1.02 - Các quyết định cho thôi học các lớp năm học 2024-2025, 2025-2026; 2.5.08 - Quyết định công nhận tốt nghiệp các lớp năm học 2025-2026; 8.1.03 - Bảng tổng hợp theo dõi tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, bỏ học của các lớp, ngành nghề đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Sau khi tổng hợp số liệu, Nhà trường thực hiện phân tích kết quả theo từng năm học và từng ngành, nghề. Việc đối sánh được thực hiện chủ yếu giữa các ngành, nghề trong cùng năm học và giữa kết quả của năm sau với năm trước để nhận diện mức độ biến động của tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học. Qua phân tích, Nhà trường xem xét những ngành, nghề hoặc lớp có tỷ lệ bỏ học tăng, tỷ lệ tốt nghiệp giảm hoặc có biến động bất thường để xác định nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng đến kết quả đào tạo (*8.1.04 - Báo cáo phân tích, đánh giá về tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, bỏ học các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Các nguyên nhân được xem xét trên nhiều khía cạnh như kết quả học tập, mức độ chuyên cần, hoàn cảnh cá nhân, khả năng thích ứng với ngành nghề, điều kiện kinh tế, tiến độ đào tạo và công tác hỗ trợ người học. Kết quả phân tích là cơ sở để Nhà trường đề xuất các biện pháp phù hợp với từng nhóm nguyên nhân, thay vì chỉ theo dõi số liệu ở mức thống kê.

Trên cơ sở kết quả phân tích và đối sánh, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, hạn chế tình trạng bỏ học và nâng cao hiệu quả đào tạo. Các giải pháp tập trung vào tăng cường theo dõi tình hình học tập, vai trò của giáo viên chủ nhiệm, hỗ trợ người học gặp khó khăn, rà soát tiến độ đào tạo, tăng cường tư vấn ngành nghề và các biện pháp hỗ trợ khác phù hợp với thực tế từng năm học (*8.1.05 - Kế hoạch cải tiến các chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Sau khi triển khai các biện pháp cải tiến, Nhà trường thực hiện đánh giá kết quả để xem xét mức độ chuyển biến của các chỉ số và hiệu quả của các giải pháp đã áp dụng. Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ tiếp tục duy trì những giải pháp phù hợp, điều chỉnh các biện pháp chưa hiệu quả và xác lập mục tiêu chất lượng cho chu kỳ tiếp theo (*8.1.06 - Báo cáo kết quả cải tiến chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2023-2024, 2024-2025*).

Qua việc xác lập chỉ tiêu, theo dõi số liệu, phân tích và đối sánh kết quả giữa các năm học và giữa các ngành, nghề, Nhà trường đã hình thành cơ chế giám sát tương đối rõ đối với tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học. Kết quả theo dõi không chỉ được sử dụng để đánh giá tình hình đào tạo mà còn làm căn cứ xây dựng và đánh giá các biện pháp cải tiến, hướng tới duy trì tỷ lệ tốt nghiệp ổn định và hạn chế người học bỏ học trong quá trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 8: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: *Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn duy trì hoạt động khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan nhằm thu thập thông tin phục vụ công tác đánh giá và cải tiến chất lượng. Hoạt động khảo sát được thực hiện theo kế hoạch và quy trình bảo đảm chất lượng của Nhà trường, trong đó có khảo sát đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người học sau tốt nghiệp đối với yêu cầu thực tế của công việc. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, xác định đối tượng khảo sát, thiết kế phiếu, tổ chức thu thập ý kiến, tổng hợp và báo cáo kết quả (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026; 1.3.08 - Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026*).

Đối tượng khảo sát gồm các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động có lĩnh vực hoạt động phù hợp với các ngành, nghề đào tạo của Nhà trường. Danh sách đơn vị tham gia khảo sát được lập và cập nhật hằng năm, tạo cơ sở để Nhà trường mở rộng phạm vi thu thập ý kiến và tăng tính đa dạng của nguồn thông tin phản hồi (*8.2.01 - Danh sách các đơn vị sử dụng lao động được khảo sát các năm 2024, 2025, 2026*).

Nội dung khảo sát tập trung vào mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp trong quá trình làm việc, gồm kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề, khả năng vận dụng kiến thức vào công việc, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, ý thức tổ chức kỷ luật, thái độ nghề nghiệp, khả năng thích ứng với môi trường làm việc và các yêu cầu khác của doanh nghiệp. Bên cạnh đánh giá người tốt nghiệp, Nhà trường đồng thời thu thập ý kiến về những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần bổ sung hoặc tăng cường trong quá trình đào tạo để phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn sản xuất, kinh doanh và dịch vụ (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích theo từng nhóm nội dung để xác định những mặt người tốt nghiệp đáp ứng tốt và những nội dung cần tiếp tục cải thiện. Các ý kiến của doanh nghiệp và các bên liên quan được chuyển đến các đơn vị có liên quan để xem xét trong quá trình rà soát chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, phát triển kỹ năng nghề, kỹ năng mềm và các hoạt động hỗ trợ người học. Qua đó, phản hồi của đơn vị sử dụng lao động trở thành một trong những nguồn thông tin đầu vào cho hoạt động bảo đảm và cải tiến chất lượng của Nhà trường (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Trên cơ sở kết quả khảo sát cùng với các dữ liệu theo dõi chất lượng đào tạo khác, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến các chính sách và hoạt động có liên quan. Nội dung cải tiến được lựa chọn theo những vấn đề được ghi nhận qua phản hồi của doanh nghiệp, người học và các bên liên quan, tập trung vào nâng cao chất lượng đào tạo, điều chỉnh hoạt động hỗ trợ người học và tăng mức độ phù hợp giữa đào tạo với nhu cầu thị trường lao động (*8.1.05 - Kế hoạch cải tiến các chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Sau khi triển khai các biện pháp cải tiến, Nhà trường theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện. Báo cáo kết quả cải tiến phản ánh mức độ hoàn thành các nội dung đã đề ra, những chuyển biến đạt được và những vấn đề cần tiếp tục điều chỉnh trong chu kỳ tiếp theo. Qua đó, kết quả khảo sát không chỉ được lưu giữ ở mức thông tin phản hồi mà được sử dụng trong quá trình xem xét, điều chỉnh các chính sách và hoạt động của Nhà trường (*8.1.06 - Báo cáo kết quả cải tiến chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025*).

Việc duy trì khảo sát hằng năm đã giúp Nhà trường có thêm nguồn thông tin trực tiếp từ các đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về chất lượng người tốt nghiệp và nhu cầu nhân lực. Các phản hồi được tổng hợp, phân tích và sử dụng cùng với các dữ liệu quản lý khác để rà soát, điều chỉnh các hoạt động đào tạo và hỗ trợ người học. Qua đó, mối liên hệ giữa kết quả đào tạo với yêu cầu thực tế của thị trường lao động từng bước được tăng cường, đồng thời tạo cơ sở cho việc cải tiến chất lượng dịch vụ của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 8: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: *Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn đã ban hành và áp dụng quy trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong hệ thống bảo đảm chất lượng. Quy trình quy định việc lập kế hoạch, xây dựng công cụ, tổ chức thu thập, tổng hợp, phân tích và sử dụng kết quả khảo sát. Đối với CBQL, nhà giáo và người lao động, nội dung khảo sát tập trung vào các chính sách liên quan đến dạy và học; tuyển dụng, sử dụng; đào tạo, bồi dưỡng; đánh giá, phân loại và bổ nhiệm đội ngũ. Hằng năm, Nhà trường triển khai khảo sát chủ yếu bằng hình thức trực tuyến thông qua Google Forms, tạo thuận lợi cho các đối tượng tham gia và cho việc tổng hợp, xử lý kết quả (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026; 1.3.04 - Quyết định ban hành HTBĐCL năm 2024 gồm: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025, các quy trình, công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL; 1.3.07 - Quyết định ban hành HTBĐCL năm 2025, 2026: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học, các quy trình, công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL*).

Hoạt động khảo sát được triển khai đối với CBQL, nhà giáo cơ hữu, người lao động và nhà giáo thỉnh giảng nhằm thu thập ý kiến từ các nhóm trực tiếp tham gia vào hoạt động quản lý và đào tạo của Nhà trường. Phòng Quản lý Đào tạo được giao chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, công cụ khảo sát, tổ chức thu thập và tổng hợp kết quả theo quy trình bảo đảm chất lượng đã ban hành (*3.3.01 - Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm 2024, 2025, 2026; 1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Số lượng CBQL, nhà giáo và người lao động thuộc đối tượng được thu thập ý kiến qua các năm học như sau:

- Năm học 2023-2024: 74 người, gồm 17 CBQL, 35 nhà giáo và 22 nhân viên, người lao động.
- Năm học 2024-2025: 137 người, gồm 21 CBQL, 81 nhà giáo và 35 nhân viên, người lao động.
- Năm học 2025-2026: 118 người, gồm 21 CBQL, 63 nhà giáo và 34 nhân viên, người lao động.

Nhà trường theo dõi số lượng đối tượng được khảo sát, số người tham gia phản hồi và kết quả đánh giá theo từng nhóm nội dung để xem xét mức độ tham gia và tính đại diện của thông tin thu thập được. Kết quả khảo sát được tổng hợp hằng năm, làm cơ sở nhận diện những nội dung được đội ngũ đánh giá tốt cũng như những vấn đề cần xem xét, điều chỉnh trong các chính sách liên quan (*8.3.01 - Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động được thu thập ý kiến; 1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Trên cơ sở kết quả khảo sát, Nhà trường phân tích mức độ hài lòng và các ý kiến góp ý của CBQL, nhà giáo, người lao động theo từng nhóm chính sách. Đối với hoạt động dạy và học, các ý kiến phản hồi được xem xét trong quá trình rà soát quy định về giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, chế độ làm việc và các điều kiện hỗ trợ nhà giáo thực hiện nhiệm vụ. Nhà trường đồng thời tăng cường các hoạt động bồi dưỡng về đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ và phần mềm hỗ trợ dạy học; hỗ trợ, khuyến khích nhà giáo tham gia NCKH và sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và chất lượng giảng dạy.

Đối với công tác tuyển dụng, kết quả phản hồi được sử dụng cùng với nhu cầu nhân sự của các đơn vị để rà soát quy trình tuyển dụng theo hướng rõ ràng, công khai và phù hợp hơn với yêu cầu vị trí việc làm. Các hình thức đánh giá ứng viên như xem xét hồ sơ, phỏng vấn, đánh giá năng lực chuyên môn hoặc giảng thử đối với vị trí nhà giáo được áp dụng phù hợp nhằm lựa chọn nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc.

Đối với chính sách đào tạo, bồi dưỡng, Nhà trường rà soát nhu cầu phát triển đội ngũ, chế độ hỗ trợ và hình thức tổ chức bồi dưỡng. Nội dung bồi dưỡng được lựa chọn gắn với yêu

cầu chuẩn hóa đội ngũ và nhu cầu thực tế của CBQL, nhà giáo; hình thức tổ chức được đa dạng hóa thông qua đào tạo, bồi dưỡng trực tiếp, trực tuyến, hội thảo, tập huấn và tự học. Đối với CBQL, Nhà trường chú trọng các nội dung bồi dưỡng về quản lý, điều hành và nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ.

Đối với công tác bổ nhiệm CBQL, các ý kiến phản hồi là một trong những nguồn thông tin được Nhà trường xem xét khi rà soát các quy định và quy trình có liên quan. Việc rà soát tập trung vào tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân tham gia quá trình bổ nhiệm, hướng tới bảo đảm tính công khai, minh bạch và phù hợp với yêu cầu quản lý của Nhà trường.

Các kết quả khảo sát và nội dung cần điều chỉnh được tổng hợp cùng với các thông tin đánh giá chất lượng khác để Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến. Kế hoạch xác định những nội dung cần thực hiện, đơn vị phụ trách và thời gian triển khai đối với các chính sách liên quan đến dạy và học, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm đội ngũ. Sau quá trình thực hiện, Nhà trường đánh giá kết quả cải tiến để xem xét mức độ hoàn thành, những chuyển biến đạt được và các vấn đề cần tiếp tục điều chỉnh trong năm học tiếp theo (*8.1.05 - Kế hoạch cải tiến các chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 8.1.06 - Báo cáo kết quả cải tiến chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025*).

Qua việc duy trì khảo sát hằng năm, Nhà trường có thêm cơ sở thực tiễn để đánh giá mức độ phù hợp của các chính sách đối với đội ngũ CBQL, nhà giáo và người lao động. Kết quả khảo sát được sử dụng trong quá trình rà soát, điều chỉnh và cải tiến các chính sách liên quan đến dạy và học, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm, qua đó góp phần hoàn thiện công tác quản lý đội ngũ và nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 8: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: *Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn duy trì việc khảo sát, lấy ý kiến người học hằng năm trong hệ thống bảo đảm chất lượng. Hoạt động khảo sát được thực hiện theo kế hoạch, phiếu khảo sát và quy trình lấy ý kiến các bên liên quan đã ban hành, từ khâu xác định đối tượng, tổ chức thu thập thông tin đến tổng hợp, phân tích và báo cáo kết quả. Hồ sơ khảo sát được lưu giữ theo từng năm để phục vụ công tác đánh giá và cải tiến chất lượng (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Đối tượng khảo sát là HSSV đang học tại các ngành, nghề, trình độ và khóa đào tạo của Nhà trường. Việc xác định đối tượng được thực hiện trên cơ sở danh sách người học đang được quản lý theo từng ngành, nghề, trình độ và phương thức tổ chức đào tạo; danh sách HSSV được thu thập ý kiến được lập, theo dõi theo từng năm. Qua đó, Nhà trường có cơ sở xem xét mức độ tham gia và tính đại diện của kết quả khảo sát đối với các nhóm người học (*2.3.17 - Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo của trường: ngành/nghề, trình độ, số lượng tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026; 8.4.01 - Danh sách người học được thu thập ý kiến năm 2024, 2025, 2026*).

Nội dung khảo sát được xây dựng tương đối toàn diện, tập trung vào các nhóm vấn đề liên quan trực tiếp đến trải nghiệm học tập của HSSV. Đối với hoạt động đào tạo, người học được lấy ý kiến về mức độ phù hợp của chương trình, kế hoạch và hình thức tổ chức đào tạo; sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành; việc bố trí thời khóa biểu và các điều kiện phục vụ quá trình học tập. Đối với hoạt động giảng dạy, khảo sát tập trung vào nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy, khả năng hướng dẫn thực hành, phương pháp kiểm tra, đánh giá và mức độ hỗ trợ của nhà giáo đối với người học.

Bên cạnh hoạt động dạy và học, HSSV được khảo sát về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ như cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, thư viện, công nghệ thông tin, công tác HSSV, tư vấn và hỗ trợ việc làm, y tế, các hoạt động phong trào và các dịch vụ có liên quan. Việc thực hiện chế độ, chính sách dành cho người học, mức độ công khai thông tin, sự thuận tiện trong giải quyết thủ tục và khả năng tiếp cận hỗ trợ cũng được đưa vào nội dung thu thập ý kiến (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Kết quả khảo sát được Nhà trường tổng hợp theo từng nhóm nội dung và phân tích mức độ đánh giá của người học. Qua đó, những nội dung được HSSV đánh giá tích cực được tiếp tục duy trì; các nội dung có mức độ hài lòng thấp hơn, có nhiều ý kiến góp ý hoặc phát sinh nhu cầu mới được xác định để các đơn vị liên quan xem xét nguyên nhân và đề xuất biện pháp điều chỉnh. Kết quả khảo sát vì vậy được sử dụng như một nguồn thông tin đầu vào trong công tác đánh giá chất lượng đào tạo và chất lượng dịch vụ của Nhà trường (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Trên cơ sở phản hồi của HSSV kết hợp với kết quả kiểm tra, giám sát và các dữ liệu quản lý khác, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến các chính sách và hoạt động liên quan. Nội dung cải tiến tập trung vào những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình học tập như tổ chức đào tạo, phương pháp giảng dạy, điều kiện cơ sở vật chất, dịch vụ hỗ trợ, thủ tục hành chính và việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người học. Các nhiệm vụ cải tiến được phân công cho đơn vị thực hiện và theo dõi theo từng năm học (*8.1.05 - Kế hoạch cải tiến các chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Sau khi thực hiện các biện pháp đã đề ra, Nhà trường tổng hợp và đánh giá kết quả cải tiến. Báo cáo kết quả thể hiện tình hình triển khai, mức độ hoàn thành các nội dung đã xác định và những vấn đề cần tiếp tục điều chỉnh. Kết quả này đồng thời được sử dụng làm thông tin đầu vào cho hoạt động khảo sát, rà soát và cải tiến ở chu kỳ tiếp theo (*8.1.06 - Báo cáo kết quả cải tiến chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025*).

Việc duy trì khảo sát HSSV hằng năm giúp Nhà trường theo dõi tương đối thường xuyên mức độ đáp ứng của hoạt động đào tạo, giảng dạy, dịch vụ và các chính sách đối với người học. Các ý kiến phản hồi không chỉ được tổng hợp để đánh giá mức độ hài lòng mà còn được sử dụng trong quá trình xác định nội dung cần điều chỉnh và theo dõi kết quả cải tiến. Qua đó, tiếng nói của người học từng bước được gắn với hoạt động bảo đảm và cải tiến chất lượng của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 8: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: *Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp hằng năm theo quy định về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Năm 2024, Nhà trường thực hiện tự đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Từ ngày 15/02/2025, Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 có hiệu lực và thay thế Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH; vì vậy, các năm 2025 và 2026 Nhà trường thực hiện tự đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH. Việc chuyển đổi bộ tiêu chí được Nhà trường cập nhật trong kế hoạch, nội dung và báo cáo tự đánh giá từng năm, bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành (*8.5.02 - Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024, 2025, 2026; 8.5.04 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN các năm 2024, 2025, 2026*).

Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH quy định bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN và hết hiệu lực từ ngày 15/02/2025 khi Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH có hiệu lực. Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH tiếp tục quy định hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN và yêu cầu cơ sở GDNN tổ chức tự đánh giá theo bộ tiêu chí hiện hành. Do đó, việc Nhà trường sử dụng bộ tiêu chí của Thông tư 15 trong năm 2024 và chuyển sang bộ tiêu chí của Thông tư 14 từ năm 2025 là phù hợp với thời điểm hiệu lực của từng văn bản.

Việc tổ chức tự đánh giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 về hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN. Hằng năm,

Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN. Đối với trường cao đẳng, Hội đồng có số lượng thành viên là số lẻ và ít nhất 11 thành viên. Thành phần Hội đồng gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các thành viên khác có liên quan; trong đó Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng, Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác kiểm định chất lượng, bảo đảm chất lượng. Các thành viên còn lại được lựa chọn từ lãnh đạo các phòng, khoa, trung tâm và cán bộ, nhà giáo có liên quan đến các lĩnh vực được đánh giá, bảo đảm có sự tham gia của các đơn vị trong toàn trường (*8.5.01 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024, 2025, 2026*).

Trên cơ sở Quyết định thành lập Hội đồng, Nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá theo từng năm, xác định rõ phạm vi, nội dung, tiến độ, phân công nhiệm vụ và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân. Năm 2024, nội dung đánh giá được phân công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn của Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH; năm 2025 và 2026, nội dung được điều chỉnh theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn mới của Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH. Các đơn vị được giao nhiệm vụ thu thập, rà soát và đối chiếu minh chứng; thực hiện mô tả, phân tích, nhận định mức độ đáp ứng từng tiêu chuẩn và đề xuất nội dung cải tiến (*8.5.02 - Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024, 2025, 2026*).

Trong quá trình thực hiện, Hội đồng tự đánh giá tổ chức các cuộc họp để rà soát tiến độ, thảo luận kết quả đánh giá, xem xét tính đầy đủ và phù hợp của minh chứng, thống nhất nhận định và kết quả đối với từng tiêu chuẩn. Những nội dung chưa đầy đủ được yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa trước khi tổng hợp vào báo cáo tự đánh giá. Biên bản họp Hội đồng thể hiện quá trình thảo luận, thống nhất và trách nhiệm của các thành viên tham gia tự đánh giá (*8.5.03 - Biên bản họp của Hội đồng tự đánh giá cơ sở GDNN các năm 2024, 2025, 2026*).

Kết quả tự đánh giá được tổng hợp thành Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN hằng năm. Báo cáo năm 2024 được xây dựng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn của Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH; báo cáo năm 2025 và năm 2026 được xây dựng theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn của Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH. Báo cáo phản ánh thực trạng hoạt động của Nhà trường, mức độ đáp ứng từng tiêu chuẩn, những điểm đã thực hiện tốt, những hạn chế và nội dung cần cải tiến; đồng thời được lưu trữ, công khai và sử dụng làm căn cứ cho công tác bảo đảm chất lượng và chuẩn bị kiểm định chất lượng cơ sở GDNN (*8.5.04 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN các năm 2024, 2025, 2026*).

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, trong đó xác định những tiêu chuẩn còn hạn chế hoặc những nội dung cần tiếp tục hoàn thiện; đề ra biện pháp khắc phục, đơn vị phụ trách và thời gian thực hiện. Nội dung cải tiến tập trung vào các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến chất lượng đào tạo như quản trị Nhà trường, tổ chức đào tạo, đội ngũ, chương trình và giáo trình, cơ sở vật chất, thiết bị, hoạt động hỗ trợ người học và hệ thống bảo đảm chất lượng (*8.5.05 - Kế hoạch thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng, khắc phục điểm chưa đạt của báo cáo tự đánh giá năm 2024, 2025*).

Việc thực hiện các nội dung cải tiến được theo dõi và đánh giá thông qua báo cáo kết quả hằng năm. Báo cáo xác định mức độ hoàn thành từng nội dung, những kết quả đã đạt được và các vấn đề cần tiếp tục cải thiện trong chu kỳ tiếp theo. Kết quả này đồng thời được sử dụng làm dữ liệu đầu vào cho kỳ tự đánh giá năm sau, qua đó hình thành chu trình tự đánh giá - cải tiến - đánh giá lại trong hoạt động bảo đảm chất lượng của Nhà trường (*8.5.06 - Báo cáo thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo các năm 2024, 2025*).

Bên cạnh kết quả tự đánh giá, Nhà trường sử dụng kết quả khảo sát ý kiến CBQL, nhà giáo, người lao động, người học và các bên liên quan để bổ sung thông tin cho việc xác định các vấn đề cần cải tiến. Các phản hồi về quản lý, đào tạo, đội ngũ, cơ sở vật chất, dịch vụ và hỗ trợ người học được tổng hợp, phân tích và sử dụng cùng với các kết quả tự đánh giá để đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Cùng với việc duy trì hoạt động tự đánh giá, Nhà trường xây dựng lộ trình chuẩn bị kiểm định chất lượng cơ sở GDNN trên cơ sở kết quả tự đánh giá, mức độ hoàn thiện hệ thống minh chứng và kết quả thực hiện các kế hoạch cải tiến. Tại thời điểm tự đánh giá, Nhà trường chưa có kết quả đánh giá ngoài; do đó, các hoạt động cải tiến hiện chủ yếu được xây dựng trên cơ sở kết quả tự đánh giá, kết quả khảo sát, kiểm tra, giám sát và các dữ liệu bảo đảm chất lượng nội bộ. Khi thực hiện đánh giá ngoài, các khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài sẽ tiếp tục được sử dụng làm căn cứ để xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng.

Qua các năm 2024, 2025 và 2026, hoạt động tự đánh giá của Nhà trường được duy trì hằng năm và được điều chỉnh kịp thời theo sự thay đổi của hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN. Việc chuyển từ bộ tiêu chí của Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH sang Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH từ năm 2025 giúp hoạt động tự đánh giá bám sát yêu cầu hiện hành; đồng thời kết quả tự đánh giá được sử dụng để xác định và theo dõi các nội dung cải tiến, làm cơ sở chuẩn bị cho kiểm định chất lượng cơ sở GDNN.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 8: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: *Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.*

***Mô tả, phân tích, nhận định*:**

Theo dõi tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp được Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn thực hiện nhằm đánh giá khả năng tham gia thị trường lao động của người học, mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo đối với yêu cầu thực tiễn và cung cấp thông tin phục vụ cải tiến chất lượng đào tạo. Căn cứ các quyết định công nhận tốt nghiệp, Nhà trường lập danh sách người học tốt nghiệp và tổ chức khảo sát, thu thập thông tin về tình trạng việc làm sau khi ra trường (*8.6.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2026 kèm danh sách; 8.6.02 - Danh sách người học tốt nghiệp được khảo sát năm 2026*).

Hoạt động khảo sát được thực hiện theo kế hoạch và công cụ khảo sát của Nhà trường. Nội dung thu thập tập trung vào tình trạng việc làm, thời gian có việc làm sau tốt nghiệp, mức độ phù hợp của công việc với ngành/nghề được đào tạo, hình thức việc làm hoặc tự tạo việc làm và một số thông tin liên quan đến quá trình tham gia thị trường lao động. Kết quả được tổng hợp, phân tích để xác định tỷ lệ người học có việc làm và làm cơ sở xem xét, điều chỉnh các hoạt động đào tạo, tư vấn và hỗ trợ việc làm (*1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026*).

Năm 2026, Nhà trường có 256 HSSV được công nhận tốt nghiệp, trong đó có 208 người tốt nghiệp trình độ trung cấp và 48 người tốt nghiệp trình độ cao đẳng. Nhà trường đã thu thập được thông tin phản hồi của 231/256 người, đạt tỷ lệ phản hồi 90,23%, cụ thể như sau:

STT	Ngành, nghề đào tạo	SLSV tốt nghiệp	Số liệu khảo sát	Tỷ lệ khảo sát (%)
1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	69	64	92,75%
2	Công nghệ thông tin	52	48	92,31%
3	Thiết kế đồ họa	24	22	91,67%
4	Kỹ thuật chế biến món ăn	44	41	93,18%
5	Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành	21	16	76,19%
6	Quản trị khách sạn	7	7	100,00%
7	Quản trị nhà hàng	10	8	80,00%
8	Kế toán doanh nghiệp	7	7	100,00%
9	Quản trị kinh doanh	14	10	71,43%
10	Tiếng Anh	8	8	100,00%
TỔNG CỘNG		**256**	**231**	**90,23%**

Đối với 208 người tốt nghiệp trình độ trung cấp, kết quả theo dõi cho thấy 100% tiếp tục học liên thông lên trình độ cao đẳng tại Trường. Nhóm người học này được Nhà trường thống kê riêng là tiếp tục học ở trình độ cao hơn, không sử dụng số liệu này để thay thế cho chỉ số có việc làm sau tốt nghiệp.

Đối với 48 sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng, Nhà trường thu thập được thông tin về tình trạng việc làm của 44 sinh viên. Trong số 44 sinh viên phản hồi, có 42 sinh viên xác nhận có việc làm, bao gồm làm việc đúng ngành/nghề, làm việc khác ngành/nghề hoặc tự tạo việc làm/khởi nghiệp. Kết quả cụ thể như sau:

STT	Ngành, nghề đào tạo	Số liệu phản hồi	Số HSSV có việc làm (*Đúng + Trái + Khởi nghiệp*)	Tỷ lệ có việc làm (%)
1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	17	15	**88.24**

2	Công nghệ thông tin	4	4	**100.00**
3	Thiết kế đồ họa	3	3	**100.00**
4	Kỹ thuật chế biến món ăn	9	9	**100.00**
5	Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành	10	10	**100.00**
6	Quản trị khách sạn	1	1	**100.00**

Như vậy, tỷ lệ sinh viên cao đẳng có việc làm trong số sinh viên phản hồi khảo sát là 95,45% (42/44). Nếu tính trên tổng số 48 sinh viên cao đẳng được công nhận tốt nghiệp, số sinh viên đã xác định được có việc làm chiếm 87,50% (42/48). Cả hai cách xác định đều cho thấy số người đã xác nhận có việc làm chiếm trên 80% số sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng. Đối với 04 sinh viên chưa có thông tin phản hồi, Nhà trường tiếp tục thực hiện liên hệ, cập nhật tình trạng việc làm để hoàn thiện dữ liệu theo dõi sau tốt nghiệp *(8.6.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2026 kèm danh sách; 8.6.02 - Danh sách người học tốt nghiệp được khảo sát năm 2026; 1.1.07 - Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026).*

Kết quả khảo sát việc làm được Nhà trường phân tích cùng với các thông tin phản hồi của người tốt nghiệp và đơn vị sử dụng lao động để xem xét mức độ phù hợp của chương trình đào tạo, chất lượng đầu ra và hiệu quả của hoạt động hỗ trợ việc làm. Những nội dung còn hạn chế được đưa vào kế hoạch cải tiến chất lượng, trong đó chú trọng tăng cường kết nối doanh nghiệp, tư vấn và giới thiệu việc làm, cập nhật chương trình đào tạo và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người học (*8.1.04 - Kế hoạch cải tiến các chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026*).

Việc thực hiện các nội dung cải tiến được Nhà trường theo dõi, đánh giá thông qua báo cáo kết quả hằng năm, làm cơ sở tiếp tục điều chỉnh các hoạt động đào tạo và hỗ trợ người học phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động (*8.1.05 - Báo cáo kết quả cải tiến chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2023-2024, 2024-2025*).

Kết quả theo dõi năm 2026 cho thấy, đối với trình độ cao đẳng, Nhà trường đã xác định được 42/48 sinh viên tốt nghiệp có việc làm, tương ứng ít nhất 87,50% tổng số sinh viên tốt nghiệp; trong số 44 sinh viên phản hồi khảo sát, tỷ lệ có việc làm đạt 95,45%. Đối với trình độ trung cấp, 208/208 người tốt nghiệp tiếp tục học liên thông lên trình độ cao đẳng và được theo dõi riêng theo tình trạng tiếp tục học. Nhà trường tiếp tục duy trì hoạt động khảo sát, cập nhật tình trạng việc làm của người tốt nghiệp và sử dụng kết quả làm cơ sở cải tiến chương trình đào tạo, hoạt động kết nối doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm cho người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 8: 02 điểm

PHẦN III
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Định kỳ hàng năm, tổ chức kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ chung và mục tiêu cụ thể của từng chiến lược để có biện pháp điều chỉnh kế hoạch và khái quát có hệ thống, có lý luận chặt chẽ để đảm bảo mọi thành viên trong trường đều hiểu để nhận thức đúng và hành động đúng.

Chủ động xây dựng và triển khai một kế hoạch hành động chi tiết, tập trung vào việc tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan. Mục tiêu chính của kế hoạch này là tiến hành rà soát, điều chỉnh và bổ sung các mục tiêu đào tạo một cách toàn diện, đảm bảo chúng hoàn toàn phù hợp với các quy định được nêu trong Luật Giáo dục và Luật Giáo dục nghề nghiệp hiện hành, cũng như phù hợp với sứ mệnh mà nhà trường đã công bố. Qua đó, nhà trường cam kết nâng cao chất lượng đào tạo trình độ cao đẳng và các trình độ khác, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

Khuyến khích phát triển đội ngũ giáo viên: Nhà trường thực hiện các chính sách ưu tiên tuyển dụng giáo viên cơ hữu làm nòng cốt để nâng cao chất lượng đào tạo, khuyến khích giáo viên và người lao động học tập nâng cao trình độ, đồng thời tạo điều kiện bồi dưỡng ngoại ngữ để mở rộng cơ hội học tập và nghiên cứu quốc tế.

Nâng cao chất lượng giảng dạy: Các khoa và bộ môn tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm. Để hỗ trợ giảng viên có chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm còn hạn chế, nhà trường tăng cường dự giờ và đánh giá sự tiến bộ của giáo viên

Tiếp tục khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực của doanh nghiệp để điều chỉnh quy mô, ngành nghề và kế hoạch tuyển sinh phù hợp.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý và tổ chức đào tạo.

Tiếp tục rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra với sự tham gia của doanh nghiệp; bảo đảm phù hợp với khung trình độ quốc gia và yêu cầu thực tiễn.

Đẩy mạnh hợp tác doanh nghiệp, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo ngắn hạn và tăng cường thực hành trong môi trường nghề nghiệp thực tế.

Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá; nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học và kỹ năng nghề cho HSSV.

Mở rộng hợp tác quốc tế và phát triển các mô hình đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường lao động.

Trong giai đoạn tới, Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao kỹ năng cho đội ngũ quản lý và giáo viên, bao gồm Tiếng Anh, Tin học trình độ cao, Kỹ năng chuyển đổi số trong giáo dục nhằm đáp ứng các yêu cầu của giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường sẽ kiện toàn cơ cấu tổ chức, theo hướng tinh gọn nhưng hiệu quả nhằm nâng cao khả năng quản lý và điều hành.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các chính sách, chế độ khuyến khích nhà giáo, đội ngũ viên chức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời có các chính sách, chế độ thu hút nhân tài, các nghệ nhân, người có tay nghề cao tham gia vào công tác giảng dạy tại trường.

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị bổ sung các ngành nghề đào tạo.

Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh cập nhật và bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng trang thiết bị, nguyên nhiên vật liệu sát với thực tế của nhà trường và theo đúng các quy định mới do Nhà nước ban hành.

Giai đoạn 2026 - 2028 - Định hướng các đề tài NCKH các cấp tập trung giải quyết những vấn đề cốt lõi trong công tác giảng dạy và tổ chức quản lý đào tạo, đặc biệt đẩy mạnh việc tư vấn, chuyển giao các mô hình quản lý, công nghệ số ứng dụng vào hoạt động thực tế của Nhà trường.

Triển khai đàm phán, ký kết các đề án trao đổi HSSV với các đối tác chiến lược nhằm tạo môi trường thực tập đa quốc gia cho người học. Ban hành quỹ hỗ trợ khởi nghiệp và NCKH dành riêng cho đối tượng HSSV.

Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động ngoại khóa, thể dục thể thao; phát triển các câu lạc bộ học thuật, nghề nghiệp nhằm tạo môi trường rèn luyện toàn diện cho người học.

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, chú trọng nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ nhằm tăng khả năng hội nhập và đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp đối với HSSV.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài khu vực nhằm hỗ trợ nhà trường trong công tác đào tạo, thực hành nghề và nâng cao chất lượng đầu ra.

Duy trì và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng của nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, đánh giá và bảo đảm chất lượng GDNN.

PHẦN IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN được xem là một việc làm hết sức quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng các cơ sở GDNN trong hệ thống giáo dục đào tạo của cả nước. Mục đích của quá trình tự đánh giá là tiến hành xem xét, phân tích một cách toàn diện về chất lượng hiệu quả các hoạt động bên trong Nhà trường như: công tác đào tạo, công tác NCKH, kế hoạch tài chính, công tác tổ chức cán bộ, quan hệ hợp tác quốc tế, hệ thống thư viện, trang thiết bị trường học, công tác học sinh sinh viên và tất cả các công tác liên quan khác. Từ đó rút ra được những điểm mạnh, những tồn tại và quan trọng hơn là xây dựng kế hoạch hành động, chỉ ra được những biện pháp để điều chỉnh, huy động và phát huy tối đa các nguồn lực nhằm thực hiện tốt các mục tiêu Nhà trường đề ra.

Năm 2026, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN. Kết quả tự đánh giá đối chiếu với các yêu cầu trong tổng số 8 tiêu chí, 50 (tiêu chuẩn -100 điểm), Nhà trường đạt được 98/100 điểm. Kết quả tự đánh giá không chỉ là cơ sở để đánh giá chất lượng đào tạo mà qua đó thể hiện cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, NCKH theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với sứ mạng của Trường đã được xác định.

Song để không ngừng phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo, trở thành địa điểm đáng tin cậy của để người học, Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn có một số kiến nghị như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về GDNN, tạo điều kiện thuận lợi cho các trường chủ động xây dựng và triển khai chiến lược phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc mở rộng hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo, trao đổi HSSV và giảng viên; hỗ trợ các cơ sở GDNN tiếp cận các dự án hợp tác quốc tế, CTĐT tiên tiến và chuẩn kỹ năng nghề khu vực, quốc tế.

- Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về kiểm định chất lượng, bảo đảm chất lượng GDNN, chuyển đổi số, xây dựng CTĐT và phương pháp giảng dạy hiện đại cho đội ngũ CBQL và nhà giáo.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào hoạt động GDNN như xây dựng CTĐT, tổ chức thực hành thực tập, đánh giá kỹ năng nghề, hỗ trợ học bổng và tuyển dụng HSSV sau tốt nghiệp.

- Tạo điều kiện để đội ngũ được tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng nghề theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

- Quan tâm tạo điều kiện cho Nhà trường mở rộng quan hệ hợp tác với doanh nghiệp, các tổ chức ngoài nước.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn cam kết hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Nhà nước giao cho. Đồng thời Trường luôn là địa chỉ tin cậy đối với các thế hệ HSSV, từ đó góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT - DU LỊCH SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38a/QĐ-STC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp Năm 2026

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT - DU LỊCH SÀI GÒN

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp (Luật số 74/2014/QH13);

Căn cứ Nghị định số 49/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn năm 2026 gồm các ông, bà có tên trong Danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc Nhà trường và các ông, bà có tên trong Danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: P.HC, TT.KT&ĐBCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC

Võ Công Trí

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT - DU LỊCH SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2026

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38a/QĐ-STC ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn)

Stt	Họ và	Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Võ Công	Trí	Phó Hiệu trưởng thường trực	Chủ tịch Hội đồng
2	Lương Kim	Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Nguyễn Lâm Quỳnh	Như	Bộ phận KT&ĐBCL	Thư ký
4	Phan Hoàng	Nhân	Phó phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
5	Huỳnh Thị Trúc	Đào	Phó phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
6	Vũ Vân	Hà	Phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
7	Trần Thị	Đông	Phụ trách Phòng HC - TH	Thành viên
8	Trịnh Hà	Minh	Phó Phòng Công tác HSSV & QHDN	Thành viên
9	Vương Quốc	Vinh	Phó Phòng Công tác HSSV & QHDN	Thành viên
10	Dương Thị Kiều	Oanh	Phụ trách TT. TS-TT	Thành viên
11	Lê Quốc	Cư	Trưởng Khoa CNTT	Thành viên
12	Dương Ngọc	Lập	Trưởng Khoa Du lịch	Thành viên
13	Phạm Xuân	Đẩu	Trưởng Khoa Kỹ thuật	Thành viên
14	Nguyễn Thanh Ngân	Hạ	Trưởng Khoa KHCB	Thành viên
15	Phạm Xuân	Lan	Phó Khoa Kinh tế - Ngoại ngữ	Thành viên
16	Phạm Thái	Lan	Nhân viên Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL	Thành viên
17	Trần Hồng	Lộc	Giám đốc Công ty TNHH SX TM DV Kiến Quang	Thành viên

(Danh sách có 17 người)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KỸ THUẬT - DU LỊCH SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06a/KH-TĐG-STC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2026

1. Mục tiêu tự đánh giá chất lượng

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sinh viên trong toàn Trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng, tự đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện, duy trì và phát huy tốt các điểm mạnh, các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, qua đó giúp nhà Trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá chất lượng

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của sơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

3. Quy trình tự đánh giá chất lượng

Thực hiện tự đánh giá theo quy trình được quy định tại Mục 2 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của sơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với các đơn vị thuộc Trường

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng của đơn vị mình, trình Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp nhà trường thông qua.

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có liên quan, phân tích chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân quá đó đề xuất các kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của đơn vị, kèm theo các bản chụp các minh chứng báo cáo Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường.

- Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của đơn vị.

4.2. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng của Nhà trường trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 28/2017/TT - BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017.

- Lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Hội đồng tự đánh giá chất lượng tiến hành nghiên cứu, họp thông qua các báo cáo tự đánh giá. Nội dung báo cáo tự đánh giá chất lượng phải được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tự đánh giá chất lượng nhất trí thông qua.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng của Nhà trường.

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong nội bộ trường, phê duyệt báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên.

5. Phân công tự đánh giá theo mẫu báo cáo (Mẫu PL 03 – TT28/2017/TT- BLĐTBXH)

PHẦN I	**GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**	**Đơn vị thực hiện viết báo cáo**	**Thành viên Hội đồng phụ trách tổng hợp**
1	Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	P. HC-TH	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
2	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bậc của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	P. HC-TH	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
3	Cơ cấu tổ chức nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	P. HC-TH	Trần Thị Đông
4	Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	P. QLĐT	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	P. HC-TH	Trần Thị Đông
PHẦN II	**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**		
1	Đặt vấn đề	Các Phòng/ Khoa/Trung tâm	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
2	Tổng quan chung	Các Phòng/ Khoa/Trung tâm	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
2.1	Căn cứ tự đánh giá	Các Phòng/ Khoa/Trung tâm	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
2.2	Mục đích tự đánh giá	Các Phòng/ Khoa/Trung tâm	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
2.3	Yêu cần tự đánh giá	Các Phòng/ Khoa/Trung tâm	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
2.4	Phương pháp tự đánh giá	Các Phòng/ Khoa/Trung tâm	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
2.5	Các bước tiến hành tự đánh giá	Các Phòng/ Khoa/Trung tâm	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
3	Tự đánh giá	Các Phòng/ Khoa/Trung tâm	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
3.1	Tổng hợp kết quả tự đánh giá	Các Phòng/ Khoa/Trung tâm	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
3.2	***Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn***		
	Tiêu chí 1: Sứ mạng, mục tiêu tổ chức quản lý	P. HC-TH P. KT & ĐBCL	Trần Thị Đông
	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	TT. TS-TT; P. QLĐT; K. chuyên môn	Nguyễn Lâm Quỳnh Như

	Tiêu chí 3: Nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động	P. HC-TH P. QLĐT K. chuyên môn	Trần Thị Đông
	Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình	P. QLĐT; P. KT&ĐBCL K. chuyên môn	Huỳnh Thị Trúc Đào
	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	K. chuyên môn; P. HC-TH; P. QLĐT	Nguyễn Thanh Vũ
	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	P. HTQT	Nguyễn Thanh Ngân Hạ
	Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	P. CT HSSV & QHDN P. QLĐT	Trịnh Hà Minh
	Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng	P. CT HSSV&QHDN; P. KT&ĐBCL	Phan Hoàng Nhân
PHẦN III	**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**	Các Phòng/ Khoa/Trung tâm	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
PHẦN IV	**ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ**	Các Phòng/ Khoa/Trung tâm	Nguyễn Lâm Quỳnh Như

6. Phân công các thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách theo tiêu chí, tiêu chuẩn và phân công các đơn vị thực hiện theo tiêu chí, tiêu chuẩn

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm	Đơn vị	Thành viên Hội đồng phụ trách tổng hợp
I	**Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý**			
1.1	Tiêu chuẩn 1.1	Sứ mạng, mục tiêu của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của trường, phù hợp với yêu cầu nhân lực trong các chiến lược phát triển ngành/chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương và được công bố công khai	P. HC-TH	Trần Thị Đông

1.2	Tiêu chuẩn 1.2	Trường có quy chế về tổ chức và hoạt động, trong đó có phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu ngành, nghề, quy mô đào tạo của trường	P. HC-TH	Trần Thị Đông
1.3	Tiêu chuẩn 1.3	Trường đã xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng	P. KT & ĐBCL	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
1.4	Tiêu chuẩn 1.4	Hằng năm, hệ thống bảo đảm chất lượng của trường được đánh giá và có biện pháp cải tiến nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý	P. KT & ĐBCL	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
1.5	Tiêu chuẩn 1.5	Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng trường (Đảng ủy, Ban Giám hiệu đối với các trường thuộc lực lượng vũ trang), tổ chức Đảng, Đoàn thể và các Hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định; thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của trường	P. HC-TH	Trần Thị Đông
II	**Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo**			
2.1	Tiêu chuẩn 2.1	Quy chế tuyển sinh và các kế hoạch, chính sách tuyển sinh được xây dựng, triển khai phù hợp chương trình đào tạo các ngành, nghề đào tạo của Trường	TT. TS-TT	Dương Thị Kiều Oanh
2.2	Tiêu chuẩn 2.2	Trường tuyển sinh theo kế hoạch bảo đảm công bằng, khách quan và theo hướng nâng cao chất lượng đầu vào. Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát và cải tiến, bảo đảm tính phù hợp, hiệu quả	TT. TS-TT	Dương Thị Kiều Oanh
2.3	Tiêu chuẩn 2.3	Trường xây dựng và ban hành quy chế đào tạo, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp. Hình thức, phương thức, phương pháp tổ chức đào tạo đa dạng phù hợp với mục tiêu, nội dung của từng chương trình đào tạo	P. QLĐT	Huỳnh Thị Trúc Đào

2.4	Tiêu chuẩn 2.4	Trường xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cho từng lớp, khoá học, học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng Mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với hình thức đào tạo để người học đáp ứng chuẩn đầu ra	P. QLĐT	Huỳnh Thị Trúc Đào
2.5	Tiêu chuẩn 2.5	Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt, có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động hoặc các tổ chức cá nhân trong việc tổ chức hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập	P. QLĐT	Huỳnh Thị Trúc Đào
2.6	Tiêu chuẩn 2.6	Trường áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, bao gồm cả hình thức đào tạo từ xa (nếu có)	P. QLĐT	Huỳnh Thị Trúc Đào
2.7	Tiêu chuẩn 2.7	Hàng năm trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học đúng kế hoạch. Thực hiện biện pháp điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo	P. QLĐT	Phan Hoàng Nhân
2.8	Tiêu chuẩn 2.8	Các hình thức, phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học được thiết kế phù hợp được rà soát, đánh giá, cải tiến để đảm bảo độ chính xác, công bằng, khách quan và định hướng người học đạt chuẩn đầu ra	P. CTHSSV&QHDN; P. QLĐT	Phan Hoàng Nhân; Trịnh Hà Minh
III	**Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động**			
3.1	Tiêu chuẩn 3.1	Quy trình tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý của trường được ban hành và đưa vào áp dụng; hằng năm được rà soát, đánh giá để cải tiến	P. HC-TH	Trần Thị Đông

3.2	Tiêu chuẩn 3.2	Trường thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động. Hằng năm, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	P. HC-TH	Trần Thị Đông
3.3	Tiêu chuẩn 3.3	Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác, bảo đảm về số lượng, cơ cấu ngành, nghề đáp ứng yêu cầu đào tạo của trường	P. HC-TH P. QLĐT	Trần Thị Đông
3.4	Tiêu chuẩn 3.4	Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo và thực hiện các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan	P. QLĐT Khoa chuyên môn	Huỳnh Thị Trúc Đào
3.5	Tiêu chuẩn 3.5	Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy	P. HC-TH	Trần Thị Đông
3.6	Tiêu chuẩn 3.6	Nhà giáo định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của ngành, nghề đào tạo	P. HC-TH P. QLĐT	Trần Thị Đông
3.7	Tiêu chuẩn 3.7	Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đáp ứng các tiêu chuẩn và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. Đội ngũ viên chức, người lao động đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động định kỳ được bồi dưỡng, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	P. HC-TH P. QLĐT Khoa chuyên môn	Trần Thị Đông
IV	**Tiêu chí 4: Chương trình đào tạo, giáo trình**			
4.1	Tiêu chuẩn 4.1	Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm	P. KT & ĐBCL	Nguyễn Lâm Quỳnh Như

		định chương trình đào tạo có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan		
4.2	Tiêu chuẩn 4.2	Trường ban hành đầy đủ các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo mà trường được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp	P. QLĐT	Huỳnh Thị Trúc Đào
4.3	Tiêu chuẩn 4.3	Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo và được công bố công khai	P. QLĐT	Huỳnh Thị Trúc Đào
4.4	Tiêu chuẩn 4.4	Các chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến chất lượng để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển của ngành, địa phương	P. QLĐT	Huỳnh Thị Trúc Đào
4.5	Tiêu chuẩn 4.5	Trường ban hành và áp dụng quy trình bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung giáo trình đào tạo. Quá trình xây dựng và thẩm định giáo trình đào tạo có sự tham gia của chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề đào tạo và các bên liên quan	P. QLĐT	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
4.6	Tiêu chuẩn 4.6	Trường ban hành đầy đủ giáo trình các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. Các giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo và phù hợp với phương pháp dạy học	P. QLĐT Khoa chuyên môn	Huỳnh Thị Trúc Đào
4.7	Tiêu chuẩn 4.7	Các giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự thay đổi của chương trình đào tạo	P. QLĐT Khoa chuyên môn	Huỳnh Thị Trúc Đào

V	**Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo**			
5.1	Tiêu chuẩn 5.1	Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ quản lý thiết bị, xưởng thực hành, phòng học, các phòng công năng khác đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ người học và các hoạt động khác của trường	Khoa chuyên môn	Nguyễn Thanh Vũ
5.2	Tiêu chuẩn 5.2	Quy hoạch tổng thể các khuôn viên của trường phù hợp với công năng, bền vững về môi trường. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành, đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt	P. HC-TH	Nguyễn Thanh Vũ
5.3	Tiêu chuẩn 5.3	Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu phục vụ và các hạng mục khác phục vụ sinh hoạt cho người học, nhà giáo có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù hợp với nghề, quy mô, trình độ đào tạo, bảo đảm các yêu cầu công nghệ và bảo vệ môi trường	P. HC-TH	Nguyễn Thanh Vũ
5.4	Tiêu chuẩn 5.4	Các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp được trường xác định và triển khai, bao gồm cả các nhu cầu, các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật (nếu có) và không phân biệt đối xử về giới	P. HC-TH	Nguyễn Thanh Vũ
5.5	Tiêu chuẩn 5.5	Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo và được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe, vệ sinh môi trường	Khoa chuyên môn	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
5.6	Tiêu chuẩn 5.6	Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu. Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả	P. KT-TC; Khoa chuyên môn	Hà Thị Linh Chi

5.7	Tiêu chuẩn 5.7	Trường có thư viện bao gồm phòng đọc điện tử; phòng đọc của cán bộ, nhà giáo; phòng đọc của người học; kho sách bảo đảm tiêu chuẩn thiết kế và định mức diện tích sử dụng	P. Công tác HSSV & QHDN	Trịnh Hà Minh
5.8	Tiêu chuẩn 5.8	Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp, được cập nhật, áp dụng những tiến bộ về công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và người học	P. Công tác HSSV & QHDN	Trịnh Hà Minh
VI	**Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế**			
6.1	Tiêu chuẩn 6.1	Trường ban hành quy định và thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và phục vụ cộng đồng	P. HTQT	Nguyễn Thanh Ngân Hạ
6.2	Tiêu chuẩn 6.2	Hằng năm, trường có tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên, được ứng dụng, phục vụ trực tiếp công tác đào tạo của trường và phục vụ cộng đồng	P. HTQT	Nguyễn Thanh Ngân Hạ
6.3	Tiêu chuẩn 6.3	Hằng năm, trường có các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc ấn phẩm tương đương	P. HTQT	Nguyễn Thanh Ngân Hạ
6.4	Tiêu chuẩn 6.4	Có hoạt động hợp tác với các trường hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường	P. HTQT	Nguyễn Thanh Ngân Hạ

VII	**Tiêu chí 7: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**			
7.1	Tiêu chuẩn 7.1	Các thông tin về ngành nghề, chương trình đào tạo và việc thực hiện quy chế đào tạo, thi, xét công nhận tốt nghiệp, nội quy, quy chế của Trường và các chế độ chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ và công khai	P. QLĐT	Phan Hoàng Nhân
7.2	Tiêu chuẩn 7.2	Người học được hưởng các chế độ chính sách theo quy định, đảm bảo quyền lợi cho người học, tạo điều kiện cho người học thuộc đối tượng chính sách được tiếp cận học nghề, lập nghiệp, người học được đối xử bình đẳng không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân	P. CT HSSV & QHDN	Trịnh Hà Minh
7.3	Tiêu chuẩn 7.3	Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập	P. CT HSSV & QHDN	Trịnh Hà Minh
7.4	Tiêu chuẩn 7.4	Người học được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hoá thể thao, nghiên cứu khoa học và các hoạt động xã hội khác để phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực	Đoàn Thanh Niên	Trịnh Hồng Vân
7.5	Tiêu chuẩn 7.5	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được định kỳ rà soát và cải tiến để đáp ứng nhu cầu người học và các bên liên quan	P. CT HSSV & QHDN	Trịnh Hà Minh
VIII	**Tiêu chí 8: Giám sát, đánh giá chất lượng**			
8.1	Tiêu chuẩn 8.1	Tỷ lệ tốt nghiệp của người học và tỷ lệ bỏ học được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến	P. CT HSSV & QHDN; P. QLĐT	Phan Hoàng Nhân

8.2	Tiêu chuẩn 8.2	Trường triển khai hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm cơ sở để đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của trường.	P. CT HSSV & QHDN	Vương Quốc Vinh
8.3	Tiêu chuẩn 8.3	Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo	P. KT & ĐBCL	Phan Hoàng Nhân
8.4	Tiêu chuẩn 8.4	Trường ban hành và áp dụng quy trình, công cụ khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức đào tạo, về chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường; sử dụng kết quả khảo sát để thực hiện đánh giá và cải tiến các chính sách liên quan nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo	P. KT & ĐBCL	Phan Hoàng Nhân
8.5	Tiêu chuẩn 8.5	Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng, có kế hoạch thực hiện kiểm định chất lượng trường; có kế hoạch và biện pháp để thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có)	P. KT & ĐBCL	Nguyễn Lâm Quỳnh Như
8.6	Tiêu chuẩn 8.6	Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm	P. CT HSSV & QHDN	Vương Quốc Vinh

7. Nội dung công việc, thời gian thực hiện

Thời gian	Nội dung thực hiện	Bộ phận thực hiện
Tháng 03/2026	Thành lập Hội đồng, các ban giúp việc và hoàn thiện Hội đồng tự đánh giá	Ban Giám hiệu Phòng Quản lý đào tạo
	Xây dựng kế hoạch tự đánh giá	
Từ ngày 14/3/2026 đến ngày 18/3/2026	Triển khai kế hoạch thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng trường năm 2026 cho tất cả cán bộ, giá viên, nhân viên và HSSV toàn trường.	Hội đồng tự đánh giá
Từ ngày 19/3/2026 đến ngày 15/6/2026	Các đơn vị và cá nhân phụ trách viết phần I, phần II theo sự phân công trong kế hoạch và gửi về Hội đồng tự đánh giá. Tổng hợp minh chứng theo tiêu chí, tiêu chuẩn theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị	Đơn vị, cá nhân được phân công. Phòng Quản lý đào tạo
	Các cá nhân phụ trách các tiêu chí, tiêu chuẩn thực hiện viết báo cáo theo kế hoạch phân công	Các bộ phận phụ trách
Từ ngày 16/6/2026 đến ngày 30/6/2026	Chỉnh sửa báo cáo theo sự đóng góp của Hội đồng lần 1	Phòng Quản lý đào tạo
Ngày 15/7/2026	Họp hội đồng tự đánh giá thông qua kết quả báo cáo.	Hội đồng tự đánh giá Phòng Quản lý đào tạo
Từ ngày 16/7/2026 đến ngày 18/7/2026	Tổng hợp ý kiến, chỉnh sửa hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng lần 2	Phòng Quản lý đào tạo
	In ấn, trình Hiệu trưởng phê duyệt	
	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng trong nội bộ nhà trường	
	Hoàn thiện báo cáo sau khi có sự đóng góp của các bộ phận phòng ban, các thành viên trong hội đồng lần cuối.	
Từ ngày 20/7/2026 đến ngày 25/7/2026	Báo cáo kết quả tự đánh giá gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định	Phòng Quản lý đào tạo
Chậm nhất cuối tháng 8/2026	Tổ chức đánh giá ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Ban Giám hiệu Phòng Quản lý đào tạo

8. Phân công đơn vị chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng

- Phân công Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị đầu mối điều phối các hoạt động tự đánh giá chất lượng, tổng hợp kết quả tự đánh giá và gửi báo cáo đến các cơ quan chức năng. Trong quá trình thực hiện, các thành viên tham gia viết báo cáo nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc thì phản hồi về nhà trường thông qua Phòng Quản lý đào tạo tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá nhằm tháo gỡ vướng mắc và có chỉ đạo kịp thời.

- Các bộ phận phát hành minh chứng có trách nhiệm cung cấp cho các thành viên tham gia viết báo cáo, và có trách nhiệm bảo quản và cung cấp minh chứng cho đơn vị đánh giá ngoài khi có yêu cầu. Kết quả đánh giá của các thành viên thực hiện được chuyển về thư mục tài liệu do Phòng Quản lý đào tạo phụ trách.

9. Kinh phí thực hiện tự đánh giá chất lượng

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng chất lượng giáo dục nghề nghiệp được trích từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường.

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng chất lượng giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường năm 2026, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các Phòng, Khoa, Trung tâm thuộc Trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng và yêu cầu đề ra.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng tự đánh giá chất lượng (t/h);
- Các Phòng, Khoa, Trung tâm (t/h);
- Lưu: P. HC-TH, P. QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lương Kim Anh

BẢNG MÃ MINH CHỨNG

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1.	1	1	1.1.01		Quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 30/8/2007 về việc thành lập trường TC tư thục Kinh tế - Công nghệ Việt Khoa, số 1633/QĐ-UBND ngày 26/5/2009 về việc đổi tên trường thành Trung cấp Việt Khoa, số 689/QĐ-LĐTBXH ngày 23/5/2023 cho phép thành lập trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn trên cơ sở nâng cấp trường Trung cấp Việt Khoa
2.	1	1	1.1.02		Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn
3.	1	1	1.1.03		Giấy chứng nhận Đăng ký HĐ GDNN số 53/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 10/6/2026 của Cục GDNN và GDTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo
4.	1	1	1.1.04		Văn bản về chiến lược phát triển nguồn nhân lực của trung ương và địa phương
5.	1	1	1.1.05		Các Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp, đơn vị tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận năm 2024, 2025, 2026
6.	1	1	1.1.06		https://sttc.edu.vn/su-menh-tam-nhin/
7.	1	1	1.1.07		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
8.	1	2		1.1.02	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn
9.				1.1.03	Giấy chứng nhận Đăng ký HĐ GDNN số 53/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 10/6/2026 của Cục GDNN và GDTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo
10.	1	2	1.2.01		Sơ đồ tổ chức bộ máy theo cơ cấu tổ chức
11.	1	2	1.2.02		Quyết định về việc thành lập các Phòng, Khoa, Trung tâm chức năng thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn
12.	1	3		1.1.02	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn

13.	1	3		1.2.02	Quyết định về việc thành lập các Phòng, Khoa, Trung tâm chức năng thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn
14.	1	3	1.3.01		Quyết định số 03/QĐ-STC ngày 01/5/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc thành lập Hội đồng xây dựng hệ thống BĐCL năm 2024
15.	1	3	1.3.02		Kế hoạch số 01/KH-STC ngày 06/01/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc xây dựng hệ thống BĐCL năm 2024
16.	1	3	1.3.03		Biên bản nghiệm thu hệ thống BĐCL năm 2024
17.	1	3	1.3.04		Quyết định số 11/QĐ-STC ngày 01/3/20247 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành hệ thống BĐCL năm 2024 gồm: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL
18.	1	3	1.3.05		Kế hoạch số 25/KH-STC ngày 01/11/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc đánh giá, cải tiến hệ thống BĐCL năm 2025
19.	1	3	1.3.06		Báo cáo số 11/BC-STC ngày 30/11/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn báo cáo hệ thống BĐCL năm 2024 Báo cáo số 08/BC-STC ngày 01/12/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn báo cáo hệ thống BĐCL năm 2025
20.	1	3	1.3.07		Quyết định ban hành hệ thống BĐCL năm 2025, 2026: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL
21.	1	3	1.3.08		Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026
22.	1	3	1.3.09		Các Biên bản, báo cáo kiểm tra việc thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2024, 2025, 2026
23.	1	3	1.3.10		Quyết định số 12/QĐ-STC ngày 01/3/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống thông tin BĐCL của Trường
24.	1	3	1.3.11		Quyết định số 13/QĐ-STC ngày 01/03/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về ban hành quy định về Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường
25.	1	3	1.3.12		Quyết định 14/QĐ-STC ngày 01/03/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gònvề việc phân quyền truy cập Hệ thống thông tin BĐCL theo cấp độ quản lý phục vụ việc ra QĐ quản lý, điều hành các hoạt động BĐCL
26.	1	3		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026

27.	1	4		1.3.05	Kế hoạch số 25/KH-STC ngày 01/11/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc đánh giá, cải tiến hệ thống BĐCL năm 2025
28.	1	4		1.3.06	Báo cáo số 11/BC-STC ngày 30/11/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn báo cáo hệ thống BĐCL năm 2024 Báo cáo số 08/BC-STC ngày 01/12/2025 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn báo cáo hệ thống BĐCL năm 2025
29.	1	4		1.3.04	Quyết định số 11/QĐ-STC ngày 01/3/20247 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành hệ thống BĐCL năm 2024 gồm: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL
30.	1	4		1.3.07	Quyết định ban hành hệ thống BĐCL năm 2025, 2026: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL
31.	1	4		1.3.09	Các Biên bản, báo cáo kiểm tra việc thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2024, 2025, 2026
32.	1	5	1.5.01		Quyết định số 176/QĐ-TCGDNN ngày 20/6/2023, 225/QĐ-TCGDNN ngày 10/10/2024 về việc công nhận Hội đồng quản trị Cao đẳng Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn
33.	1	5		1.1.02	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn
34.	1	5	1.5.02		Biên bản họp HĐQT/HĐT năm 2024, 2025, 2026
35.	1	5	1.5.03		Nghị quyết của HĐQT/HĐT năm 2024, 2025, 2026
36.	1	5	1.5.04		Các quyết định thành lập hội đồng giúp việc, tư vấn của nhà trường năm 2024, 2025, 2026
37.	1	5	1.5.05		Quyết định số 996/QĐ-CĐGD ngày 05/2/2008 về việc thành lập Công đoàn trường; Quyết định số 79/QĐ-CĐGD ngày 14/5/2024 về việc đổi tên Công đoàn cơ sở
38.	1	5	1.5.06		Quyết định số 80/QĐ-CĐGD ngày 14/5/2024, Quyết định 3691/QĐ-LĐLĐ ngày 14/11/2025 trường CĐ KT-DL Sài Gòn về chỉ định BCH Công đoàn trường và QĐ thành lập ban nữ công
39.	1	5	1.5.07		Quyết định số 01/24/QĐ-CĐSTC ngày 20/5/2024 về ban hành Quy chế làm việc của BCH Công đoàn cơ sở trường CĐ Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn

40.	1	5	1.5.08		Kế hoạch số 01/CĐ-STC ngày 02/5/2024 của Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc hoạt động của Công đoàn trường năm học 2024-2025, 2025-2026, 2026-2027
41.	1	5	1.5.09		Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của CĐCS và Ban nữ công trường các năm học 2024-2025, 2025-2026
42.	1	5	1.5.10		Các quyết định công nhận thành tích thi đua và khen thưởng của Công đoàn trường năm học 2024-2025, 2025-2026
43.	1	5	1.5.11		Quyết định số 94-QĐ/ĐTN-BTC.KT ngày 10/11/2023, 1262-QĐ/TĐTN-BTC.KT ngày 27/6/2025 về việc thành lập Đoàn Thanh niên trường Cao đẳng Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn
44.	1	5	1.5.12		Quyết định chuẩn y BCH Đoàn các nhiệm kỳ 2024-2027, 2025-2027
45.	1	5	1.5.13		Quy chế hoạt động của Đoàn Thanh niên các nhiệm kỳ 2024-2027, 2025-2027
46.	1	5	1.5.14		Kế hoạch công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học của Đoàn thanh niên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
47.	1	5	1.5.15		Báo cáo công tác Đoàn và phong trào Đoàn thanh niên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
48.	1	5	1.5.16		Các quyết định công nhận thành tích thi đua, cờ thi đua và khen thưởng của Đoàn Thanh niên trường trong các năm 2024, 2025, 2026
49.	1	5	1.5.17		Báo cáo tổng kết năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026; và nhiệm vụ năm học mới
50.	2	1		1.1.03	Giấy chứng nhận Đăng ký HĐ GDNN số 53/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 10/6/2026 của Cục GDNN và GDTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo
51.	2	1	2.1.01		Quyết định số 21/QĐ-STC ngày 03/7/2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng thuộc khối giáo dục nghề nghiệp của Trường
52.	2	1	2.1.02		Quyết định số 49/QĐ-STC ngày 01/11/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp Quyết định số 50/QĐ-STC ngày 02/11/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo thường xuyên
53.	2	1	2.1.03		Văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026

54.	2	1	2.1.04		Kế hoạch tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026
55.	2	1	2.1.05		Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC, năm 2023, 2024, 2025, 2026
56.	2	1	2.1.06		Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
57.	2	1	2.1.07		Bộ CTĐT năm 2023, 2024 2025, 2026
58.	2	1		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026
59.	2	2		2.1.01	Quyết định số 21/QĐ-STC ngày 03/7/2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng thuộc khối giáo dục nghề nghiệp của Trường
60.	2	2		2.1.02	Quyết định số 49/QĐ-STC ngày 01/11/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp Quyết định số 50/QĐ-STC ngày 02/11/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo thường xuyên
61.	2	2	2.2.01		Quy trình tuyển sinh
62.	2	2		2.1.04	Kế hoạch tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026
63.	2	2	2.2.02		Thông báo tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026
64.	2	2		1.1.03	Giấy chứng nhận Đăng ký HĐ GDNN số 53/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 10/6/2026 của Cục GDNN và GDTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo
65.	2	2	2.2.03		QĐ thành lập HĐTS, Ban thư ký, Ban Phúc tra HĐTS các năm 2024, 2025, 2026
66.	2	2	2.2.04		Hồ sơ đăng ký học của HS các năm 2024, 2025, 2026
67.	2	2	2.2.05		Danh sách học sinh đăng ký xét tuyển năm 2024, 2025, 2026
68.	2	2	2.2.06		Biên bản họp xét tuyển của Ban thư ký và Hội đồng tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026
69.	2	2	2.2.07		Quyết định trúng tuyển các đợt tuyển sinh (kèm danh sách) năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026

70.	2	2	2.2.08		Các quyết định thành lập lớp năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
71.	2	2	2.2.09		Quyết định phân công GVCN năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025,2025 - 2026
72.	2	2	2.2.10		Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2024, 2025
73.	2	2	2.2.11		KH, Biên bản thanh tra, kiểm tra và báo cáo công tác tuyển sinh năm 2024, 2025
74.	2	2	2.2.12		Báo cáo định kỳ hàng năm gửi cơ quan chức năng năm 2024, 2025
75.	2	3		1.1.03	Giấy chứng nhận Đăng ký HĐ GDNN số 53/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 10/6/2026 của Cục GDNN và GDTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo
76.	2	3	2.3.01		Quyết định số 22/QC-STC ngày 03/7/2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ TC, trình độ CĐ theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ
77.	2	3		2.1.02	Quyết định số 49/QĐ-STC ngày 01/11/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp Quyết định số 50/QĐ-STC ngày 02/11/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo thường xuyên
78.	2	3	2.3.02		Quyết định số 04a/QĐ-STC ngày 08/01/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn v.v Ban hành Quy chế đào tạo từ xa quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn
79.	2	3		2.1.06	Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
80.	2	3	2.3.03		Quyết định số 32/QĐ-STC ngày 15/7/2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn v.v Ban hành Quy định về hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý trong đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp
81.	2	3	2.3.04		Phiếu đăng ký xét tuyển trung cấp, cao đẳng lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp các lớp năm 2023, 2024, 2025 (Phiếu chọn hình thức đào tạo)
82.	2	3	2.3.05		Phiếu đăng ký môn học các học kỳ
83.	2	3	2.3.06		Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
84.	2	3	2.3.07		Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026

85.	2	3	2.3.08		Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
86.	2	3	2.3.09		TKB các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
87.	2	3	2.3.10		Sổ lên lớp các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
88.	2	3	2.3.11		Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
89.	2	3	2.3.12		Danh sách điểm kết thúc học phần của các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
90.	2	3	2.3.13		Quy trình quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ
91.	2	3	2.3.14		Báo cáo số 12/BC-STC ngày 31/12/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc phê duyệt, sử dụng mẫu phôi văn bằng chứng chỉ, CĐ, Trung cấp, Sơ cấp
92.	2	3	2.3.15		Sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ TC, CĐ, năm 2026
93.	2	3	2.3.16		Sổ theo dõi phôi văn bằng CĐ, TC năm 2026
94.	2	3	2.3.17		Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo của trường: ngành/nghề, trình độ, số lượng tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
95.	2	4		2.1.06	Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
96.	2	4		2.3.03	Quyết định số 32/QĐ-STC ngày 15/7/2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn v.v Ban hành Quy định về hệ thống biểu mẫu, sổ sách quản lý trong đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp
97.	2	4		2.3.04	Phiếu đăng ký xét tuyển trung cấp, cao đẳng lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp các lớp năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026 (Phiếu chọn hình thức đào tạo)
98.	2	4		2.3.05	Phiếu đăng ký môn học các học kỳ
99.	2	4		2.3.06	Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
100.	2	4		2.3.07	Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
101.	2	4		2.3.08	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026

102.	2	4		2.3.09	TKB các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
103.	2	4		2.3.10	Sổ lên lớp các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
104.	2	4		2.3.11	Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
105.	2	4		2.3.12	Danh sách điểm kết thúc học phần của các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
106.	2	5		2.1.06	Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
107.	2	5	2.5.01		Hợp đồng/biên bản ghi nhớ, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hành, thực tập với doanh nghiệp, cá nhân ký kết năm học 2023 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
108.	2	5	2.5.02		Kế hoạch thực tập các lớp khối giáo dục nghề nghiệp năm học 2024 - 2025, 2025 - 2026
109.	2	5	2.5.03		Các quyết định về việc cử giáo viên phụ trách đoàn học sinh tham gia thực tập tốt nghiệp tại cơ sở năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
110.	2	5	2.5.04		Quyết định số 33a/QĐ-STC ngày 18/7/2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn v/v ban hành Quy định thực tập tốt nghiệp đối với học sinh - sinh viên trình độ Trung cấp, Cao đẳng
111.	2	5	2.5.05		Chương trình/Đề cương thực hành, thực tập các lớp năm học học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
112.	2	5	2.5.06		Hồ sơ thực hành, thực tập các lớp năm học 2024 - 2025, 2025 -2026
113.	2	5	2.5.07		Báo cáo kết quả thực tập của sinh viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
114.	2	5	2.5.08		Quyết định công nhận tốt nghiệp các lớp năm học 2025-2026
115.	2	6	2.6.01		Hợp đồng mua phần mềm quản lý đào tạo kèm Biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý
116.	2	6	2.6.02		Phần mềm quản lý đào tạo (phiên bản web https://giangvien.stc.edu.vn; https://sinhvien.stc.edu.vn và phần mềm trên điện thoại App ONEUNI)
117.	2	6	2.6.03		Quyết định giao quản lý phần mềm đào tạo, cổng thông tin đào tạo

118.	2	6	2.6.04		Kế hoạch tập huấn xây dựng bài giảng trên hệ thống LMS, hướng dẫn sử dụng hệ thống e-learning dành cho giảng viên, hướng dẫn sử dụng hệ thống e-learning dành cho học sinh-sinh viên
119.	2	6	2.6.05		Danh sách cấp tài khoản truy cập phần mềm của cán bộ, học sinh năm 2023, 2024, 2025, 2026
120.	2	6	2.6.06		Hợp đồng thiết kế website trường
121.	2	6	2.6.07		Hợp đồng cung cấp internet
122.	2	6	2.6.08		Hợp đồng mua bán, sửa chữa, bảo trì trang thiết bị công nghệ thông tin cho hoạt động dạy và học năm 2024, 2025, 2026
123.	2	6	2.6.09		Danh mục các bài giảng - video điện tử của giáo viên có sử dụng phần mềm thiết kế bài giảng năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
124.	2	6	2.6.10		Danh mục các phần mềm mô phỏng trong của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
125.	2	7	2.7.01		Kế hoạch về việc Kiểm tra chuyên môn năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
126.	2	7	2.7.02		Hồ sơ thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm 2024, 2025, 2026 (gồm các biên bản dự giờ, biên bản kiểm tra hồ sơ sổ sách).
127.	2	7	2.7.03		Báo cáo về việc Kiểm tra chuyên môn năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 -2026
128.	2	7	2.7.04		Kế hoạch đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 -2026
129.	2	7	2.7.05		Hồ sơ điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất của báo cáo kiểm tra, giám sát năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 -2026
130.	2	7	2.7.06		Hồ sơ tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp trường năm học 2023-2024, 2024-2025
131.	2	7	2.7.07		Hồ sơ mua và lắp đặt hệ thống camera giám sát của nhà trường
132.	2	7		1.5.17	Báo cáo tổng kết năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026; và nhiệm vụ năm học mới
133.	2	7		1.1.07	Bộ hồ sơ khảo sát năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026 bao gồm Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát).
134.	2	8	2.8.01		Kế hoạch tổ chức rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường các năm 2024, 2025, 2026

135.	2	8	2.8.02		Biên bản rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường các năm 2024, 2025, 2026
136.	2	8	2.8.03		Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy định, quy chế của nhà trường các năm 2024, 2025, 2026
137.	2	8	2.8.04		Danh sách các quy định, quy chế thay đổi năm 2024, 2025, 2026
138.	2	8		2.1.01	Quyết định số 21/QĐ-STC ngày 03/7/2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng thuộc khối giáo dục nghề nghiệp của Trường
139.	2	8		2.1.02	Quyết định số 49/QĐ-STC ngày 01/11/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp Quyết định số 50/QĐ-STC ngày 02/11/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo thường xuyên
140.	2	8	2.8.05		Quyết định số 34/QĐ-STC ngày 15/8/2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn v/v ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên của Trường
141.	2	8	2.8.06		Các Quy trình đánh giá điểm rèn luyện, quy trình kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp
142.	2	8		2.1.06	Quyết định ban hành CTĐT năm 2023,2024, 2025, 2026
143.	2	8	2.8.07		Các kế hoạch tổ chức thi hết môn (kèm lịch thi) các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
144.	2	8	2.8.08		Hồ sơ tổ chức thi kết thúc học phần năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 (danh sách thi, Biên bản phòng thi, Biên bản xử lý vi phạm (nếu có), sổ giao nhận bài thi năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
145.	2	8	2.8.09		Danh sách HSSV dự thi kết thúc học phần năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
146.	2	8	2.8.10		Các Quyết định về việc thành lập Hội đồng khen thưởng, kỷ luật và đánh giá kết quả rèn luyện năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
147.	2	8	2.8.11		Biên bản xét kết quả rèn luyện của học sinh năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
148.	2	8	2.8.12		Phiếu đánh giá điểm rèn luyện của học sinh năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
149.	2	8	2.8.13		Bảng tổng hợp kết quả điểm rèn luyện của học sinh năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026

150.	2	8	2.8.14		Quyết định công nhận kết quả điểm rèn luyên các năm học năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
151.	2	8		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
152.	3	1		1.3.02	Kế hoạch xây dựng hệ thống năm 2024
153.	3	1		1.3.03	Biên bản nghiệm thu hệ thống BĐCL năm 2024
154.	3	1		1.3.04	Quyết định ban hành hệ thống BĐCL năm 2024 gồm: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL
155.	3	1		1.3.08	Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026
156.	3	1		1.3.09	Các Biên bản, báo cáo kiểm tra việc thực hiện hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2024, 2025, 2026
157.	3	1	3.1.01		Quyết định ban hành Quy định về tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Du lịch Sài Gòn
158.	3	1	3.1.02		Kế hoạch tuyển dụng nhân sự năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
159.	3	1	3.1.03		Thông báo tuyển dụng lao động năm học 2023-2024, 2024-2026, 2025-2026
160.	3	1	3.1.04		Hồ sơ tuyển dụng năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026: Phiếu dự giờ, Phiếu phỏng, thư mời nhận việc, nhận xét nhân sự thử việc của bộ phận sử dụng nhân sự, hợp đồng lao động thử việc, hợp đồng lao động chính thức, Quyết định tuyển dụng nhân sự
161.	3	1	3.1.05		Quyết định số 828/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2023 về việc công nhận chức danh Hiệu trưởng Hiệu trưởng nhà trường
162.	3	1	3.1.06		Các Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng nhà trường
163.	3	1	3.1.07		Các Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý nhà trường
164.	3	1	3.1.08		Hồ sơ bổ nhiệm nhân sự: Phiếu tín nhiệm, Biên bản họp tín nhiệm tập thể lãnh đạo trường
165.	3	1	3.1.09		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2024, 2025, 2026

166.	3	1	3.1.10		Quyết định cử cán bộ, nhà giáo đi đào tạo bồi dưỡng, tham gia học tập năm 2024, 2025, 2026
167.	3	1	3.1.11		Công văn, thư mời tham gia hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng năm 2024, 2025, 2026
168.	3	1	3.1.12		Danh sách cử cán bộ, nhân viện tham gia hội thảo, tập huấn theo thư mời năm 2024, 2025, 2026
169.	3	1	3.1.13		Kế hoạch tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên môn của nhà trường năm 2024, 2025, 2026
170.	3	1	3.1.14		Danh sách cán bộ, nhà giáo tham gia các chương trình tập huấn, hội thảo năm 2024, 2025, 2026
171.	3	1	3.1.15		Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng của cán bộ, nhà giáo năm 2024, 2025, 2026
172.	3	1	3.1.16		Báo cáo tổng kết hoạt động đào tạo, bồi dưỡng các năm 2024, 2025
173.	3	2	3.2.01		Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường
174.	3	2	3.2.02		Quyết định ban hành chế độ làm việc của nhà giáo
175.	3	2	3.2.03		Bảng tổng hợp, thống kê thu nhập, bảng lương hàng tháng của cán bộ, nhà giáo năm 2024, 2025, 2026
176.	3	2	3.2.04		Bảng tổng hợp giờ giảng nhà giáo các năm 2024, 2025, 2026
177.	3	2	3.2.05		Bảng tổng hợp chi trả tiền giảng dạy vượt giờ của nhà giáo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
178.	3	2	3.2.06		Chứng từ chi trả, hỗ trợ các chế độ, thưởng lễ, tết năm 2024, 2025, 2026
179.	3	2	3.2.07		Danh sách người lao động được xử lý chế độ thai sản, hưu trí các năm 2024, 2025, 2026
180.	3	2		3.1.09	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2024, 2025, 2026
181.	3	2		3.1.10	Quyết định cử cán bộ, nhà giáo đi đào tạo bồi dưỡng, tham gia học tập năm 2024, 2025, 2026
182.	3	2		3.1.11	Công văn, thư mời tham gia hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng năm 2024, 2025, 2026

183.	3	2		3.1.12	Danh sách cử cán bộ, nhân viện tham gia hội thảo, tập huấn theo thư mời năm 2024, 2025, 2026
184.	3	2		3.1.13	Kế hoạch tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên môn của nhà trường năm 2024, 2025, 2026
185.	3	2		3.1.14	Danh sách cán bộ, nhà giáo tham gia các chương trình tập huấn, hội thảo năm 2024, 2025, 2026
186.	3	2		3.1.15	Báo cáo kết quả các chương trình tập huấn, hội thảo của nhà trường năm 2024, 2025, 2026
187.	3	2		3.1.16	Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng của cán bộ, nhà giáo năm 2024, 2025, 2026
188.	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
189.	3	3		1.2.02	Quyết định về việc thành lập các Phòng, Khoa, Trung tâm chức năng thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn
190.	3	3	3.3.02		Hồ sơ nhà giáo, CBQL, cán bộ, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng
191.	3	3	3.3.03		Hợp đồng và hồ sơ liên kết đào tạo giáo dục quốc phòng an ninh với TT GDQP&AN trường Quân sự Bộ Tư lệnh Tp. Hồ Chí Minh
192.	3	3		2.1.06	Quyết định ban hành các CTĐT năm 2024, 2025
193.	3	3		2.3.06	Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
194.	3	3		2.3.07	Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
195.	3	3		2.3.08	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
196.	3	3		2.3.09	TKB các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
197.	3	3		2.3.10	Sổ lên lớp các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
198.	3	3		2.3.11	Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
199.	3	3		1.1.03	Giấy chứng nhận Đăng ký HĐ GDNN số 53/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 10/6/2026 của Cục GDNN và GDTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo

200.	3	3		3.2.04	Bảng tổng hợp giờ giảng nhà giáo các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
201.	3	3		3.2.05	Bảng tổng hợp chi trả tiền giảng dạy vượt giờ của nhà giáo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
202.	3	3	3.3.04		Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
203.	3	3		2.3.17	Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo của trường: ngành/nghề, trình độ, số lượng tuyển sinh năm học năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
204.	3	4		2.1.06	Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
205.	3	4		2.3.06	Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
206.	3	4		2.3.07	Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
207.	3	4		2.3.08	Kế hoạch giảng dạy của giáo viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
208.	3	4		2.3.09	TKB các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
209.	3	4		2.3.10	Sổ lên lớp các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
210.	3	4		2.3.11	Giáo án, sổ tay giáo viên các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
211.	3	4		2.7.01	Kế hoạchcủa Hiệu trưởng Trường Cao đẳng STC về việc Kiểm tra chuyên môn năm học 2024-2025, 2025-2026
212.	3	4		2.7.02	Hồ sơ thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm 2024, 2025 (gồm các biên bản dự giờ, biên bản kiểm tra hồ sơ sổ sách).
213.	3	4		2.7.07	Hồ sơ mua và lắp đặt hệ thống camera giám sát của nhà trường
214.	3	5		3.2.01	Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường
215.	3	5		3.2.02	Quyết định ban hành chế độ làm việc của nhà giáo
216.	3	5	3.5.01		Quyết định ban hành quy định chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của nhà giáo
217.	3	5		3.1.09	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2024, 2025, 2026

218.	3	5		3.1.10	Quyết định cử cán bộ, nhà giáo đi đào tạo bồi dưỡng, tham gia học tập năm 2024, 2025, 2026
219.	3	5		3.1.11	Công văn, thư mời tham gia hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng năm 2024, 2025, 2026
220.	3	5		3.1.12	Danh sách cử cán bộ, nhân viện tham gia hội thảo, tập huấn theo thư mời năm 2024, 2025, 2026
221.	3	5		3.1.13	Kế hoạch tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên môn của nhà trường năm 2024, 2025, 2026
222.	3	5		3.1.14	Danh sách cán bộ, nhà giáo tham gia các chương trình tập huấn, hội thảo năm 2024, 2025, 2026
223.	3	5		3.1.15	Báo cáo kết quả các chương trình tập huấn, hội thảo của nhà trường năm 2024, 2025, 2026
224.	3	5		3.1.16	Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng của cán bộ, nhà giáo năm 2024, 2025, 2026
225.	3	5		3.1.17	Báo cáo tổng kết hoạt động đào tạo, bồi dưỡng các năm 2024, 2025
226.	3	5		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026
227.	3	6		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
228.	3	6	3.6.01		Kế hoạch thực tập, bồi dưỡng tại DN của nhà giáo năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
229.	3	6	3.6.02		Quyết định cử cán bộ, nhà giáo đi bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
230.	3	6	3.6.03		Báo cáo kết quả thực tập bồi dưỡng của nhà giáo có xác nhận của doanh nghiệp năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
231.	3	6		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
232.	3	7		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
233.	3	7		3.3.02	Hồ sơ nhà giáo, CBQL, cán bộ, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng
234.	3	7		3.1.05	Quyết định số 828/QĐ-LĐTBXH ngày 29/6/2023 về việc công nhận chức danh Hiệu trưởng Hiệu trưởng nhà trường

235.	3	7		3.1.06	Các Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng nhà trường
236.	3	7		3.1.07	Các Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý nhà trường
237.	3	7	3.7.01		Phân công nhiệm vụ Ban Giám hiệu
238.	3	7		3.1.09	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
239.	3	7		3.1.10	Quyết định cử cán bộ, nhà giáo đi đào tạo bồi dưỡng, tham gia học tập năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
240.	3	7		3.1.11	Công văn, thư mời tham gia hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng năm 2024, 2025, 2026
241.	3	7		3.1.12	Danh sách cử cán bộ, nhân viện tham gia hội thảo, tập huấn theo thư mời năm 2024, 2025, 2026
242.	3	7		3.1.13	Kế hoạch tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên môn của nhà trường năm 2024, 2025, 2026
243.	3	7		3.1.14	Danh sách cán bộ, nhà giáo tham gia các chương trình tập huấn, hội thảo năm 2024, 2025, 2026
244.	3	7		3.1.15	Báo cáo kết quả các chương trình tập huấn, hội thảo của nhà trường năm 2024, 2025, 2026
245.	3	7		3.1.16	Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng của cán bộ, nhà giáo năm 2024, 2025, 2026
246.	3	7	3.7.02		Quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại của nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
247.	3	7	3.7.03		Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân năm năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025.
248.	3	7		1.5.17	Báo cáo tổng kết năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026; và nhiệm vụ năm học mới
249.	3	7		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
250.	4	1		2.1.05	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024 2025, 2026
251.	4	1		1.1.03	Giấy chứng nhận Đăng ký HĐ GDNN số 53/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 10/6/2026 của Cục GDNN và GDTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo

252.	4	1	4.1.01		Quy trình/quy định về xây dựng CTĐT
253.	4	1	4.1.02		Kế hoạch xây dựng, rà soát CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
254.	4	1	4.1.03		QĐ V/v thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng; Ban rà soát chỉnh sửa CTĐT; Tổ đánh giá, cải tiến, cập nhật bổ sung CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
255.	4	1	4.1.04		Các biên bản họp Ban chủ nhiệm xây dựng/Ban rà soát, chỉnh sửa CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
256.	4	1	4.1.05		Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia năm về xây dựng, chỉnh sửa CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
257.	4	1	4.1.06		QĐ v/v thành lập hội đồng thẩm định CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
258.	4	1	4.1.07		Phiếu thẩm đinh, Biên bản họp thẩm định và nghiệm thu CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
259.	4	1		2.1.06	Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024 2025, 2026
260.	4	1		2.1.07	Bộ CTĐT năm 2023, 2024 2025, 2026
261.	4	2		2.1.05	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024, 2025, 2026
262.	4	2		2.1.06	Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024 2025, 2026
263.	4	2		2.1.07	Bộ CTĐT năm 2023, 2024 2025, 2026
264.	4	2		1.1.03	Giấy chứng nhận Đăng ký HĐ GDNN số 53/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 10/6/2026 của Cục GDNN và GDTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo
265.	4	3		2.1.05	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC năm 2023, 2024 2025, 2026
266.	4	3		2.1.06	Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024 2025, 2026
267.	4	3		2.1.07	Bộ CTĐT năm 2023, 2024 2025, 2026
268.	4	3	4.3.01		Link CĐR đăng công khai trên Website của Trường
269.	4	4		2.1.06	Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024 2025, 2026

270.	4	4		2.1.07	Bộ CTĐT năm 2023, 2024 2025, 2026
271.	4	4		4.1.01	Quy trình/quy định về xây dựng CTĐT
272.	4	4		4.1.02	Kế hoạch xây dựng, rà soát CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
273.	4	4		4.1.03	QĐ V/v thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng; Ban rà soát chỉnh sửa CTĐT; Tổ đánh giá, cải tiến, cập nhật bổ sung CTĐT năm 2023, 2024 2025, 2026
274.	4	4		4.1.04	Các biên bản họp Ban chủ nhiệm xây dựng/Ban rà soát, chỉnh sửa CTĐT năm 2023, 2024 2025, 2026
275.	4	4		4.1.05	Kế hoạch tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia năm về xây dựng, chỉnh sửa CTĐT năm năm 2023, 2024 2025, 2026
276.	4	4	4.4.01		Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá CTĐT năm 2024, 2025, 2026
277.	4	4		4.1.06	QĐ v/v thành lập hội đồng thẩm định CTĐT các năm 2023, 2024 2025, 2026
278.	4	4		4.1.07	Phiếu thẩm định, Biên bản họp thẩm định và nghiệm thu CTĐT các năm 2023, 2024, 2025, 2026
279.	4	4	4.4.02		Thông tin về những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến được cập nhật năm 2023, 2024, 2025, 2026
280.	4	4	4.4.03		Quyết định ban hành Danh mục trang thiết bị và vật tư tiêu hao kèm theo CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
281.	4	4		1.1.07	Kế hoạch, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả và báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường năm 2024, 2025, 2026
282.	4	5	4.5.01		Quy trình/quy định về biên soạn cập nhật GTĐT
283.	4	5	4.5.02		Kế hoạch xây dựng , biên soạn/lựa chọn GTĐT năm 2024, 2025, 2026
284.	4	5	4.5.03		Quyết định thành lập Ban biên soạn/lựa chọn GTĐT năm 2024, 2025, 2026
285.	4	5	4.5.04		Biên bản làm việc của Ban biên soạn/lựa chọn GTĐT năm 2024, 2025, 2026
286.	4	5	4.5.05		KH tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia về GTĐT năm 2024, 2025, 2026

287.	4	5	4.5.06		Danh sách CBQL, NG, ĐVSDLĐ tham gia biên soạn GTĐT năm 2024, 2025, 2026
288.	4	5	4.5.07		Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định GTĐT năm 2024, 2025
289.	4	5	4.5.08		Các biên bản thẩm định và nghiệm thu GTĐT năm 2024, 2025
290.	4	5	4.5.09		QĐ ban hành GTĐT năm 2024, 2025
291.	4	5	4.5.10		QĐ lựa chọn 6 môn chung các trình độ CĐ, TC
292.	4	5	4.5.11		Bản in GTĐT ban hành năm 2024, 2025
293.	4	6		4.5.09	QĐ ban hành GTĐT năm 2024, 2025
294.	4	6		4.5.10	QĐ lựa chọn 6 môn chung các trình độ CĐ, TC
295.	4	6		4.5.11	Bản in GTĐT ban hành năm 2024, 2025
296.	4	6		4.5.02	Kế hoạch xây dựng, biên soạn/lựa chọn GTĐT năm 2024, 2025, 2026
297.	4	6		4.5.03	Quyết định thành lập Ban biên soạn/ lựa chọn GTĐT năm 2024, 2025, 2026
298.	4	6		4.5.04	Biên bản làm việc của Ban biên soạn/lựa chọn GTĐT năm 2024, 2025, 2026
299.	4	6		4.5.05	KH tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia về GTĐT năm 2024, 2025, 2026
300.	4	6		4.5.06	Danh sách CBQL, NG, ĐVSDLĐ tham gia biên soạn GTĐT năm 2024, 2025, 2026
301.	4	6		4.5.07	Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định GTĐT năm 2024, 2025
302.	4	6		4.5.08	Các biên bản thẩm định và nghiệm thu GTĐT năm 2024, 2025
303.	4	7		2.1.06	Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
304.	4	7		2.1.07	Bộ CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026

305.	4	7		4.4.01	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá CTĐT năm 2024, 2025, 2026
306.	4	7	4.7.01		Kế hoạch rà soát chỉnh sửa GTĐT các cấp trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2025,2026
307.	4	7	4.7.02		Biên bản rà soát chỉnh sửa GTĐT các cấp trình độ năm 2025, 2026
308.	4	7	4.7.03		Báo cáo kết quả rà soát, chỉnh sửa GTĐT 2025, 2026
309.	4	7		4.5.03	Quyết định thành lập Ban biên soạn/ lựa chọn GTĐT năm 2024, 2025, 2026
310.	4	7		4.5.04	Biên bản làm việc của Ban biên soạn/lựa chọn GTĐT năm 2024, 2025, 2026
311.	4	7		4.5.05	KH tổ chức Hội thảo, biên bản hội thảo và phiếu lấy ý kiến chuyên gia về GTĐT năm 2024, 2025, 2026
312.	4	7		4.5.07	Các quyết định thành lập Hội đồng thẩm định GTĐT năm 2024, 2025
313.	4	7		4.5.08	Các biên bản thẩm định và nghiệm thu GTĐT năm 2024, 2025
314.	4	7	4.7.04		Danh sách các giáo trình trình độ Cao đẳng, trung cấp sau khi thay đổi
315.	5	1		1.3.08	Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026 (trong đó có Quy trình quản lý xưởng/phòng thực hành, phòng học lý thuyết)
316.	5	1	5.1.01		Quyết định ban hành Quy định quản lý, sử dụng phòng học lý thuyết, thực hành và phòng máy tính của trường
317.	5	1	5.1.02		Hồ sơ hoàn công; Sơ đồ đường ống kỹ thuật; sơ đồ mặt bằng điện, cấp thoát nước các khối công trình các cơ sở của trường
318.	5	1	5.1.03		Bảng thống kê số liệu diện tích khu đất; các khối công trình toàn trường
319.	5	1	5.1.04		Sổ theo dõi danh mục trang thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành
320.	5	1	5.1.05		Báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng phòng lý thuyết, xưởng thực hành năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
321.	5	1	5.1.06		Sổ nhật ký sử dụng phòng thực hành năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
322.	5	1	5.1.07		Nhật ký theo dõi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, dụng cụ năm 2024, 2025, 2026

323.	5	1		3.3.05	Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
324.	5	1		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
325.	5	2		5.1.02	Hồ sơ hoàn công; Sơ đồ đường ống kỹ thuật; sơ đồ mặt bằng điện, cấp thoát nước các khối công trình của trường
326.	5	2		5.1.03	Bảng thống kê số liệu diện tích khu đất; các khối công trình toàn trường
327.	5	2	5.2.01		Hồ sơ quản lý công tác PCCC, phương án cứu nạn, cứu hộ năm 2024, 2025, 2026 (Quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của trường (Quyết định thành lập đội PCCC, cứu nạn, cứu hộ cơ sở; QĐ ban hành Quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở của Trường; Phương án PCCC,..)
328.	5	2	5.2.02		Kế hoạch công tác PCCC và CNCH của trường năm 2024, 2025, 2026
329.	5	2	5.2.03		Hồ sơ diễn tập và tự tổ chức thực tập phương án PCCC và CNCH
330.	5	2	5.2.04		Hồ sơ tự kiểm tra công tác PCCC năm 2024, 2025, 2026 (biên bản tự kiểm tra, báo cáo thực trạng trang thiết bị và báo cáo kết quả tự kiểm tra PCCC)
331.	5	2	5.2.05		Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Công an TP năm 2025
332.	5	2	5.2.06		Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc
333.	5	2	5.2.07		Kết quả kiểm tra điện trở tiếp đất
334.	5	2	5.2.08		Hợp đồng và hoá đơn cung cấp điện
335.	5	2	5.2.09		Hợp đồng và hóa đơn cung cấp nước
336.	5	2	5.2.10		Hồ sơ thực hiện dịch vụ vệ sinh môi trường (thu gom rác thải sinh hoạt) năm 2024, 2025, 2026
337.	5	2	5.2.11		Hợp đồng thu gom, xử lý chất thải nguy hại
338.	5	2	5.2.12		Quy chế phối hợp công tác đảm bảo an ninh, trật tự với công an địa phương tại các cơ sở

339.	5	2		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
340.	5	3		1.1.03	Giấy chứng nhận Đăng ký HĐ GDNN số 53/2026/GCNĐKHĐ-GDNNGDTX ngày 10/6/2026 của Cục GDNN và GDTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo
341.	5	3		2.1.06	Quyết định ban hành về chương trình đào tạo năm 2023, 2024, 2025, 2026
342.	5	3		5.1.02	- Hồ sơ hoàn công;Sơ đồ đường ống kỹ thuật; sơ đồ mặt bằng điện, cấp thoát nước các khối công trình các cơ sở của trường
343.	5	3		5.1.03	Bảng thống kê số liệu diện tích khu đất; các khối công trình toàn trường
344.	5	3	5.3.01		Quyết định ban hành danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu các nghề đào tạo của trường
345.	5	3	5.3.02		Bảng so sánh Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thực hành (so sánh đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu ngành nghề)
346.	5	3		2.3.06	Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
347.	5	3		2.3.07	Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
348.	5	3		2.3.09	TKB các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
349.	5	3	5.3.03		Bảng thống kê số liệu HSSV, nhà giáo các lớp
350.	5	3		3.3.05	Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
351.	5	3		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
352.	5	4	5.4.01		Quyết định ban hành chính sách bảo đảm về môi trường, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp
353.	5	4	5.4.02		Các quy định về PCCC; nội quy an toàn trong trường học; QĐ ban hành nội quy PCCC của Trường
354.	5	4		5.2.01	Hồ sơ quản lý công tác PCCC, phương án cứu nạn, cứu hộ năm 2024, 2025, 2026 (Quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác PCCC và CNCH của trường (Quyết định thành lập đội PCCC, CNCH cơ sở; QĐ ban hành Quy chế hoạt động của Đội PCCC cơ sở của Trường; Phương án PCCC,..)

355.	5	4		5.2.02	Kế hoạch công tác PCCC và CNCH của trường năm 2024, 2025, 2026
356.	5	4		5.2.03	Hồ sơ diễn tập và tự tổ chức thực tập phương án PCCC và CNCH năm 2024, 2025, 2026
357.	5	4		5.2.04	Hồ sơ tự kiểm tra công tác PCCC năm 2024, 2025, 2026 (biên bản tự kiểm tra, báo cáo thực trạng trang thiết bị và báo cáo kết quả tự kiểm tra PCCC)
358.	5	4		5.2.05	Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của Công an TP năm 2025
359.	5	4		5.2.06	Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc
360.	5	4		5.2.07	Kết quả kiểm tra điện trở tiếp đất
361.	5	4		5.2.08	Hợp đồng và hóa đơn cung cấp điện
362.	5	4		5.2.09	Hợp đồng và hóa đơn cung cấp nước
363.	5	4		5.2.10	Hồ sơ thực hiện dịch vụ vệ sinh môi trường (thu gom rác thải sinh hoạt) năm 2024, 2025, 2026
364.	5	4		5.2.12	Quy chế phối hợp công tác đảm bảo an ninh, trật tự với công an địa phương tại các cơ sở
365.	5	4	5.4.03		Hình ảnh chụp phòng y tế; hồ sơ nhân viên y tế
366.	5	4	5.4.04		Danh mục thiết bị y tế và cơ số thuốc tại trạm y tế trường học
367.	5	4	5.4.05		Sổ cấp phát thuốc từ năm 2024,2025, 2026
368.	5	4	5.4.06		Hồ sơ về việc khám sức khỏe cho HSSV năm 2024, 2025, 2026 (KH, hợp đồng, báo cáo kết quả)
369.	5	4	5.4.07		Hồ sơ về việc khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ giáo viên trường năm 2024, 2025, 2026 (KH, hợp đồng và báo cáo kết quả)
370.	5	4	5.4.08		Hình chụp cantin tập thể của trường
371.	5	4	5.4.09		Biên bản ghi nhớ về khai thác, sử dụng cantin
372.	5	4	5.4.10		Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm

373.	5	4	5.4.11		Nội quy phòng học lý thuyết, xưởng thực hành
374.	5	4	5.4.12		Hướng dẫn sử dụng trang thiết bị đào tạo
375.	5	4	5.4.13		Quy định về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực học đường trong nhà trường
376.	5	4	5.4.14		Bảng kê các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật của nhà trường năm 2024, 2025, 2026
377.	5	4		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
378.	5	5		4.4.03	Quyết định ban hành Danh mục trang thiết bị và vật tư tiêu hao kèm theo CTĐT năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
379.	5	5		2.1.06	Quyết định ban hành về CTĐT năm 2023,2024 2025, 2026
380.	5	5		1.3.08	Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026 (trong đó có Quy trình quản lý xưởng/phòng thực hành, phòng học lý thuyết)
381.	5	5		5.4.11	Nội quy phòng học lý thuyết, xưởng thực hành
382.	5	5		5.1.01	Quyết định ban hành Quy định quản lý, sử dụng phòng học lý thuyết, thực hành và phòng máy tính của trường
383.	5	5	5.5.01		Hình ảnh bố trí thiết bị, dụng cụ đào tạo, vật tư tại các phòng, xưởng thực hành.
384.	5	5	5.5.02		Lý lịch máy móc thiết bị.
385.	5	5	5.5.03		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
386.	5	5		5.1.04	Sổ theo dõi danh mục trang thiết bị đào tạo tại các phòng thực hành
387.	5	5		5.1.05	Báo cáo thực trạng sử dụng phòng, xưởng thực hành năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
388.	5	5		5.1.06	Sổ nhật ký sử dụng phòng thực hành năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
389.	5	5		5.1.07	Nhật ký theo dõi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, dụng cụ năm 2024, 2025, 2026
390.	5	5	5.5.04		Quyết định phân công cán bộ phụ trách phòng thực hành

391.	5	5	5.5.05		Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo của các khoa năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
392.	5	5		2.5.01	Hợp đồng/biên bản ghi nhớ, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hành, thực tập với doanh nghiệp, cá nhân ký kết năm học 2023 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
393.	5	5		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
394.	5	6		1.3.08	Các Quy trình BĐCL ban hành năm 2024, 2025, 2026 (trong đó có Quy trình quản lý xưởng/phòng thực hành, phòng học lý thuyết)
395.	5	6	5.6.01		Quy định về quản lý, sử dụng, cấp phát nguyên, nhiên liệu: QĐ số 17/QĐ-STC ngày 05/3/2024)
396.	5	6		5.5.01	Hình ảnh bố trí thiết bị, dụng cụ đào tạo, vật tư tại các phòng, xưởng thực hành.
397.	5	6	5.6.02		Hồ sơ xây dựng định mức tiêu hao vật tư/hoặc định mực KTKT cho các nghề đào tạo năm 2023, 2025 (bao gồm QĐ thành lập Hội đồng xây dựng và nghiệm thu; kế hoạch xây dựng, biên bản nghiệm thu và Quyết định ban hành định mức kèm định mức các ngành nghề)
398.	5	6	5.6.03		Hồ sơ mua sắm vật tư đào tạo năm 2024, 2025, 2026 (Giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị tạm ứng, giấy đề nghị mua sắm vật tư, Hợp đồng mua bán, hóa đơn, nghiệm thu thanh lý hợp đồng, biên bản giao nhận,..).
399.	5	6	5.6.04		Văn bản thể hiện giao nhận, cấp phát vật tư đào tạo năm 2024, 2025, 2026 (biên bản bàn giao, Sổ cấp phát vật tư đào tạo..)
400.	5	6		2.3.06	Kế hoạch đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
401.	5	6		2.3.07	Tiến độ đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
402.	5	6		2.3.09	TKB các lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
403.	5	6	5.6.05		Báo cáo tình hình sử dụng vật tư nguyên liệu năm/năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
404.	5	6		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
405.	5	7	5.7.01		Hình ảnh chụp thư viện
406.	5	7	5.7.02		Thống kê diện tích và trang thiết bị phòng đọc, phòng lưu trữ, kho sách.

407.	5	7	5.7.03		Hợp đồng Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm thư viện điện tử https://thuvienso.stc.edu.vn
408.	5	7	5.7.04		Hợp đồng mua phần mềm thư viện điện tử
409.	5	7	5.7.05		Danh sách tài khoản đăng nhập thư viện điện tử.
410.	5	7		3.3.05	Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
411.	5	7	5.7.06		Quyết định tuyển dụng viên chức thư viện/QĐ phân công nhiệm vụ
412.	5	7	5.7.07		Hồ sơ bằng cấp của cán bộ phụ trách thư viện.
413.	5	7	5.7.08		Kế hoạch hoạt động thư viện trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
414.	5	7	5.7.09		Báo cáo hoạt động thư viện trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
415.	5	7		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
416.	5	8		3.3.05	Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
417.	5	8	5.8.01		Danh sách thống kê giáo trình tại thư viện năm 2024, 2025, 2026
418.	5	8	5.8.02		Danh sách thống kê tài liệu tham khảo tại thư viện năm 2024, 2025, 2026
419.	5	8	5.8.03		Hình ảnh phần mềm thư viện điện tử
420.	5	8	5.8.04		Danh sách thống kê tài liệu điện tử trên thư viện điện tử năm 2024, 2025, 2026
421.	5	8	5.8.05		Quyết định ban hành Quy chế hoạt động thư viện của Trường
422.	5	8	5.8.06		Hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử.
423.	5	8	5.8.07		Thẻ mượn đọc tại thư viện
424.	5	8	5.8.08		Sổ theo dõi mượn sách tại thư viện

425.	5	8		5.7.03	Hợp đồng Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm thư viện điện tử
426.	5	8		5.7.04	Hợp đồng mua phần mềm thư viện điện tử
427.	5	8		5.7.05	Danh sách tài khoản đăng nhập thư viện điện tử.
428.	5	8		5.7.02	Thống kê diện tích và trang thiết bị phòng đọc, phòng lưu trữ, kho sách.
429.	5	8	5.8.09		Thông báo giới thiệu sách mới năm 2024, 2025 qua email (kèm danh mục sách mới bổ sung)
430.	5	8		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
431.	6	1		3.2.01	Quyết định về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường
432.	6	1		3.2.02	Quyết định ban hành chế độ làm việc của nhà giáo
433.	6	1	6.1.01		Quyết định ban hành Quy định công tác nghiên cứu khoa học
434.	6	1	6.1.02		Quyết định ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng
435.	6	1	6.1.03		Quyết định về việc hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
436.	6	1	6.1.04		Bộ chứng từ thanh toán kinh phí liên quan tới hoạt động KH&CN các năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
437.	6	1	6.1.05		Danh sách đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến cấp trường trở lên các năm các năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
438.	6	1	6.1.06		Hồ sơ tổ chức hội thi ý tưởng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên cấp trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
439.	6	1		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm 2024, 2025, 2026
440.	6	2		6.1.05	Danh sách đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến cấp trường trở lên các năm các năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
441.	6	2	6.2.01		Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026

442.	6	2	6.2.02		Thông báo đăng ký nhiệm vụ khoa học năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
443.	6	2	6.2.03		Phiếu đăng ký nhiệm vụ khoa học của các tập thể, cá nhân năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
444.	6	2	6.2.04		Danh sách tổng hợp phiếu đăng ký nhiệm vụ khoa học năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
445.	6	2	6.2.05		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
446.	6	2	6.2.06		Phiếu đánh giá xét duyệt đề tài khoa học và SKCT năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
447.	6	2	6.2.07		Biên bản họp Hội đồng thẩm định, thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
448.	6	2	6.2.08		Bản Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
449.	6	2	6.2.09		Quyết định triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
450.	6	2	6.2.10		Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
451.	6	2	6.2.11		Bản nhận xét đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
452.	6	2	6.2.12		Biên bản họp Hội đồng hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
453.	6	2	6.2.13		Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
454.	6	2	6.2.14		Quyết định công nhận kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
455.	6	2	6.2.15		Báo cáo về việc triển khai công tác nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng kết quả các đề tài đã nghiệm thu các năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026
456.	6	3	6.3.01		Danh sách bài báo đăng trên các tạp chí uy trong nước và quốc tế các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
457.	6	3	6.3.02		Bài báo hoặc đường link bài báo
458.	6	4	6.4.01		Các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản ghi nhớ, hình ảnh, tài liệu... thể hiện việc liên kết đào tạo, triển khai hợp tác năm học 2023-2024, 2024 - 2025, 2025-2026

459.	7	1	7.1.01		Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân cho HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
460.	7	1	7.1.02		Bài giảng giảng dạy tuần sinh hoạt công dân năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
461.	7	1	7.1.03		Hình ảnh bài viết về tuần sinh hoạt công dân năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
462.	7	1	7.1.04		Bài thu hoạch của học sinh năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
463.	7	1	7.1.05		Báo cáo kết quả thực hiện công tác sinh hoạt chính trị công dân của HSSV các năm học năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
464.	7	1		2.3.01	Quyết định số 22/QC-STC ngày 03/7/2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ TC, trình độ CĐ theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ
465.	7	1		2.1.02	Quyết định số 49/QĐ-STC ngày 01/11/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp Quyết định số 50/QĐ-STC ngày 02/11/2024 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo thường xuyên
466.	7	1		2.8.05	Quyết định số 34/QĐ-STC ngày 15/8/2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn v/v ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên của Trường
467.	7	1		2.8.06	Các Quy trình đánh giá điểm rèn luyện, quy trình kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp
468.	7	1		2.1.05	Quyết định về việc ban hành chuẩn đầu ra của các CTĐT trình độ CĐ, trình độ TC, Trình độ SC năm 2023, 2024, 2025, 2026
469.	7	1		2.1.06	Quyết định ban hành CTĐT năm 2023, 2024, 2025, 2026
470.	7	1	7.1.06		Hướng dẫn về thực hiện về chế độ, chính sách cho học sinh sinh viên năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
471.	7	1	7.1.07		Nội quy quy chế của Trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
472.	7	1	7.1.08		https://sttc.edu.vn/
473.	7	1		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026

474.	7	2		7.1.06	Hướng dẫn về thực hiện về chế độ, chính sách cho HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
475.	7	2	7.2.01		Danh sách HSSV hưởng chế độ chính sách theo Nghị định 238/CP năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
476.	7	2	7.2.02		Danh sách sinh viên hưởng chế độ miễn giảm học phí các ngành nghề độc hại, nặng nhọc, nguy hiểm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
477.	7	2	7.2.03		Sổ theo dõi giải quyết thủ tục, giấy tờ, xác nhận của HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
478.	7	2	7.2.04		Quyết định khen thưởng đối năm học (kèm danh sách sinh viên) năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
479.	7	2	7.2.05		Quyết định khen thưởng đối với HSSV xếp loại tốt nghiệp xuất sắc(kèm danh sách sinh viên) năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
480.	7	2	7.2.06		Quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV
481.	7	2	7.2.07		Quyết định thành lập Hội đồng khen thưởng kỷ luật HSSV
482.	7	2	7.2.08		Biên bản họp xét của Hội đồng xét học bổng HSSV (kèm danh sách) năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
483.	7	2		2.2.02	Thông báo tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh năm 2024, 2025, 2026
484.	7	2		2.8.05	Quyết định số 34/QĐ-STC ngày 15/8/2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn v/v ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên của Trường
485.	7	2	7.2.09		Bộ quy tắc ứng xử cho cán bộ, HSSV
486.	7	2		1.5.17	Báo cáo tổng kết năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026; và nhiệm vụ năm học mới
487.	7	2		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
488.	7	3		2.8.05	Quyết định số 34/QĐ-STC ngày 15/8/2023 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn v/v ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên của Trường
489.	7	3		7.2.04	Quyết định khen thưởng HSSV có thành tích cao (kèm danh sách HSSV) năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
490.	7	3		7.2.05	Quyết định khen thưởng đối với HSSV xếp loại tốt nghiệp xuất sắc (kèm danh sách HSSV) năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026

491.	7	3		2.2.08	Các quyết định thành lập lớp năm 2024, 2025, 2026
492.	7	3		2.2.09	Quyết định phân công GVCN năm 2024, 2025, 2026
493.	7	3	7.3.01		Sổ sinh hoạt giáo viên GVCN hàng tháng năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
494.	7	3	7.3.02		Kế hoạch tổ chức Đối thoại giữa nhà trường với HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
495.	7	3	7.3.03		Biên bản họp đối thoại giữa nhà trường với HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
496.	7	3	7.3.04		Hình ảnh, bài viết liên quan đến buổi sinh hoạt đối thoại của HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
497.	7	3	7.3.05		Thông tin cán bộ phòng Đào tạo và Công tác sinh viên được công khai với người học sinh sinh viên
498.	7	3		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
499.	7	4		5.1.02	Hồ sơ hoàn công; Sơ đồ đường ống kỹ thuật; sơ đồ mặt bằng điện, cấp thoát nước các khối công trình các cơ sở của trường
500.	7	4		5.1.03	Bảng thống kê số liệu diện tích khu đất; các khối công trình toàn trường
501.	7	4	7.4.01		Các kế hoạch về tổ chức hoạt động văn nghệ thể thao, NCKH các hoạt động xã hội của nhà trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
502.	7	4	7.4.02		Các bài viết, hình ảnh về sự kiện văn nghệ, thể thao, NCKH các hoạt động xã hội của HSSV nhà trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
503.	7	4	7.4.03		Quyết định khen thưởng đối với các hội thi văn nghệ thể thao, NCKH, ý tưởng khởi nghiệp của HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
504.	7	4	7.4.04		Báo cáo tổng kết hoạt động phong trào, văn nghệ, thể thao, NCKH… của nhà trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
505.	7	4	7.4.05		Hợp đồng thuê Khu thể thao tổ chức các hoạt động
506.	7	4	7.4.06		Quy chế NKCH, khởi nghiệp sáng tạo trong HSSV
507.	7	4		6.1.06	Hồ sơ tổ chức hội thi ý tưởng khởi nghiệp cho HSSV cấp trường năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026

508.	7	5		2.8.01	Kế hoạch tổ chức rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường các năm 2024, 2025, 2026
509.	7	5		2.8.02	Biên bản rà soát các văn bản, quy định, quy chế của nhà trường các năm 2024, 2025, 2026
510.	7	5		2.8.03	Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy định, quy chế của nhà trường các năm 2024, 2025, 2026
511.	7	5		5.1.02	Hồ sơ hoàn công; Sơ đồ đường ống kỹ thuật; sơ đồ mặt bằng điện, cấp thoát nước các khối công trình các cơ sở của trường
512.	7	5		5.1.03	Bảng thống kê số liệu diện tích khu đất; các khối công trình toàn trường
513.	7	5	7.5.01		Hợp đồng hợp tác thuê chỗ ở cho HSSV
514.	7	5	7.5.02		Sổ theo dõi chôc ở của HSSV
515.	7	5	7.5.03		Báo cáo hoạt động hỗ trợ chỗ ở cho HSSV
516.	7	5	7.5.04		Quyết định triển khai căn tin trường học
517.	7	5	7.5.05		Hợp đồng cán bộ nấu ăn (có chứng chỉ nấu ăn)
518.	7	5	7.5.06		Bản cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
519.	7	5	7.5.07		Bảng kiểm kê danh mục trang thiết bị căn tin các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
520.	7	5	7.5.08		Hình ảnh tủ lưu mẫu thức ăn
521.	7	5	7.5.09		Biên bản kiểm tra căn tin định kỳ năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
522.	7	5	7.5.10		Báo cáo công tác nhà ăn cangteen cho HSSV các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
523.	7	5	7.5.11		Quyết định phân công Cán bộ phụ trách y tế
524.	7	5		5.4.03	Hồ sơ của Cán bộ phụ trách y tế Nhà trường

525.	7	5		5.4.04	Danh mục các trang thiết bị của phòng y tế năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
526.	7	5		5.4.06	Kế hoạch về việc khám sức khỏe cho HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
527.	7	5		5.4.06	Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng khám sức khoẻ cho HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
528.	7	5		5.4.06	Phiếu khám sức khỏe của học sinh các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
529.	7	5		5.4.06	Báo cáo về hoạt động y tế cho HSSV năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
530.	7	5	7.5.12		Kế hoạch tư vấn việc làm cho, tổ chức ngày hội việc làm HSSVnăm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
531.	7	5	7.5.13		Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
532.	7	5	7.5.14		Bài viết, hình ảnh về hoạt động giới thiệu việc làm cho HSSV các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
533.	7	5	7.5.15		Báo cáo thực hiện công tác tư vấn việc làm cho HSSV các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
534.	7	5		1.5.17	Báo cáo tổng kết năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026; và nhiệm vụ năm học mới
535.	7	5	7.5.16		Kế hoạch thực hiện cải tiến các công tác hỗ trợ người học năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
536.	7	5	7.5.17		Báo cáo đánh giá kết quả cải tiến các hoạt động hỗ trợ người học năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
537.	7	5	7.5.13		Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
538.	8	1		1.3.04	Quyết định số 11/QĐ-STC ngày 01/3/20247 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành hệ thống BĐCL năm 2024 gồm: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL
539.	8	1		1.3.07	Quyết định ban hành hệ thống BĐCL năm 2025, 2026: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL
540.	8	1	8.1.01		Mục tiêu chất lượng năm 2024, 2025, 2026

541.	8	1		2.2.08	Các quyết định thành lập lớp năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025 - 2026
542.	8	1	8.1.02		Các quyết định cho thôi học các lớp năm học 2024-2025, 2025-2026
543.	8	1		2.5.08	Quyết định công nhận tốt nghiệp các lớp năm học 2025-2026
544.	8	1	8.1.03		Bảng tổng hợp theo dõi tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, bỏ học của các lớp, ngành nghề đào tạo năm học 2023- 2024, 2024-2025; 2025 - 2026
545.	8	1	8.1.04		Báo cáo phân tích, đánh giá về tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, bỏ học các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
546.	8	1	8.1.05		Kế hoạch cải tiến các chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
547.	8	1	8.1.06		Báo cáo kết quả cải tiến chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025
548.	8	2		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
549.	8	2		1.3.08	Các Quy trình bảo đảm chất lượng ban hành năm 2024, 2025, 2026
550.	8	2	8.2.01		Danh sách các đơn vị sử dụng lao động được khảo sát các năm 2024, 2025, 2026
551.	8	2		8.1.04	Kế hoạch cải tiến các chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
552.	8	2		8.1.05	Báo cáo kết quả cải tiến chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2023-2024, 2024-2025
553.	8	3		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
554.	8	3		1.3.04	Quyết định số 11/QĐ-STC ngày 01/3/20247 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Du lịch Sài Gòn về việc ban hành hệ thống BĐCL năm 2024 gồm: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2024-2025, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL
555.	8	3		1.3.07	Quyết định ban hành hệ thống BĐCL năm 2025, 2026: Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học, các quy trình công cụ BĐCL, sổ tay BĐCL
556.	8	3		3.3.01	Danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy, CBQL, người lao động, nhà giáo thỉnh giảng các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
557.	8	3	8.3.01		Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động được thu thập ý kiến

558.	8	3		8.1.04	Kế hoạch cải tiến các chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
559.	8	3		8.1.05	Báo cáo kết quả cải tiến chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2023-2024, 2024-2025
560.	8	4		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
561.	8	4		2.3.17	Danh sách người học và phương thức tổ chức đào tạo của trường: ngành/nghề, trình độ, số lượng tuyển sinh năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
562.	8	4	8.4.01		Danh sách người học được thu thập ý kiến năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
563.	8	4		8.1.04	Kế hoạch cải tiến các chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
564.	8	4		8.1.05	Báo cáo kết quả cải tiến chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2023-2024, 2024-2025
565.	8	5	8.5.01		Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024, 2025, 2026
566.	8	5	8.5.02		Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2024, 2025, 2026
567.	8	5	8.5.03		Biên bản họp của Hội đồng tự đánh giá cơ sở GDNN các năm 2024, 2025, 2026
568.	8	5	8.5.04		Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN các năm 2024, 2025, 2026
569.	8	5	8.5.05		Kế hoạch thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng, khắc phục điểm chưa đạt của báo cáo TĐG năm 2024, 2025
570.	8	5	8.5.06		Báo cáo thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo các năm 2024, 2025
571.	8	5		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026
572.	8	6	8.6.01		Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2026 (kèm danh sách)
573.	8	6	8.6.02		Danh sách người học tốt nghiệp được khảo sát năm 2026
574.	8	6		1.1.07	Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, bảng tổng hợp kết quả khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan năm học 2023 - 2024, 2024 - 2025, 2025 - 2026

575.	8	6		8.1.04	Kế hoạch cải tiến các chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026
576.	8	6		8.1.05	Báo cáo kết quả cải tiến chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2023-2024, 2024-2025